



NGƯỜI CỦA GIANG HỒ

Truyện ký Nguyễn Hồng Lam

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN





Đề từ về một thế giới của tội ác và sự hỗn loạn

Bạn đọc thân mến!

Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu có bạn đọc nào đó đón nhận cuốn sách này - không như mong muốn của tác giả - với một thái độ thờ ơ, thậm chí là xa lánh. Cũng phải thôi, đa phần độc giả đều là những người lương thiện - như tôi, như bạn - khó có thể bắt họ phải cảm thấy “say mê” khi mà suốt hàng trăm trang sách, những khuôn mặt hiện ra đều là biểu tượng của cái ác, sự điên rồ, liều lĩnh, những hành động được mô tả đều là tội lỗi, gắn liền với những chết chóc, thù hận và được thể hiện bằng những cuộc tranh giành, đâm chém, thanh trừng lẫn nhau một cách tàn bạo. Tuy nhiên, đó là điều không thể tránh khỏi chứ hoàn toàn không phải là mục đích của tác giả khi đặt bút viết cuốn sách này.

Loài người, trong đó có xã hội mà chúng ta đang sống, tiến dần về phía tương lai văn minh và phát triển với niềm tin “nhân chi sơ tính bản thiện” thì đồng thời loài người cũng phải oằn lưng gánh trĩu và luôn phập phù, cảnh giác với dục vọng “nhân chi sơ tính bản ác”, cố nhiên, cũng nảy sinh trong một bộ phận khác của đời sống xã hội. Cho dù chúng ta ghê sợ, xa lánh và luôn tìm cách chống lại thì cũng phải thừa nhận: cái ác luôn tồn tại, loại trừ hay chối bỏ nó hoàn toàn chỉ là một ước mơ đẹp đẽ nhưng hết sức ngây thơ. Để phấn đấu cho điều đó, không còn cách nào khác, việc đầu tiên là phải nhận diện được cái ác, hiểu về nó một cách tường tận và không ảo tưởng.

Thoạt kỳ thủy, hai tiếng “giang hồ” được dùng để định danh một lớp người phiêu bạt, lấy việc hành hiệp trượng nghĩa, giúp kẻ yếu người cô giành lại sự công bằng làm mục đích; lấy phô diễn tài năng, hơn thua cao thấp - chủ yếu về sức mạnh võ nghệ - làm niềm vui... Với ý nghĩa đó, “giang hồ” được nhìn nhận như một lối sống, một loại tính cách, đẹp và mã thượng. Tuy nhiên, cái đẹp ấy chỉ còn tồn tại trong sách kiếm hiệp đa phần là hư cấu. Theo thời gian, hai tiếng “giang hồ” đã biến chất, tha hóa hẳn. Đến nay, nó chỉ còn lại như một khái niệm về tội lỗi và cái ác, “giang hồ” được hiểu như từ định danh về một thế giới gồm toàn những kẻ sống ngoài vòng pháp luật, kết bè kết đảng và thủ lợi bằng con đường phạm pháp.

Nhưng, việc phân tích các khái niệm không phải là trách nhiệm của chúng tôi. Đó là công việc của các nhà xã hội học. Với cuốn sách này, chúng tôi chỉ muốn khắc họa lại một cách chính xác những khuôn mặt cộm cán nhất của giang hồ miền Nam trong thế kỷ XX. Để bạn đọc tiện theo dõi và nhận diện rõ nét quá trình tha hóa của thế giới giang hồ, những khuôn mặt trong sách được sắp đặt theo đúng trình tự thời gian mà họ sống. Bắt đầu từ Sơn Vương Trương Văn Thoại từ những năm 1930, “người của giang hồ” dù sao vẫn còn giữ được những nét mã thượng, mục đích giang hồ còn đôi chút hướng thượng và trọng nghĩa, ít nhiều vẫn phảng phất đôi nét Từ Hải, Robin Hood - người của tự do. Trượt dài đến “thời hai tay ba đao” của những năm 60-70, “giang hồ” đã hoàn toàn biến chất, trở thành một thế giới ngự trị đầy rẫy những cái ác, ác từ suy nghĩ đến hành động, với những Đại Cathay, Sơn Đảo, Lâm Chín ngón, Điền Khắc Kim, Năm Vĩnh v.v... Từ xuất phát điểm là bạn của dân nghèo, giang hồ đã trở thành tai họa, nỗi ám ảnh đầy đe dọa của lương dân. Yếu tố vụ lợi đã làm tha hóa toàn bộ bản chất của một lớp người. Đến những Năm Cam, Hải “bánh”... cuối thế kỷ XX thì giang hồ đích thị chỉ còn lại những bộ mặt quỷ dữ. Đó là tập hợp những tên tội phạm, những kẻ đâm thuê chém mướn. Dù vậy, giới giang hồ vẫn có những đặc trưng riêng, luật lệ riêng. Khi nói đến giang hồ là nói đến những tên tội phạm - điều đó đúng, nhưng một tên cướp giật, một tên tội phạm móc túi, trộm vặt mà gọi là giang hồ thì chắc chắn là sai.

Cho dù qua mỗi thời kỳ, giới giang hồ mang một đặc điểm hoàn toàn khác nhau thì thế giới ấy vẫn chưa bao giờ biến mất hay đứt đoạn. Sơn Đảo của thời hỗn loạn thập niên 60-70 từng gặp gỡ, bái phục và là một bản sao không hoàn chỉnh của Sơn Vương - rất ngạo thế khinh đời thập niên 1930; Năm Cam, Hải “bánh” hung thần cuối thế kỷ chỉ là một thứ “âm binh mất ma” học nghề từ những dân chơi trước giải phóng như Đại Cathay, Sơn Đảo và từng cạnh tranh với những đàn em của tên hung thần lễ phố này như Huỳnh Tỳ, Lâm Chín ngón... Theo nghĩa đó, cái ác là một khối u ác tính di căn trong đời sống xã hội.

Nếu đầy đủ hơn khi nói về thế giới giang hồ, lẽ ra cuốn sách của chúng tôi phải thêm vào tối thiểu ba nhân vật nữa, đó là “cọc rừng Sác” Lê Văn Viễn những năm 40-60; là “Vua hắc đạo” Tín Mã Nàm những năm 60-70 và Năm Cam, trùm “xã hội đen” cuối thế kỷ.

Bảy Viễn không chỉ là một giang hồ nổi tiếng, ông ta còn là một nhân vật khuấy nên một phần lịch sử, từng tham gia kháng chiến chống Pháp rồi trở mặt đầu Tây, trở thành Thiếu tướng trong quân đội Liên hiệp Pháp, được Bảo Đại giao trách nhiệm cai quản an ninh toàn bộ khu vực Sài Gòn - Gia Định. Đã có không ít cuốn sách viết về nhân vật có tính cách phức tạp và cuộc đời sôi động, đầy bi kịch này. Dưới ngòi bút của nhà văn Nguyên Hùng, Bảy Viễn đã hai lần trở thành nhân vật trung tâm và là chất liệu để tác giả dựng nên hai cuốn sách dày cộm là “Người Bình Xuyên” và “Bảy Viễn - Thủ lĩnh Bình Xuyên”. Nếu không gọi là toàn bộ thì dưới ngòi bút chi tiết của nhà văn Nguyên Hùng, chân dung Lê Văn Viễn cũng đã hiện ra quá đầy đủ. Có viết lại, tư liệu của chúng tôi cũng không thể hơn, chỉ tổ mang tiếng “múa rìu qua mắt thợ”, trong khi xào nấu lại tư liệu lại là điều mà lòng tự trọng của người cầm bút không cho phép.

Ngược lại, với Tín Mã Nàm, trở ngại mà chúng tôi vấp phải là chưa thể thu thập đủ thông tin. Tên thật là Trần Hà Tư, đẳng cấp giang hồ là một Thầu Dậu (đầu gà), nổi tiếng với biệt danh Tín Mã Nàm (con ngựa điên), nhân vật này đã làm mưa làm gió suốt hai thập niên 60-70, thống lĩnh toàn bộ giới tội phạm người Hoa khu vực Chợ Lớn. Có nhiều thông tin cho rằng

Tín Mã Nàm chính là kẻ giữ vai trò Hồng Trượng (tức cây gậy đỏ), kẻ đứng thứ hai, vai vế chỉ thua Hoàng Long (Rồng vàng), nắm toàn quyền chỉ huy an ninh trong tổ chức tội phạm Tam Hoàng Hội chi nhánh Sài Gòn - Chợ Lớn, quyền lực đen và mức độ tàn bạo của tên giang hồ này lớn hơn rất nhiều so với tầm hình dung của một người lương thiện. Thế nhưng dù đã gặp được một số người thân quen của hắn thì với đặc tính kín đáo cố hữu của người Hoa, chúng tôi vẫn không thể thu thập được gì chính xác hơn ngoài những câu chuyện truyền miệng đậm chất giai thoại, khó có thể tùy tiện gọi đó là sự thật. Vì thế, dù rất tiếc, một chân dung đầy đủ về nhân vật Tín Mã Nàm vẫn cứ là món nợ mà chúng tôi đành khất lại cùng bạn đọc.

Nhân vật thứ ba, Năm Cam, nếu xét về ảnh hưởng xấu thì thừa đủ để có thể cho vào sách. Tư liệu về y lại càng không thiếu khi đã có hàng ngàn trang báo phôi bày trong suốt 2 năm đầu của thế kỷ XXI. Thế nhưng, trong mắt chúng tôi, Năm Cam dù là một tên tội phạm sừng sỏ, dù đầy tội ác nhưng vẫn không đáng được gọi là giang hồ. Điều duy nhất mà Năm Cam làm được, hơn đứt nhiều tên tội phạm khác, là đã mua chuộc được một bộ phận thoái hóa trong bộ máy công quyền ở nhiều cấp. Với thế mạnh này, từ một tên gá bạc nhãi ranh, Năm Cam đã ngoi dần lên trên từng nấc thang của quyền lực tội ác. Thế nhưng, trước sau Năm Cam vẫn bị giới giang hồ xem như một trùm xã hội đen sừng sỏ chứ không hề là một giang hồ có số. Lý do đơn giản, trên con đường ngoi lên, Năm Cam thiếu hẳn ba tiêu chuẩn: bản lĩnh cá nhân, cách chơi đúng luật (đen) và ân uy với đàn em... Xét về cấu trúc, trong giang hồ chỉ có quan hệ đàn anh - đàn em (được phân ngôi tùy theo đẳng cấp, trình độ, bản lĩnh chứ không theo tuổi tác), tuyệt nhiên không có quan hệ chủ - tớ. Với tham vọng biến thành “vua”, Năm Cam đã biến tất cả những kẻ dưới trướng thành đầy tớ khiến chúng chỉ sợ mà phục tùng chứ không nể trọng. Vì thế, Năm Cam chỉ đáng được xem như một tên trùm tội phạm kiểu xã hội đen mà không đáng được coi là “người của giang hồ”.

Ngoài ra, còn một loạt “tên tuổi lớn” khác của giang hồ mà chúng tôi chưa có dịp đề cập, hầu hết đều xuất thân từ Trung Hoa đại lục. Họ là những người có công lớn trong tiến trình hoằng dương võ học có nguồn gốc Thiếu Lâm vào Việt Nam. Đó là Lương Vũ Tể, tức Nguyên Tể Công Đại sư, ông tổ của Vịnh Xuân quyền Việt Nam; là Trương Tông Phú, hậu duệ đích tôn 16 đời của Thái cực Võ Đang Trương Tam Phong, Chưởng môn phái Võ Đang tại Chợ Lớn; là Đoàn Tâm ảnh vốn là một áp tiêu lừng danh trên đoạn đường từ núi Côn Luân (Trung Quốc) đến Hồng Kông, sau qua Việt Nam “phong kiếm qui ẩn” trở thành Đại lão võ sư Đoàn Tâm ảnh, Chưởng môn phái Thiếu Lâm Côn Luân (Thủ Đức); là Hạng Văn Giai, nguyên là thiếu tướng, Quân đoàn phó Quân đoàn Vân Nam ly khai của Quốc dân Đảng sau biến cố 1.10.1949, theo nhiều người trước ông từng là Biệt đội trưởng Biệt đội ám sát của Tưởng Giới Thạch, một trong những “tác giả kịch bản” của vụ ám sát Uông Tinh Vệ tại Hà Nội nổi tiếng thập niên 1930...

Cuộc đời họ đầy sóng gió và bi kịch hẳn sẽ có sức hấp dẫn lớn đối với bạn đọc. Song, ghép chung chân dung họ với chân dung những tên “giang hồ tội phạm” tầm thường e là điều bất nhã và bất kính. Chúng tôi đành phải gác lại và hẹn bạn đọc ở một cuốn sách khác viết riêng về họ, cuốn Giang hồ võ lâm Việt Nam mà chúng tôi đang thai nghén.

Theo nhận xét của chúng tôi, từ trước đến nay đã có không ít tác giả viết về giang hồ. Nhưng, do mục đích tiếp cận khác nhau nên các tác giả này đều chưa phản ánh đúng chân dung, bản chất và số phận của những kẻ được coi là “người của giang hồ” mà họ đề cập. Trước năm 1975 đã có hàng loạt nhà văn, đứng đầu là nhà văn nổi tiếng Duyên Anh đã cho ra đời hàng loạt cuốn tiểu thuyết thuộc loại “sách xúi con nít đập lộn”. Nhân vật chính của những cuốn sách này thường là những tên bụi đời, du đãng cộm cán sống ngoài lề phố và bất chấp luật lệ. Vì mục đích “vị nghệ thuật”, các nhà văn thế hệ này đã đẩy khoảng cách tâm lý đi quá xa, huyền thoại hóa các nhân vật giang hồ, xem tội lỗi, các trận thư hùng của chúng như những chiến tích. Chịu ảnh hưởng của văn học Phương Tây, kiểu Robin Hood của

A. Dumas hay “Thân phận con người” của A. Malraux, những tác giả này đã quá say sưa đề cao chất anh hùng cá nhân của những tên du đảng mà quên mất bản chất đích thực, chúng đích thị là những tên tội phạm. Trong số đó, cuốn Điều ru nước mắt của Duyên Anh tiêu biểu hơn cả, nhất là khi nó được chuyển thể thành phim Vết thù trên lưng ngựa hoang với bản nhạc nền cùng tên nổi tiếng một thời.

Sau Duyên Anh, một loạt ký giả miền Nam trước giải phóng vẫn mang nặng khuynh hướng huyền thoại hóa, tuy khai thác người thật, việc thật của một lớp giang hồ như Đại Cathay, Lâm Chín ngón, Sơn Đảo... song chủ yếu cũng chỉ khai thác kịch tính của những phi vụ, đẩy các hành động tội phạm của chúng thành một hình thức đối lập, biến những tên tội phạm thành lớp “dân chơi” và “đánh số” chúng theo chuẩn giang hồ chứ không theo những nấc thang đạo đức của xã hội. Chính chủ nghĩa hiện sinh giai đoạn thoái trào du nhập vào miền Nam, chính sự hỗn loạn của xã hội tiêu thụ sống gấp và chết gấp và ý thức phản kháng thời loạn đã tạo nên khuynh hướng này. Bản chất giang hồ có bị (hay được) hiểu sai thì cũng không có gì khó hiểu khi chính các ký giả - tác giả với nhân vật giang hồ của họ đều là bạn bè, quen biết nhau và học đòi nhau. Giữa người nghệ sĩ bế tắc và tên “dân chơi” đập phá ít nhiều cũng có một điểm chung, đó là ý thức bứt phá khỏi các ràng buộc, các định chế của một thứ luật pháp mà họ không tôn trọng; hoặc đơn giản hơn, một ham muốn tự định vị mình. Bằng cách đó, giang hồ được vẽ nên như một thế giới hỗn loạn trong một xã hội hỗn loạn của một thời đại cũng hỗn loạn nốt.

Sau năm 1975, suốt một thời gian dài, đề tài giang hồ, du đảng... hầu như bị quên lãng hoàn toàn trong văn chương, sách vở. May ra, độc giả chỉ còn biết đến các nhân vật của thế giới này trong những bài báo - một thể loại mà tự thân nó, khoảng cách tâm lý đã bị kéo lại quá gần, gần đến mức thiện cận. Nhân vật giang hồ được đề cập hầu như chỉ còn trong phạm vi những thông tin sơ khai của phép cân đối giữa tội lỗi và hình phạt. Không số phận, không tính cách, không được đặt trong phức hợp những bi kịch của cuộc sống, nhân vật giang hồ bị đánh đồng triệt để với hình ảnh tội

phạm mà không ai thắc mắc gì đến điểm đặc thù của nó. Thậm chí đã có khi, trên mặt báo, người ta còn né tránh gọi tên những từ định tính như giang hồ, mafia, vì e ngại cách gọi đó sẽ... bôi đen xã hội.

Nói tóm lại, vì nhiều lý do khác nhau vẫn còn thiếu hẳn một cái nhìn đầy đủ, khách quan về một thế giới, một tập hợp người đã hiển nhiên tồn tại trong đời sống, nhất là đời sống ở các đô thị lớn. Vậy thì giang hồ là gì?

Lại một lần nữa, chúng tôi vẫn không muốn “lấn sân” phần việc của các nhà xã hội học. Chỉ xin trả lời vắn tắt: giang hồ là một loại tội phạm có tổ chức, chủ yếu hình thành qua việc xác định “lãnh địa” riêng để hoạt động tội phạm - một hình thức sơ khai của kiểu tội phạm mafia. Nôm na, tất cả mọi người sinh ra đều muốn vượt lên trên chính bản thân mình, luôn khao khát định vị mình trong cuộc đời. Nếu được giáo dục, học hành đầy đủ ở trường học, người ta sẽ trở thành những nhà chuyên môn có ích. Ngược lại, nếu “tốt nghiệp” trường đời, nhiều khả năng người ta sẽ hóa... giang hồ. Như vậy, giang hồ là một thứ “tay nghề cao”, những “nhà chuyên môn” của xã hội lề phố, đời sống lề phố. Nhìn ở một góc độ khác, khát vọng sống, mơ ước vươn lên là những phẩm chất hình thành nên khuynh hướng dẫn thân trong mỗi cá nhân. Năng lực hành vi càng lớn, khát vọng dẫn thân càng lớn. Đây là một thứ năng lực nội tại, chỉ tăng hay giảm chứ không lệ thuộc hoàn toàn vào tri thức được giáo dục. Khi khát vọng dẫn thân tích trữ đủ lượng và bùng nổ thì mẫu người anh hùng cá nhân xuất hiện. Nếu được định hướng đúng, hướng thượng và hướng thiện, đủ chất tri thức, con người anh hùng cá nhân sẽ thăng hoa, thời loạn có thể trở thành nhà cách mạng, thời bình có thể trở thành khoa học gia, nghệ sĩ v.v... Dù không được, không muốn hay không có điều kiện học hành thì trong những cuộc đời tận đáy xã hội, máu anh hùng cá nhân vẫn cứ tồn tại. Được gắn với mục đích lệch lạc, tham vọng ngoi lên lệch lạc, tất yếu nó sẽ biến con người thành một thứ hư vô chủ nghĩa, thiên hẳn về đập phá, chà đạp lên các giá trị chuẩn mực về đạo đức, tinh thần và tác oai tác quái đối với đời sống xã hội. Ở mức độ nhẹ hay phạm vi ảnh hưởng hẹp, con người của chủ nghĩa hư vô sẽ biến thành tầng lớp giang hồ, tìm cách thủ lợi bằng các hành vi chống lại

luật pháp. Nếu gặp thời loạn, được hà hơi tiếp sức bằng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, bằng đức tin tôn giáo cực đoan, tất yếu chúng sẽ liên kết với nhau để trở thành những tập đoàn giang hồ quốc tế - cha đẻ của chủ nghĩa khủng bố, một vấn nạn đầy đe dọa nguy hiểm mang tính toàn cầu trong thế kỷ XXI.

Cần nói rõ như thế để thấy rằng, giang hồ là một tập hợp tội phạm nguy hiểm, có tổ chức chứ không phải hỗn hợp những hành động tội phạm manh động. Do đó, để tiêu diệt nó, không đơn giản chỉ là việc “chặt ngọn” với hình phạt thật nặng cho những kẻ phạm tội. Ngược lại, cần quan tâm giải quyết vấn nạn giang hồ ngay từ gốc, không để mầm mống tội phạm có điều kiện sinh sôi nảy nở rồi sau đó mới áp dụng hình phạt.

Cốt lõi hình thành, nuôi sống đội ngũ giang hồ, theo chúng tôi, là hai vấn đề có quan hệ hữu cơ: nạn cho vay lãi nặng và việc phân chia lãnh địa để hoạt động phạm tội. Con người, cho dù là người nghèo thì cũng không tránh khỏi những lúc phải đối diện với những biến cố như thiên tai, đau ốm, ma chay... nghĩa là ngay tức thời cần phải có một khoản tiền lớn để giải quyết. Đối với người dân lao động nghèo, đó là một vấn nạn. Tiền mặt: không có, nhà cửa vật dụng thế chấp để vay ngân hàng: không có, tín chấp: không thể. Đó chính là cơ hội tốt để các giác hút kinh khủng của đám cho vay lãi nặng thò ra. Bao nhiêu tiền cũng có, tất nhiên là với lãi suất cắt cổ. Lãi mẹ đẻ lãi con, những vòi bạch tuộc sẽ hút kiệt tất cả những gì người nghèo tích góp và trói đời họ trong công nợ. Không trả ư: đã có “luật giang hồ”! Nguồn lợi nhuận này là những con số khổng lồ, đủ để nuôi sống cái gọi là giới giang hồ. Nó lớn đến mức việc tranh giành lãnh địa nhằm bảo kê, cho vay lãi nặng thường biến thành những cuộc “chiến tranh lề phố”. Dĩ nhiên, để chuẩn bị cho điều đó thì tất yếu, các băng đảng tội phạm phải hình thành. Đó là lý do vì sao, giới giang hồ quần tụ nhiều ở các khu vực bến cảng, bến tàu xe, các khu chợ đầu mối ở các đô thị lớn - những nơi tập trung đông đúc tầng lớp vô sản, dân lao động nghèo, làm thuê là nghề nghiệp chính. Đó cũng là lý do vì sao trong cuốn sách này xuất hiện thêm hai nhân vật Lý Long Thân (Đường đời trong lòng tay) và Lâm Huê Hồ

(Huyền thoại về một gánh ve chai). Cả hai nhân vật này đều không đụng tay đến “dao thớt”, song với nghề cho vay nặng lãi, họ đích thị là những “ông trùm” của giới giang hồ. Đặc biệt là nhân vật Lý Long Thân, toàn bộ quá trình kinh doanh, làm giàu và ngoi lên đều quan hệ mật thiết với hoạt động của các băng đảng tội phạm thuộc giới giang hồ, theo một cách thức sặc mùi giang hồ.

Cuối cùng, để triệt để giải quyết vấn nạn giang hồ, chúng tôi nghĩ ngoài việc nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường giáo dục... và nhiều mặt khác, cũng rất cần có một quỹ tín dụng cho người nghèo. Khi lâm vào bí bách, người nghèo - với sự xác nhận của chính quyền địa phương - có thể được vay một khoản nào đó, đủ để trang trải khó khăn đang vấp phải. Hãy tự tin rằng, người nghèo, dù nghèo thì vẫn không thiếu lòng tự trọng, đã vay ắt sẽ trả. Trong trường hợp xấu nhất, nhà nước có thể mất đi 10, 20, 100 triệu, thậm chí một tỉ đồng, nhưng chắc chắn xã hội sẽ bớt đi những danh sách tội phạm dài dằng dặc, khi mà vòi bạch tuộc hút máu dân nghèo của giới giang hồ đã mất chỗ bám. Lúc đó, đời sống của lương dân cũng sẽ bớt phập phù trước những đe dọa, khống chế của bọn tội phạm. Ít nhất, chúng ta sẽ bớt đi được một phiên tòa như phiên tòa Năm Cam và đồng bọn với hơn 150 bị cáo mà một phần ba trong số đó là những tên giang hồ chuyên cho vay lãi nặng.

Toàn bộ gốc và ngọn của vấn đề, những huyền thoại và bi kịch số phận của “người trong giang hồ” chúng tôi muốn thể hiện qua cuốn sách này thông qua một số chân dung giang hồ cộm cán nhất, những kẻ đã từng được nhiều người biết đến với không ít giai thoại nửa thực nửa hư. Với tiêu chí đó, mục đích văn chương bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Hay hay dở, thích hay không còn tùy vào cách thẩm định của người đọc. Chúng tôi chỉ hy vọng, với những ai quan tâm đến vấn đề giang hồ, cuốn sách sẽ là một nguồn tư liệu ban đầu, một cái nhìn khách quan và gần gũi sự thật để bạn đọc có thể tham khảo.

Hầu hết nội dung chính của cuốn sách này đều đã được đăng tải trên mục “Tư liệu nhiều kỳ” của Báo An ninh thế giới. Vào sách, tác giả chỉ dựng

công bố sung tư liệu và thể hiện lại nó dưới dạng truyện để bạn đọc dễ theo dõi chứ tuyệt đối không có ý định trau chuốt văn chương. Vì thế, nếu những câu chuyện này có thể hấp dẫn được bạn đọc thì đó là do sự hấp dẫn được tạo bởi tự thân những bi kịch số phận của các nhân vật chứ không hề do tác giả cố ý sắp đặt hay dụ dẫn. Toàn bộ tư liệu được trình bày là kết quả thu gom, chặt lọc, kiểm chứng mà chúng tôi tiến hành trong khoảng 10 năm. Những gì thể hiện trong trang sách cũng chính là những gì đã diễn ra trong đời thực. Phần việc duy nhất mà chúng tôi làm là xếp đặt lại cho câu chuyện diễn ra đúng theo trình tự vốn dĩ nó có.

Dù không muốn, tác giả cũng tự biết khiếm khuyết là điều khó tránh.

Mong nhận được sự góp ý của độc giả.

Thành phố Hồ Chí Minh
tháng Mạnh Đông, năm Quý Mùi 2003
Nguyễn Hồng Lam

Quái kiệt Sơn Vương

Với 34 năm ngồi tù, trong đó có 32 năm khổ sai ở Côn Đảo, có lẽ Sơn Vương Trương Văn Thoại là người phải thụ án lâu nhất Việt Nam. Không chỉ có thế, ông còn là một nhà văn được hâm mộ, một tên cướp khét tiếng trượng nghĩa và hào hoa. Cách mạng tháng Tám thành công, ông trở thành Chủ tịch ủy ban hành chính Côn Đảo. Nhưng do những tham vọng phiêu lưu, ông tự biến mình thành lãnh chúa của cái gọi là “Đảo quốc Côn Lôn” để sau đó lại tiếp tục sống hàng chục năm sau song sắt, cho đến tận ngày sức tàn lực kiệt. Có thể nói, cuộc đời Sơn Vương là một lăng kính phản ánh khá trung thực và đậm nét về khí phách cang cường trọng nghĩa, yêu tự do, ý chí quật cường hào sảng của người nông dân Nam Bộ. Quan trọng hơn hết, ông là một nhân chứng sống của nhà tù Côn Đảo suốt hai thời Pháp thuộc và Mỹ - ngụy.

1 || Kiếp phong sương ăn quán ngủ đình

Trước khi đổ ra cửa Tiểu, dòng chảy của sông Soài Rạp đột nhiên trở nên mạnh mẽ lạ thường. Từ nhiều đời, người dân làng Bình Nhị (Gò Công) vẫn tự hào bảo nhau: chính dư ba của trận Rạch Gầm - Soài Mút đại phá giặc Xiêm đã tiếp sức cho dòng sông tuôn ra biển lớn. Những câu chuyện truyền miệng hào hùng ấy đã hun đúc thêm cho những người nông dân xứ này một khí phách kiên cường, trượng nghĩa và trọng lễ công bằng.

Ở trong làng, điền chủ Trương Đình Cung Anh là một người danh giá, được trọng vọng. Tuy giàu và có học thức nhưng lòng ông vẫn luôn hướng về phía những người nông dân khốn khổ, luôn sẵn sàng giúp đỡ người nghèo và bệnh vực kẻ yếu. Khi đã lớn tuổi, ông làm thêm nghề bốc thuốc Nam giúp dân chúng quanh vùng.

Năm 1909, người con trai thứ năm của vị điền chủ hào hiệp này chào đời. Lần đầu tiên nhìn thấy mặt con, điền chủ Trương Đình Cung Anh đã đứng lặng hồi lâu. Trán rộng, nhân trung sâu, mắt sâu, mũi khoằm, dáng dong dỏng, đứa bé mang tướng mạo một Kim Thánh Thán, hẳn sau này sẽ chọc trời khuấy nước nhưng có lẽ suốt đời lận đận. Ông đặt tên cho con là Trương Văn Thoại.

Ngày thôi nôi, trước vô số đồ chơi được bày trước mặt, cậu bé đã vồ lấy và nắm rất chắc hai tay hai món: một quả bút, một thanh gươm. Nét mặt vị điền chủ rạng lên nhưng ông vẫn không ngăn nổi một thoáng rung mình lo lắng.

Đến tuổi cắp sách, Thoại tỏ ra thông minh, sức học hơn hẳn bạn bè cùng lớp. Nhưng, chỉ học hết chương trình Cours Supérieur (lớp Nhất tiểu học, khoảng lớp 5 hiện nay) đủ vốn tiếng Pháp để đọc sách Tây, cậu bé đã bỏ ngang, chuyển sang luyện võ và học thêm chữ Hán.

Thời gian còn lại, Trương Văn Thoại vùi đầu vào sách, đọc toàn kiếm hiệp Tàu và tiểu thuyết Tây viết về những tên cướp nghĩa hiệp, từ Robin Hood của A. Dumas đến Carmen của Merimée. Đặc biệt, Trương Văn Thoại cực kỳ say mê những cuốn sách của nhà văn bình dân Phú Đức với nhân vật Bách-xi-ma lái... “Khúc Dời” phóng như bay đuổi theo Hoàng Ngọc ẩn đang cười trên... “Điều Xì Gà”. Những nhân vật nổi loạn trong sách vở và truyền thống hào sảng, bất khuất của quê hương đã thấp dần lên trong lòng cậu bé một ước mơ cháy bỏng về lẽ công bằng và con đường giúp dân bớt bị bóc lột, hà hiếp. Nhưng giữa khi nước mất, ách đô hộ của thực dân Pháp đè nặng, Thoại chưa đủ sức nhìn thấy con đường sáng, chỉ ngọn lửa tang bồng hồ thi trong lòng là ngày một cháy rực lên.

• • •

Cuối năm 1925, mới hơn 16 tuổi, Trương Văn Thoại đã quyết chí bỏ làng lao theo tiếng gọi giang hồ. Anh thanh niên giàu nghĩa khí đã bỏ ra 6 năm trời lăn lộn khắp các ngọn núi Thị Vải, núi ông Trịnh, núi Mây Tào vùng Long Hải, Bà Rịa theo một đại lão sư mai danh ẩn tích học võ và học đạo. Năm 1931, vị Đại lão sư viên tịch, Thoại hạ sơn về Sài Gòn, sống lẫn lóc cùng giới thợ thuyền khổn khổ. Anh ở trọ trên căn gác gỗ rộng chừng 20m2 của tiệm may Nam Chấn Hưng ở số 2 đường Lefebvre (nay là đường Hồ Tùng Mậu, quận 1). Ông Tư Chiêu, chủ tiệm Nam Chấn Hưng vốn là bạn bè của ông Trương Đình Cung Anh, cha Thoại. Ngoài sách vở, tài sản của Thoại chỉ có thêm một chiếc bao kiểu lính thủy bằng vải kaki. Ban ngày, trải bao bên lề đường, Thoại hành nghề bán sách. Đêm, chắp thêm hai đoạn dây, bao kaki trở thành chiếc võng núp cho kẻ giang hồ chợp mắt qua đêm.

Những năm đầu thập kỷ 30, lề đường De la Some (Hàm Nghi) được coi là nơi tập trung của đủ hạng người. Trên những tấm đệm bàng 7 tấc, một dãy thầy bói sắp hàng, kính râm che mắt, bộ bài cáu bắn xếp ngay ngắn trước mặt. Bên cạnh đám thầy bói là các văn nhân, chủ báo, cũng bày “sản phẩm” của mình trên những vuông chiếu trải cạnh lề đường. Trong số những người bán báo đó, Trương Văn Thoại đặc biệt chú ý đến một người: Ông Nguyễn An Ninh, chủ bút tờ La Cloche Fêlée (Tiếng chuông rền) kiêm thủ lĩnh đảng Thanh niên cao vọng, hơn Thoại chẵn 10 tuổi. Cảm phục ý chí và sự nghiệp của Nguyễn An Ninh, Trương Văn Thoại đã dần dần bước vào nghiệp cầm bút, trở thành một cộng sự đắc lực của tờ La Cloche Fêlée và nhà cách mạng Nguyễn An Ninh. Theo chữ Hán, chữ “Thoại” được ghép bởi ba chữ Sơn, Vương và Nhi. Bút danh Sơn Vương được Thoại khai sinh từ đó. Ngoài ra, Thoại còn ký tên khác là Trương Vạn Năng, tự bộc lộ ý chí và tham vọng của mình.

Chẳng bao lâu, tên tuổi Sơn Vương đã khá nổi trong nghề cầm bút. Những bài báo của ông thổi vào công luận một dư âm lạ, đầy màu sắc bình dân và nổi cảm thông sâu sắc tầng lớp bần cùng.

Khoảng những năm 1932-1933, Sơn Vương Trương Văn Thoại - mới 23 tuổi - đã danh nổi như cồn ở khắp Sài Gòn - Chợ Lớn và vùng lục tỉnh, chủ yếu nhờ những tác phẩm trung thiên tiểu thuyết đăng tải trên báo. Có thể xem Sơn Vương như một người tiên phong có công trong việc cách tân nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Vẫn là tiểu thuyết võ hiệp kỳ tình, song tác phẩm của Sơn Vương đã có sự thay đổi tiến bộ lớn lao về mặt hình thức. Nhân vật tướng cướp nghĩa hiệp cướp của nhà giàu chia cho dân nghèo của Sơn Vương đã đoạn tuyệt hẳn với thanh gươm lưng ngựa, thay vào đó là các trang công tử lái xe hơi như bay, bắn súng lục bằng cả hai tay và ném tạc đạn ùng oàng. Đáng kể nhất là ba cuốn: Luật rừng xanh, Chén cơm lạt, và Tướng cướp hào hoa.

Rất đông nhà văn, nhà báo thế hệ sau đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của Sơn Vương, cả về khí phách chống cường quyền, áp bức, ủng hộ dân nghèo lẫn lối hành văn bình dân trong sáng và giản dị. Nhưng ít ai biết rằng, tất cả những nhân vật tướng cướp nghĩa hiệp ấy đều chính là hiện thân của tác giả Sơn Vương. Thay vì tìm tư liệu để viết, Sơn Vương đã tự... tạo ra tư liệu. Trong hơn hai năm, từ 1931-1933, Sơn Vương đã đơn thương độc mã, gây ra hàng chục vụ cướp kinh thiên động địa nhằm vào các phú hộ, địa chủ gian ác khắp các vùng từ Đồng Nai đến Sài Gòn, Long An nhưng tung tích vẫn không hề bị lộ. Người ta chỉ thầm ngưỡng mộ một Sơn Vương - nhà văn - cao gầy dong dỏng nói năng nhỏ nhẹ, thường ngồi trọn buổi sáng bên lề đường với một bộ xá xấu bằng lụa Tân Châu để bán sách của chính mình.

• • •

Giữa năm 1933, Sơn Vương dời địa điểm bán sách sang lề đường Charner (Nguyễn Huệ). Tại đó, ông gặp gỡ và kết nghĩa huynh đệ với một thanh niên tên là Nguyễn Phương Thảo, người sau này nổi danh với cái tên Trung tướng độc nhãn Nguyễn Bình - Tư lệnh các lực lượng quân sự Nam Bộ những năm đầu cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp (1945-1954).

Nguyễn Phương Thảo thua Sơn Vương 6 tuổi, quê ở Yên Phú, Hưng Yên. 17 tuổi, Thảo bỏ dở năm thứ hai trung học xuống Hải Phòng, đáp tàu Pélican của hãng Messagering để “hành phương Nam” lập nghiệp. Vốn khâm phục chất hảo hớn của người Nam Bộ, Thảo đã nhanh chóng làm quen và mê sách của Sơn Vương. Được một người thợ cùng chỗ trọ giới thiệu, anh đã nhanh chóng tìm được tác giả các cuốn truyện yêu thích. Sơn Vương cũng tỏ ra cảm kích trước ý chí giang hồ của người bạn nhỏ tuổi, đồng thời cũng muốn làm quen với một tính cách Bắc nguyên gốc nên tiếp Thảo khá nhiệt tình. Gặp Thảo, Sơn Vương khen:

– Người phương Bắc mến mộ trời Nam, hai mươi năm sau tất có thêm một tay hảo hớn.

Luôn miệng tấm tắc “kỳ ngộ! kỳ ngộ!”, Sơn Vương bỏ dở buổi bán sách kéo Nguyễn Phương Thảo sang một quán Chệt (quán ăn Tàu) ở đường Colonel Grimaud (Phạm Ngũ Lão) để đãi một chén hủ tiếu xí quách. Đó là lần đầu tiên trong đời, anh thanh niên Nguyễn Phương Thảo biết đến vị cay của rượu. Nhưng Thảo chỉ uống ba ly con, phần còn lại một mình Sơn Vương từ từ nốc cạn.

Mới vào Nam, việc làm chưa có, Nguyễn Phương Thảo ngỏ ý nhờ Sơn Vương tìm giúp. Sau một hồi suy tính, Sơn Vương khuyên người bạn vong niên sang Đa Kao mở tiệm giặt là phục vụ cho đám công chức, thầy thông, thầy ký. Để có vốn cho Thảo mở tiệm, Sơn Vương quyết định đi... cướp, làm một vụ thật đậm...

Để xác định con mồi, Sơn Vương đã ôm chiếc bao lính thủy ra góc đường De la Some, chỗ đối diện Nhà băng Đông Dương ngồi bán sách suốt nhiều buổi. Cuối cùng thì một con mồi lớn cũng đã lọt vào tầm ngắm của Sơn Vương. Cứ vào sáng thứ Sáu của tuần đầu tiên mỗi tháng, René Gaillard, Giám đốc hãng cao su Mimot lại cùng một tài xế và một vệ sĩ phóng chiếc Peugeot đến Ngân hàng Đông Dương để lĩnh bạc về phát lương cho công nhân, số tiền mỗi kỳ lên đến 50.000 đồng. Theo tính toán, Sơn Vương quyết định sẽ chặn xe cướp vali tiền khi tên Giám đốc quay trở

về. Ông quyết định rủ Nguyễn Phương Thảo đi theo để biểu diễn cho xem, nhưng lại tuyệt đối lại không nói một câu với “cậu bé” về kế hoạch đã định.

Đầu tháng 7 năm 1933, vụ cướp đã diễn ra đúng như kế hoạch. Sơn Vương “dụ dỗ” được Năm Đường, tài xế của một chủ Tây tham gia vào cuộc. Lợi dụng ông chủ và vợ con về Pháp nghỉ phép, Năm Đường đã “mượn” chiếc Clément Bayard của chủ và thay biển số theo Sơn Vương đi cướp. Xe chở Sơn Vương, Năm Đường và Nguyễn Phương Thảo chạy thẳng theo con đường đất đỏ dẫn về Tân Sơn Nhất (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám). Đến một chiếc cầu nhỏ ở Bà Quẹo, Năm Đường cho xe quay lại, dừng ngay trên cầu, vờ hư xe lúi húi sửa.

15 phút sau, chiếc Peugeot của René Gaillard đã xuất hiện từ xa, cuốn bụi đỏ bay theo mù trời. Đến nơi, thấy cầu bị kẹt, Gaillard tức tối nhảy xuống la hét om sòm. Sơn Vương đầu đội nón nỉ, mang bộ complet trắng, nhàn nhã như một công tử Bạc Liêu ôn tồn tiến lại, nói bằng tiếng Pháp:

– Xin lỗi ông, xe tôi bị panne, ông chờ cho chút xíu.

Đang bực, Gaillard quát:

– Muốn sửa, đẩy qua chỗ khác!

Quát chưa dứt câu, Gaillard đã trợn mắt, bởi Sơn Vương trả lời rất xác xược:

– Được thôi, phiền ông lại đẩy đi!

Nhưng hăn chưa kịp chửi thề, một họng súng đen ngòm đã xuất hiện ngay trước mặt, kèm theo là tiếng Sơn Vương quát khê:

– Giơ tay lên!

Theo phản xạ, cả chủ lẫn tớ trong xe đều giơ tay quá đầu. Điềm nhiên, Sơn Vương tiến lại bên chiếc Peugeot giật lấy cặp tiền vứt vào xe mình cho Nguyễn Phương Thảo giữ. Ông còn tước luôn khẩu súng của tên vệ sĩ và quay lại nói với Gaillard mấy câu nhã nhặn:

– Phiền ông Giám đốc cho mượn đỡ một kỳ lương, tôi đang có việc cần xài.

Sơn Vương vừa nói, vừa vút luôn khẩu súng trên tay vào xe của Gaillard và nhanh chân tót lên chiếc Clement Bayard giục Năm Đường chạy thẳng.

Sau vài phút hoàn hồn, René Gaillard kịp nhìn lại, mới phát hiện ra rằng khẩu súng mà Sơn Vương “kỷ niệm” chỉ là súng giả. Cáo tiết, hăn quát tài xế phóng xe đuổi theo. Nhưng tốc độ của chiếc Peugeot cũ kỹ không thể đua kịp tốc độ của chiếc Clément đời mới, máy rất mạnh. Đuổi đến Hòa Hưng thì địch thủ đã biến mất tăm dạng, Gaillard đành tiu nghỉu quay xe trở lại. Cách đó không xa lắm, Sơn Vương cũng xách cặp tiền kéo Nguyễn Phương Thảo đang há hốc ngạc nhiên bước xuống, giục Năm Đường đưa xe về rửa và thay biển số. Sơn Vương và Thảo bao nguyên một chiếc xe thổ mộ, giong thẳng về gác trọ phía Sài Gòn.

• • •

Vụ cướp tảo tợn được đồn lan khắp Sài Gòn chỉ sau đúng một ngày. Dân nghèo được một phen hả dạ, bởi kẻ bị trừng trị là một “thằng Tây” khét tiếng tàn ác. Giới lục lâm Sài Gòn - Lục tỉnh cũng thầm khen tác giả vụ cướp - dù chẳng biết là ai - bạo gan và chơi rất bảnh, khiến tên chủ Tây vừa mất tiền vừa bẽ mặt. Nhưng với Sơn Vương, đó lại là tai họa và là vụ cướp cuối cùng trong cuộc đời ngang dọc.

René Gaillard - kẻ bị hại, vốn cũng xuất thân từ một tên cướp khét tiếng của đảo Corse và nước Pháp. Cùng với tên anh ruột là Charlles Gaillard, hăn đã gây ra hàng chục vụ cướp của giết người. Bị kết án chung thân khổ sai, hai anh em hăn đã tìm cách khoét vách ngục La Santé ở Paris và trốn sang Tân Thế Giới, tiếp tục gây tội ác. Được ít lâu, anh em Gaillard lại bị tóm cổ, thụ án khổ sai chung thân tại nhà ngục La Cayen - địa ngục trần gian của Pháp tại Nam Mỹ. Ngồi tù chưa ấm chỗ, chúng lại vượt ngục trốn vào Hoa Kỳ. Tại đó, René cùng anh tiến hành đánh cướp một xe chở bạc. Lần này, Charlles Gaillard bị bắn chết ngay tại trận. Còn lại một mình với một đồng tiền, René Gaillard trốn sang Đông Dương, dùng số tiền ăn cướp được mua cổ phần của đồn điền cao su Terreves Rouges và nghiêm nhiên trở thành Giám đốc hãng cao su Mimot.

Tuy đã già từ nghề thảo khấu nhưng trong huyết quản Gaillard, máu “đảo Corse” vẫn còn ngùn ngụt. Bị Sơn Vương cướp tiền và bòn cọt, hăn không chịu nổi. Gaillard tuyên bố: Thưởng 5000 bạc Đông Dương - một phần mười số tiền bị cướp - cho bất cứ ai tìm ra tung tích thủ phạm. Lúc này, Bazin - tên mật thám khét tiếng tàn ác sau này - đang là một cò tập sự ở bót Catinat. Y xua hết mã tà, lính kín dưới quyền ra sức điều tra, lùng sục, quyết giết cho được món tiền 5000 đồng mà Gaillard đã rêu rao.

Vốn thông minh, cáo già, lại rành tâm lý người Việt, Bazin rất quan tâm đến những chi tiết tưởng như nhỏ nhặt. Y nhanh chóng nhận ra rằng, loại xe hơi Clément Bayard, cả Sài Gòn chỉ có không hơn 10 chiếc. Do đó, y liên tục gọi tài xế và chủ nhân của những chiếc xe hơi loại này lên làm “ăng kết”. Bị tra hỏi quá nhiều lần, Năm Đường biết chắc sẽ bị lật tẩy nên hoảng sợ đã ra đầu thú, nộp lại 10.000 đồng được chia sau vụ cướp đồng thời khai ra tên Sơn Vương. Ngày 16 tháng 8 năm 1933, Sơn Vương bị bắt.

Nhận được điện thoại của cò Bazin, tên giang hồ đảo Corse phóng xe tới bót Catinat ngay tức khắc. Được thưởng tiền, Bazin tỏ ra khá biết điều. Y bảo Gaillard:

– Giao nó cho ông một buổi, muốn làm gì thì tùy thích.

Cởi trần, xách roi gân bò vào phòng tra tấn, nơi Sơn Vương đang bị xích hai tay lên trần nhà, Gaillard nhìn đối thủ mảnh khảnh từ chân lên tới đầu và bảo:

– Mày cướp của tao năm vạn, tao tính rẻ, cứ một ngàn đồng tao lấy lại một roi. Mày tính chịu được mấy roi?

Không một chút sợ hãi, Sơn Vương cười và trả lời:

– Ông thích bao nhiêu cứ lấy bấy nhiêu. Bao nhiêu tôi cũng chịu, chỉ sợ ông mệt.

Điên tiết, Gaillard xông vào quật liên tiếp lên người Sơn Vương. Chỉ sau năm roi, chiếc áo lụa của Sơn Vương đã bị xé nát, rách toét tả. Nhưng Gaillard vẫn không ngừng tay. Sơn Vương oằn oại gồng người vận khí chịu đòn nhưng không hề hé răng kêu rên nửa tiếng. Đến roi thứ 16, Gaillard đã

quá mệt, mồ hôi vã ra như tắm. Thấy mình mấy Sơn Vương đã nát bét, máu tuôn ra như suối, nhưng vẫn không nao núng, Gaillard bèn vút roi, khen:

– Mày chịu đòn quá giỏi, tao thua. Số roi còn lại, tao cho mày nợ.

Khạc ra một bụm máu, Sơn Vương cười mà miệng sưng vù, méo xệch:

– Khỏi, ông cứ lấy cho đủ. Nếu thiếu, tôi sẽ đi cướp của những thằng giàu như ông chứ chẳng cần phải vay nợ ai hết, ông nên đánh tiếp đi, kéo tiếc.

Đến đó, René Gaillard chỉ còn biết phục sát đất. Hăn đổi giọng:

– Ông đúng là gan dạ hơn dân đảo Corse. Tôi kính phục ông. Số còn lại, coi như tôi xóa nợ cho ông hết.

Bỏ ra khỏi phòng, Gaillard nói với Bazin:

– Tao không kiên nữa, thả nó đi!

Bazin ngạc nhiên. Hăn bảo:

– Luật là luật, ông tha nhưng tôi không tha.

Không thuyết phục được Bazin, tên giang hồ đảo Corse tỏ ra khá áy náy với Sơn Vương. Hăn lại quay trở vào. Đứng trước mặt Sơn Vương, hăn hứa:

– Để tỏ lòng kính trọng ông, ngày mở phiên tòa, tôi sẽ không đến dự.

Và hăn đã giữ lời.

Một tháng sau, Sơn Vương bị Tòa tiểu hình kết án năm năm khổ sai và bị đày ra Côn Đảo.

2 || 16 tháng 8 - ngày định mệnh

Đến Côn Đảo, Sơn Vương bị tống vào banh II, buồng giam tù thường án. Vụ cướp táo bạo của Sơn Vương khiến đám thường phạm nể phục, dù so với đa số bạn tù, ông ít tuổi hơn nhiều. Lẫn giữa đám đầu trộm đuôi cướp, Sơn Vương nổi trội hơn cả bởi là người có học, thuộc nhiều tích xưa

chuyện cũ, lại giỏi tiếng Pháp. Vì vậy, mỗi lần có việc cần đề đạt gì với bọn gác ngục, cả buồng giam đều phải cậ đến Sơn Vương. Sau chưa đầy một tháng, Sơn Vương đã được coi như “sếp” buồng giam. Ở các buồng bên cạnh, nhiều chính trị phạm - cả tù Cộng sản lẫn tù Quốc dân Đảng - cũng có nhiều người từng quen biết Sơn Vương trong thời gian viết báo, in sách, đôi người còn tỏ ý ngưỡng mộ. Thấy ông có uy tín với bạn tù, lại nói năng nhỏ nhẹ, cử chỉ đĩnh đạc, bọn gác ngục cũng tỏ ra vì nể.

Cuối năm 1933, giám thị Nguyễn Văn Liễn (Vệ Liễn) quyết định tổ chức một cuộc thi chữ đẹp tại tù Côn Đảo. Kết quả, Sơn Vương giành giải nhất, đẹp hơn cả chữ của các thư ký trên đảo cùng dự thi. Vệ Liễn bèn vận động chúa đảo cho ông ra làm thư ký giúp việc tại Ty Ngân khố của tỉnh đảo Côn Lôn. Kể từ đó, Sơn Vương không phải ngồi xà lim và làm khổ sai nữa. Ban ngày ông lo ghi chép giấy tờ ở Ty Ngân khố, buổi tối dạy bé Nguyễn Thị Kim Hoa, 9 tuổi, con gái Vệ Liễn học đến 9 giờ đêm. Sau đó, ông được cấp chiếu về ngủ cùng chỗ với các nhân viên của Ty Ngân khố.

Lúc mới ra đảo, ngoài Nguyễn An Ninh, Sơn Vương tỏ ra ngưỡng mộ các tù chính trị Quốc dân Đảng. Máu giang hồ của ông bị mê hoặc bởi gương trung liệt của Nguyễn Thái Học, và một số chiến công của đảng này. Nhưng dù ở tù, những người Quốc dân Đảng vẫn thẳng tay khủng bố những người bất đồng chính kiến với họ trong đường lối đấu tranh cách mạng. Trước mắt Sơn Vương, Quốc dân Đảng đã tiến hành một số vụ ám sát, khủng bố ngay tại Côn Đảo chủ yếu nhằm vào tù Cộng sản. Trong khi đó, những người tù Cộng sản, dù rất căm giận vẫn không hề tìm cách trả đũa. Ngược lại, họ vẫn đoàn kết, nhất trí, luôn tìm cách hòa giải những mối bất đồng, cố hàn gắn mối đoàn kết giữa tù Cộng sản và tù Quốc dân Đảng. Thần tượng cũ sụp đổ, lòng ngưỡng mộ của Sơn Vương dần dần dành hết cho số tù là đảng viên Cộng sản. Lợi dụng công việc ở Ty Ngân khố, ông thường tìm cách chuyển giấy, mực vào và giúp những người Cộng sản liên lạc với nhau.

Năm 1936, nền chính trị nước Pháp biến động mạnh. Nội các Léon Blum và phong trào Mặt trận bình dân lên nắm chính quyền, tiến hành hàng loạt

cải cách dân chủ ở Đông Dương, trong đó có cả việc đặc xá tù chính trị. Tháng 7 năm 1936, một số tù nhân ở Côn Đảo được phóng thích. Sơn Vương cũng được xét trả về đất liền, tiếp tục thụ hình tại Hà Tiên.

Cạnh nhà tù ở Hà Tiên có một khu bungalow(*) dành cho các ông Tây bà đầm nghỉ mát. Một hôm, tên Giám đốc bungalow người Pháp bị mất 200 đồng. Nghi cho một anh bồi người Việt lấy cắp, hắn đã tự tay tra khảo anh dã man. Anh bồi không nhận bị tên Giám đốc tàn ác đốt đèn cầy và nhỏ sáp nóng vào mũi. Anh bồi chết, dân chúng kéo nhau biểu tình. Trong tù, Sơn Vương đã hô hào tù nhân đập phá khám và la ó dữ dội để ủng hộ. Vì vậy, chủ tỉnh Hà Tiên đã quyết định đày Sơn Vương ra đảo Phú Quốc.

Tội ác của thực dân Pháp đi đâu cũng gặp, tên Tây đoan (quan thuế) kiêm quận trưởng Phú Quốc đã nhiều lần tác oai tác quái ức hiếp dân trên đảo. Biết chuyện, Sơn Vương đã âm thầm thu nhập tài liệu và viết bài, bí mật gửi về cho một số tờ báo ở Sài Gòn. Các báo cử người ra điều tra và đăng bài lên án mạnh mẽ. Tên Tây Đoan khát máu bị đuổi đi nơi khác. Tháng 2 năm 1938, tên quận trưởng mới thay đã đưa trả Sơn Vương về lại Hà Tiên. Ông bị giam giữ thêm 6 tháng, đến ngày 16 tháng 8 năm 1938, trùng ngày trùng tháng với ngày bị bắt, Sơn Vương được thả.

• • •

Nhưng, hình như định mệnh đã trói chặt cuộc đời Sơn Vương với ngày 16 tháng 8. Đúng một năm sau, ngày 16 tháng 8 năm 1939, Sơn Vương lại bị tống vào tù. Lần này, ông bị bắt vì một lý do hết sức quái gở. Tại ghi-sê bán vé của một rạp chiếu bóng ở Chợ Lớn, Sơn Vương bị một gã người Việt hung hăng đập giày đau điếng. Ông đẩy hắn ra, tên này lập tức nhảy vào đánh Sơn Vương. Cáo tiết, ông xô mạnh, tên gây sự bật ngựa ra sau ngã chổng gọng. Rất không may, kẻ gây sự lại là... sếp mật thám của bót Polo (Chợ Lớn). Bề mặt, hắn móc ngay tu huyết cho lên miệng thối một hồi. Mã tà, lính kín lập tức bu lại, còng Sơn Vương dẫn về.

Xuất thân là một võ sĩ đấm boxe (quyền Anh) có hạng, tên phó cò bót Polo cũng hung hăng không kém gì sếp chánh. Bất cứ ai mới bị bắt, hắn

cũng đòi phải... đấu tay đôi. Thông thường, cuộc đấu chỉ dừng lại khi kẻ mới vào đã máu me bê bết và bất tỉnh nhân sự. Vì vậy, người ta gọi hẳn bằng biệt danh Cọp Lửa.

Thấy Sơn Vương mảnh khảnh nhưng có vẻ ngang tàng, Cọp Lửa hát hàm hỏi cộc lốc:

– Biết võ không?

Sơn Vương cũng đáp cộc lốc:

– Chịu đòn được.

Cọp Lửa đòi đấu. Sơn Vương nhả nhận từ chối:

– Đây là bót cò, đâu phải sàn boxe ở hội chợ? Nếu ông cò muốn, tôi đứng cho ông đấm.

Tên cò tức lắm, xông vào ngay. Sơn Vương không đánh trả, chỉ xuống tấn vận nội công chịu đòn. Đấm liên tục 10 phút, Sơn Vương vẫn không nhúc nhích, Cọp Lửa đành ôm hai tay buốt nhức linh sang chỗ khác.

Ra tòa, Sơn Vương bị kết tội du đảng, bị đưa đi giam giữ tại cǎng Pursat (Campuchia). Nhờ giỏi ăn nói, Sơn Vương xin được một lưỡi cưa, cưa còng và trốn qua Thái Lan. Không bao lâu, ông lại bị bắt khi tìm cách về lại Sài Gòn. Lần này, ông bị kết án 10 năm tù vì tội vượt ngục, bị tống vào phòng 17 bót Catinat, nơi đặt máy chém. Đầu năm 1942, ông bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

3 || Những năm sôi động

Giai đoạn 1942-1946, quần đảo - nhà tù Côn Lôn xảy ra rất nhiều biến động. Đặc biệt, quyền cai trị liên tục bị thay đổi. Tháng 9 năm 1942, phát xít Nhật đã cho quân đổ bộ lên đảo lần đầu tiên, nhưng chúng chỉ ở lại ít hôm rồi rút. Ba năm sau, ngày 6.2.1945, tàu chiến Nhật đã chĩa đại bác vào quần đảo, yểm trợ cho một trung đội vũ trang đổ bộ lên, bất chấp sự phản đối của bọn Pháp trên đảo.

Đám lính Nhật đổ bộ tiến hành ngay việc khống chế đài vô tuyến điện và tịch thu toàn bộ radio của bọn Pháp, ra sức tìm cách tiếp xúc với tù nhân, tiếp tế, cung cấp thông tin và truyền bá thuyết Đại Đông á cho đám chính trị phạm thân Nhật. Không dám công khai ngăn cản lính Nhật, lính Pháp đã tìm cách di chuyển nơi làm việc của đám tù thân Nhật, ngăn không cho những cuộc tiếp xúc diễn ra. Bị chúng thẳng tay khủng bố, đánh đập dã man, những tù nhân thân Nhật đã bóng gió báo tin đe dọa bọn giám thị người Pháp, đồng thời ăm ức chờ gió đổi chiều để có cơ hội trả thù.

Sáng ngày 9.3.1945, thêm hai tàu tuần duyên Nhật lừ lừ tiến vào Côn Đảo. Mặc cho đám lính Pháp ngỡ ngác, bọn Nhật đã ngang nhiên chất lên bờ một số thiết bị, khí tài chiến tranh. Xong việc, hai chiếc tàu tuần duyên không những không rút lui, lại còn kê tất cả nòng pháo hướng thẳng vào đất liền. Đánh hơi thấy chuyện chẳng lành, đích thân Tyssery, giám đốc Nhà tù Côn Đảo đã đến trại Nhật, yêu cầu được giải thích. Tên sĩ quan chỉ huy Nhật Bản ngang nhiên trả lời:

- Chúng tôi đưa hàng lên để lắp đặt một trạm vô tuyến.

Đồng thời hăn ra lệnh:

- Mời ông Tyssery ở lại.

Thực chất bọn Nhật muốn giam lỏng Tyssery không cho quay về. Ngay đêm đó, không tốn một phát đạn, Nhật đã tước hết toàn bộ vũ khí của lính Pháp, chiếm giữ trại lính, dinh giám đốc, đài vô tuyến và toàn bộ vị trí phòng thủ trên đảo. Bốn ngày sau, giám đốc Tyssery và viên đại úy chỉ huy lính Pháp ở Côn Lôn được tàu chiến Nhật đưa về đất liền. Quyền cai quản nhà tù, Nhật giao cho phó giám thị Hilaire đồng thời giữ nguyên bộ máy giám thị Pháp - Việt như cũ.

Chỉ sau đó ít hôm, máy bay đồng minh đã tiến hành nhiều đợt oanh kích Côn Đảo. Bom đạn Mỹ đã đánh sập hải đăng hòn Bảy Cạnh, Nhà đèn, Sở lưới và một số cơ sở sản xuất trên đảo, giết chết hàng chục tù nhân đang lao động ở các khu vực này. Một số tù nhân đã lợi dụng lúc tình hình nhốn

nháo, thoát ra khỏi vòng rào trại giam. Đám tù thân Nhật trong trại cũng bắt đầu trỗi lên phá phách, gây yêu sách.

Đòi hỏi của chúng đã được bọn Nhật đáp ứng bằng một hành động mỉa dân: trao quyền chúa đảo cho Lê Văn Trà - nguyên thư ký của Tyssery, đồng thời tiến hành cái gọi là “lễ trao trả độc lập” và biến quần đảo Côn Lôn (tiếng Pháp: Poulo Condore) thành cái gọi là “Quốc gia tự do Nông dân huynh đệ quần đảo Côn Lôn (Etat libre agricole et fratemel d’ Archipel de Poulo Condore)”. Trong buổi lễ, Lê Văn Trà đã không tiếc lời ca ngợi công lao của quân đội Thiên Hoàng và Thống đốc Minoda. Sau đó, Trà đã công bố đạo dụ của Chính phủ Trần Trọng Kim về việc các chính trị phạm kể từ ngày này được Chính phủ Việt Nam trả lại tự do và được coi như mọi người khác trong nước. Nhưng thực chất, chỉ có 150 tù thân Nhật là được đi lại tự do và được phóng thích sau hai tuần. Những người khác, ngay sau buổi mít tinh đã bị xua trở lại, lại vào khám, tiếp tục bị giam giữ như cũ.

Ngay sau khi thoát cũi sổ lồng, bọn tù thân Nhật đã đi ngay vào cuộc trả thù những cai ngục Pháp - Việt. Chúng cũng thừa cơ hội khủng bố, hành hạ một số tù nhân Cộng sản, tù thường phạm dám công khai phản đối chúng. Để ủng hộ tù Cộng sản, Sơn Vương đã đứng ra vận động một số thường phạm, công khai âm mưu của bọn tù thân Nhật, đồng thời vạch mặt tuyên bố nếu đám này có hành động quá khích, họ sẽ đứng ra chống lại.

Giỏi ăn nói và có uy tín, Sơn Vương đã được khá đông thường phạm có lương tri ủng hộ. Do đó, bọn tù thân Nhật cũng chùn tay, không dám đối xử tàn ác với những bạn tù khác. Mũi nhọn khủng bố của chúng dồn hẳn sang hướng đám cai ngục cũ. Một số gác ngục hung hãn hồi trước như Toustou, Lantali, đã bị đánh trọng thương, phải vào nhà thương Côn Đảo điều trị. Sau này, được những người Cộng sản kiên trì thuyết phục, không ít người trong số họ đã ngả sang chủ trương liên minh giữa những người Cộng sản và các lực lượng dân chủ, tiến bộ chống phát xít, bình tĩnh đối phó với các hành động khiêu khích của đám tù thân Nhật đang được chính quyền bù nhìn dung túng.

Thấy uy tín của khối Đại Đông á đang bị rơi rụng dần, bọn Nhật trên đảo và chính quyền Lê Văn Trà bèn tìm cách đối phó bằng cách thực hiện một số cải cách dân chủ. 8 chiếc ghe bầu được gửi từ đất liền ra để rước đám tù thân Nhật thuộc các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên Chúa giáo, Phật giáo về. Trên đảo, Trà cho mở lại trường tiểu học và ra tờ báo “Tiếng nói tự do”. Sợ tù Cộng sản sẽ biến tờ báo thành diễn đàn chống phát xít, Lê Văn Trà đã giao cho Sơn Vương phụ trách. Sau khi nhận chức chủ bút, Sơn Vương đã được đi lại khá tự do. Lấy lý do đảo đã được tự do, tù nhân cần và được quyền biết tin tức, Sơn Vương đã thuyết phục được Lê Văn Trà cho tù nhân được sửa lại một chiếc radio hỏng. Dù không muốn, song Lê Văn Trà cũng không thể phản đối.

Dưới sự chỉ huy của Tôn Đức Thắng - người lính thợ nổi tiếng từng kéo cờ phản chiến trên biển Hắc Hải trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất - một tốp thợ tù đã sửa chữa xong chiếc radio, sau đó sửa luôn được một chiếc canô hỏng. Qua sóng radio, tin cách mạng tháng Tám đã thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập đã khiến cả đảo hồ hởi reo mừng. Bọn gác ngục và bọn thân Nhật bắt đầu co vòi lại không dám lộng hành.

Tối ngày 16.9.1945, tàu Phú Quốc và 32 ghe bầu chở theo 10 tấn gạo tiếp tế của Cách mạng đã cập bến Cỏ ống. Rạng sáng hôm sau, cờ đỏ sao vàng đã phất phới bay rục cầu tàu Côn Đảo. Tham tá Lê Văn Trà nộp con dấu của nhà tù cho chính quyền Cách mạng.

Sau một tuần lễ sửa chữa, đoàn tàu, thuyền lại quay mũi ra khơi. 1.800 chính trị phạm được giải thoát đưa về đất liền. Đến đầu tháng 12 năm 1945, ủy ban hành chính Nam Bộ lại gửi một đoàn ghe ra Côn Đảo rước tù do đồng chí Văn Cừ làm trưởng đoàn. Ngày 11.12.1945, dưới sự chứng kiến của phái đoàn Văn Cừ, Lê Văn Trà đã đứng ra tổ chức một cuộc bầu cử dân chủ trên đảo. 12 người trong đó có sáu giám thị, sáu tù nhân đã được bầu vào bộ máy chính quyền mới. Ngày 15 tháng 12, ủy ban hành chính mới của Côn Đảo chính thức được công bố, Sơn Vương Trương Văn Thoại chính thức trở thành Chủ tịch ủy ban.

Ở cương vị mới mẻ này, Sơn Vương tỏ ra là một vị chủ tịch năng nổ và có khả năng lãnh đạo. Ngay sau khi nhậm chức, Sơn Vương đã sốt sắng bắt tay ngay vào việc tổ chức lại sản xuất, từ thu hoạch lúa, đánh bắt hải sản đến khai thác củi, đá, làm vệ sinh... Ông đã đề ra một số biện pháp khuyến khích lao động như chia một phần thành quả cho người làm ra sản phẩm. Mặt khác, việc lao động sản xuất dưới thời Sơn Vương lãnh đạo được coi như bắt buộc, cả các thành viên ủy ban lẫn các công chức, giám thị cũ cũng phải trực tiếp tham gia. Ông cũng tỏ ra kịp thời và chính xác khi xác định những việc cần làm cấp bách, giao đúng người đúng việc, từ tổ chức một tổ y tế vào núi tìm thuốc trị bệnh đến việc xuất toàn bộ vải vụn trong kho giao cho tổ phụ nữ may quần áo cộc cấp tốc để phát cho một số tù nhân thiếu thốn.

Giai đoạn đầu, uy tín của Sơn Vương khá cao. Khi phái đoàn Văn Cừ đón tù về đất liền, ông đã đồng ý ở lại, tiếp tục cùng chính quyền mới khôi phục cuộc sống và trật tự của đảo, dù trong lòng rất nôn nao mong được trở lại đất liền. Ngoài tinh thần trách nhiệm, việc đồng ý ở lại Côn Đảo của Sơn Vương có một phần níu kéo của một lý do khác: tình yêu. Người tạo ra sức hút mãnh liệt ấy là Lệ Hoa, tức Nguyễn Thị Kim Hoa, con gái của Vệ Liễn và là cô học trò nhỏ tại đảo của Sơn Vương từ hơn 10 năm trước.

• • •

Khi Sơn Vương bị đày ra Côn Đảo lần thứ 2 (1942), cô bé học trò 9 tuổi ngày xưa đã trở thành một thiếu nữ 18 tuổi, đẹp rực rỡ, được coi như hoa khôi của Côn Đảo. Có học thức, thích thơ ca, đặc biệt là ngâm vịnh Kiều, Lệ Hoa tỏ ra cảm phục tài năng của huyền thoại Sơn Vương. Lúc này Lệ Hoa cũng đang là một cô giáo tiểu học trên đảo. Cô thường bí mật đem những thắc mắc trong sách vở nhờ Sơn Vương giải thích giúp. Là người có chữ, từng đọc nhiều sách chữ Hán, đối với Sơn Vương, Lệ Hoa hội đủ cả tám tiêu chuẩn của một mỹ nhân, với “hoa diện” (mặt tươi như hoa), “nguyệt thần” (thần thái trong sáng như ánh trăng), “điều thanh ngôn” (tiếng nói trong trẻo như chim hót), “liễu thái” (dáng dấp mềm mại như

nhành liễu), “băng tuyết bì” (da trắng như tuyết), “ngọc cốt” (tinh thần kiên định như viên ngọc), “thu thủy tư” (tâm hồn tĩnh lặng như nước hồ thu) và “thi thư tiên” (có học thức, coi trọng chữ nghĩa). Choáng ngợp trước nhan sắc của cô, Sơn Vương cũng tỏ ra rất hào hứng khi được đáp ứng các thắc mắc. Tình thầy trò, chú cháu ngả dần thành tình yêu, dù Sơn Vương hơn Lê Hoa 13 tuổi. Nhưng vì cuộc đời vẫn phải nấu thân sau song sắt, chí lớn còn lưu nơi đảo vắng, Sơn Vương chỉ còn biết thổ lộ lòng mình qua mấy câu thơ nuôi tiếc mà ông bí mật nhờ lính gác gửi tận tay ý trung nhân:

Ước gì kéo được thời gian

Cho tôi trẻ lại, cho nàng già hơn

Khi phụ trách tờ Tiếng nói tự do, Sơn Vương lại sáng tác một bài thơ dài có tựa Vịnh Hai Bà Trưng để thổ lộ lòng mình với Lê Hoa. Sợ chưa đủ cho người đẹp hiểu thấu tâm tình, ông lại bỏ ra cả ngày trời, dùng chiếc bút máy hiệu Kaolo mang từ đất liền ra tỉ mỉ chép bài thơ dài hơn 400 chữ này lên mặt sau của vỏ một bao diêm và gửi cho Lê Hoa. Quả nhiên, bức thư tình đọc bằng... kính lúp độc đáo ấy đã khiến trái tim cô hoa khôi chao đảo. Vài ngày sau, cô học trò xưa đã trả lời thầy giáo cũ bằng hai hàng chữ nắn nót:

Sa trường chí nhượng tài trai

Phòng xuân trời gót dặm ngoài có em.

Tình cảm đã trở nên sâu đậm, nhưng vẫn đang là một người tù, nên Sơn Vương đành nén lại, chờ đợi. Cuối cùng, ông cũng đã tìm được thời điểm. Khi trở thành Chủ tịch ủy ban hành chính Côn Đảo, Sơn Vương lập tức chỉ định ngay Lê Hoa làm Hội trưởng Hội phụ nữ của đảo. Từ đây, người tù đã có thể công khai trò chuyện với người yêu mà không sợ sự ngăn cấm của ông bố Vệ Liễn - người gác ngục.

4 || Đảo quốc Côn Lôn và những tham vọng phiêu lưu

Công bằng mà nói, trong thời gian nắm quyền lãnh đạo quần đảo Côn Lôn, Sơn Vương đã làm được khá nhiều điều tốt đẹp, góp phần ổn định cuộc sống và giữ gìn an ninh trật tự trên đảo. Nhưng đó chỉ là giai đoạn đầu, khi những người Cộng sản còn có mặt. Ngay sau khi phái đoàn Văn Cừ trở về đất liền, không còn ai kiểm giữ, bản chất lục lâm thảo khấu, anh hùng cá nhân trong con người Sơn Vương mới thật sự bộc lộ.

Đầu tiên, Sơn Vương cho sửa sang lại phần mộ của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh và tổ chức một lễ tế khá rình rang. Trước bàn thờ mới lập, khói hương nghi ngút, Sơn Vương tuyên bố:

– Từ nay, quần đảo Côn Lôn chính thức trở thành “Quốc gia trung lập dân chúng quần đảo An Ninh” (Etat neutre des Insulaire de L’ Archipel d’ An Ninh).

Đồng thời, ông tự xưng là... Quốc vương của “quốc gia” mới lập. Không ít người trên đảo tỏ ý không phục, Sơn Vương tìm cách giải thích bằng cách tung ra luận điệu:

– Tên tôi là Sơn Vương, có nghĩa là “Vương” của đảo Côn Sơn, mệnh ấy do trời định.

Giải thích xong, Sơn Vương tuyên bố:

– Bất cứ ai chống lại mệnh trời, người đó sẽ bị trừng trị.

Chưa hết, dù các ban bộ trên đảo đều được thành lập bằng con đường bầu cử, nhưng Sơn Vương vẫn cố tình biến nó thành một thứ triều đình. Mỗi một buổi họp, Sơn Vương chễm chệ trên chiếc ghế bành kê ở thềm cao, bá quan văn võ xếp hai hàng ngồi thấp phía dưới. Trước khi muốn báo cáo, mọi người đều phải tiến ra giữa hai hàng người chấp tay trước mặt Sơn Vương và mở đầu bằng câu: “Thưa thủ lãnh..!”.

Sau ngày 15.12.1945, không còn người tù chính trị nào ở lại, cả đảo chỉ còn lại toàn thường phạm cũ, cho nên triều đình phường tuồng của Sơn Vương không bị ai phản đối. Nhưng, đám lưu manh cũng nhân cơ hội đó ngóc đầu dậy, hành hung sách nhiễu dân chúng trên đảo. Cảnh sát trưởng Nguyễn Thành út vốn xuất thân là một tên du thủ du thực, bị kết án 10 năm khổ sai, đã nhiều lần ngang nhiên vào nhà dân giở trò cướp bóc, trêu ghẹo phụ nữ. Biết chuyện, thay vì đưa út ra kỷ luật công minh, Sơn Vương lại có cách xử sự hết sức quái chiêu và dẫm chất giang hồ. Trước văn võ bá quan, ông thẳng tay giáng cho Nguyễn Thành út một tát tai và ném ra lời thách thức:

– Tôi với anh giao đấu tay đôi. Nếu thắng, anh muốn làm gì mặc sức. Nếu thua, tôi sẽ chặt một cánh tay để anh khỏi làm bậy.

Tự lượng sức không thắng nổi Sơn Vương, Nguyễn Thành út đã dập đầu lạy như tể sao, xin Sơn Vương tha tội. Từ đó, nạn cướp bóc, sách nhiễu dân chúng mới lắng xuống.

Trở thành “quốc vương” của quần đảo, Sơn Vương bắt đầu nghĩ đến việc thực hiện giấc mơ của ông: cưới Lệ Hoa làm vợ. Ông đặt ra một bài vè tự ca ngợi mình, bắt trẻ con trên đảo hát, coi đó như “Quốc ca Côn Lôn quốc”. Trong đó có câu:

Lệ Hoa đệ nhất Côn Lôn quốc

Trương Vạn Năng tứ hải vô song...

Tình thâm của Sơn Vương, con gái người gác ngục không từ chối. Nhưng Vệ Liễn, cha cô thì vẫn khăng khăng cự tuyệt, không chịu gả con gái cho “tên tù kẻ cướp”. Thuyết phục mãi không được, Sơn Vương đành phải lập kế. Ông cho hàng loạt đàn em thảo đơn tố cáo tội ác của giám thị Nguyễn Văn Liễn đối với tù nhân của chế độ trước. Lá đơn tố cáo với hàng chục chữ ký được đệ trình lên cho “quốc vương” yêu cầu minh xét. Năm có, Sơn Vương sai Cảnh sát trưởng Nguyễn Thành út bắt Vệ Liễn tống giam để “điều tra”.

Cha bị bắt, Lệ Hoa hoảng sợ, vào gặp Sơn Vương khóc lóc, năn nỉ xin thay cha chuộc tội. Chỉ đợi đến đó, Sơn Vương liền sai một tay Hội đồng dân biểu là Nguyễn Văn Đây (Hai Đây) vào khám gặp Vệ Liễn. Hai Đây vạch cho viên cựu giám thị rõ:

– Ông chỉ còn một con đường, gả cô Lệ Hoa cho Sơn Vương, nếu không sẽ chết. Nếu gả con gái, ông nghiêm nhiên đã là nhạc phụ của chúa đảo, tất nhiên không ai dám đụng đến ông, mọi tội lỗi xưa coi như xóa sạch.

Vệ Liễn suy nghĩ hồi lâu, sau đó xin được gặp con gái và đem toàn bộ thiệt hơn hỏi ý Lệ Hoa. Dù trong lòng cờ mở trống giống như Lệ Hoa cũng vờ tỏ ra miễn cưỡng khi gật đầu, không quên kèm theo lệ chảy hai hàng. Cô muốn tỏ rõ một sự hy sinh đành nhận lời bán mình chuộc cha cho thật giống Thúy Kiều, dù trong tim cô không còn mơ ước nào lớn hơn là được làm vợ Sơn Vương.

Ngày 28.2.1946, đám cưới của Sơn Vương - Lệ Hoa được tổ chức. Lúc này, trên đảo còn lại 200 bao gạo, một phần ba trong đó đã mục nát. Sơn Vương cho xuất một phần số gạo mục này ra xay bột làm bánh hỏi, bún, bánh bò rế tre, nấu rượu và cho bắt heo quay làm tiệc đãi khách. Để xứng đáng với địa vị một quốc vương, ông sai người dọn dẹp, quét vôi trang trí lại ngôi nhà của chúa đảo Hilaire để làm tổ ấm hạnh phúc đón dâu. Chiếc xe Jeep của chúa đảo cũng được sơn lại và kết hoa để làm xe rước dâu. Xe hoa chở cô dâu chú rể chạy lòng vòng khắp đảo suốt cả buổi sáng. Trẻ con trên đảo chạy theo la hét inh ỏi. Trên xe, Sơn Vương liên tục vẫy tay chào đám “thần dân”. Đến tận sáng hôm sau, mọi người vẫn tha hồ ăn uống và nhảy múa. Có lẽ, đây là đám cưới lớn nhất có một không hai ở Côn Đảo.

• • •

Khi quyết định tổ chức đám cưới linh đình, Sơn Vương đã gặp không ít lời dị nghị và phản đối. Đang say cả men tình lẫn men quyền lực, ông vẫn bất chấp. Ngay sau hôn hôn lễ, có một người là ông già Quýt đã công khai đứng ra chỉ trích Sơn Vương về hai tội: Thứ nhất, lạm dụng quyền hành để ép hôn Lệ Hoa. Thứ hai, tổ chức đám cưới quá thừa mứa và lãng phí, trong

khi lương thực, thực phẩm trên đảo đã cạn kiệt. Đang ngây ngất, Sơn Vương dùng đòn nổi giận sai thủ hạ giết chết ông lão. Ngày 26.3.1946, xác ông già Quýt được phát hiện. Dân chúng trên đảo lập tức kéo nhau đến dinh chúa đảo, gào thét đòi truy tìm và trừng trị kẻ thủ ác. Lúc này, Sơn Vương mới bắt đầu nao núng, đành phải hứa tổ chức điều tra.

Do không được tiếp tế, Côn Đảo bắt đầu phải đối diện với nạn đói, thiếu thuốc men, nhu yếu phẩm nghiêm trọng. Bí thế, Sơn Vương vội cử người về đất liền xin viện trợ. Nhưng chờ mãi, đoàn sứ giả vẫn không quay trở lại. Túng quẫn, đám lưu manh lại bắt đầu lộng hành, tha hồ đào tường khoét vách, bắt cóc tổng tiền không sao dẹp hết. Nhiều người dân trên đảo không chịu nổi đã liều lĩnh tự đóng ghe, bè trốn về đất liền. Không quản nổi trật tự, Sơn Vương bèn ban lệnh: ai tự ý bỏ trốn sẽ bị nhốt xà lim chín tháng. Vô ích. Số người bỏ trốn vẫn ngày một tăng. Trong khi đó, radio lại phát ra toàn tin xấu: Pháp đã tái chiếm Nam Kỳ, chiến tranh đã quay trở lại... Côn Đảo đã bị cô lập và viễn cảnh bị Pháp tái chiếm đã không còn xa xôi nữa.

Trong tình cảnh rối ren đó, Lê Hoa tỏ ra sáng suốt hơn cả. Cô khuyên Sơn Vương: nên về đất liền tham gia kháng chiến hơn là ngồi bó tay chờ Pháp đến nộp mình.

Sơn Vương đồng ý. Ông thảo công văn gửi Chủ tịch ủy ban kháng chiến tỉnh Sóc Trăng Dương Kỳ Hiệp ngỏ ý muốn xin về kháng chiến, đồng thời nhờ ông chủ tịch tạo điều kiện cho sứ giả của Sơn Vương gặp phái đoàn Văn Cừ để bàn tính dọn đường về. Đoàn sứ giả gồm: Trần Phấm - cựu tù nhân, mã tà 88 Đức và hai thành viên khác (một nam, một nữ) trong ủy ban hành chính Côn Đảo. Vào đất liền, hai tuần sau họ mới trở lại nhưng không bắt được liên lạc. Họ cho biết: trong đất liền, chiến tranh đã lan rộng, quân Pháp đã chiếm được nhiều nơi.

Nóng lòng và hoang mang, Sơn Vương tính nước mạnh động đánh bài... chuồn! Ngày 20.3.1946, ông cho hạ thủy một chiếc thuyền, dự định cùng Lê Hoa và một số người tin cần bỏ trốn. Nhưng do thuyền đóng vội, vừa

xuống nước đã bị sóng đẩy vào bờ đá và đánh vỡ tan nên dự định đã bất thành.

Biết không còn đường rút, ngày 25.3.1946, Sơn Vương đã tập trung dân chúng để nghe ông đọc một bài diễn văn xin nhường quyền cai trị lại cho những người Pháp trên đảo. Nhưng, những người Pháp có mặt đã không nhận. Ông lại phái thêm 3 người về đất liền đi sứ, yêu cầu Pháp tiếp tế lương thực cho Côn Lôn, đồng thời xin cho mình một bộ đồ, 1 súng lục, 1 nón ni và 1 xe đạp. Giấc mơ “định bá đồ vương” trong tuyệt vọng đã teo lại thành vài món đồ vật vãnh, song Sơn Vương cũng không được toại nguyện. Thay vì trả lời, quân Pháp đã tổng giam 3 sứ giả của Sơn Vương vào bót Catinat và phái tàu chiến ra tái chiếm Côn Đảo.

Ngày 8.4.1946, đại úy Gimbert chỉ huy ba chiến hạm chở 2 đại đội lính hỗn hợp gồm cả Pháp, Âu - Phi và lính bản xứ tiến vào Côn Đảo theo đường Bãi Nhà Thờ. Mờ sáng, nghe đại bác Pháp bắn lên bãi để dọn đường, Sơn Vương đã dẫn toàn bộ “triều đình” chờ sẵn ở bậc thềm trụ sở để nghênh tiếp. Nhưng, ông không còn đủ thời gian để đọc nốt bài diễn văn cuối cùng của đời mình. Theo lệnh của Gimbert, Sơn Vương và toàn bộ tù thường phạm còn lại (gồm 400 người) đã bị tổng giam ngay tức khắc. Riêng Lệ Hoa và gia đình cô, Pháp vẫn cho tự do ở trên đảo.

• • •

Khi ba chiến hạm Pháp vừa tiến vào Bãi Nhà Thờ, một tên Việt gian là Đinh Công Thành đã bí mật lên ra Sở Muối cung cấp tin tức và dẫn đường cho quân Pháp đổ bộ. Sơn Vương bị tổng ngục, tên Thành mượn gió bẻ măng, đứng ra tố cáo ông là phần tử nguy hiểm, cần phải canh gác cẩn thận. Vì vậy, Sơn Vương bị quân tái chiếm đối xử hết sức tàn tệ, suýt nữa bị đem ra hành hình tại chỗ. Nhờ có Lệ Hoa và giám thị Toustou đứng ra xin giúp, ông mới tránh được cái chết đã kề gang tấc.

Vào tù, Sơn Vương lại gặp thêm một đại nạn. Bị ông tát tai sỉ nhục dạo trước, tên lưu manh Nguyễn Thành út nung nấu chờ cơ hội trả thù. Hắn đã không ngần ngại bịa ra chuyện Sơn Vương đang giữ bản đồ kho báu của

Gia Long giấu lại trên đảo khi chạy trốn quân Tây Sơn năm 1783. Tưởng thật, chúa đảo Gimbert và tên cò Pellier đã tra tấn Sơn Vương hết sức dã man để bắt ông khai nơi giấu bản đồ. Bị đánh đập quá đau, Sơn Vương đành nhận bừa là có kho báu và vẽ lại một tấm bản đồ ma. Vì tội đó, ông lại bị thêm hàng chục trận đòn dã man khác.

Năm 1947, Sơn Vương bị điệu về Sài Gòn để hầu tòa. Với hai tội danh mới là cưỡng hôn Lệ Hoa và giết ông già Quýt, Sơn Vương phải lĩnh thêm một án tù chung thân khổ sai. Sau đó, ông bị đưa ra lại Côn Đảo để thi hành án, trở thành tù nhân mang thẻ số 313C, giam tại hầm số 8, khu biệt lập, lao 2. Vào tù, ông viết thư cho vợ Vệ Liễn, yêu cầu bà thuyết phục chồng về Sài Gòn làm việc để Lệ Hoa có cơ hội tái giá, và quên hẳn mình. 6 tháng sau, Sơn Vương nhận được thư, một số nhu yếu phẩm và 2000 đồng do Lệ Hoa gửi người quen cầm vào. Sau đó, chim trời cá nước, cả hai bật tin nhau cho đến tận cuối đời.

Sáu năm sau, ngày 8.8.1953, trong một buổi được ra ngoài lao động, Sơn Vương đã bất ngờ chạm trán với Nguyễn Thành út, kẻ đã vu oan giá họa cho ông trong chuyện “kho vàng”. Lúc này, út đã được bọn gác ngục cho làm “cặp răng” để hành hạ tù nhân. Máu hận thù sôi lên đẩy Sơn Vương xông tới. Nắm chặt cổ áo tên chó săn đã vu oan giá họa cho mình, Sơn Vương bảo:

– Mày là con chó không đáng sống. Nhưng nếu bây giờ tao giết mày, người ta lại bảo là tao trả thù không quân tử. Thôi thì tao cho mày cơ hội cuối cùng, mày với tao quyết đấu. Muốn chơi bằng thứ vũ khí gì, mày hãy chọn đi.

Không còn đường trốn tránh, Sơn Vương vừa quay lưng, Nguyễn Thành út đã vớ ngay một khúc cây, từ phía sau nhắm thẳng đầu ông bổ xuống. Cú đánh lén không đạt mục đích. Chỉ một cú xoay người Sơn Vương đã tước được vũ khí của tên lưu manh mặt hạng. Thuận tay, ông giáng cho hấn một gậy nằm quay đơ. Vốn căm ghét tên “cặp răng” tàn ác, các tù nhân khác đã không can thiệp để mặc cho Sơn Vương đập nát thây Nguyễn Thành út. Vì tội mới, Sơn Vương lại phải nhận thêm một án chung thân khổ sai nữa.

Theo qui định, án chung thân hồi đó được tính là 32 năm. Tổng cộng, đời Sơn Vương đã 4 lần nhận án gồm 1 lần 5 năm, 1 lần 10 năm và hai án chung thân (32 năm). Tính tổng cộng, ông phải nhận mức án những 79 năm tù.

• • •

Mãi cho đến năm 1968, sau đúng 34 năm ngồi tù (từ 1933), Sơn Vương mới được ân xá. Trước đó, năm 1967, tờ Tin Sáng và một số tờ báo đối lập ở Sài Gòn đã liên tục đăng bài điều tra về chế độ hà khắc, phát xít của nhà tù Côn Đảo. Cũng trong năm này, liên minh Thiệu - Kỳ đã đắc cử Tổng thống và Phó Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Để mị dân, Thiệu - Kỳ hứa sẽ tìm hiểu và cải thiện điều kiện sinh hoạt ở Côn Đảo. Biết Sơn Vương ngày xưa từng là một nhân vật khá có tiếng tăm, trong khi hiện tại gần 60 tuổi, đã sức tàn lực kiệt, không còn khả năng gây nguy hại cho bộ máy quyền lực Việt Nam Cộng hòa, Thiệu - Kỳ quyết định giải thoát cho Sơn Vương, hòng lấy lòng dân chúng. Ngày 18.11.1968, ông được phóng thích. Thiệu - Kỳ đã điều hăng một chiếc trực thăng quân đội bay ra đảo đón ông về.

Trở lại đời thường, Sơn Vương được khá nhiều báo chí thời đó săn đón. Thiên phóng sự Sơn Vương - người tù thế kỷ mà ông cho đăng feuilleton trên một số báo chí chỉ khiến dư luận ồn ào được một thời gian ngắn. Chiến tranh đang ngày một khốc liệt, người dân miền Nam còn nhiều chuyện đáng để quan tâm hơn một số phận Sơn Vương.

Bị cuộc đời quên lãng, Sơn Vương lặng lẽ lui về sống ẩn dật ở một ngôi nhà nhỏ trong con hẻm ngoằn ngoèo, nay là nhà số 137/52 Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Tại đó, ông mưu sinh bằng nghề bốc thuốc Nam gia truyền. Căn nhà nhỏ có gác gỗ này do bà Phạm Thị Hoa - người vợ gá nghĩa lúc tuổi đã xế bóng - tặng cho ông. Năm 1978, Sơn Vương ly dị bà Hoa, tiếp tục gá nghĩa với Nguyễn Thị Tám, một người đàn bà thua ông 30 tuổi.

Thỉnh thoảng, một vài người khách, thường là các nhà văn, nhà nghiên cứu sử học, những người có quan tâm đến lịch sử nhà tù Côn Đảo có ghé đến ngôi nhà nhỏ thăm hỏi Sơn Vương. Thời gian còn lại, ông sống trong cô độc, không bạn bè, không gia đình và không cả hồi quang quá khứ. Mỗi lúc có khách, ông già Sơn Vương ngày thường sống âm thầm, lặng lẽ lại tỏ ra hoạt bát hẳn. Trong những lúc hồi tưởng lại thời quá vãng, Sơn Vương thường tỏ ý tiếc nuối bởi thời trai trẻ dọc ngang không gặp được cách mạng, không đem được tài năng nhiệt huyết cống hiến cho dân tộc. Ông thường ngửa mặt than:

– Vì máu anh hùng cá nhân, đời tôi vĩnh viễn chỉ còn lại là huyền sử quá gần tội lỗi, không còn dịp để bước vào chính sử như sở nguyện.

Những lúc như vậy, Sơn Vương thường để khách ngồi lại một mình bên bàn trà, chạy xuống bếp, xách lên một con dao yếm. Vén áo, phơi bụng và vận công, Sơn Vương mạnh tay chém dao bình bịch vào bụng, mặc cho khách trợn mắt, tái mặt vì kinh sợ và thảm phục. Sau đó, khẽ vuốt lại những đường lằn nổi đỏ trên khoang bụng, tay giang hồ tóc bạc lại nở một nụ cười buồn và tự huyễn hoặc mình, rằng:

– Bụng vẫn còn cứng!

Năm 1984, Sơn Vương trở lại quê nhà Gò Công và mất tại đó vào năm 1987.

5 || Và cha và con và...

Giữa tháng 8 năm 1999, hơn 12 năm sau ngày Sơn Vương mất, bằng những tư liệu về ông thu thập trong nhiều năm, trên báo An ninh thế giới chúng tôi đã cho đăng một loạt tư liệu nhiều kỳ có tựa là: Quái kiệt Sơn Vương và 32 năm ngồi tù khổ sai Côn Đảo. Chưa thật đầy đủ, song loạt bài cũng đã cung cấp cho người đọc được những nét chính về một nhân vật giang hồ kỳ lạ và khá độc đáo, một hình ảnh mang đậm cá tính phóng khoáng, kiên cường của người Nam Bộ những thập niên đầu của thế kỷ

XX. Ít nhiều, loạt bài viết cũng có được khá đông đảo bạn đọc đón nhận với thái độ quan tâm thú vị. Một số bạn đọc sau đó còn nhiệt tình giúp chúng tôi tìm thêm tư liệu hình ảnh về nhân vật, hòng hoàn thiện thêm bức chân dung độc đáo và khá lãng mạn của một tay giang hồ quái kiệt.

Một tháng sau ngày loạt bài ra số đầu tiên, tại một căn nhà khang trang trên đường Tân Kỳ Tân Quý, quận Tân Bình, chúng tôi đã may mắn được tiếp xúc và trò chuyện với một bạn đọc hết sức đặc biệt và bất ngờ. Đó là một bà cụ chừng 70 tuổi, dáng vẻ khá lịch lãm, tự tin - phong cách thường gặp ở những tao nhân mặc khách. Trên khuôn mặt của cụ, tuổi tác vẫn chưa xóa hết được dấu vết của một người đàn bà có nhan sắc mặn mà, khi còn trẻ có thể được xem là mỏng mày hay hạt. Rót nước mời chúng tôi, bà cụ tự giới thiệu về mình:

– Tôi là Trương Ngọc Nữ, con gái của nhà văn Sơn Vương Trương Văn Thoại. Tôi vừa về từ Canada được đúng một ngày.

Lời giới thiệu khiến tôi giật mình. Quả thật, người đàn bà ngồi trước mặt tôi giống Sơn Vương như đúc. Cũng khuôn mặt nhỏ, thanh tú, cũng sống mũi cao, vầng trán rộng và đặc biệt là cái miệng với đôi môi luôn mím chặt... So với ảnh Sơn Vương lúc về già, bà Nữ không khác chút nào. Không thể nghi ngờ, song tôi hết sức phân vân, bởi trong quá trình tìm tư liệu về ông kéo dài suốt nhiều năm, tôi chỉ biết chắc một điều là Sơn Vương có khá nhiều vợ nhưng chưa bao giờ nghe ai nhắc đến chuyện tay lăng tử bạc đầu này có một người con. Mỗi lần khoảnh khắc thoáng hiện ra đã lập tức được xua tan bởi dòng hồi ức tuôn như suối của bà Trương Ngọc Nữ...

• • •

Khoảng giữa năm 1930, khi vị Đại sư ẩn danh ở núi Ông Trịnh bắt đầu lâm trọng bệnh thì việc học võ và học đạo của Sơn Vương bắt đầu bị gián đoạn. Anh thường hay rời núi về Sài Gòn tìm thuốc cho thầy, sau đó tìm nơi ở trọ để tĩnh tâm bắt đầu theo đòi món nợ văn chương. Chỗ trọ đầu tiên của gã lăng tử là một xóm nhỏ ở xã Nhị Thành, huyện Hóc Môn. Tại đó,

Sơn Vương đã trót phải lòng một cô hàng xén. Buổi sáng, cứ đúng giờ Sơn Vương dậy chạy thể dục, luyện công thì đầu xóm, cô thôn nữ cũng dậy sớm để dọn hàng. Thói quen giờ giấc đã xui họ gặp gỡ, phải lòng nhau và lén lút ăn ở với nhau. Trót đa mang một kiếp giang hồ rày đây mai đó, Sơn Vương không lưu lại lâu dài nơi xóm vắng. Ngày rời đi, Sơn Vương không hề chia tay với người yêu, cũng chẳng có lấy một lời thề hẹn hay nhắn nhủ. Thói mai quán chiều lều đã khiến Sơn Vương không hề biết rằng có một giọt máu của anh đang hoài thai trong lòng cô thôn nữ. Khi cô hàng xén trở dạ sinh được một bé gái khaú khinh thì Sơn Vương đã bắt tắm cá nước chim trời, không một lần lai hồ cổ thổ. Một mình Sơn Vương vô tình nhưng cô thôn nữ thì không. Dù gã người tình không hề quay trở lại, cô vẫn lấy họ của anh để đặt cho con gái cái tên Trương Ngọc Nữ.

Ngọc Nữ càng lớn càng xinh đẹp, giống cha như đúc, được ăn học tử tế đàng hoàng. Sau này, qua lời mẹ kể, cô biết mình có một người cha phiêu bạt từ lâu nhưng hiện ở phương nào thì cô chịu chết. Ngoại trừ cái tên Trương Văn Thoại, cô không biết gì thêm về cha đẻ của mình.

Năm 17 tuổi, Ngọc Nữ bỏ nhà vào bưng theo kháng chiến. Nhờ có học thức, cô nhanh chóng trở thành thư ký của ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Bộ, sau đó trở thành thư ký riêng của trung tướng độc nhãn Nguyễn Bình. Thời gian đầu, cô gái trẻ gọi vị tướng bằng chú, không hay biết chú Bình chính là người em kết nghĩa Nguyễn Phương Thảo thời trai trẻ của cha mình. Tướng Nguyễn Bình cũng không may nghĩ đến việc cô thư ký trẻ trung xinh đẹp cạnh mình lại chính là giọt máu rơi của người anh kết nghĩa Sơn Vương. Thời kháng chiến, việc nước ngập đầu, không phải lúc nào người ta cũng có thời gian để nhận ra một mối duyên riêng tư kỳ ngộ, dù nó vẫn tồn tại ngay bên cạnh. Trong những lúc trò chuyện hiem hoi, cả hai chú cháu cũng chưa bao giờ nhắc đến Sơn Vương.

Có thể coi cô gái Trương Ngọc Nữ là một hình mẫu của típ sinh viên học sinh Sài Gòn xếp bút nghiên theo kháng chiến, đến với cuộc đấu tranh của cả dân tộc bằng cả bầu nhiệt huyết lẫn sự ngây thơ lãng mạn. Sự khắc nghiệt của chiến tranh không hề làm giảm mà ngày một tăng sự kính phục

hóa thành ngưỡng mộ trong lòng cô đối với Nguyễn Bình - vị tướng oai hùng và cũng rất hào hoa. Vì thế, trước những lời ngỏ ý gần xa của các anh Vệ quốc đoàn, cán bộ kháng chiến cùng cơ quan hay những người vì công tác thường có dịp ghé ngang khu bộ, cô gái trẻ vẫn không hề lay động. Tất cả tâm trí, tình cảm, cô dành hết để nghĩ về một người, không ai khác chính là vị tướng lớn hơn cô 15 tuổi. Dĩ nhiên, tướng Nguyễn Bình không khó gì mà không nhận ra tấm ân tình mà cô gái trẻ dành trọn cho ông. Trong thâm tâm, vị tướng cũng hết mực cảm mến, thường tỏ ra đặc biệt quan tâm chăm sóc cô nhân viên xinh đẹp. Không biết từ bao giờ, từ chú cháu, hai người đã đổi sang gọi anh, em trêu mếu. Nhưng tất cả chỉ dừng lại ở mức độ đó, bởi tướng Nguyễn Bình lúc đó đã có gia đình.

Mỗi tình cảm của cô học sinh thành thị bỏ nhà theo kháng chiến đang vào hồi vô vọng thì Ngọc Nữ nhận được hung tin: tướng Nguyễn Bình hy sinh khi trên đường ra Bắc công tác. Thương nhớ đã khiến lòng cô hóa đá. Từ đó, cô bỏ ngoài tai tất cả mọi lời ong bướm của không biết bao nhiêu chàng trai ngưỡng mộ, chỉ khư khư giữ trong lòng mình một hình bóng Nguyễn Bình mà không hề thổ lộ cùng ai. Thỉnh thoảng, để nguôi ngoai thương nhớ, cô lại len lén bày ra một trò mê tín: cầu cơ. Cô tin rằng đó là cách duy nhất để cô có thể tự do được trò chuyện, thổ lộ tâm tình với vị tướng đã khuất mà cô hằng yêu trộm nhớ thầm. Nhiều năm trôi qua, gia tài quý nhất mà cô giữ khư khư - đến tận ngày nay - là cuốn sổ dày chép lại hàng trăm bài thơ - “biên bản” những lần trò chuyện bằng cách cầu cơ giữa cô với linh hồn đã khuất của tướng Nguyễn Bình. Không nói thì ai cũng biết, trong những bài thơ ấy, cô cứ mãi là một Trương Ngọc Nữ vĩnh viễn 17 tuổi.

• • •

Năm 1964, khi tuổi thanh xuân đã sắp trôi qua hết, cô mới chịu lập gia đình. Chồng sắp cưới của cô là một kỹ sư hàng không dân dụng làm việc tại phi trường Tân Sơn Nhất. Ngày cưới sắp đến thì báo chí Sài Gòn đưa nhau đăng tin: Tội nhân chung thân cấm cố khổ sai Trương Văn Thoại, tức

nhà văn kiêm tướng cướp Sơn Vương lừng lẫy một thời sẽ được đưa về Sài Gòn để làm nhân chứng cho một phiên tòa. Đến lúc này, người mẹ của Ngọc Nữ mới cho cô hay Sơn Vương chính là cha đẻ của cô. Chưa kịp mừng vì biết tin cha còn sống, lại biết thêm rằng ông từng là một nhà văn, Trương Ngọc Nữ đã cảm thấy choáng váng và xấu hổ khi phải nhìn nhận mình có một người cha là tên cướp lừng danh. Nhưng tình máu mủ thiêng liêng đã trở thành sự thôi thúc mãnh liệt và không thể cưỡng. Nhờ sự tháo vát của người chồng chưa cưới, Ngọc Nữ đã xin vào được tận buồng giam để lần đầu tiên được biết mặt cha. Tất cả chỉ hai lần gặp mặt, mỗi lần 30 phút. Nước mắt mừng tủi của cuộc hạnh ngộ trùng phùng không san bằng hết được khoảng cách giữa hai cha con. Trừ những người trong nhà, Ngọc Nữ không hề kể cho ai nghe về cuộc gặp gỡ. Trong nhà tù, dù rất muốn, họ vẫn không hề gọi nhau bằng hai tiếng cha, con, chỉ gọi nhau bằng chú, cháu. Sơn Vương xấu hổ không dám xưng cha bởi với con gái ông không hề có ơn dưỡng dục. Ngọc Nữ thì cố chấp không chịu thừa nhận một tướng cướp là cha.

Tình trạng dửng dăng này tiếp tục tái diễn khi Sơn Vương được trả tự do vào năm 1968. Ra tù, Sơn Vương không về sống chung với vợ con mà tiếp tục số phận ăn quán ngủ đình. Vợ cũ của ông, mẹ của Ngọc Nữ đã mất, giữa hai cha con mỗi ràng buộc máu mủ cũng không làm mặn nồng hơn những tình cảm trước ngày gặp mặt nhau. Đôi lúc, có viếng thăm hay vô tình gặp gỡ, hai cha con vẫn cương quyết giữ cách xưng hô chú, cháu. Sơn Vương thỉnh thoảng cũng có viết cho con gái mấy dòng thư, chủ yếu để giải thích chuyện này chuyện nọ hoặc bày tỏ sự nuối tiếc với con gái. Cũng có khi ông gửi cho con gái một vài bức ảnh của mình nhưng lời đề tặng ở mặt sau lại cố tình ghi chệch đi là “Tặng cháu Ngọc Nữ, theo yêu cầu của cháu” hoặc một lý do gì đó tương tự, cố xóa đi mọi vết tích có thể giúp nhận diện mối quan hệ cha con. Hầu như Ngọc Nữ chẳng bao giờ trả lời thư ông. Nhưng không hiểu sao, tất cả mọi lá thư ấy cô đều cất giữ rất kỹ càng. Có lẽ, dù có bộc lộ hay không thì tình cha con cũng là điều có thật và không thể chối bỏ.

Sau năm 1975, bà Trương Ngọc Nữ theo chồng sang định cư tại Toronto (Canada). Mỗi liên hệ giữa hai cha con xa cách dần dần. Thậm chí khi Sơn Vương mất cũng phải nhiều tháng sau bà mới biết tin...

Tại Canada, gia đình bà Trương Ngọc Nữ sống tương đối bình lặng nhưng thành đạt. Ít nhiều một chút máu văn chương và nghiệp cầm bút của Sơn Vương vẫn còn được lưu truyền trong những hậu duệ của ông đang sinh sôi nảy nở ở xứ người. Một cô con gái bà Ngọc Nữ, tức cháu ngoại Sơn Vương hiện đang là chủ bút của tờ Sài Gòn Toronto, một tờ báo tiếng Việt xuất bản tại Canada. Chính vì mối quan tâm đối với lĩnh vực thông tin báo chí nên dù ở cách xa nửa vòng trái đất, gia đình bà Ngọc Nữ vẫn thường xuyên tiếp xúc được với không ít sách báo từ trong nước gửi sang. Nhờ đó, loạt bài viết của chúng tôi về quái kiệt Sơn Vương đã có dịp khuấy động một chuỗi hồi ức buồn trong tâm hồn họ. Theo lời của bà Trương Ngọc Nữ thì phải đến tận lúc đọc loạt bài viết của chúng tôi, bà mới hiểu rõ được thân thế của người cha đã khuất. Lần đầu tiên bà nhận ra rằng không chỉ là một tướng cướp mà danh xưng chỉ gợi lên một khái niệm tội lỗi hay một sự băng hoại về mặt nhân cách, người cha Sơn Vương của bà còn là một tay hảo hán thực thụ, coi thường và căm giận bạo lực áp bức, đầy lòng nhân ái với người nghèo. Những vụ cướp kinh thiên động địa của ông không phải chỉ để mưu cầu cho riêng bản thân một cuộc sống xa hoa mà hướng nhiều tới mục đích cứu giúp người khốn khó và trừng trị những kẻ nợ máu, làm giàu trên sự bần cùng và xương máu của nhân dân. Quan niệm, việc làm vị nghĩa của Sơn Vương có thể sai lầm về cách thức song rất đáng được trân trọng. Cũng chính vì những việc làm ấy nên ông mới phải giam thân hơn 30 năm trời phía sau song sắt nhà tù, cho nên mới không thể nuôi dạy con cho tròn đạo làm cha, kể cũng không thể trách. Hơn thế nữa, với một người cha như Sơn Vương, bà Ngọc Nữ tự thấy mình còn có thể tự hào, bởi người cha của bà đã ít nhiều dự phần vào lịch sử, hay nói đúng hơn, đã trở thành nhân chứng của một thời... Chưa hết, Sơn Vương còn là anh kết nghĩa của tướng Nguyễn Bình - người đàn ông mà hình bóng

đã khắc sâu vào đáy trái tim bà. Chỉ riêng điều đó thôi, với bà Ngọc Nữ cũng đã là tất cả.

Đáng tiếc, hiểu ra thì đã muộn. Người cha mà trong đời bà chưa một lần được gọi tiếng cha đã hóa người thiên cổ, tất cả còn lại chỉ là những giọt nước mắt tiếc nuối.

Không chịu đựng được nỗi dày vò, ngay sau khi đọc xong loạt bài trên báo, bà Ngọc Nữ đã vội bay ngay về Việt Nam để tìm gặp cho bằng được chúng tôi. Qua một người cháu họ - chị Hạnh, nhân viên tín dụng của Ngân hàng Vietcombank - bà Ngọc Nữ đã nhất quyết mời cho bằng được tác giả bài báo tới nhà để bà có thể nói một tiếng cảm ơn, đồng thời để được chia sẻ niềm hạnh phúc được thừa nhận có cha, cho dù hạnh phúc ấy đến với bà đã quá muộn màng.

Dĩ nhiên, là một người cầm bút, không ai có thể thờ ơ với số phận nhân vật của mình. Tôi đã thật sự cảm thấy hạnh phúc khi được trao lại cho bà Ngọc Nữ toàn bộ những hiểu biết, hình ảnh... về Sơn Vương mà tôi đã thu thập được. Không ai xứng đáng giữ những kỉ niệm về một người cha hơn chính một người con. Với tôi, được làm dấu gạch nối cho cuộc chuyển giao đầy ý nghĩa này thật sự là một duyên hạnh ngộ vượt ngoài mong đợi của nghề cầm bút.

Bà Ngọc Nữ cũng không giấu được nỗi xúc động và những giọt nước mắt lăn dài. Lần giở cuốn sổ tay ố vàng chép đầy cả trăm bài thơ, những lần trò chuyện trong tâm tưởng với vong linh tướng Nguyễn Bình, bà khoe với tôi cả một xấp hình ảnh, thư từ của Sơn Vương mà bà vẫn kẹp ở giữa, được cất giữ cẩn thận suốt mấy chục năm qua. Giữa bệ bộn những trang giấy cũ đã đổi màu ấy, tôi nhìn thấy còn có những bản sao giấy chứng minh nhân dân, vài trang bản thảo, một số hình ảnh giấy tờ của Sơn Vương, dăm ba trang báo mà ông là tác giả được cắt rời, thậm chí còn có cả một bản sao tờ phán quyết ly hôn của ông với người vợ thứ ba nữa. Bất cứ thứ gì có liên quan đến người cha, bà Ngọc Nữ đều cóp nhặt, gìn giữ lại như những kỷ vật. Những trang giấy cũ kia với bà là cả một gia tài. Run run lần giở từng mảnh nhỏ, bà khóc.

Theo hiểu biết của tôi, đến tận lúc chết, hiện hữu trên khuôn mặt Sơn Vương vẫn là một ánh nhìn với bờ môi mím chặt đầy khinh bạc. Tin chắc rằng giờ đây, dưới tuổi vàng, bờ môi ấy sẽ nhoẻn thêm một nụ cười thật hiền lành, thật ấm áp - nụ cười của một người cha khi được nhận mặt con.

Vũng Tàu, tháng 9.1999

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 9.2003

Đường đời trong lòng tay

Mãi đến sau này, khi đã là một “hoàng đế không ngai” ngự trị cùng lúc trên nhiều “vương quốc” như dệt may, sắt thép, máy nông ngư cụ... Lý Long Thân vẫn là một kẻ có lai lịch bí ẩn đối với mọi người. Ngay bạn bè thân cũng chẳng biết gì về Lý, chỉ nhìn thấy ông ta như một mẫu người tha hương thành đạt, giàu có và đầy quyền lực, có thể khuynh đảo cả một phần nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa. Hơn thế nữa, là một trùm mafia của miền Nam trước ngày giải phóng...

1 || Những cuộc “đảo chính từng phần” của gã làm thuê

Hồ sơ của cảnh sát ngục lập nhiều lần về Lý cũng chỉ sơ sài một vài thông tin cơ bản nhất. Theo đó, Lý Long Thân sinh ngày 27.8.1918, tại Amoy, Phúc Kiến, Trung Quốc. Cha mẹ của Lý, ông Lý Ngọc và bà Trương Thị đều là những nông dân nghèo khó. Đông con nhưng ít ruộng, chật vật lắm ông bà Lý Ngọc mới nuôi nổi anh em Lý bằng cháo kê, xá bầu (củ cải muối)... Tuổi thơ luôn thèm chỉ một bữa no đã đốt lên trong lòng Lý Long Thân khát vọng về một sự đổi đời.

Năm 1938, Lý Long Thân tròn 20 tuổi. Nghe lời bạn bè rủ rê, anh quyết định bỏ xứ đi tha hương lập nghiệp. Thu hết can đảm, Lý nhờ mẹ dẫn đến nhà người chú họ - một tay phú nông trong làng để vay mượn ít tiền làm lộ

phí. Thay vì móc hầu bao, người chú họ lại móc ruột móc gan mẹ con gã bằng những câu sỉ nhục:

– Đồ thối thây, ngữ mày thì đi được đến đâu mà học đòi bỏ xứ? Sức dài vai rộng thì làm gì mà phải đói. Về đi! Đừng bước vào đây mà bẩn nhà tao. Nhìn thử xuống chân xem có đi nổi đến đâu không?

Mặt đỏ đến tận mang tai, máu chảy giàn giết hoa cả mắt, nhưng Lý vẫn bất giác đưa mắt nhìn xuống. Trong đôi giày cỏ đã rách nát, những ngón chân đen đúa, móng vàng ệch vì lợi bùn đang thò ra ngo ngoáy.

Không thể chịu đựng nổi, Lý kéo mẹ trở về, đi mà như chạy, vấp ngã, xiêu vẹo trên con đường mấp mô mù bụi...

Tối hôm đó, Lý thức trắng đêm. Dưới ánh trăng vắng vặc, gã xoè rộng hai tay, ngó trân trân vào những đường rãnh chạy dọc ngang trên đó, đề cả lên những vết chai sần thô ráp, tự hỏi không biết đời mình rồi sẽ đổ về đâu.

Về đâu thì mặc, nhưng dứt khoát gã phải ra đi. Đẳng nào cũng chết, làm trai gã không muốn đời mình chết rũ ở xó quê heo hắt này.

Không tiền, Lý và A Chảy - một người bạn cùng xứ - vừa đi vừa làm thuê, đến giữa năm ấy, cả hai đã có mặt ở cảng Hải Phòng.

Nhưng Hải Phòng không phải là miền đất hứa cho những kẻ tha hương. Mang tiếng là một hải cảng quan trọng, nhịp thở kinh tế của nó vẫn lèo tèo, buôn bán không phát triển. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, nước Pháp - vừa ra khỏi chiến tranh để quốc chưa lâu - bị tàn phá nặng nề và trở nên kiệt quệ. Vì vậy chính sách của Pháp đối với xứ Đông Dương thuộc địa là tận thu. Than, thiếc, gạo, muối... và nhiều thứ hàng hoá, khoáng sản khác của xứ Việt Nam nghèo nàn cứ nối nhau tuôn xuống Hải Phòng rồi chảy vào giữa những khoang tàu thuỷ đang toang hoác miệng chờ; sau đó được chở về chính quốc mà không hề có một thứ gì hồi âm hay gọi là trao đổi trở lại. Xứ Bắc Kỳ quá nghèo, cuộc sống của người dân chỉ gồm những nhu cầu tối thiểu, đã bị cắt bỏ gần hết, thành thử hàng nhập về cảng hầu như biệt bóng. Nhìn toàn cảnh, Hải Phòng giống như một trạm tiếp hàng cho nước mẹ đại Pháp - khá tham lam và keo kiệt - hơn là thành

phố cảng - một cửa ngõ thông thương buôn bán. Nhà máy, công xưởng, rồi bến bãi hầu như không được đầu tư gì mấy, phô ra giữa nắng mưa một vẻ còi cọc, tiêu tụy. Giả sử không có dòng người Trung Hoa cầu thực inh ỏi gọi tìm nhau trên bến; không có đám du thủ du thực đánh chửi nhau ngoài cảng và không có những gã nhà quê ngờ nghệch bị nắng mất tay nải đang kêu khóc vẳng lên phía cầu tàu thì trông Hải Phòng chẳng khác gì một công trường thủ công của châu Âu thế kỷ XVII, XVIII bị bỏ quên cho đến tận bây giờ. Có điều, châu Âu thì Lý và A Chảy chưa đến, chưa nghe bao giờ, kể cả trong mơ, thế kỷ XVII, XVIII họ cũng chưa từng sống, cho nên những sự so sánh ấy cả hai đều mù tịt. Lý chỉ thấy cái hải cảng xa xôi ở phương Nam cũng chẳng khác gì hơn xứ Amoy của cậu, nghĩa là cũng nghèo khó, lam lũ, không một tí hứa hẹn gì sáng sủa hơn.

Khó khăn lắm hai kẻ tha hương mới lách qua được dòng người chen chúc vội vã, loảng ngoảng những bu gà, rọ lợn, và vô số những bị, những làn để vọt lên đến bờ. Và đứng nhìn nhau. Cái ngờ ngàng của phút đầu tiên đặt chân lên đất khách quê người không đủ mạnh để xua đi nét lo âu hằn lên trên khuôn mặt họ. Ngó chiếc ống khói phía xa xa đang tuôn lên vòm trời đầy bụi những cụm khói u ám và buồn bã, cả hai cùng khẽ thở dài. Rồi cuộc đời họ cũng như những cụm khói kia thôi, tha hồ cho gió đẩy đưa, lang thang vô định, không biết bao giờ mới được lai hồi cố thổ.

– Mà tính sao, Lý?

Nghe A Chảy hỏi Lý mới sức tỉnh. Gãi gãi mái đầu bờm xờm:

– Tao cũng không biết. Nhưng mà về thì không được, hết tiền rồi.

Vừa nói, Lý vừa lần cạp quần. Đếm đi đếm lại bao nhiêu lần, số tiền vẫn là 17 xu, chẳng hơn. Mặt A Chảy thụt ra. Lý cười:

– Kệ! Cứ lên phố rồi tính.

Nhưng A Chảy không muốn tính toán gì thêm. Quá chán nản với bước kiếm tìm vô định, A Chảy quyết định ở lại phụ bán mì với một người quen tình cờ gặp lại khi cả hai lang thang trên phố. Anh ta không muốn kéo dài thêm những hy vọng hão huyền về miền đất hứa, chưa chắc đã có gì tốt đẹp

hơn. Còn Lý, nhìn phố cảng chật hẹp và đầy bụi, lại quá đông Hoa kiều tha phương, gã thở dài, lắc đầu. Lại lén trốn xuống tàu, lại làm thuê, Lý lần mò vào được Sài Gòn.

• • •

Số phận bắt đầu mỉm cười với Lý Long Thân khi anh ta tìm được bang hội Phúc Kiến ở Chợ Lớn. Cùng kiếp bỏ xứ ra đi, những người Hoa Phúc Kiến đã chia sẻ và cứu mang Lý. Mắt to, sáng, trán rộng, mặt dài, ăn nói lễ phép dù rất thẳng tính, Lý Long Thân lọt vào cặp mắt ưu ái của Bang trưởng Phúc Kiến. Ông bèn bảo lãnh cho Lý được làm công trong hiệu kim hoàn Kim Thành nổi tiếng. Lý tỏ ra rất chăm chỉ, cẩn thận và sáng dạ nên được cả chủ tiệm, người làm công và khách hàng quý mến. Không ai biết, phía sau nụ cười cầu thân với tất cả mọi người là một toan tính mưu mô, đầy thủ đoạn.

Khách đến hiệu vàng Kim Thành toàn là những ông Đốc, bà Tham, những nhà buôn lớn, các tay được bạc... lắm tiền nhiều của, chi tiêu rất hào phóng. Cười rất tươi, Lý Long Thân nhã nhặn cảm ơn và từ chối những món tiền pour-boire lẻ tẻ, nhưng lại đưa ra những gợi ý hấp dẫn về mẫu mã nữ trang, lại sốt sắng chỉ mỗi, giúp đổi tiền cho khách, để sau đó ăn chặn được một khoản khá hơn nhiều.

Dần dà, Lý trở nên lọc lõi, trở thành một tay môi giới trong việc mua bán vàng và đổi tiền. Nhờ đó, y giàu lên rất nhanh. Khi chủ tiệm Kim Thành nhận ra điều đó thì đã muộn. Ông ta không thể đuổi việc Lý Long Thân vì trong số vốn liếng của hiệu vàng đã có một phần là của Lý hùn, hơn nữa anh ta lại là người nắm các đầu mối hàng quan trọng. Nghiễm nhiên, Lý Long Thân trở thành một đại lý kiêm nhà môi giới của hiệu Kim Thành, ăn hoa hồng.

Vốn thông minh và nhạy bén, Lý nắm bắt kịp thời các thời điểm lên xuống của giá vàng và nhanh chóng bung vốn của Kim Thành ra mua bán. Lời y ăn, lỗ (rất ít khi lỗ) hiệu Kim Thành chịu. Sau năm năm, số vốn của Lý Long Thân cứ không ngừng phình lên. Y trở thành một trong những

người có phần hùn lớn nhất của thương hiệu kim hoàn uy tín nhất Đông Dương, từ Sài Gòn - Hà Nội - Viên Chăn đến Nam Vang, với nhãn hiệu in hình quả núi. Đó là cuộc “đảo chính” lần thứ nhất của Lý Long Thân, đưa y từ thân phận một kẻ làm thuê lên hàng ông chủ lớn.

Khi số vốn đã lên đến bạc triệu, Lý bỏ Kim Thành, đứng ra lập Công ty môi giới địa ốc TONG YUAN. Sự quen biết rộng rãi và kinh nghiệm môi giới lúc còn làm cho Kim Thành đã giúp Lý tiến rất nhanh trong nghề mới, thu về bạc vạn mỗi tháng. Từ năm 1943, tiền kiếm được trong nghề môi giới, Lý đem hết vào mua cổ phần của công ty SAVICO - Địa ốc Thương cuộc. Đến năm 1945, cuộc “đảo chính từng phần lần hai” của Lý kết thúc với thắng lợi giòn giã. Với phần hùn chiếm đa số trong vốn pháp định bốn triệu đồng của SAVICO, Lý được bầu làm giám đốc công ty. Ngay lập tức, Lý cho mở rộng thêm mấy chữ “Xuất nhập khẩu” vào sau chức năng “Địa ốc Thương cuộc” của SAVICO, nhằm triệt để khai thác các nguồn lợi kinh tế đang tiềm ẩn trong mối quan hệ dân tộc giữa Hoa kiều Chợ Lớn với Đài Loan, Hồng Công và Đại Lục mà Lý Long Thân là một mắt xích.

• • •

Kinh doanh đúng hướng, nhanh nhạy và đầy ắp thủ đoạn, Lý Long Thân giàu lên vùn vụt, trở thành một nhân vật quyền lực trong cộng đồng người Hoa. Y cũng lột xác, vứt toẹt bộ mặt đạo đức siêng năng của một anh chàng làm công ngày nào, phơi bày bản chất độc đoán, tàn nhẫn của một kẻ kinh doanh đầy tham vọng và coi tiền trên hết.

Tháng 12.1947, một nhân viên SAVICO do sơ sót đã làm không đúng ý Lý Long Thân. Nổi giận, Lý đã xông vào đánh người nhân viên này gãy tay. Chưa hả giận, y còn đập cả vỏ chai rượu vào mặt anh ta, gây thương tích nặng. Kết quả: anh nhân viên xấu số phải đi cấp cứu và tàn phế suốt đời. Còn Lý, ngày 30.12.1947 phải ra hầu Toà tiểu hình. Nhờ vung tiền lo lót, Lý Long Thân mới thoát ngòi tù, nhưng bị phạt 500 quan về tội “vô ý gây thương tích”!

Có tiền, Lý Long Thân cũng bắt đầu nổi danh như một tay ăn chơi khét tiếng. Cứ chiều thứ bảy, y lại diện comple trắng, nón nỉ Boosalino đội lệch một bên leo lên một chiếc Peugeot Traction bên cạnh có ba vệ sĩ người Phúc Kiến đi mô tô hộ tống đến nhà hàng Đại La Thiên, sòng bạc Đại Thế Giới ăn chơi đập phá. Nhiều lần cao hứng, ngay trên sàn nhảy, y đã đứng lên tuyên bố “đãi rượu tất cả mọi người”. Tại Đại Thế Giới, Lý Long Thân kết thân với nhiều nhân vật có tên tuổi trong các bang hội Hoa kiều Chợ Lớn như Trương Duy Nhạc, cha con Điển Nam, Nghiệp Sô... Cũng tại đây, Lý Long Thân dần dà làm quen với nhiều vị tai to mặt lớn trong chính quyền, quân đội, trong đó có tướng Bình Xuyên đầu Tây Lê Văn Viễn (Bảy Viễn) cùng hai tên quân sư Lại Hữu Sang và Lại Hữu Tài. Biết thực lực Bảy Viễn còn mạnh, Lý ra sức chiều chuộng lấy lòng “cọc rừng Sác”. Cuối năm 1954, y đã ném ra cửa sổ một lúc 4 triệu đồng để tổ chức một buổi “nhất dạ đế vương” khao Bảy Viễn và một số kẻ chức quyền khác. Tại nhà hàng Đại La Thiên, Lý Long Thân còn độc quyền bao riêng một cô gái nhảy nổi tiếng là Lý Bing Bing - người được coi là Hoa hậu Phúc Kiến của Chợ Lớn. Ngay trong đêm “nhất dạ đế vương”, biết Bảy Viễn thích Bing Bing, Lý Long Thân đã ép cô gái phải ngã vào tay Bảy Viễn. Không dám từ chối “ông trùm” đồng hương và ông “cọc rừng Sác”, cô Hoa hậu đành phải vâng lời. Sáng hôm sau, Lý Long Thân gọi Lý Bing Bing đến, không thèm nhìn mệnh giá, ký ngay một tờ ngân phiếu thưởng cho cô gái. Đám thuộc hạ của cả Lý Long Thân lẫn Bảy Viễn đều trợn mắt vì cử chỉ coi tiền như rác này. Họ biết, mệnh giá nhỏ nhất trong tập ngân phiếu mà Lý mang theo cũng lên đến 50.000 đồng.

Với “đòn độc” này, Lý đã nắm hoàn toàn Bảy Viễn, tô phết thêm cho mình chút oai vệ quyền thế để cạnh tranh trên thương trường, được bảo chứng bằng những hòng súng của đám hàng quân Bình Xuyên đầy chất lực lâm thảo khấu.

2 || Nâng uy tín trên thương trường nhờ dao súng

Số tiền “khổng lồ” mà Lý Long Thân ném ra chi cho Bảy Viễn và thủ hạ thực ra không thấm vào đâu so với những nguồn lợi vô kể mà y thu được nhờ uy thế của viên tướng Bình Xuyên vốn dĩ vô biên. Về đầu Tây được ít lâu, Bảy Viễn được Pháp giao bảo vệ an ninh tuyến đường Sài Gòn - Vũng Tàu. Ngay lập tức, Lý Long Thân vạch ra một chương trình đồ sộ nhằm khai thác kinh tế trình cho Bảy Viễn: lập hãng xe đò Nghĩa Hiệp độc quyền vận tải tuyến Sài Gòn - Vũng Tàu; xây dựng một loạt nhà hàng khách sạn ở thành phố biển... Thấy lợi, Bảy Viễn cũng tham nhưng y ngần ngại vì không có vốn. Nghe “cọp rừng Sác” giải bày, Lý Long Thân mỉm cười, bảo:

– Khởi đầu bằng 500 lượng, Thiếu tướng thấy sao?

Bảy Viễn sáng mắt:

– Nếu vậy, tôi và anh coi như đã có hãng xe đò!

Lý tiếp tục vờn ông tướng vô biên óc ít:

– Phần nhà hàng khách sạn, bạn bè tôi ở nhà băng Việt Nam Thương Tín sẽ đứng sau lưng Thiếu tướng.

Chút ngần ngại của Bảy Viễn biến mất khi hai tên quân sư Tài, Sang cũng góp lời vào. Nói là làm, Lý Long Thân sang ngay cho Bảy Viễn 500 lượng vàng, nhưng dưới danh nghĩa của câu lạc bộ Thanh Sơn của người Hoa Phúc Kiến, đặt trụ sở ở nhà hàng Đồng Khánh.

Khi đã thu thập đủ vốn, Bảy Viễn lại giao lại toàn bộ việc thầu xây cất, mua sắm cho Lý Long Thân. Riêng trong “cú” thầu này, hai hãng TONG YUAN và SAVICO đã thu về cho họ Lý bạc triệu.

Một nguồn lợi khổng lồ khác mà Lý thu được nhờ uy Bảy Viễn là việc khai thác hai sông bạc Kim Chung và Đại Thế Giới. Trước đó, hai sông bạc này do một “xì thầu” có máu mặt của người Hoa tên là Lâm Giống cai quản. Với khoảng 300 tay đao dưới trướng, toàn loại đầu trâu mặt ngựa tuyển từ Ma Cao, Hồng Công sang, Lâm Giống tha hồ làm mưa làm gió ở

đất Chợ Lớn mà không một ai dám cạnh tranh. Trong một buổi trà dư tửu hậu ở nhà hàng Kim Huê, Giống tuyên bố:

– Khắp Nam kỳ lục tỉnh, may ra chỉ có Bảy Viễn Bình Xuyên mới đáng mặt được Giống này coi là bậc đàn anh.

Lý Long Thân biết Giống nói thật, vì dưới tay Bảy Viễn còn có cả ngàn tay súng và viên tướng đầu Tây còn nắm toàn bộ lực lượng Cảnh sát Quốc gia do Bảo Đại giao phó. Vậy là Lý rút tiền cho Moris Thiên - tay Phòng Nhì nằm cạnh Bảy Viễn - nhờ tên này thuyết phục. Bảy Viễn nghe xong lắc đầu:

– Tiền đâu chịu nổi, riêng thuế đã đến 500 ngàn mỗi ngày cho một nơi. Thằng Giống có cả đồng xì thầu Tàu hỗ trợ, tao đâu có ai!

Lúc này, tên cò mồi Moris Thiên mới tung bài tẩy:

– Ông Bảy thử hỏi ý kiến ông Lý xem sao?

Tất nhiên, Lý Long Thân nhận lời, với điều kiện y bỏ tiền đầu tư, còn Bảy Viễn chịu lấy danh nghĩa Bình Xuyên ra đấu thầu.

Ngay sau đó, Moris Thiên được Bảy Viễn và Lý Long Thân sai đóng vai thuyết khách đến nhà Lâm Giống. Moris Thiên ngỏ ý:

– Bình Xuyên có ý nhận đấu thầu đọt tới ở hai sông bạc Kim Chung và Đại Thế Giới, vừa tiện bảo vệ vừa có cơ sở kinh tài để nuôi quân, nay sai tôi tới thưa lại cùng Lâm xính xáng!

Biết mình yếu thế, Lâm Giống đành lặng lẽ rút lui. Riêng từ hai sông bạc này, trừ thuế và chi phí, Bảy Viễn và Lý Long Thân cũng còn thu lãi tới sáu bảy trăm ngàn mỗi ngày. Vì vậy, mỗi giao hảo Bảy Viễn và Lý Long Thân ngày càng gần bó.

Tuy vậy, tham vọng của Lý Long Thân trong việc lợi dụng Bảy Viễn vẫn chưa dừng lại. Qua mặt Bảy Viễn, y lại ném tiền ra mua chuộc được Trần Phước, một tay thân tín của tướng Bình Xuyên để cùng tên này buôn bán thuốc phiện.

Khi Bảy Viễn còn là một tay giang hồ trẻ tuổi chưa thành danh, y là tài xế riêng kiêm cận vệ của ông chủ Trần Phước. Vào thời đó, Trần Phước tỏ ra biệt đãi và thường khích lệ Bảy Viễn:

– Anh Bảy có tướng hổ, lưng gấu, thuộc hàng chọc trời khuấy nước chó đâu phải hạng tầm thường làm tài xế kiếm cơm.

Sau này, khi công thành danh toại, Bảy Viễn tri ân, gọi Trần Phước về cho làm quản lý hai sòng bạc Kim Chung và Đại Thế Giới, nắm giữ tay hòm chìa khoá. Lý Long Thân bỏ tiền ra, giao cho Trần Phước mua lại toàn bộ nguồn thuốc phiện của Bảy Viễn với giá rất rẻ. Thuốc phiện từ các nơi được xe quân đội chở về đại bản doanh của Bảy Viễn bên kia cầu chữ Y, sau đó Bảy Viễn lại cho xe riêng chở đến cho Trần Phước cất giấu tại nhà y, số 43 đường Lacaze cạnh Đại Thế Giới. Tại đó, Lý Long Thân kiểm hàng, giao tiền và giao hết số thuốc phiện này cho Mã Tuyên, một đại gia ở Chợ Lớn, tay chân tin cẩn đồng thời là cơ sở kinh tài của anh em Diêm - Nhu sau này, để Mã Tuyên cung cấp cho mạng lưới nhà hàng, tiệm hút khắp Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn và các tỉnh phụ cận. Hàng chuyển đi, Trần Phước sai các tên Ngô Kiều, Ngô Lâm, Bách Chúng, Bách Kiều... những tên võ sĩ lừng danh từ Hồng Công sang áp tải, tất nhiên cũng bằng xe riêng của “Thiếu tướng Lê Văn Viễn”! Riêng việc giao nhận hàng, họ Lý chỉ đến kiểm tra, còn mọi việc đều do Mã Tuyên trực tiếp tiến hành cho nên Lý Long Thân không để lại dấu vết.

• • •

Tốc độ làm giàu của Lý Long Thân trong giai đoạn này quả là chóng mặt, khó ai bì kịp nhưng chủ yếu đều nhờ vào những “cú” làm ăn trong bóng tối. Vì vậy, y nghĩ đến việc “rửa tiền”. Để làm việc đó, y lại tung tiền ra mua chuộc đồng thời nhờ uy thế của Mã Quốc Tuyên - Bang trưởng Phúc Kiến, Diến Nam - Chủ hãng đóng tàu Nam Hoà Hưng kiêm đại lý Hoa kiều tại Sài Gòn - Chợ Lớn và Hồng Cảnh Tùng - Phó Tổng lãnh sự Đài Loan tại miền Nam Việt Nam ép Ban Giám đốc Ngân hàng Việt Nam Thương Tín phải nhận Mã Tuyên vào làm chân “Hoa vụ kinh lý” cho ngân

hàng này ở Sài Gòn. Bên cạnh Mã Tuyên, Lý Long Thân đặt thêm một tay túc hạ tin cẩn là Trang Tôn (tức Trang Trinh Nghi) để tiến hành các phi vụ ám muội này. Được Mã Tuyên cấp giấy phép, Trang Tôn liên tục nhận tiền Đông Dương của Lý Long Thân đổi ra tiền franc Pháp, từ tiền Pháp lại đổi ra franc Thụy Sĩ rồi lại dùng franc Thụy Sĩ mua dollar Mỹ. Với loại ngoại tệ này, Lý đem bán lại cho Hoa kiều Chợ Lớn để họ chuyển về Hồng Kông, Trung Quốc mua hàng hoặc đầu tư, trả lại cho Lý bằng dollar Hồng Kông. Từ dollar Hồng Kông, y lại giao cho Trang Tôn đưa vào Ngân hàng Việt Nam Thương Tín đổi lấy tiền Việt. Cách buôn tiền này không những giúp Lý Long Thân xóa dấu vết của các nguồn tài chính phi pháp mà còn giúp y tăng nhanh số vốn ban đầu.

Những năm 1950, giới kinh doanh người Hoa ở Chợ Lớn luôn phập phồng lo sợ sự thay đổi chính sách của chính quyền đối với người Hoa trên đất Sài Gòn - Chợ Lớn. Họ rất ít đầu tư vào các lĩnh vực “ngâm vốn” như bất động sản, kỹ nghệ... mà chủ yếu kiếm tiền trong lĩnh vực buôn bán, sau đó gửi tiền về Hồng Kông, Đài Loan để đầu tư. Vì vậy, buôn tiền là một nghề sinh lãi cực lớn. Nghề này bị đặt ra ngoài vòng pháp luật nên ít kẻ dám làm. Nhờ thế lực hùng mạnh đã nắm trong tay, Lý Long Thân đã độc quyền thao túng nghề kinh doanh béo bở này. Không chỉ rửa tiền cho bản thân, y còn rửa tiền cho rất đông “xì thầu” Hoa kiều khác ăn hoa hồng tỷ lệ cao. Kết quả: tiền Việt mất giá, trong khi dollar Mỹ và dollar Hồng Kông lại tăng giá chóng mặt. Đến thời Diệm - Nhu, chính Ngô Đình Nhu đã chỉ thị cho cơ quan mật vụ (Sở Nghiên cứu chính trị) của Trần Kim Tuyến điều tra để phanh phui trừng trị những tên rửa tiền. Trang Tôn và hàng loạt tên đàn em khác bị bắt, bị bỏ tù. Tên tuổi Lý Long Thân cũng đầy chật trong các báo cáo của mật vụ ngụy quyền. Tuy nhiên, là một tên cáo già, Lý Long Thân đã xóa hết mọi dấu vết có thể dẫn Cảnh sát Hoạt vụ đến hỏi thăm ngay trong lúc tiến hành các phi vụ. Thêm vào đó, Mã Tuyên - đồng sự và là đàn em tin cẩn nhiều ân oán với Lý Long Thân lại đang là cánh tay kinh tài của Ngô Đình Nhu và Trần Lệ Xuân cho nên đã kịp thời cứu Lý Long Thân nhiều lần ngay trong tình thế đường tơ kẽ tóc. Hồ sơ về Lý Long

Thân tuy càng ngày càng dày lên trong Nha Cảnh sát Sài Gòn, nhưng chỉ dừng lại ở mức độ chung chung, đại loại: “Có nghi vấn nhưng thiếu nha chưa thấu thập được bằng chứng cụ thể nào về các tin tức nói trên của đường sự”.

3 || Ban ngày doanh nhân, ban đêm kẻ cướp

Ngoài quan hệ thâm giao với Bảy Viễn và Bình Xuyên, Lý Long Thân còn có quan hệ mật thiết gắn liền cùng các phi vụ mờ ám với ba nhân vật Hoa kiều tên tuổi khác, đó là Trương Duy Nhạc và cha con Điển Nam (tự ông Sơ), Nghiệp Sô (tự ông Tích).

Trương Duy Nhạc là chủ tiệm sắt Đức Hiệp Hưng, nổi tiếng giàu có và đầy uy lực. Y có phần hùn đáng kể trong công ty SAVICO của Lý Long Thân. Cha của Trương từng là một Bang trưởng Phúc Kiến đầy quyền thế tại Sài Gòn. Những ngày hàn vi, ngôi nhà số 37Bis, đường Ký Con của Nhạc cũng là nơi mở rộng cửa cho Lý Long Thân vào tá túc. Khác với Lý Long Thân xuất thân nghèo hèn, họ Trương đã liên tục mấy đời là dòng họ danh giá, có học thức và rất giàu có. Cha con Trương Duy Nhạc đều giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh và rất thạo nghề buôn bán lớn.

Khi Lý Long Thân đã trở nên giàu có thì Trương Duy Nhạc cũng nhờ uy của bố giành được vị trí Phó lý sự trưởng bang Phúc Kiến tại Sài Gòn. Đến đây, hai kẻ đầy mưu mô lại càng bắt tay nhau chặt hơn để cùng loại các đối thủ Hoa kiều khác ra khỏi các mối làm ăn, tranh giành lợi nhuận.

Giữa năm 1955, trước khi rút toàn bộ quân đội về nước chấm dứt vĩnh viễn sự dính líu quân sự ở Việt Nam, Pháp thông báo cho thanh lý các vật dụng nhà binh còn lại với giá rất rẻ. Hoa kiều ở mọi ngành kinh doanh đều đổ xô vào tham gia cuộc đấu giá này. Thấy lợi lớn, Nhạc và Thân cùng nhảy vào. Trương Duy Nhạc nhờ uy bố, Lý Long Thân mượn oai cha con Điển Nam, Nghiệp Sô (bang Quảng Đông) huy động một nguồn vốn rất lớn, tuyên bố sẽ “thâu toàn bộ số vật dụng nhà binh thặng dư” nói trên,

bằng cách đi cửa sau không qua đấu giá công khai. Thấy mất phần, các doanh gia tên tuổi người Hoa phản ứng. Lý Long Thân lại tuyên bố:

– Tôi chỉ là người đại diện, còn thầu lô này là ý định của ông Bảy Bình Xuyên.

Mỗi lần đi định giá một lô hàng, Nhạc và Thân lại vớt xe Peugeot ở nhà, leo lên xe cách-cách (xe cam nhông ngắn đuôi) của Bình Xuyên có đầy lính vũ trang và đích thân anh em Tài, Sang ngồi cạnh phóng đến. Ở vòng ngoài, cha con Trương Duy Nhạc cũng lịch sự chống ba-toong liên tục “đi thăm hỏi” các vị bang trưởng các bang người Hoa ở Chợ Lớn, ngỏ ý “lấy làm tiếc vì sự bất đồng của anh em” trong vụ “mỗi hàng còn con không đáng là bao” này. Dù rất hậm hực nhưng biết quyền thế của gia đình Trương Duy Nhạc quá mạnh, lại sợ dây dưa với Bình Xuyên nên bang trưởng các bang đều nuốt hận, ra lệnh ngầm cho người của phe mình rút lui khỏi các cuộc đấu giá. Kết quả, Nhạc và Thân độc chiếm quyền khai thác nguồn hàng, thu lãi ròng hơn 5 triệu bạc. Tuy nhiên Lý Long Thân lại khôn khéo lui vào sau, để quyền công khai đấu thầu cho một mình Nhạc. Vì vậy, bao nhiêu oán hận, giới thương nhân Hoa kiều đều trút lên đầu Trương Duy Nhạc và đám Bình Xuyên mà không để ý gì tới Lý Long Thân. Có kẻ còn thề sẽ có ngày “trả thù”.

Ít lâu sau, do chủ quan, cậy thế, Trương Duy Nhạc đã phạm sai lầm khi áp phe một lô mủ cao su trị giá 8 triệu đồng mà không thêm lo đủ giấy tờ. Tức khắc, một thương gia tên là Trịnh Công Quý, cũng hoạt động trong ngành kinh doanh nguyên liệu cao su, đứng ra tố cáo Nhạc sang đoạt bất hợp pháp lô hàng này. Chứng cứ rành rành, Nhạc bị tổng giam vào Chí Hoà. Lúc này Bình Xuyên cũng bị anh em Diêm - Nhu tận diệt. Thừa cơ, đám Hoa kiều thi nhau gửi đơn tố cáo Nhạc có quan hệ mờ ám với Bình Xuyên. Sợ liên lụy đến thân, Lý Long Thân vội vã bung tiền ra thu xếp với các bang Hoa kiều, lo lót với cảnh sát đồng thời cầu cứu Ngân hàng Việt Nam Thương Tín đứng ra bảo lãnh cho Nhạc. Cha của Nhạc cũng cầu cứu lãnh sự quán Đài Loan gây sức ép với chính quyền Diêm. Nhờ vậy Trương Duy Nhạc mới thoát khỏi hầu toà, vụ việc bị im đi vì “không đủ chứng cứ”.

• • •

Mối quan hệ của Lý Long Thân với cha con Điền Nam, Nghiệp Sô cũng khăng khít không kém. Điền Nam cũng là một tay cự phách có quyền lực ngầm cực mạnh trong bang Triều Châu, dưới trướng có gần 3000 người. Chính cha con Điền Nam, Nghiệp Sô đã cùng Lý Long Thân và anh em Lại Hữu Sang, Lại Hữu Tài vận động Bảy Viễn gây áp lực hậu thuẫn để đưa Mã Quốc Tuyền lên làm Bang trưởng Triều Châu, nhằm dễ bề thao túng cộng đồng Hoa kiều, đặc biệt với giới thương nhân trong các vụ làm ăn sau này. Điền Nam còn là một trong những người Hoa ở Chợ Lớn có dính líu nhiều mặt với Quốc dân Đảng ở Đài Loan và ở Đại lục. Y là kẻ phụ trách các hoạt động bí mật đem học sinh Hoa kiều về Đại lục bất hợp pháp, đồng thời là một đại lý chuyển ngân cho Hoa kiều đi Hồng Kông, Singapore, Đài Loan... trong đường dây buôn tiền của Lý Long Thân. Nghiệp Sô (tự ông Tích), con của Điền Nam giữ chức Phó lý sự trưởng Phòng thương mại Hoa kiều. Do đó, y đã thu xếp để nhận Lý Long Thân vào chức vụ Lý sự vụ của bộ phận này, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Lý Long Thân hoạt động rửa tiền và chuyển ngân phi pháp.

Vốn dĩ, giới làm ăn Hoa kiều rất tin vào tướng số. Dưới mắt họ, Lý Long Thân có chân mạng đế vương ắt hẳn sau này sẽ là một kẻ có tài kinh bang tế thế có thể lợi dụng được. Vì vậy, cha con Điền Nam, Nghiệp Sô cũng như khá đông tay có máu mặt khác của người Hoa đều không tiếc công của giúp đỡ Lý, đưa y leo dần lên từng nấc thang kinh tế và quyền lực trong bóng tối. Lý Long Thân biết rất rõ mục đích đó của những người đồng hương. Y cũng chờ cơ hội để có thể đáp lễ.

Thời cơ đến với Lý khi cha con Điền Nam, Nghiệp Sô mưu toan chiếm trọn khu đất Tân Địa Lộ đường Armand Roussau (Nguyễn Chí Thanh) để chuẩn bị xây nhà xưởng. Khu đất này có khá đông bà con lao động người Hoa sinh sống. Họ không chịu dời đi dù Điền Nam, Nghiệp Sô tìm mọi cách mua chuộc và dụ dỗ. Tháng 1.1955, cha con Điền Nam sai tay chân đến phá phách, đốt nhà để khủng bố tinh thần nhằm đuổi dân khỏi khu vực

này. Không may cho đám côn đồ, trong khu lao động Tân Địa Lộ còn có cả hai anh em Chu Chí Kinh, Chu Chí Vĩnh sinh sống. Cả hai đều là những tay giang hồ hảo hán thời hiện đại, rất giỏi võ và luôn sẵn sàng “đọc đàn thấy chuyện bất bằng chẳng tha”. Khi đám côn đồ định ra tay thủ ác, anh em họ Chu đã kịp thời có mặt đánh cho cả bọn chạy tan tác. Cha con Điển Nam tức lắm nhưng dưới trướng không có kẻ nào dám công khai đương đầu với anh em họ Chu. Việc đuổi dân chiếm đất càng khó khăn hơn khi bà con lao động tin tưởng, vừa đùm bọc bảo vệ, vừa nghe lời anh em họ Chu phát đơn kiện cha con Điển Nam, Nghiệp Sô. Chu Chí Kinh còn cùng với em đi khắp vùng Chợ Lớn gặp nhiều vị có thế lực và trọng công bằng của các bang hội Hoa Kiều khác nhờ giúp đỡ để chống lại âm mưu cướp đất. Không ít người vốn ghét các trò bất nghĩa của cha con Điển Nam nên đã nhận lời.

Đúng lúc cha con Điển Nam tưởng phải từ bỏ âm mưu thì Lý Long Thân mời họ đến. Tại văn phòng công ty SAVICO, Lý vạch cho “đối tác” thấy rõ: chỉ có tiêu diệt anh em họ Chu thì mới mong cướp được đất. Lý bảo:

- Việc đó, tôi xin giúp.

Điển Nam hứa:

- Một phần năm khu đất đó sẽ thuộc về ông Lý.

Lý Long Thân từ chối:

- Tôi sẽ còn nhờ Điển tiên sinh nhiều dịp, còn chỗ đất kia, Điển tiên sinh cứ giữ lại cho thêm rộng chỗ.

Nghe lời Lý Long Thân, cha con Điển Nam chấp nhận đưa vụ đất đai ra toà, và bỏ tiền ra lo lót.

Trong khi đó, Lý Long Thân lại mở tiệc chiêu đãi Lê Bình Nghĩa, trưởng Công an xung phong của Bình Xuyên. Tiệc đến cao trào, hai ả xăm xinh đẹp được Lý gọi ra, một ả nâng chiếc khay có đặt một phong bì dày cộp trao cho Nghĩa, ả kia tiêm thuốc phiện đưa mời tận miệng. Lúc này, Lý Long Thân mới ngỏ lời nhờ vả. Đang ngây ngất vì rượu, vì gái, tiền và khói thuốc phiện, Lê Bình Nghĩa chấp tay:

– Việc của Lý tiên sinh là việc của ông Bảy, việc của ông Bảy thì có chết, tôi cũng không thể chối từ.

Tháng 2.1955, anh em Chu Chí Kinh, Chu Chí Vịnh từ Chợ Lớn đón xe lên Sài Gòn định gặp ông Lương Tế Phi, Phó lý sự trưởng bang Quảng Đông mượn 10.000 đồng để đóng tiền hầu kiện. Khi xe đến dưới chân cầu chữ Y, một toán công an tự xưng là Công an xung phong chặn xe lại, lôi anh em Chu xuống đưa đi. Sau đó, họ không bao giờ xuất hiện nữa. Như răn mất đầu, số bà con lao động người Hoa đành rời khỏi lô đất Tân Địa Lộ để tránh bị bọn côn đồ cướp phá. Một số người có làm đơn trình bày vụ mất tích của Chu Chí Kinh, Chu Chí Vịnh nhưng không được trả lời. Lý do: họ bảo anh em họ Chu bị bắt cóc thủ tiêu nhưng không có ai đứng ra làm nhân chứng!

4 || Làm vua không được, làm giặc không xong...

Thâu tóm xong quyền lực chính trị ở miền Nam, Diệm - Nhu bắt đầu quay sang tấn công tiêu diệt quân đội của các giáo phái. Đầu tháng 12.1954, Bảy Viễn nhận được thư của Diệm “mời” vào dinh Độc Lập để “thảo luận một số vấn đề quan trọng của quốc gia”. Biết rõ mưu đồ của Diệm - Nhu, Bảy Viễn viện đủ cơ thoái thác không vào. Dĩ ngọt không xong, cuối tháng 12.1954, Diệm nhờ tướng Mỹ O’ Daniel “ném” tối hậu thư cho Bình Xuyên: “Nếu Thiếu tướng không chịu về với quốc gia thì chỉ sau một tuần, quân chính phủ sẽ giải quyết xong vấn đề Bình Xuyên”.

Bị đe dọa, Bảy Viễn nổi khùng văng tục và tuyên bố:

– Bình Xuyên có chiến lược riêng, thích ứng với thiên thời, địa lợi vùng sông nước Nam Bộ, chẳng việc gì phải sợ.

Thấy Bảy Viễn ngoan cố, đầu năm 1955, Diệm ra lệnh đóng cửa hai sông bạc Kim Chung và Đại Thế Giới, nhằm cắt đứt hầu bao nuôi quân của Bình Xuyên. Bảy Viễn quay sang cầu cứu tướng Pháp Paul Ely, nhưng nước Pháp đang sa lầy ở Algeria nên cũng đành làm ngơ cho Diệm thanh toán

giáo phái. Không chịu khoan tay chờ trời, Bảy Viễn lại cho gọi Lý Long Thân bàn bạc kế hoạch: đẩy mạnh phát hành đồng “Phật lăng Bình Xuyên” giao cho Lý Long Thân đổi ra dollar Mỹ hoặc franc Pháp, lấy số ngoại tệ đó mua súng đạn, khí tài và tuyển quân cảm tử để lập các đội khủng bố đối phó với anh em Diệm - Nhu.

Nghe đề nghị, Lý toát mồ hôi hột. Rửa tiền cho Bình Xuyên thì Lý có thể làm được, vì y có mạng lưới chuyển ngân dày đặc, còn các yêu cầu sau, Lý biết dây vào là cầm chắc mang tội chống chính phủ quốc gia, không chết vì ăn đạn cũng khó thoát khỏi tù đầy. Thấy Lý hoảng sợ, anh em Tài, Sang chơi bài ngừa:

– Diệm - Nhu diệt xong Bình Xuyên chắc ông Lý cũng khó thoát khỏi tội chết vì hồ sơ họ đây ra đó. Còn nếu Bình Xuyên đủ lương thảo, súng đạn cầm cự, mai một Quốc trưởng (Bảo Đại) về, ông Lý sẽ là bậc công thần, muốn tự do kinh doanh, Diệm - Nhu cũng không ép nổi. Ông Lý tính sao?

Đã cười lên lưng cộp, muốn xuống cũng không xong, Lý Long Thân đành nhắm mắt gật đầu.

Phải thừa nhận rằng Lý là tay cực kỳ tháo vát. Chỉ sau ít ngày, số tiền “Phật Lăng Bình Xuyên” vừa phát hành, Lý đã tiêu thụ sạch. Có ngoại tệ, Lý cùng Vương Nha Sinh, kẻ phụ trách tuyển quân của Bình Xuyên đi khắp nơi chiêu binh mãi mã. Lý đưa ra môi nhử: bất cứ người nào tham gia cảm tử quân của Bình Xuyên cũng sẽ được lãnh trước 10.000 đồng và sau đó người nào làm việc đắc lực sẽ có thưởng khác nữa. Thấy có tiền, khá nhiều tên du thủ du thực ở quận 6, quận 8 và vùng Chợ Lớn ào ào xin đăng ký đầu quân. Nhưng cứ cầm tiền xong, chúng lại tìm cách bỏ trốn.

Để trang bị cho đám này, Lý Long Thân lại nhờ mối giao hảo của một số thương nhân Hoa kiều móc nối với phòng nhì Pháp xin mua lại với giá thật rẻ một số súng đạn của quân Pháp ở Việt Nam chưa bị thanh lý hết! Sau đó, y “hợp đồng” với cha con Điền Nam, Nghiệp Sô để hai tên này cho tàu của hãng Nam Hòa Hưng chuyên chở vũ khí, lương thực tiếp tế cho quân Bình Xuyên. Giữa tháng 3.1955, Lý hồ hởi báo với Bảy Viễn:

– Vào cuối tháng này, Thiếu tướng sẽ có thêm 100 khẩu tiểu liên Thompson, M3, M1 và Garrand, 4 khẩu cối 60 ly và khoảng 10.000 viên đạn các loại.

Nhưng, mọi tính toán và hành động của Lý đều không lọt qua được con mắt nghề nghiệp lọc lõi của Lý Kai, chuyên viên á Châu thuộc Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hoà, thực chất là một mật vụ tin cần của Ngô Đình Nhu. Là một Hoa kiều, Lý Kai cũng có nhiều mối quan hệ khăng khít với cộng đồng người Hoa ở Chợ Lớn, đặc biệt là với số người Hoa Quốc dân Đảng Đài Loan. Trong số đó, không ít kẻ từng bị Lý Long Thân chèn ép trên thương trường nên luôn tìm cách dò xét mọi hành động của Lý để chờ dịp hạ địch thủ. Thông qua những người Hoa này, Lý Kai đã có đủ tài liệu để khép Lý Long Thân vào tội “hoạt động phiến loạn chống chính phủ”.

Đánh hơi thấy nguy hiểm, Lý Long Thân vội vã cầu cứu Bình Xuyên. Đang cần Lý Long Thân để lo vụ mua súng đạn, Bảy Viễn liền ra lệnh cho đội cảm tử của Vương Nha Sinh bắt cóc Lý Kai. Tuy vậy, Lý Long Thân vẫn chưa được yên. Khá đông nhân vật quyền thế trong các bang hội Hoa kiều đều khăng định: Việc Lý Kai bị bắt cóc có tay Lý Long Thân nhúng vào. Họ dọa tẩy chay và có biện pháp trừng phạt nếu Lý Long Thân không có biện pháp giải cứu cho Lý Kai. Không thể chạy sang yêu cầu Bình Xuyên thả Lý Kai vì như vậy có khác gì thừa nhận mối giao hảo với “quân phiến loạn”, Lý Long Thân bèn tính một “đòn gió”: y cùng Ngô Đắc - một Hoa thương tên tuổi của bang Triều Châu chạy khắp các nơi có thế lực, gõ cửa cả nhà của trùm mật vụ Mai Hữu Xuân yêu cầu có biện pháp giải thoát cho nạn nhân của... chính mình.

Mọi chuyện đang rối như mớ bòng bong thì đêm 29.3.1955, Bình Xuyên bất ngờ nã pháo vào dinh Độc Lập, chủ động tấn công quân chính phủ trước. Chỉ chờ có vậy, Ngô Đình Diệm cho mở ngay chiến dịch Hoàng Diệu “phản công lại”, giao cho Dương Văn Minh - mới được đặc cách lên đại tá - chỉ huy. Suốt năm ngày năm đêm, giao tranh đã xảy ra ác liệt trên dọc tuyến đường Bến Chương Dương, Hàm Tử từ cầu Nhị Thiên Đường, cầu chữ Y và kéo dài xuống tận cầu Tân Thuận. Càng đánh nhau, quân

Bình Xuyên càng yếu thế. Bảy Viễn vội thu quân về rừng Sác, lấy miền rừng ngập mặn làm căn cứ để “cầm cự chờ Quốc trưởng Bảo Đại về phán xử”.

Những ngày đó, Lý Long Thân hoang mang cực độ. Y vội vã gom góp tư trang tiền bạc, đóng cửa các văn phòng nhà xưởng nằm yên, vừa run vừa nghe ngóng. Cuối cùng, không thắng nỗi sợ hãi, ngày 14.5.1955, Lý Long Thân tính bài chuẩn, lấy vé định bay sang Hồng Kông chạy trốn. Nhưng máy bay chưa cất cánh, Lý Long Thân đã bị Cảnh sát Hoạt vụ còng tay lôi xuống.

Rất may cho Lý, y là kẻ đứng tên hùn vốn trong khá nhiều đường dây kinh tế của người Hoa. Nếu để y bị Diệm trừng trị, các cơ sở kinh tế ấy cũng bị vạ lây, bị cảnh sát tịch biên hoặc đóng cửa. Vì vậy cha con Diễm Nam, Nghiệp Sô, bang trưởng Triều Châu Mã Quốc Tuyền... vội vã đổ tiền ra để chạy tội cho Lý Long Thân. Ngay cả quyền Tổng lãnh sự Đài Loan Trần Tổ Tâm cũng đứng ra bảo lãnh và gây sức ép để Diệm tha Lý. Vì vậy, Lý mới được tại ngoại điều tra. Suốt bốn tháng trời, Lý Long Thân đã đổ tiền như núi để bịt kín tất cả các mối rò rỉ thông tin có thể đưa y ra toà. Đến tháng 9.1955, Lý mới thở phào: Bảy Viễn và hai tên Lại Hữu Sang, Lại Hữu Tài đã được Pháp giải thoát đưa sang Paris lưu vong. Đầu mỗi quan trọng nhất để buộc tội y đã bị chặt đứt, Lý Long Thân được đình chỉ điều tra. Vừa thoát chết, đầu óc nhanh nhạy của Lý đã nhìn thấy cơ hội làm ăn lớn. Trước mắt Lý, con đường dẫn đến ngôi “vua” đã bắt đầu rộng mở.

5 || Ông vua hai ngai

Trong kinh doanh, Lý Long Thân là một kẻ rất nhanh nhạy với thời cuộc, thông minh, táo bạo và cực kỳ thành đạt. Để loại trừ thế độc quyền kinh doanh, lũng đoạn thương nghiệp của giới kinh doanh Hoa kiều, Diệm - Nhu đã ra sắc luật cấm người Hoa kinh doanh một số mặt hàng và không được tham gia vào một số ngành nghề khác, trong đó có vải sợi, sắt thép, máy

móc v.v... Không chút đắn đo, Lý Long Thân bèn xin đổi từ quốc tịch Hoa sang quốc tịch Việt, nhằm né tránh sắc luật bất lợi này. Tiếp theo, tháng 3.1959, Lý lại ký quỹ một số tiền rất lớn vào Ngân hàng Việt Nam Thương Tín để được ngân hàng này tiếp nhận vào chức vụ Hoa vụ kinh lý - chuyên trách điều tra tài sản và thu hút vốn của cộng đồng Hoa kiều. Nhờ vậy, Lý có điều kiện thu hút vốn mạnh mẽ, cho ra đời hai công ty VINATEXCO (Việt Nam vải sợi công ty) và VINATEFINCO (Việt Nam vải sợi hoàn tất công ty) vừa sản xuất vừa kinh doanh xuất nhập khẩu, thao túng toàn bộ thị trường vải miền Nam Việt Nam. Riêng tại kho nhiên liệu của Lý ở gần ngã tư Bảy Hiền, hoá chất phục vụ cho ngành dệt nhuộm cũng luôn sẵn sàng cung cấp cho sản xuất trong vòng ba năm liên tục chưa hết. Nghiễm nhiên Lý trở thành một “hoàng đế” ngự trên “vương quốc” may mặc và vải sợi.

Chiến tranh ngày càng lan rộng, vũ khí, khí tài quân sự do Mỹ đổ vào miền Nam cho ngụy quân ngụy quyền ngày càng nhiều. Theo thời cuộc, một phần lớn những trang bị này bị loại bỏ trở thành phế liệu. Đánh hơi thấy nguồn nguyên liệu dồi dào, Lý Long Thân lại đứng ra thành lập nhà máy cán sắt VISACA, độc quyền tận thu nguồn nguyên liệu sắt từ các chiến trường. Với giá thu mua cực rẻ, Lý Long Thân đã có một nguồn nguyên liệu cực tốt và dồi dào để biến thành những sản phẩm xuất khẩu giá trị. Ngay cả thị trường Nhật Bản, Đại Hàn cũng rất chuộng loại thép thành phẩm do VISACA sản xuất cho nên công ty của Lý phát triển vùn vụt. Đến năm 1974, vốn của VISACA đã lên tới con số sáu trăm triệu đồng. Tuy nhiên, nguồn lợi thu được từ chiến tranh là miếng mồi quá lớn nên lắm kẻ có tiền, có quyền thi nhau nhảy vào xâu xé. Vì vậy, trong lĩnh vực sắt thép, phế liệu, dù cực giàu, Lý vẫn chưa thể làm một ông vua tận chiếm mọi quyền hành.

Để mị dân, tránh tiếng biến miền Nam thành thị trường tiêu thụ hàng ế thừa của Mỹ, ngụy quyền Sài Gòn liên tục đưa ra các khẩu hiệu như “chấn hưng kinh tế”, “bình định và phát triển nông thôn”, “cách mạng trong sản xuất lúa gạo”, “thay sức người bằng sức máy”... Với chiêu bài “ủng hộ chủ trương của chính phủ”, Lý Long Thân liên tiếp cho ra đời thêm hàng chục

công ty lớn, nhỏ nhằm nhập khẩu ồ ạt các loại máy móc nông ngư cụ, hàng tiêu dùng cung cấp cho thị trường. Với những khoản tiền đút lót hậu hĩnh, với nguồn tài chính hậu thuẫn cực mạnh từ Ngân hàng Việt Nam Thương Tín, Lý vừa trốn được nhiều khoản thuế lớn, vừa nhanh chóng và khéo léo lọt qua được các rào cản lỏng lẻo của luật pháp để làm giàu. Chỉ riêng một phi vụ nhập máy móc về “phục vụ sản xuất”, Lý đã cùng Nghiệp Sô - Giám đốc điều hành VINATEXCO cấu kết với Huỳnh Văn Lang - Viện trưởng Viện Hối đoái tìm cách trốn thuế khoản tiền lên đến 40 triệu đồng. Lý nhanh chóng trở thành một “vua nông ngư cụ” với 19 kho hàng và hàng chục nhà xưởng rải khắp Sài Gòn - Chợ Lớn. Bất cứ lúc nào, dãy kho nông ngư cụ của Lý ở Phú Thọ Hoà cũng có sẵn hàng trăm chiếc máy cày hiệu Kohler, Kubota vừa nhập cảng từ Nhật Bản. Tại đường Mạc Vân bên kia cầu Sài Gòn, các loại hàng tiêu dùng, phụ tùng xe máy của Lý chất kín trong năm dãy nhà kho đồ sộ. Ngay tại trung tâm thành phố Sài Gòn, tại đường Tôn Thất Đạm, cơ ngơi của Lý cũng chiếm ba dãy nhà là văn phòng của ba công ty lớn: Trường Phát, Quốc Tế Thương Cuộc và Đông Nam á, với giá trị hàng hoá của mỗi công ty từ 300 - 600 triệu đồng cho bất cứ thời điểm nào, đó là chưa kể những hàng hóa là phần hùn của Lý trong khá nhiều công ty khác, trị giá số hàng lớn này ở mỗi nơi cũng lên đến vài trăm triệu.

Để “cai trị” được một tài sản đồ sộ với nhiều ngành nghề khác nhau, tất nhiên một mình Lý Long Thân không thể nào lo xuể. Là người khôn khéo, giỏi nhìn xa trông rộng, Lý Long Thân luôn biết cách tạo ra những liên minh quyền lực chằng chịt và dày đặc nhưng mọi mối đều buộc vào một sợi dây nằm trong tay Lý. Ở hai công ty lớn của ngành dệt may thì Lý giữ chức Chủ tịch VINATEFINCO, Phó chủ tịch ở VINATEXCO trong khi một “cánh hẩu” khác là Trương Duy Nhạc làm phó ở công ty thứ nhất và làm chủ tịch ở công ty thứ hai. Riêng chức vụ Giám đốc điều hành VINATEXCO, Lý giao cho Nghiệp Sô - một kẻ thâm giao thừa kinh nghiệm lưu manh nắm giữ.

• • •

Khác với truyền thống kinh doanh của người Hoa, thường đưa con em hoặc thân nhân vào nắm giữ các vị trí then chốt của guồng máy làm ăn, Lý Long Thân không làm như vậy. Y từng tuyên bố: “Kẻ nào biết rõ về ta, kẻ ấy thắng ta một nửa”. Do vậy, Lý chủ trương chỉ tuyển các tay chân tin cẩn ở ngoài dòng tộc. Những kẻ này đều quen biết Lý thông qua các phi vụ làm ăn và đều là những tay sừng sỏ. Trong số đó có Châu Trần Tọa, một đồng hương Phúc Kiến hơn Lý năm tuổi. Châu là một thành viên Quốc dân Đảng vào loại “gộc” của Đài Loan, được Diệm cho phép hoạt động trong chi bộ Quốc dân Đảng của Trần Y Lệnh, bí thư cơ quan Đại sứ quán Trung Hoa Dân Quốc tại Sài Gòn. Tọa từng bốn lần sang Đài Loan mừng thọ Tưởng Giới Thạch với tư cách khách mời; từng làm Bang trưởng Phúc Kiến tại Chợ Lớn; từng vượt biên sang Nam Vang tham gia bàn bạc chủ trương với Phái đoàn kinh tế Việt Nam do Quốc dân Đảng tổ chức năm 1958. Nhìn thấy “thiên tài” của Châu Trần Tọa đối với các hoạt động trong bóng tối, Lý Long Thân đã không tiếc tiền của để kéo Châu về dưới trướng. Sau vụ đảo chính Diệm - Nhu (11.1963), Mã Tuyên bị hất khỏi chức vụ Mại bản (compradore) của Ngân hàng Việt Nam Thương Tín, Lý đã xuất 2,5 triệu đồng của VINATEXCO để ký quỹ và vận động công ty Tứ Hải Nguyên xuất thêm 10 triệu đồng bảo lãnh cho Châu Trần Tọa trám vào chức vụ này. Có được Châu Trần Tọa, Lý Long Thân càng tha hồ phù phép để buôn tiền và hợp thức hoá các nguồn tài chính đen để đã giàu càng tiếp tục giàu thêm.

Ở mỗi công ty, nhà máy, cửa hàng, ngoài các ban bộ bình thường, Lý Long Thân đều đặt thêm các tai mắt tin cẩn giám sát công việc kinh doanh và tổ chức các chiến dịch, phi vụ trong bóng tối. Thực tế, mọi quyền điều khiển hoạt động kinh doanh, ngân quỹ đều do những kẻ ẩn danh này nắm giữ và báo cáo trực tiếp với Lý Long Thân. Trong khi đó, Lý tuyệt đối không cho con cái tham gia vào việc làm ăn. Hai người con trai lớn là Lee Poon Leung và Lee Sok Wah được Lý gửi vào Đại học Kowloon (Hong Công) ăn học vì “thời thế đổi thay, không học không làm vua được mãi”.

• • •

Một trong những lý do khiến Lý Long Thân chỉ quan hệ làm ăn với người ngoài dòng tộc là để khi cần thiết, vì quyền lợi y có thể “bán đứng” kẻ chung lưng đấu cật mà không hề thương tiếc. Ngày 1.11.1963, anh em Diệm - Nhu bị đảo chính. Trước khi bị bắt, Diệm - Nhu có trốn ở nhà Mã Tuyên ở Chợ Lớn. Anh em Diệm - Nhu bị thanh toán xong, Mã Tuyên cũng bị phe đảo chính truy nã gắt gao, phải trốn chui trốn nhủi. Ngày 6.11, Mã Tuyên trốn được tới nhà Lý Long Thân. Là cánh tay kinh tài của anh em Diệm chắc chắn Mã Tuyên sẽ không còn cơ hội thoát hiểm để tiếp tục làm ăn, cho nên sẽ chẳng còn tác dụng gì với Lý Long Thân. Lừa lời ngọt nhạt, Lý phân tích thiệt hơn và khuyên Mã Tuyên trốn sang Nam Vang. 8 giờ tối, rời khỏi nhà Lý chưa được 300 mét, Mã Tuyên đã bị Cảnh sát chờ sẵn bắt đi. Để tránh tiếng phản bạn và những ánh mắt nghi ngờ từ cộng đồng người Hoa đổ về mình, ngày 26.11.1963, Lý Long Thân làm đơn gửi Đô trưởng Sài Gòn xin bảo lãnh cho Mã Tuyên ra Bệnh viện Grall (nay là Bệnh viện Nhi đồng II) chữa bệnh. Không ai biết Lý chạy chọt thế nào nhưng sau đó, đơn của Lý được chấp thuận. Tại bệnh viện Grall, cuộc thăm hỏi của Lý với Mã Tuyên chỉ diễn ra trong vòng vài phút. Mã Tuyên từ chối không thèm nhìn mặt Lý.

Vụ việc trên cùng với khá nhiều hành vi ám muội khác của Lý bất ngờ bị tuần báo Hành động lôi tuột ra ánh sáng vào tháng 3.1964 trong suốt ba kỳ báo. Uy tín, nhân cách của một “ông vua” bị báo chí quật cho tơi tả. Câu tiết Lý Long Thân đâm đơn kiện tờ Hành động ra Tòa tiểu hình. Vụ kiện kéo dài gần năm tháng. Cuối cùng “tờ báo cón con” không chịu nổi sức ép từ hàng núi tiền do Lý ném ra, đành chịu thất kiện. Lý đưa ra điều kiện: hoặc đình chính hoặc phải “bồi thường danh dự” bằng một số tiền khổng lồ. Để tránh “cái chết” chắc chắn sẽ xảy ra, ngày 26.8.1964, tờ Hành động đành phải đăng bài đình chính.

Công việc kinh doanh càng phát triển, Lý Long Thân càng thường xuyên phải xuất ngoại để mở rộng quan hệ. Mỗi lần xin đi, Lý lại một lần bị điều tra vì trong quá khứ, y có quá nhiều mối quan hệ mờ ám. Một lần nữa, Lý lại vung tiền mua khắp bộ máy nguy quân nguy quyền, từ Cảnh sát quận

đến Toà áo đỏ (toà thượng thẩm). Đồng tiền của Lý phát huy tác dụng khá triệt để: Ngày 13.12.1966, Chủ Ngọc Liên - Phụ tá Tổng ủy viên An ninh đã ký giấy chấp nhận cho Lý Long Thân “bạch hoá hồ sơ”. Kể từ đó, “đương sự Lý Long Thân” trở thành một người “sạch sẽ”, không bị điều tra lôi thôi tốn thì giờ khi đứng đơn xin đi đâu hay làm bất cứ việc gì. Nhưng Lý vẫn chưa thoả mãn. Y lại tiếp tục vung tiền mua chuộc hai viên đại tá ngục là Trần Văn Lâm - Tổng giám đốc Việt tấn xã và Tạ Văn Đức - sĩ quan Tổng cục tiếp vận Bộ tổng tham mưu để hai viên đại tá này ký giấy “bảo đảm cho bạn tôi, cam đoan chịu mọi trách nhiệm nếu đương sự có hành vi sai trái hoặc vi phạm luật pháp...”. Với sự bảo lãnh của hai viên sĩ quan cao cấp này, Lý Long Thân trở thành một “công dân lương thiện và đáng kính của xã hội”.

6 || Nhà tư bản cá mập

Càng giàu có, Lý Long Thân càng ra sức bóc lột công nhân. Thỉnh thoảng để chiều lòng quân ngục quyền đang tìm mọi cách bắt lính, Lý lại vô cớ tuyên bố sa thải một số nam công nhân để đẩy họ vào lính. Theo thống kê, trong ba năm 1962 - 1964, vật giá ở Sài Gòn tăng 48%. Cũng trong ba năm đó, công nhân ngành dệt may của Lý phải tăng năng suất lao động lên gần gấp đôi. Công nhân dệt từ chỗ đứng 25 - 30 máy/ người phải tăng lên đứng 50 máy/ người. Chưa hết, khẩu phần ăn của họ còn liên tục bị cắt xén, phòng nghỉ xuống cấp không được tu bổ, điều kiện vệ sinh rất kém. Vậy nhưng suốt ba năm, Lý không hề tăng lương cho công nhân. Vì vậy, ở hai công ty VINATEXCO và VINATEFINCO, đình công đã liên tục xảy ra. Để phá các cuộc đình công, Lý đã sử dụng tên Tô Tấn Phiếu - một chuyên gia phá hoại nội bộ công nhân của Quốc dân Đảng do Châu Trần Tọa tiến cử. Trong khi mức lương giám đốc công ty chỉ 4 - 5.000 đồng/tháng, Lý đã trả cho Tô Tấn Phiếu tới 8.000, rồi 10.000, sau lên 15.000 đồng/tháng.

Mỗi lần có nguy cơ nổ ra đình công tại các nhà máy công xưởng của Lý, Tô Tấn Phiếu lại cùng đám cò mồi đàn em tìm cách phát hiện chủ trương

đấu tranh, nhận diện người cầm đầu và ban lãnh đạo báo cáo cho Lý. Trong các cuộc đình công, đám cò mồi cố tình gây ẩu đả, đập phá để Lý Long Thân có lý do trừng phạt công nhân, phá vỡ đấu tranh. Lý thường vu cho những người lãnh đạo là “Cộng sản nằm vùng”, tạo bằng chứng giả để đưa cảnh sát đến xưởng đàn áp bắt bớ.

Nổi tiếng nhất là cuộc đình công đòi tăng lương, chống chủ đuổi công nhân cho nguy quân chiếm nhà xưởng xảy ra đồng lúc ở cả VINATEXCO và VINATEFINCO, nổ ra ngày 29.12.1963. Theo đúng bài bản, Lý cố tình tránh mặt, chỉ đạo cho giám đốc các xưởng sản xuất không nhận thỉnh nguyện thư vì “không đủ thẩm quyền”. Sau bốn ngày đấu tranh, công nhân đã tập hợp được hơn 1000 người đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ khá đông thợ thuyền các giới. Họ bắt giữ Triệu Diêu Đông - Cố vấn kỹ thuật của VINATEXCO và hai xưởng trưởng là Triệu Thọ Mậu và Trang Đình làm con tin. Bàn ghế, kiện sợi, thùng phi được công nhân ném ra làm chướng ngại vật để chống lại sự đàn áp của cảnh sát do Lý Long Thân mời đến. Đến lúc này, Lý mới hoảng sợ, hứa sẽ tăng lương nhưng chỉ tăng 4%. Công nhân không nhượng bộ. Ngày 8.1.1964, thêm hơn 1000 thợ của các công ty khác tiếp tục kéo đến ủng hộ và tiếp tế cho công nhân hai công ty đang đấu tranh. Hoảng sợ, Lý Long Thân liền viết đơn đề nghị chính quyền nguy “dập tắt cuộc bạo loạn do Cộng sản xúi giục và lãnh đạo”.

Ngày 17.1, một đại đội Cảnh sát dã chiến và một tiểu đoàn Quân cảnh trang bị súng ống, hơi cay, dùi cui xông vào VINATEXCO và VINATEFINCO đánh đập công nhân dã man, bắt đi hơn mười người. Liên tiếp những ngày sau, hai nhà máy đều bị cảnh sát bao vây, bắt thêm một số người nữa. Đến 21.1.1964, Lương Đệ, Tăng Bôi và toàn bộ đại diện công nhân đều bị bắt, các nhóm đấu tranh bị cô lập và tan rã trong khi Lý Long Thân vẫn không đáp ứng các yêu sách của họ...

• • •

Không chỉ tàn nhẫn với công nhân, Lý Long Thân còn nổi tiếng tàn bạo trong các cuộc cạnh tranh với những nhà doanh nghiệp khác. Ngày

12.5.1974, văn phòng công ty Đại Nam của Lý Long Thân nhận được điện của cơ sở ở nước ngoài báo tin: lúc 6 giờ sáng cùng ngày, tàu Viễn Đông đã rời cảng Stockholm (Thụy Điển) chở về Sài Gòn cho công ty X. 6000 tấn giấy gồm 4000 tấn giấy vở học sinh và 2000 tấn giấy in báo, đồng thời cũng cho biết luôn giá giấy trên thị trường thế giới. Đọc xong bức điện, Lý Long Thân nhanh chóng tính nhẩm ngay ra số lãi sẽ thu được, dù tàu giấy trên... không phải của y, và giấy cũng chưa bao giờ là ngành kinh doanh “mặn mòi” với Lý.

Tức khắc, Lý quyết định nằng tay trên món lợi. Y ra lệnh cho tất cả các cửa hàng dưới quyền mình hạ giá giấy 10%, riêng khu vực quanh Sài Gòn hạ tới 20%. Vài ngày trước khi tàu Viễn Đông cập bến, Lý lại ra lệnh hạ giá thêm 20% nữa, riêng khu vực cảng hạ tới 30% đồng thời đăng quảng cáo rầm rộ sẽ có hai tàu giấy từ Thụy Điển sắp về Sài Gòn với giấy tốt, giá rẻ. Thông tin của Lý quá ồn ào, giá bán giấy hạ quá đột ngột khiến tất cả các nhà in, các tờ báo, các nhà kinh doanh giấy đều lo ngại không dám tích trữ giấy, cũng không dám mua vào vì sợ không tiêu thụ được. Đích thân chủ công ty X. Đi chào mời mua giấy nhưng đến đâu, ông ta cũng chỉ nhận được những cái lắc đầu. Đã man hơn, Lý Long Thân còn chở giấy ra tận cầu cảng, phát không cho những người bán quà bánh, hàng rong mỗi người vài ba thếp trắng tinh. Tàu Viễn Đông về cảng Sài Gòn, ông chủ hãng X. Ra đón thấy giấy trắng gói hàng vứt vung vãi xung quanh, ông ta quá sức ngạc nhiên. Hỏi, ông ta được những người bán hàng trả lời:

– Giấy rẻ như cho, không gói quà thì để làm gì?

Tàu Viễn Đông về nằm khán tại cảng suốt mấy ngày vẫn không tìm ra người mua giấy, ông chủ hãng X. Ruột gan như muốn lộn tùng phèo. Đã vậy, hè đã đến, các cơ sở tiêu thụ lẻ cũng chẳng quan tâm mấy đến giấy vở vì không biết bán cho ai. Đúng lúc đó, người của công ty Đại Nam đến đặt vấn đề mua trọn số giấy của tàu Viễn Đông, dĩ nhiên là theo biểu giá đã hạ 50%. Lỗ nặng nhưng không bán không xong vì giấy ngoài thị trường càng ngày càng hạ giá, lại thêm tiền neo đậu bến bãi của tàu Viễn Đông càng ngày càng nhiều thêm, nhà tư sản ngành giấy đành phải gật đầu. Đã thua

đơn lại thêm thiệt kém, ông ta còn phải chở giấy đến tận kho của Đại Nam mà không được tính thêm một xu tiền cước. Vậy là 6000 tấn giấy nhanh chóng chui vào kho của Lý Long Thân với giá còn rẻ hơn giá gốc, lại không tốn đồng chuyên chở nào. Chỉ dăm ba ngày sau, giá giấy lại dần dần nhích lên. Một số báo chí nhanh nhẩu khám phá ra rằng vụ “hai tàu giấy đang về Sài Gòn” chỉ là tin “bố láo”, lại càng khiến giấy tăng giá, đúng như bài bản mà Lý đã vạch.

Khi hiểu ra toàn bộ cơn sốt tăng, giảm điên cuồng giá giấy nói trên đều là trò phù thủy của “Vua” Lý Long Thân, nhà tư sản ngành giấy kia chỉ còn biết nước mắt lưng tròng và ngửa mặt than trời. Vụ “chó ăn xương chó” này - như cách gọi của báo chí Sài Gòn thời đó - càng khiến tên tuổi Lý Long Thân lừng lẫy, chứng tỏ quyền lực lũng đoạn kinh tế ghê gớm của y là không đối thủ.

• • •

Nhưng, mọi thủ đoạn đều không giúp Lý Long Thân tồn tại được vĩnh viễn. Những binh đoàn quân giải phóng đã tiến thẳng vào Sài Gòn trưa ngày 30.4.1975, quét sạch toàn bộ bộ máy ngụy quân ngụy quyền Sài Gòn, quét luôn cả mọi tham vọng và thủ đoạn làm giàu bất lương của ông vua không ngai Lý Long Thân.

Biết không còn đất sống cho những thủ đoạn lọc lừa, ngay sau giải phóng, Lý đã cùng sáu người khác mua thuyền vượt biên và bị bắt tại Bến Tre. Và chính lúc đó, mọi quyền hành, mọi thế lực hống hách đều biến mất, Lý trở lại đúng với bản chất một kẻ trọc phú - giàu tiền của nhưng nghèo sĩ khí. Trước khi cánh cửa buồng tạm giam khép lại, Lý đã nước mắt nước mũi chảy dài và gào toáng lên:

– Cho tôi ra, cán bộ ơi, cho tôi ra. Tiền của tôi còn nhiều lắm!

Cũng như nhiều nhà tư sản mại bản khác, sau đợt cải tạo công thương nghiệp, Lý Long Thân đã ra nước ngoài định cư, sống nốt quãng đời còn lại. Hình như ở một góc nào đó trên đất Mỹ xa xôi, ông già Lý Long Thân,

đã lần đi nhiều, vẫn xoè đôi tay nhìn đường đời đan chằng chịt dọc ngang trên đó và lăm bằm:

– Qua mất rồi... Hết tất cả rồi!

Sài Gòn, trong những ngày chờ World Cup

Cuối tháng 5.1998

Huyền thoại về một gánh ve chai

Đầu húi cua, khuôn mặt gầy và khắc khổ luôn chau lại như kẻ đang lo chạy gạo từng bữa, trông tướng mạo Lâm Huê Hồ chẳng khác nào một anh đập xích lô đông con vất vả. Bà Huỳnh Hương - vợ Lâm - trông bề ngoài cũng chẳng sang trọng gì hơn. Nhưng bất chấp những nét bần tướng mà số phận áp đặt, Lâm Huê Hồ vẫn là một tỉ phú lừng danh khắp Sài Gòn - Chợ Lớn trước ngày giải phóng, một vua ngân hàng, vua của các vua, trùm chủ nợ của các tỉ phú khét tiếng khác. Độc đáo hơn, được tôn xưng là “vua ngân hàng” nhưng Lâm chưa bao giờ nắm trong tay một ngân hàng nào cả.

Thực ra, nếu có ai nhìn tấm áo sờn bạc, dáng điệu lam lũ của vợ chồng Lâm để đánh đồng họ với những tay ve chai đồng nát thì cũng chưa hẳn đã là sai lầm, bởi đó đích thực là khúc dạo đầu cơ cực của cuộc đời Lâm.

Sinh năm 1923, tại thị trấn Chin Can, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, hơn 20 năm sau sang sinh sống tại Chợ Lớn, Lâm Huê Hồ cũng chỉ có hai bàn tay trắng. Cái nghèo đẩy bạt Lâm Huê Hồ ra khỏi quê hương. Đến khi lấy vợ, Lâm Huê Hồ thậm chí cũng không biết cha mẹ đẻ - ông Lâm Sa và bà Pho Thị ở Trung Hoa lục địa còn sống hay đã chết để báo tin. Huỳnh Hương còn khổ hơn, mồ côi cả cha lẫn mẹ.

Lập luận của Lâm Huê Hồ khi đến với nghề ve chai đồng nát quả là đơn giản:

– Bán bất cứ thứ gì người ta muốn mua, và mua bất cứ thứ gì người ta muốn bán.

Cần mẫn, tần tiện, sau vài ba năm Lâm đã có một số vốn nho nhỏ. Anh ta quyết định chuyển sang mở tiệm tạp hóa. Chủ trương mới của Lâm là buôn một triệu tiền gạo để có một triệu một thì khó nhưng mua chai dầu một đồng đem bán hai đồng thì dễ. Hơn thế nữa, hàng tạp hóa quay đồng vốn nhanh và chẳng bao giờ sợ tồn ế hay bị lỗ. Tiền lời từ tiệm này, Lâm gom góp lại mở thêm tiệm khác để tận thu khách hàng. Đến khoảng năm 1958, Lâm Huê Hồ đã có trong tay một mạng lưới tạp hóa phủ khắp Chợ Lớn. Nhưng vốn kín kẽ, không bao giờ Lâm tiết lộ với ai con số cụ thể mà mình đang nắm.

Khi cuộc sống đã khá phong lưu, Lâm vẫn tiếp tục làm một người mua phế liệu, có điều làm chủ thầu chứ không còn làm vai gánh. Tất cả những thứ vứt đi, Lâm đều mua tất. Anh ta nuôi một đội quân chuyên phân loại, sàng lọc và tân trang phế liệu. Không ít món đồ bỏ, sau khi tân trang Lâm đã bán lại được với tỉ lệ một vốn bốn... chục lời.

Cú làm ăn lớn đầu tiên của Lâm diễn ra vào tháng 7.1956. Tình cờ, Lâm quen biết Ba Phát, một thợ sửa xe đạp ở Thủ Thiêm và được người này dẫn mỗi đến trung úy Nguyễn Thúc Phụng - Chỉ huy trưởng Hải đoàn 24 (Hải quân) đóng tại Cát Lái. Hải đoàn 24 có một số quân dụng khá lớn đang định thanh lý. Ban đầu, nhìn dáng dấp cò con của Lâm, Phụng ngần ngừ. Với một phong bì khá dày chìa ra đúng lúc, Lâm đã khiến viên trung úy tươi nét mặt, đồng ý bán cho Lâm 30 tấn sắt, 300 kg nhôm và 50 kg đồng phế liệu với giá 40.000 đồng tương đương với giá một chiếc xe hơi loại tốt, giao tiền tận tay ngay lúc nhận hàng. Lâm thuê ba xe tải loại 6 tấn đến chở về kho. Kết quả của chuyến làm ăn: lỗ chổng vó! Chạy đến Thủ Đức, đoàn xe bị nhân viên Nha Quan thuế chặn lại và tịch thu toàn bộ vì không có giấy tờ hợp lệ. Sau hơn 10 ngày bị Bộ Quốc phòng ngưng điều tra, Lâm đành chịu mất thêm 100.000 đồng đóng phạt mới tránh được ngồi tù.

Tuy lỗ nặng nhưng Lâm Huê Hồ không nản lòng. Trong đầu óc nhanh nhạy của Lâm, một hướng làm ăn mới rất béo bở đã mở ra. Giao hết công việc điều hành kinh doanh tạp hóa cho vợ, Lâm Huê Hồ bỏ ra gần ba tháng trời rông rã đi điều tra chi tiết mọi ngõ ngách của nghề thầu phế liệu quân

đội, làm quen, dãi dẳng khắp các mối quan chức từ nhân viên quan thuế đến sĩ quan các đơn vị đồn trú có nguồn hàng. Để qua được khâu giấy tờ, Lâm quyết định rủ thêm một vài dân biểu, tướng tá hoặc quan chức các nha, ty hùn hạp. “Tiền bạc, ngộ lo tất” - Lời hứa của Lâm nhanh chóng nhận lại sự đồng ý cộng tác mà anh ta đang chờ đợi.

Tuy vậy, suốt 4 năm liền sau đó, Lâm Huê Hồ vẫn không vội vã. Anh ta chỉ thu mua phế liệu dân dụng, còn phế liệu quân dụng Lâm tự biết rằng chưa đến lúc. Cẩn thận, nhưng Lâm Huê Hồ vẫn bị thêm hai lần ra tòa đóng phạt nữa, vì tội gian thuế và nhập hàng trái phép. Cũng không đáng là bao, vì lúc này tài khoản của Lâm tại ngân hàng BFC đã lên đến hai triệu đồng, đó là chưa kể hai ngôi nhà ở đường Trần Thanh Cần và Trần Chánh Chiếu cùng với một số xe hơi, xe tải khác trị giá hơn 2 triệu đồng nữa. Lẽ tất nhiên, tên tuổi Lâm Huê Hồ được xếp vào hàng triệu phú.

• • •

Tháng 8.1961, Hãng tàu kéo SATAV đăng báo thanh lý tàu Algol vì đã quá hạn sử dụng. Lúc này, tiềm lực của Lâm Huê Hồ đã khá mạnh, ông ta quyết định dự thầu và trúng thầu. Nhưng dự định đưa tàu Algol về cảng Ba Son sửa chữa tân trang của Lâm Huê Hồ không thực hiện được. Sau khi điều tra về Lâm, Nha An ninh quân đội ngay đã làm công văn gửi các nha, ty khác đề nghị bãi bỏ quyền trúng thầu của Lâm, vì lo ngại ông ta sẽ tiếp tục phạm pháp. Công văn do đại tá Đỗ Mậu, Giám đốc Nha An ninh quân đội ký ngày 29.8.1961, có đoạn: “Nha tôi e rằng nếu đứng chủ một chiếc tàu, y có thể sẽ tái phạm và sẽ buôn hàng quốc cấm trong tương lai”.

Không cam chịu từ bỏ món lợi béo bở, Lâm Huê Hồ một mặt tìm người đứng tên khác để tái thầu, một mặt tìm cách tẩy trắng các tiền sự trong hồ sơ cá nhân. Cho rằng lót tay 100.000 đồng để được giảm giá bán một triệu đồng thì ngu mới không làm, Lâm đã không tiếc tiền đổ ra lo lót. Cuối cùng, chủ thầu Algol không chỉ mang tên mình Lâm mà còn có nhiều sĩ quan cấp tá, nhà buôn khác cũng đứng chung, với mục đích mua tàu để khai thác phế liệu. Mặt khác, hồ sơ về Lâm cũng dễ coi hơn, vì “tuy từng vi

phạm tội gian lận thuế thương vụ và Quốc phòng nhưng đương sự đã điều đình với Nha Thuế vụ và Quan thuế đóng phạt đầy đủ”. Do đó, việc Lâm mua tàu làm phế liệu đã được chứng nhận là “không trở ngại về phương diện chính trị”. Cuối cùng, con tàu nằm gọn trong tay Lâm, tuy phần lãi có ít hơn vì phải chia năm xẻ bảy. Thừa thắng xông lên, Lâm Huê Hồ mua luôn một hơi sáu chiếc tàu, cũng của hãng SATAV. Tất nhiên, Lâm chẳng đại gì đem phá chúng ra lấy sắt vụn. Đó chỉ là lý do để được hưởng giá mua ưu đãi. Sau đó Lâm đã huy động vốn, biến 6 con tàu này thành tàu thủy chở hàng. Sợ rằng nếu tự mình khai thác các con tàu thì khó tránh khỏi tội gian lận thương mại, Lâm đem bán chúng ngay với giá khá dễ chịu, nhưng số tiền thu lại vẫn rất khổng lồ. Các vụ mua bán ấy đều né, không sử dụng cái tên Lâm Huê Hồ.

Với số lưng vốn đã đến bạc tỉ, Lâm tiếp tục vươn tay sang thầu phế liệu cho ngành hỏa xa. Gần như toàn bộ đầu máy, toa xe, đường ray và tà vẹt chế tạo từ thời Pháp được thanh lý đều lọt vào tay Lâm. Có lúc, ông ta mua nguyên cả đoàn tàu với giá phế liệu. Nhờ “lại quả” rất hậu hĩnh, Lâm được khá đông nhân viên, quan chức ngành hỏa xa tiếp tay làm ăn trong nhiều năm liên tục. Để có sắt vụn bán cho Lâm hưởng hoa hồng, nhiều đoạn đường sắt còn tốt, nhiều toa xe chưa đến tuổi thanh lý đã bị đám quan chức hỏa xa phao lên bị Việt cộng đặt mìn, bị du kích phá hỏng, cần thay thế và gọi Lâm Huê Hồ cho xe tải tới chở.

Khoảng năm 1963-1964, số lượng vụ việc Việt cộng đặt mìn phá ngành hỏa xa đột ngột tăng vọt khiến An ninh Quân đội ngụy đâm nghi, phải mở cuộc điều tra. Trong khi đó, cùng với nhà thầu Du Khê, ngày 22.12.1964, Lâm Huê Hồ lại trúng thầu toàn bộ phế liệu ngành này. Do vậy, đầu năm 1965, cả hai bị kiểm tra kho bãi phế liệu và điều tra. Rất khôn ngoan, phế liệu mua đến đâu, Lâm bán lại ngay cho các hãng chế biến sắt thép của Lý Long Thân, Hoàng Kim Quy đến đó nên chẳng có dấu vết gì lưu lại để kết tội ông ta. Riêng Du Khê chậm chạp hơn, cả năm 1965 phải liên tục vác chiếu hầu tòa.

Cũng với thủ đoạn như vậy, Lâm Huê Hồ tiếp tục thầu phế liệu cho ngành quân đội, trong đó đồng là loại phế liệu được Lâm quan tâm nhất vì có giá cao hơn cả. Hỗ trợ cho Lâm tích cực nhất để trúng các mỗi thầu là Vĩnh Lộc - một tướng trẻ đang lên.

Khi Vĩnh Lộc được bổ lên làm Tư lệnh vùng II chiến thuật trấn giữ miền Cao nguyên, tin tức về chiến sự vùng này bỗng nhiên tăng vọt. Pháo binh ngụy ở các căn cứ Đắc Tô, Tân Cảnh, thị xã Kontum được lệnh nã đạn liên hồi kỳ trận vào các tọa độ “nghe có địch quân xuất hiện” ngày một nhiều để “ngăn chặn tầm xa”. Địch quân tổn thất ít hay nhiều e khó thống kê, nhưng số lượng xe tải do Lâm Huê Hồ gửi lên chở vỏ đạn về Sài Gòn thì tăng lên thấy rõ. Tuy nhiên, chuyện xảy ra ở các vùng chiến sự ác liệt quá xa tầm với của cảnh sát và quan thuế nên Lâm Huê Hồ hoàn toàn vô sự, tha hồ đẩy nhanh tốc độ làm giàu lên chóng mặt, mau chóng trở thành một đại tỉ phú khét tiếng của Sài Gòn - Chợ Lớn.

Dù vậy, ngành kinh doanh sắt thép, phế liệu, đặc biệt là phế liệu quân đội, Lâm Huê Hồ vẫn chưa chiếm cứ được ngay vàng để độc quyền khai thác. Nguồn lợi của ngành này quá lớn nên rất nhiều kẻ có máu mặt, trong đó có cả vua vải sợi Lý Long Thân, vua kẽm gai kiêm thượng nghị sĩ Hoàng Kim Quy... cũng xắn tay áo nhảy vào chia phần. Không ít lần, mỗi hàng của Lâm Huê Hồ đã bị ông nghị Hoàng Kim Quy mượn tay chính quyền và quân đội năng mất. Biết mình yếu thế, Lâm Huê Hồ đành ngậm bồ hòn làm ngọt. Cao thủ hơn, để “dĩ hòa vi quý”, Lâm còn sẵn sàng đứng ra làm nhà cung cấp nguyên liệu sắt cho hãng dây thép gai của Hoàng Kim Quy. Sự nhún mình của Lâm đã khiến đôi bên cùng có lợi, tránh được một cuộc chiến khốc liệt suýt xảy ra giữa hai ông vua trên cùng “vương quốc” phế liệu.

• • •

Gần như một thứ tập quán, giới làm ăn Hoa Kiều rất ngại dây dưa với chính quyền, cảnh sát. Những tài xì thầu làm ăn lớn, có máu mặt cũng ít khi mở trương mục hay vay tiền của các ngân hàng tại Việt Nam. Lý do: tài

khoản của họ tại ngân hàng dễ bị phong tỏa khi việc kinh doanh có vấn đề trực trặc. Vay tiền ngân hàng lại phải khai báo tài sản, trình luận chứng kinh doanh... vốn là điều tối kỵ, lỡ có thua lỗ, tài sản dễ bị tịch biên như chơi. Vì vậy, họ chỉ chủ yếu vay mượn qua lại trong cộng đồng, lãi suất dễ chịu hơn, lại đỡ khâu giấy tờ phiền phức. Tuy nhiên, không phải lúc nào họ cũng có thể tìm ra người có tiền cho vay, còn khi có tiền nhàn rỗi họ cũng chưa chắc đã dám cho vay vì sợ khó đòi. Phát hiện ra điều đó, trong tay lại đang có bạc tỉ, Lâm Huê Hồ quyết định nhảy vào ngành kinh doanh tín dụng, nhưng không mở ngân hàng.

Chính sự nhún nhường trong các vụ áp phe lớn nhỏ trước đây đã tạo cho Lâm uy tín cần thiết để kinh doanh tín dụng. Khi vay tiền của ai, Lâm thường đáo nợ rất đúng hạn. Ngoài tiền lãi thỏa thuận, Lâm còn giữ mỗi bằng những khoản lại quả khá hậu hĩnh. Ngược lại, khi có người nhờ vả, Lâm cũng luôn sẵn sàng giúp đỡ mà không đòi hỏi hay đặt điều kiện gì quá đáng. Vì vậy, cả người cần vay tiền lẫn người có tiền dư đều thích tìm đến Lâm. Tại trụ sở của ngân hàng không đăng ký đặt tại 70 Trần Chánh Chiếu và 12 Trần Thanh Cần của Lâm, khách ra vào nườm nượp mỗi ngày. Thủ tục vay rất đơn giản. Khách chỉ cần ký xác nhận vào một cuốn sổ ghi nợ do các thư ký của Lâm đưa tới và cam đoan ngày trả là xong, có thể đếm tiền ra về. Hầu hết cộng đồng người Hoa, từ tiểu thương buôn bán nhỏ cần dăm chục ngàn đồng đến các đại gia cần vài trăm triệu cho một cú áp phe nóng khi tìm đến Lâm bao giờ họ cũng được đáp ứng đầy đủ. Tất nhiên, lãi suất của Lâm luôn thấp hơn lãi vay ngân hàng và tùy đối tượng. Người buôn bán cón con, vay ít, Lâm lấy lãi suất thấp, có khi giúp không lãi. Ngược lại, ai cần giật nóng, số lượng lớn, lãi cũng lớn, lên đến 2 - 3% mỗi tháng. Nhưng muốn vay của Lâm dứt khoát phải là những người quen biết của ông ta, nếu không phải có sự giới thiệu bảo lãnh của một người quen biết có máu mặt nào đó. Kể cả các vua như Lý Long Thân, La Thành Nghệ, Trần Thành, Mã Hỷ cũng đều từng là con nợ của Lâm. Tất nhiên, với những người uy tín như Trần Thành - Bang trưởng Chợ Lớn thì lãi suất chỉ tượng trưng độ 1 - 2%, thậm chí có lúc Lâm không lấy lãi. Chính nhờ sự

biết điều như vậy nên dù điều kiện dễ dãi, Lâm cũng không bao giờ bị trốn nợ. Chính các con nợ sẽ đi đòi nợ giúp, dù Lâm không nhờ. Khách lỡ thua lỗ hoặc chưa có tiền, họ chỉ việc nhờ một ông bang trưởng nào đó nói với Lâm một câu, sau đó thêm một chữ ký xác nhận tiếp tục vay là đủ, chẳng bao giờ sợ bị xiết nợ hay phải cầm cố cho Lâm cả. Khách đông, lượng tiền mặt của Lâm ở mỗi trụ sở không lúc nào hụt dưới con số 200 triệu.

Để có tiền cho vay, ngoài số vốn có sẵn, Lâm còn được sự hỗ trợ tích cực của Mã Tuyên và Trang Trinh Nghi (Trang Tôn) hai vua rửa tiền của Ngân hàng Việt Nam Thương Tín trong việc huy động vốn nhàn rỗi. Thay nhau làm mại bản và hoa vụ kinh lý cho ngân hàng này, Mã và Trang là người chịu trách nhiệm điều tra tài sản, gọi vốn từ cộng đồng Hoa kiều cho Việt Nam Thương Tín nên họ nắm rất chắc danh sách và khả năng của những doanh nhân người Hoa có tiền dư nhưng không muốn gửi ngân hàng. Bằng nhiều con đường, tất cả số tiền đó đều chảy vào quỹ tín dụng của Lâm Huê Hồ, được Lâm phát tán cho vay lấy lãi. Lâm trở thành một ông vua thực sự, điều tiết gần như toàn bộ thị trường tiền tệ của người Hoa Chợ Lớn - Sài Gòn. Vậy là người Hoa vay của người Hoa, Lâm Huê Hồ hưởng lãi. Có người tháng trước cho Lâm vay, tháng sau cần tiền lại tìm đến Lâm ký nợ. Lâm vẫn tươi cười, luôn nhã nhặn, nụ cười vẫn khắc khổ và lam lũ, sẵn sàng chiều hết mọi yêu cầu của khách. Không ít người đã tự vay tiền của chính mình, bằng cách ném tiền vào túi phải của Lâm và móc nó ra từ túi trái. Tất nhiên, có một ít “bạc lẻ” đã được rải ra, lót thành con đường tín dụng giữa hai túi áo của họ Lâm.

Dù là chủ nợ của hầu hết các vua, song Lâm vẫn ít giao du hình thức, ít dính líu đến các cuộc tiếp tân tranh cãi chính trị hay thời thế. Nguyên tắc bảo mật cho khách hàng do Lâm đề ra đồng thời cũng bảo mật luôn cho chính tài sản của ông ta. Cũng chính vì dính líu công nợ chằng chịt với nhiều thế lực tai to mặt lớn nên quỹ tín dụng của Lâm tuyệt đối an toàn. Không một đại gia nào dám nghĩ đến việc hạ bệ Lâm Huê Hồ vì ngại phải đụng chạm đến các ông bang trưởng, nghị sĩ, các vua đủ mọi ngành nghề. Tài sản của Lâm cứ thế không ngừng phình lên. Những năm 1970, quyền

lực của Lâm được khắp Sài Gòn - Chợ Lớn nể vì qua câu so sánh: “Trần Thành, Lý Long Thân có tiếng, Lâm Huê Hồ có miếng”.

• • •

Cuối cùng, chỉ có Lâm Huê Hồ mới hạ bệ được Lâm Huê Hồ.

Sau năm 1975, các vua không ngai vội vã tẩu tán tài sản và vượt biên. Toàn bộ tiền bạc, tài sản đều bị họ bán tổng bán tháo để mua vàng. Lâm cũng thế, nhưng không chỉ mua vàng cho riêng mình, Lâm còn tổ chức và đứng đầu một đường dây đại qui mô nhận tiền mua vàng và chuyển sang nước ngoài giúp các đại gia, tỉ phú khác. Lâm phụ trách khâu huy động nguồn tiền, Mã Tuyên mua vàng, Trần Thanh Hà và Trang Trinh Nghi lo việc chuyển vàng lậu sang Hồng Kông. Hoạt động ráo riết của họ khiến giá vàng ở miền Nam tăng với tốc độ chóng mặt, tạo nên cả một quốc nạn chảy máu vàng trầm trọng. Khi đánh hơi được những hoạt động phi pháp ấy sẽ bị bại lộ và trừng trị, Lâm Huê Hồ cùng đồng bọn quyết định đóng thuyền vượt biên. Nhưng cơ quan An ninh cách mạng đã nhanh hơn họ. Ngày 10.9.1975, khi Lâm và đồng bọn đang tập trung tại nhà ông ta ở đường Trần Thanh Cần chuẩn bị xuống tàu thì công an ập vào. Khám nhà, công an thu được hơn 400 lượng vàng giấu trong giẻ rách nhét trên xà nhà và các khuôn gạch thông gió. Lâm cùng toàn bộ bảy kẻ đồng phạm, trong đó có Mã Tuyên, Trần Thanh Hà, Trang Trinh Nghi, Đào Tắc Kinh (vua xăng dầu)... bị bắt. Tiếp tục khám kho của Lâm tại 190 Nguyễn Biểu và 203 Dương Công Trừng, công an tiếp tục thu được mỗi nơi hàng trăm gói giẻ rách quần vàng bên trong.

Huyền thoại về “vua ngân hàng không có ngân hàng” sụp đổ và kết thúc.

Tháng 6.1998

Kẻ cầm tinh con giáp thứ 13

Được coi là mất tích từ 30 năm trước nhưng tên tuổi của Đại Cathay vẫn được lưu truyền và vì thế trong giới giang hồ. Hàng loạt huyền thoại đã được thêu dệt, biến Đại Cathay thành một ông trùm đầy quyền lực, một “vua không ngai” của thế giới tội phạm thời Mỹ - ngụy. Thực chất chiến tích lẫy lừng của hắn chỉ là những cuộc loạn đả, đâm chém nhau dã man của một kẻ coi thường luật pháp. Người hứng chịu đau khổ, không ai khác hơn, chính là những lương dân vô tội. Bài viết này không nhằm mục đích khai thác những chi tiết bạo lực đó, chỉ muốn giúp bạn đọc thấy rõ bản chất tội lỗi của kẻ đứng đầu cái gọi là “Tứ đại giang hồ” (gồm Đại Cathay, Huỳnh Tỳ, Ngô Văn Cái và Nguyễn Kế Thế) từng đưa nhau tác oai tác quái một thời.

1 || Lai lịch một ông trùm

Ngay cả đám giang hồ cộm cán, đám đàn em tin cẩn cũng không ai biết hắn con ai, tên thật là gì. Chính Đại Cathay cũng... không biết tên thật của mình nốt. Hơn chục lần bị điệu về bót cảnh sát, Đại tự khai cho mình hơn chục lai lịch khác nhau. Theo đó, cha của hắn lúc là Lê Văn Cự, lúc lại là Trần Văn Trự... Mẹ của Đại Cathay cũng khá... nhiều tên, lúc là Hương, lúc là Duyên, sống hay chết thì “có trời mà biết”. Nói tóm lại, như Đại Cathay thường tự nhận, gã là một thằng... con trời có lẽ xuôi tai hơn cả.

Kỳ thực, Đại tuổi Thìn, sinh năm 1940. Theo tìm hiểu của chúng tôi, mẹ của Đại tên gì không rõ, chỉ biết người xung quanh thường gọi là bà Sáu. Còn cha Đại thì chính tên là Lê Văn Cự, vốn cũng là một tay giang hồ hảo hớn ở khu vực chợ Cầu Muối. Sau năm 1945, Hai Cự tham gia kháng chiến, trở thành lính của “Mười ban tự vệ công tác thành”, sau đó bỏ vào chiến khu rừng Sác đầu quân vào bộ đội Bình Xuyên của thủ lĩnh Ba Dương (tức Dương Văn Dương). Đại sinh ra giống cha như đúc nhưng tuổi thơ rất ít được gần cha. Thuở nhỏ, gã sống với cha mẹ ở đường Đỗ Thành Nhân, Khánh Hội (nay là Đoàn Văn Bơ, quận 4). Cả cha lẫn mẹ của hắn đều nghèo, làm nghề chở củi thuê cho một vừa củi nằm bên kia Cầu Mống, cạnh chợ Cũ, quận 1. Đại thường xuyên trốn học chạy sang chơi với đám trẻ con bụi đời cạnh vừa củi. Hiền lành, ít nói dù khuôn mặt rất ngầu, tính phóng khoáng, rất “lì đòn”, những đức tính được “thừa kế” đầy đủ từ cha đã giúp Đại nhanh chóng được đám trẻ đồng cảnh mến mộ. Mới 10 tuổi, gã đã thường xuyên luồn lách vào các chợ, sạp hàng xung quanh, ăn trộm dưa, chuối về chia cho chúng bạn.

Cuối năm 1946, ông Hai Cự bị địch bắt trong một lần về công tác nội thành, bị đày ra Côn Đảo và ít lâu sau thì chết. Cha mất, mẹ lấy chồng khác. Bố dượng Đại là một tay máu me cờ bạc lại nghiện thuốc phiện nặng nên gia sản dần dần biến hết. Cáu bẳn vì sinh kế, ông dượng thường nọc đứa con riêng của vợ ra hành hạ để hả cơn bực tức. Không chịu nổi, Đại bỏ học hẳn, sang vườn hoa Cầu Mống đánh giày, bán báo tự nuôi thân. Khu vực làm ăn của Đại là xung quanh ngã tư Công Lý (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa) - Nguyễn Công Trứ. Tại đó có một rạp chiếu bóng mang bảng hiệu Cathay. Không ngày nào trước cửa rạp hát không xảy ra những vụ đánh lộn giành khách giữa đám trẻ bụi đời. Lì lợm và liều lĩnh, Đại cứ lặn xả vào đối thủ liên tục tấn công, dù kẻ đó có cao hơn nửa cái đầu cũng mặc. Trăm lần như một, Đại luôn là kẻ chiến thắng, dù tay chân, mặt mũi đầy vết rách bầm. Nghiễm nhiên, hắn trở thành thủ lĩnh của đám nhóc tì du thủ du thực trong khu vực. Cũng nghiễm nhiên, gã được quyền ráp thêm “tên đất” vào

sau tên cúng cơm để trở thành Đại Cathay, “đại ca” đường Nguyễn Công Trứ. Đó là năm 1954, lúc Đại mới 14 tuổi.

Trở thành “anh chị”, Đại được quyền sống mà không mó tay vào bất cứ việc gì. Hắn vẫn đóng thùng đánh giày, nhưng là để giao cho đàn em “đi làm” mang tiền về nộp. Mỗi buổi sáng, hàng chục thiếu niên Ba Bình, Ba Tướng, Ba Gà (hỗn danh để gọi đám trẻ du đãng chưa có tên tuổi. Ba Bình: kẻ quân sư, chuyên bày mưu tính kế; Ba Tướng: kẻ thực hiện, thường là những tên trực tiếp đi đánh nhau với các băng nhóm khác; Ba Gà: những tên “thuyết khách”, chuyên đi ngoại giao, thương lượng...) cả trai lẫn gái tụ tập quanh Đại Cathay nhận công việc và địa bàn do hắn cắt cử, sau đó túa đi, chiều lại đem tiền về cho Đại. Được cái, hắn rất hào phóng, Đại Cathay chia hết tiền cho đàn em, chỉ giữ lại cho mình một khoản nhỏ, đủ cà phê, thuốc lá cho ngày kế tiếp. Những đàn em không may bị ế báo, bị mưa ướm thuốc, kẹo phải đền tiền, Đại Cathay cũng không chửi bới, đánh đập như những tên “chăn chíp” tham lam khác mà còn lấy của đưa “trúng mánh” cho thêm. Vì vậy, đàn em rất khoái và chịu nghe lời “anh Đại”. Tình trạng đánh lộn, tranh giành khách trong khu vực của Đại Cathay được dẹp yên.

Năm ngay cạnh khu vực của Đại Cathay là bót Cảnh sát quận Nhì - thường gọi là bót Dân Sinh - nổi tiếng dữ dằn. Rất nhiều lần, sau khi dẫn đàn em đi chinh phạt các khu vực khác hoặc đánh dẫn mặt người của các băng nhóm đến giành lãnh địa, Đại Cathay đã bị các ông cò bót quận Nhì xách tai lôi về bót. Hăm dọa, tát tai, đá đít đủ kiểu, thẳng nhóc vẫn trơ trơ không chịu khai tên tuổi những đàn em tham gia ầu đả, đám mã tà, phú-lít lại đành thả Đại về. Hết thuốc, các ông cò nảy ra đòn độc để trị Đại Cathay, bắt đàn em của Đại đứng xem. Chúng bắt thẳng nhóc quỳ giữa sàn nhà, hai ông cò hai bên xốc ngược tay Đại lên, cạy mồm thả vào một con gián sống. Con vật lập tức chui tọt vào cổ họng lao thẳng xuống dạ dày. Ngứa ngứa, kinh tởm và nhột không chịu được, Đại Cathay ói ra mật xanh, mật vàng. Đám Ba Bình, Ba Tướng xung quanh xanh lè mắt, có đứa hét lên ngất xỉu và đái ra quần. Đại Cathay, sau một hồi nôn thốc nôn tháo, bắt đầu trấn tĩnh, lại tiếp tục cầm như hến, tuyệt đối không khai. Không còn cách nào

khác, các thầy cảnh sát đành tống Đại Cathay vào trại tế bần hoặc Trại giáo hóa thiếu nhi phạm pháp ở Thủ Đức.

Ở miền Nam trước giải phóng, có bốn nơi được coi là “lò đào tạo du đảng”. Nơi thứ nhất là Trại nuôi dạy trẻ mồ côi, cơ nhỡ nằm tại địa điểm nhà hát Hòa Bình hiện nay. Do nằm gần “Việt Nam Quốc Tự” nên sau này, nó được dân giang hồ gọi luôn là Trại “Việt Nam Quốc Tự”. Những đứa trẻ vào đây được cho ăn học, nhưng lại không được quản lý chặt nên những đứa hiếu động tha hồ ra vào, trốn đi trốn lại. Nơi thứ hai, Làng cô nhi Thủ Đức, điều kiện sống khá hơn nhưng vẫn rất lỏng lẻo, tha hồ cho đám tiểu yêu phá phách. Những tên nhóc bất trị nhất, hai trại trên đều không chứa nổi thường bị cảnh sát lừa vào Trại giáo hóa Thủ Đức. Thực chất, đây chỉ là nơi nuôi báo cô đám du thủ du thực, chờ chúng đủ tuổi là đẩy vào quân đội. Nơi thứ tư, Trại tế bần nằm bên kia cầu Trịnh Minh Thế (nay là cầu Tân Thuận), là một Trại trung chuyển giam giữ những tên lưu manh sắp hết tuổi vị thành niên. Sau nửa tháng bị giam, nếu có người nhà bảo lãnh, đóng phạt, tên tiểu yêu sẽ được cho ra. Nếu không chúng sẽ bị nhốt lại, chờ đủ tuổi là tống vào đội quân “cường bức phục vụ” tức lao công phục vụ chiến trường. Kẻ nào bị liệt vào hạng này coi như cầm chắc cái chết. Ngoài mặt trận, việc của họ là đi trước phát cây, mở đường, đào công sự, trong khi chân không giày dép, hai người chung một sợi dây xích chân, muốn chạy cũng không được, mặc kệ mưa đạn vãi cả trước mặt lẫn sau lưng. Biết trước số phận “bia thịt” của mình nên đám du đảng vào trại tế bần chưa ấm chỗ đã tìm cách trốn. Lọt ra khỏi vòng rào các trại, đám nhóc lại lần về với các băng nhóm du đảng, bụi đời.

Thực ra, các trại nói trên đều được mở ra với mục đích tốt đẹp là nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ số trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Điều kiện cơ sở vật chất tuy còn thiếu thốn nhưng các trại cũng thật sự trở thành những mái ấm từ thiện cho những đứa trẻ bất hạnh lớn lên. Không ít người trong số họ đã ăn học thành tài, trở thành kỹ sư, bác sĩ, những công dân lương thiện. Nhưng đối với những tên nhóc tì vô tổ chức, các trại vì quá đông, không đủ sức kiểm giữ, quản lý nên chúng thường xuyên tìm cách trốn, vì không chịu

tuân theo kỷ luật và điều kiện sống còn thiếu thốn. Hầu hết đám giang hồ Sài Gòn nổi tiếng sau này đều đã từng qua đủ các trại nói trên. Thuộc hàng vào ra như cơm bữa, Đại Cathay được liệt vào loại “tù con rạ”, để phân biệt với đám “tù con so” mới nhập trại lần đầu. Ở các trại, Đại Cathay đã làm quen với những Cửa Gia Định, Lâm Chín ngón, Hắc Quỷ chảy, Hòa áo thun... những chiến hữu đắc lực sau này trên chốn giang hồ.

Mỗi lần vào trại rồi trốn ra, Đại Cathay càng liều lĩnh hơn, kinh nghiệm hơn, càng “tích cực” lao đầu vào những trận thư hùng - vốn là thứ năng khiếu nổi trội hơn cả ở hắn.

Năm 1955, Đại Cathay chuyển sang sinh sống ở khu vực Hăng phân Khánh Hội cạnh Nhà máy thuốc lá Bastos. Đám trẻ con khu vực này tiếp đón Đại Cathay khá nồng nhiệt bằng những trận hỗn chiến. Một lần nữa, sự lì đòn của Đại lại giành phần thắng. Toàn bộ nhóc tì khu vực Khánh Hội, quanh cầu Ông Lãnh, gồm toàn dân bến tàu, vừa cá, vừa rau cải - vốn có hạng trong nghề dao búa - đều bị Đại Cathay thu phục qui về dưới trướng. Dù giang sơn đã rộng, binh tướng đã nhiều nhưng Đại Cathay vẫn luôn giữ một nét mặt buồn buồn. Bỏ học từ bé, chữ nghĩa trong đầu Đại đã bị gió bụi lề đường thổi bay hết cả. Người thân còn lại duy nhất bên Đại là Phong khùng, vừa là đứa đàn em, vừa là ruột rà cùng mẹ khác cha. Đại hình như là Lê Văn Đại, còn thằng Phong, tên nó có phải là Trần Thanh Phong không, Đại cũng không dám chắc.

• • •

Khi Đại Cathay còn là một cậu bé đánh giày thì toàn bộ khu vực Cầu Mống - Dân Sinh - Cầu Ông Lãnh mà dân giang hồ gọi là khu Da Heo, đều do một tay giang hồ nổi tiếng là Tám Lâu cai quản. Ở trên, quần dài vắt vai, đi đứng nói năng khùng khiêng, nét mặt luôn đặng đặng sát khí, Tám Lâu bị bà con khu Da Heo coi như một hung thần. Nghề chính là đập xích lô, nhưng thực chất Tám Lâu là kẻ nhận quyền bảo kê thu thuế toàn bộ khu Da Heo, dưới trướng có hàng chục đàn em. Dưới nệm xích lô, Tám Lâu luôn thủ sẵn “hàng mã” (mã tấu), sẵn sàng vung ra bất cứ lúc nào, với bất cứ ai.

Nhiều lần chứng kiến thằng nhóc đánh giày dẫn quân đập lộn, Tám Lâu đâm “chịu” Đại Cathay. Thỉnh thoảng ngồi nhậu thấy Đại đi qua, Tám Lâu lại ngoắc vào kê ghế cho ngồi cạnh “mần hơi cho ấm bụng”. Qua những lần nhậu ké đó, Đại Cathay được Tám Lâu giới thiệu như một tay tuổi trẻ tài cao đầy hứa hẹn với đám giang hồ đàn anh: Ba Hội, Cảnh Tượng... Tám Lâu cũng thường đưa Đại đến các khu Lò Heo (cũ), Chánh Hưng, hẻm Hai mươi thước để làm quen với các tay anh chị khu vực khác. Nể tình, Đại Cathay cũng hay ghé đến hẻm 110 Nguyễn Công Trứ để thăm hỏi Tám Lâu.

Tuy hung tợn, dữ dằn nhưng Tám Lâu vẫn phải thúc thủ trước uy thế của anh em Bé Bún, một trùm giang hồ quận 4, khu vực cạnh Hăng phân nơi Đại Cathay trú ngụ. Cậy đông quân lắm mã (tấu), đám này thường kéo rốc qua Cầu Ông Lãnh, tràn vào “thu thuế” giựt bà con tiểu thương chợ vừa Cầu Muối, Tám Lâu không cản nổi.

Một ngày cuối năm 1957, tình cờ nghe đàn anh thở ngán than dài, nộ khí xung thiên, Đại Cathay đề xuất:

– Anh Tám để đó em lo. Phải cho Bé Bún nằm viện, đám này mới ngán!

Tám Lâu gạt phắt:

– Con nít biết gì? Tao còn thua nó, mày là cái đĩnh gì!

Tự ái, Đại Cathay bỏ về. Lúc này, đám Ba Bình, Ba Tướng của Đại cũng đã lớn, toàn thanh niên 17, 18 tuổi, lại lẫn lộn lẽ đường nhiều nên cũng khá dày dạn. Nghe lời Đại Cathay, đám này vác dao qua Bến Vân Đồn “chém bậy” vài tay em của Bé Bún để khiêu khích. Điên tiết, Bé Bún hô toàn bộ em út tấn công sang khu Da Heo hỏi tội Tám Lâu. Quân Bé Bún quá đông, khiến Tám Lâu và đám đàn em hoảng hốt, định bỏ chạy. Nhưng vừa qua khỏi Cầu Ông Lãnh, băng Bé Bún đã ôm đầu máu chạy ngược trở lại, kêu la vang trời. Không nói trước với đàn anh nửa câu, Đại Cathay đã âm thầm cho đàn em của mình “trải đệm”, bất ngờ “luộc” băng Bé Bún. Dưới sự chỉ huy của Đại Cathay, đám giang hồ tân binh tả xung hữu đột lẫn xả vào chém quân Bé Bún, xộc thẳng sang cả bên kia cầu. Nói là làm, Đại Cathay

đã xia cho Bé Bún mấy nhất sau đó phải nằm viện thật, không dám bén mảng sang giành mối ở khu Da Heo nữa.

Sau trận hỗn chiến, Tám Lâu đâm ớn “tài ba” của Đại Cathay. Một mặt, Tám Lâu tuyên bố trong khu Da Heo, Đại Cathay có toàn quyền xử sự, mặt khác y lại lo ngay ngáy bị Đại Cathay lấy làm đối thủ. Biết ý, Đại tuyên bố không giành đất, khu Da Heo vẫn của Tám Lâu. Phần Đại, gã chỉ thu thuế các sòng bài, ổ đề, tiệm hút trong khu vực. Tiếp đó, Đại vươn tay bảo kê tất cả các ngành nghề kinh doanh lậu bao gồm xưởng nấu xà phòng, lò mổ heo, lò rượu... trong khu. Có tiền, có quyền, Đại dần dần đã khiến các tay anh chị khác phải dạt ra. Đại Cathay tha hồ ăn chơi và làm mưa làm gió.

...

Đầu những năm 1960, thuyết hiện sinh và phong trào hippie bắt đầu thâm nhập vào miền Nam. Các cậu ấm cô chiêu con nhà giàu tuy được ăn học đàng hoàng nhưng cũng học đòi nhau, thường xuyên có mặt ở các nhà hàng, vũ trường, tiệm hút với đủ kiểu quần áo, tóc tai dị hợm. Đại Cathay tuy ít học nhưng cũng không hề kém cạnh các bậc trí... giả trong khoản ăn chơi. Nhấn mặt ở các nơi đốt tiền nổi tiếng của quận 1, quận 3, Đại Cathay và đám đàn em bắt đầu quen biết với một đám sinh viên, kỹ sư, bác sĩ con nhà gia thế, trong đó có anh em Dzách Bửu, Dì Bửu, Hùng Đầu bò, Hoàng Sayonara (tay này móc classic bản Sayonara rất “nảo nùng”)... và nhiều văn sĩ, nghệ sĩ khác. Đám nghệ sĩ, trí thức cũng nể Đại Cathay chịu chơi và khoái vẻ ngang tàng, bụi bặm của gã - trông bụi đời, hippie hơn cả. Chính Hoàng Sayonara sau đó đã trở thành quân sư hoạch định chiến lược làm ăn và chinh phạt cho Đại. Nghe lời các quân sư, Đại Cathay đứng ra cùng với Bảy Si, bà Bảy Trà đá mở sòng bài lấy xâu ở khu vực Cầu Muối.

Ban đầu, Đại Cathay không thích mở sòng bài vì dân giàu có đã có các sòng Đại Thế Giới, Kim Chung... mở nữa e không cạnh tranh nổi, Hoàng Sayonara vẽ:

– Không chỉ giàu mới máu me đen đỏ. Các sòng lớn như Kim Chung, Đại Thế Giới toàn dân quí tộc, chức sắc, dân giang hồ, người buôn bán ngại

vô. Ta mở sòng vừa vừa kéo khách từ đám này.

Đại Cathay đồng ý. Ở chợ Cầu Muối trước đó Bảy Si (anh vợ Năm Cam - ông trùm sòng bạc sau này) đã có sòng bài sẵn, nhưng khi nghe Đại Cathay đề nghị hùn hạp, Bảy Si cũng không thể chối từ. Thừa thắng, Đại nống ra cả lĩnh vực làm huyện đề 40 con chung với Hối, trùm khu Cây Đa Xà. Hẩn mua của Hùng Đầu bò một chiếc Traction - 15, chiều chiều cho đàn em lái đi khắp các ngả đường vút lên từng xấp “phơi” đề cùng với hàng cọc tiền chờ về. Quyền lực được tiền bạc hậu thuẫn khiến Đại Cathay càng thêm uy thế. Đến năm 1962, 1963, Đại Cathay đã trở thành một ông trùm khét tiếng. Gần như hầu hết nhà hàng, khách sạn, động mại dâm, tiệm hút chích, sàn nhảy ở khu vực quận 1, quận 2 đều chịu sự bảo kê của Đại. Các vũ trường nổi tiếng như Olympic, Queen Bee, Barcara, Paramouth đều coi hẩn như ông chủ đích thực, Đại Cathay và đàn em tha hồ ăn chơi nhảy múa mà không một nơi nào dám viết hóa đơn, thậm chí còn lấy làm vinh hạnh vì được đàn anh chiếu cố.

Nhưng nguồn lợi lớn hơn cả mà Đại Cathay thu được lại không phải là từ tiền thuế bảo kê. Chính giới doanh nghiệp làm ăn lớn là những kẻ tình nguyện đóng góp đều đặn để Đại nuôi quân, đồng thời để nhờ vả Đại làm hậu thuẫn khi cần gây sức ép hay giành giật trên thương trường với kẻ khác. Cả anh em tử phú Hoàng Kim Qui (vua kềm gai), Xí Ngàn mặt rỗ (vua thuốc Bắc), La Thành Nghệ (vua thuốc đỏ) và hơn chục ông vua các ngành nghề khác của người Tàu là những người đều đặn chu cấp cho Đại. Cũng nhờ uy thế của các “vua”, Đại Cathay cũng làm quen, “chơi chịu” được với khá đông nhân vật quyền thế và tên tuổi khác.

• • •

Chỉ năm năm sau ngày khởi sự ở khu Da Heo, Đại Cathay đã trở thành một ông trùm không đối thủ, được toàn giới giang hồ kiêng dè, sợ hãi. Nhưng vẫn còn ba ông trùm “lùng lẩy” khác không ưa gì Đại Cathay, đó là Huỳnh Tỳ, ông trùm khu Lê Lai, Ngô Văn Cái và Ba Thế. Cho rằng Đại “chơi kéo trên”, giành mỗi, giành đất, Huỳnh Tỳ và Ngô Văn Cái quyết

định “hội đồng” diệt Đại. Hai tên giang hồ họp nhau tại vũ trường Aristo (sau này là khách sạn Lê Lai, cạnh khách sạn New World) cùng một giang hồ gộc là Thế Aristo - chủ vũ trường - có thêm Hùng phốc và Luân - hai giang hồ cộm cán khác hỗ trợ, mời Đại Cathay đến “bàn công việc”. Không chút nghi ngờ, Đại Cathay đã bất ngờ bị Thế Aristo đá lộn cổ trở xuống. Bốn kẻ phục kích cũng nhất tề rút dao xông vào chém. Đại Cathay vừa đỡ đòn vừa tìm đường thoát thân, chạy được ra ngoài, mình đầy thương tích nhưng may không chết. Những vết thương chưa kịp kéo da non, Đại đã đơn thương độc mã giắt dao đi tìm từng tên một trị tội. Cả năm tên đều lần lượt bị Đại Cathay chém trọng thương. Cuối cùng, Tám Lâu phải nhờ Cảnh Tượng, Ba Hội và một số tay đàn anh khác xin lỗi giúp cho năm tên, Đại Cathay mới nguôi giận, đồng ý “hòa giải”. Danh xưng “Tứ đại giang hồ” bắt nguồn từ đó, gồm tên Đại Cathay - kẻ không đối thủ - đứng đầu và ba tên đối thủ của... “không đối thủ” xếp nối theo sau. Thực ra, xếp thứ tự trong “Tứ đại giang hồ” là Ba Thế, một “chiến hữu” rất thân với Đại Cathay chứ không phải là Thế Aristo - kẻ đã từng dự mưu chém Đại. Chi tiết này, ngay trong giới giang hồ cũng nhiều tên nhầm lẫn, vô tình đánh đồng Ba Thế với Thế Aristo, khiến cho huyền thoại về “Tứ đại giang hồ” càng thêm gay cấn, ly kỳ.

2 || Đế quốc Đại Cathay

Lẽ ra, với những thành tích bất hảo chồng chất lên nhau, Đại Cathay đã ngồi tù một gông từ những năm trước đó. Nhưng xã hội miền Nam đầy nhiễu nhương với bộ máy quan chức được mua bán bằng tiền đã tỏ ra bất lực không trị nổi Đại Cathay và đám du đảng, để mặc kệ cho chúng làm mưa làm gió. Vào thời đó, chức quận trưởng quận 1 trị giá 30 triệu đồng, trong khi lương lính chỉ hơn 300 đồng cho nên những kẻ đương chức chỉ tìm cách vơ vét, làm giàu để bù lại số tiền đã bỏ ra mua lon tước. Cò Ly, quận trưởng quận 1 còn cố tình dung túng cho Đại Cathay mở sòng bài, hoạt động bảo kê thu thuế. Bù lại, hằng tháng, Đại đều có những khoản

riêng béo bở tuần vào cửa sau cho vợ ông cò. Mỗi chiều thứ bảy, cò Ly và Đại Cathay lại sánh vai nhau bước vào các vũ trường nhà hàng sang trọng ăn chơi, đập phá thâu đêm. Đương nhiên, lương quận trưởng một năm cũng không đủ chi cho một lần nhất dạ đế vương nên ông cò chẳng bao giờ phải nghĩ đến chuyện móc hầu bao.

Có tiền, có quyền, có thế, Đại Cathay quyết định bành trướng xuống Chợ Lớn, lãnh địa của Tín Mã Nàm, ông trùm giới Hắc Đạo người Hoa, xưa nay vẫn được coi là bất khả xâm phạm.

So với băng du đảng của Đại Cathay, giới Hắc Đạo của Tín Mã Nàm có tổ chức chặt chẽ và hùng hậu hơn nhiều. Dưới thời Diệm - Nhu, toàn bộ hoạt động kinh tài của các bang hội Hoa kiều Chợ Lớn đều có cổ phần của giới Hắc Đạo. Toàn bộ nhà hàng, sòng bạc, tiệm hút... đều do giới này quản lý hoặc hùn hạp. Tuy nhiên, sau đảo chính tháng 11.1963, do tham lam, chính Tín Mã Nàm đã khiến giới Hắc Đạo suy yếu. Bắt tay với khá nhiều tướng lĩnh, chính khách thuộc phe đảo chính, “Con ngựa điên” đã bán đứng một số cơ sở kinh tài của các bang hội cho chính quyền mới, tổ họ là “cơ sở kinh tài của Diệm - Nhu”. Mặt khác, Tín Mã Nàm cũng tố cáo và giao nộp cho cảnh sát một loạt tay giang hồ Hoa kiều không ăn cánh với y như Hối Phòong Kin, Sú Hồng, Cọp Chảy, Quầy Thầu Hao, Hắc Quấy Chảy... nhằm củng cố địa vị “Vua Hắc Đạo” của mình. Vì vậy, Tín Mã Nàm được trung tá Lê Ngọc Trụ - Trưởng ty cảnh sát quận 5 trọng dụng và ưu đãi, trong khi bị nhiều đàn em oán giận và tìm cách trả đũa.

Trong những kẻ oán Tín Mã Nàm có tay tài phán tên Chó, người giúp việc cho Tín Mã Nàm quản lý ngành kinh doanh cờ bạc. Biết được sự chia rẽ đó, Đại Cathay đã sai đàn em dụ hàng tên này. Chó đã bán đứng Tín Mã Nàm, kéo một lượng lớn con bạc nặng ký từ các sòng Đại Thế Giới, Hào Huê... về Cầu Muối cho sòng của Đực Bà Tiêu và Bảy Si thuộc quyền Đại Cathay, đồng thời bỏ luôn khu Chợ Lớn về theo Đại Cathay mở mang sòng bạc ở khu Sài Gòn. Biết chuyện, Tín Mã Nàm hạ lệnh cho giới Hắc Đạo:

– Chém bất cứ tên đàn em nào của Đại Cathay bén mảng xuống Chợ Lớn.

Chỉ chờ có thế, suốt 12 tháng trời, Đại Cathay đã liên tục đổ quân tập kích xuống các điểm làm ăn của Tín Mã Nàm ở vùng Chợ Lớn, chém phứa vào bất cứ ai rồi tức tốc bỏ chạy. Người bị chém thường là dân lành, khách chơi, chính vì vậy mà họ đâm sợ các điểm ăn chơi giải trí của Hắc Đạo, không dám lui tới nữa. Vắng khách, thu nhập thấp, đám cô hồn bảo kê của Tín Mã Nàm đành túa ra làm ăn lẻ để gỡ gạc, bất chấp kỷ luật của ông trùm. Nhưng cứ tên Hắc Đạo nào lọt xuống khu Sài Gòn là tên đó bị đàn em của Đại Cathay chặn đánh. Đầu năm 1964, biết phe Hắc Đạo đã hết phong độ, Đại Cathay quyết định đánh trận cuối, Đại dẫn theo 9 tên đàn em “chiến đấu” nhất, trong đó có Ba Thế và Lâm chín ngón đi trên 5 xe Goebel bất thành linh tấn công vào quán cà phê ngay trước rạp Hào Huê đối diện với Đại Thế Giới. Đây là điểm tụ tập của các tay đàn em Tín Mã Nàm vào hai buổi sáng chiều.

Cuộc tập kích thất bại, hai bên đều thiệt hại nặng nề. Nhưng máu liều của Đại Cathay càng được giới giang hồ truyền tụng và vì thế. Tín Mã Nàm cũng lo lắng: nếu cứ để cho Đại Cathay tập kích mãi như vậy, giới Hắc Đạo chỉ còn nước dẹp hết sông bài, tiệm hút vì không còn ai dám bén mảng. “Con ngựa điên” phải kìm cơn điên, cử người đến mời Đại Cathay lên nhà hàng Đồng Khánh điều đình. Đàn em cố khuyên Đại đừng vào hang cọp, e bị “trái đẽm” nhưng Đại Cathay nổi máu yêng hùng, vẫn quyết định nhận lời. Để tài xế ngoài cửa, Đại một mình tay không lên nhà hàng hội kiến với Tín Mã Nàm. Cử chỉ ngang tàng này khiến Tín Mã Nàm thâm phục. Hắn nhượng bộ, đồng ý giao toàn bộ khu vực từ chợ Nancy về Sài Gòn cho Đại Cathay toàn quyền. Phần quận 5, Chợ Lớn, đàn em của Đại được phép hoạt động, với điều kiện không lấn vào những khu vực đã có sẵn người của Hắc Đạo. Riêng các khu vực chợ Sắt, chợ Tân Thành, hẻm “dzách bạc hồ hãn” (hẻm 100), Đại Cathay và đàn em tuyệt đối không được xâm phạm, vì đó là giang sơn riêng của Tín Mã Nàm, nơi vợ bé của y sinh sống.

3 || Tiếp tay cho cảnh sát đàn áp tù chính trị

Trong chiến dịch bài trừ du đảng của cảnh sát ngục năm 1966, cái tên Lê Văn Đại, tức Đại Cathay được liệt vào hàng “gian nhân hiệp đảng” đặc biệt nguy hiểm. Bản phúc trình ngày 15.6.1966 gửi Phó cảnh sát trưởng Trần Văn On có ghi rõ: “Tên Đại Cathay đã sống không nghề nghiệp từ năm 19 tuổi. Y đã kết hợp cùng một số thanh niên cùng tình trạng tổ chức những vụ chém lộn khắp vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Y đã hai lần tổ chức chém người tại khu Dân Sinh và Chợ Lớn. Ngoài ra, y cũng bị chém một lần tại đường Lê Lai. Đặc biệt, số người bị đánh chém cũng như đã chém y đều thuộc thành phần lưu manh du đảng...”. Vì vậy, dù không thu được chứng cứ cụ thể, Đại Cathay vẫn bị điệu ra tòa tiểu hình với tội danh du đảng đặc biệt và bị tổng giam 45 ngày vào phòng 24 E, khu ED, trại Chí Hòa.

Khu ED gồm 2 dãy E và D. Dãy E gồm toàn loại anh chị lưu manh, tù hình sự nổi tiếng hung hãn. Dãy D là nơi giam giữ chính trị phạm, bộ đội giải phóng bị bắt... Mục đích của bọn cảnh sát ngục khi đem giam chung chính trị phạm với đám lưu manh côn đồ là muốn mượn tay bọn đầu trâu mặt ngựa để đàn áp, bức bách tù chính trị. Chúng chọn trong đám lưu manh một số tên hung hãn nhất cho làm tự quản, được quyền giữ chìa khóa phòng giam, chìa khóa hành lang, tùy ý cho tù ra, vô phòng. Cả hai dãy E và D chỉ có một hồ nước lớn, đặt dưới dãy E. Khi đến giờ anh em tù chính trị, ngoài giặt giũ, lấy nước, đám tự quản thường khóa các cửa phòng dãy E lại, đề phòng đám lưu manh tràn sang khiêu khích đánh đập tù chính trị. Ngoài những tên tự quản, không một tù thường phạm nào được phép lai vãng vào giờ nghỉ.

5 giờ chiều ngày 25.8.1966, Đại Cathay đi hầu tòa về. Thay vì về phòng ngồi, hắn nói với Cửa Gia Định và Ngọc Heo, hai tên tự quản đang ngồi ôm đàn ghêêu ngao hát:

– Trời nóng quá, tao tắm một phát.

Sợ đàn anh, hai tên tự quản vội vã lấy xà phòng cho Đại Cathay. Hung hăng, ngổ ngáo, Đại vực luôn cả đầu đầy xà phòng vào xô nước đang hứng của một bác chính trị phạm. Người tù chính trị nhỏ nhẹ trách:

– Nước ít, chú làm vậy coi dạng sao?

Vốn tính côn đồ, Đại tướng ai cũng sợ mình. Hắn giang tay tát thẳng vào mặt người chính trị phạm và gầm lên:

– Mà biết tao là ai không mà dám cự nự?

Vài ba người tù chính trị khác đứng cạnh đó, dẫu lòng không được, xông vào xô Đại Cathay ra. Tay anh chị cộm cán bộc lộ bản chất côn đồ, vừa đâm đá lung tung, vừa la toáng lên:

– Tụi nó đánh tao!

Từ trên lầu, Cửa Gia Định và Ngọc Heo nhảy vào trợ chiến, xông vào đánh những chính trị phạm này. Không nhịn được nữa, gần 100 chính trị phạm từ lầu 3D kéo ào xuống, nện như tử ba tên du đảng. Mấy trăm tên du đảng bị nhốt trong dãy E náo động, la hét inh ỏi. Không may cho chúng, chìa khóa các phòng đều đang nằm trong người Ngọc Heo nên đành chịu chết, chỉ đứng sau song sắt buồng giam nện thành thành và la ó vang trời.

Ban đầu nghe ồn, tướng thường phạm đánh chính trị phạm, bọn cai ngục vội giả điếc, lúc này mới vội vã chạy xuống đưa ba tên du đảng đi cấp cứu. Mặt khác, chúng mở cửa phòng để cho hàng trăm tên thường phạm hung hãn vác hung khí ủa xuống xông vào đánh tù chính trị. Quân ít nhưng đoàn kết, anh em tù chính trị vừa đỡ đòn vừa dìu nhau rút về phòng, khóa chặt cửa cố thủ. Mảnh lu nước, gạch vỡ được cạy lên ném ra, anh em tù chính trị đã khiến không tên du đảng nào lọt vào được dù trong tay chúng có nào cán chổi sắt, gỗ thanh, nào dao...

Tình trạng hỗn loạn kéo dài đến tận đêm. Không những không can thiệp, bọn cai ngục còn cố tình tiếp tay và xúi giục bọn côn đồ. Chúng mở toang cửa dãy D cho bọn côn đồ mặc sức tung hoành, đập phá. 9 giờ tối, bọn giám thị phao lên: Đại Cathay, Cửa Gia Định, Ngọc Heo đã chết ở bệnh viện. Lập tức, toàn khám Chí Hòa náo động. Bọn lưu manh gom hết đèn cầy thắp sáng đêm hò hét vang trời đòi trả thù. Không nao núng, gần 100 chính trị phạm vẫn đoàn kết bao bọc nhau, cố thủ và đẩy lùi toàn bộ các cuộc tấn công hung hăng của gần 800 tù thường phạm. Đến sáng, khu ED

phơi ngổn ngang dưới nắng một cảnh tượng như bãi chiến trường với gạch ngói, mảnh lu, vải rách và khá đông người bị thương của cả hai bên. Lúc này, bọn giám thị mới hoảng hốt, sợ tù hai bên sẽ phá banh khám. Chúng gọi cảnh sát dã chiến vào ộp đám thường phạm vào phòng. Bị kích động, đang say máu, đám thường phạm xông vào đánh luôn cả cảnh sát dã chiến. Hoảng hồn, những tên cai ngục phải cho xe lên bệnh viện chở 3 tên du đãng bị thương về. Khi Đại Cathay, Cửa Gia Định, Ngọc Heo đầu, tay quần băng trắng nhả cười và bước vào, cuộc náo loạn mới chấm dứt. Kỳ thực anh em chính trị phạm chỉ bức xúc vì bị hành hạ nên đánh cảnh cáo chứ không vì thù hằn, không ra đòn nặng. Chính Đại Cathay sau đó cũng phải thừa nhận với đám giang hồ:

– Tụi mình bậy quá. Mấy ống mà không nường tay, cũng chơi ác như mình thì ba thằng tao tiêu lâu rồi!

4 || Du đãng đụng... nhà văn

Học đòi làm sang, Đại Cathay, Phong khùng, Lâm Chín ngón ưa rủ nhau đến “nằm bẹp” bên bàn đèn của tiệm hút Đông Kinh, đường Ngô Tùng Châu, quận 1 (nay là đường Tôn Thất Tùng). Tại đó, Đại làm quen và chơi thân một số dân văn nghệ như Tâm, con trai bà Bút Trà - chủ bút tờ Sài Gòn mới, Duyên Anh (tên thật là Vũ Mộng Long - chủ bút tờ Tuổi Ngọc) và Văn Quang - nhà văn kiêm đại úy tâm lý chiến - những dân chơi tìm “yên sĩ phi lý thuần” (tử lóng, đọc trại chữ in inspiration - cảm hứng) thường trực tại tiệm hút này.

Duyên Anh là một nhà văn khá nổi tiếng chuyên viết sách “xúi con nít đập lộn”. Sau nhiều lần “nằm bẹp” (tai) nghe Đại Cathay kể về cuộc đời du đãng của mình, Duyên Anh nổi hứng làm thơ tặng và đọc cho Đại Cathay nghe, trong đó có đoạn:

Mái tóc nâu vương niềm đau thương

Quần Blue Jean chung thủy bạc thời gian

*Bastos xanh gấn chặt ngón tay vàng
Mái tóc bông rối loạn nét hồn hoang
... Hè đại lộ Paso đồn dập overnight
Lê gót giày nghiêng trầy lưng phố xá...*

Thấy nhà văn này có vẻ “khoái giang hồ”, tả mình khá đúng, Đại Cathay ra chiều... cảm động. Để “lấy le”, tỏ ra ta đây “biết chơi”, Đại Cathay thường nèo kéo, rủ rê, bao Duyên Anh ăn nhậu, hút sách trước mặt đàn em tỏ vẻ ta đây hào phóng và biết quý trọng những người “làm nghệ thuật”. Duyên Anh tán dương Đại Cathay:

– Anh mã thượng như một nhân vật bước ra từ trang sách của Françoise Sagan.

Đại Cathay nở phồng cánh mũi, dù chẳng hiểu mô tê gì cả. Lúc về, Đại Cathay quay sang hỏi Lâm Chín ngón:

– Sagan là... ông nào vậy?

Biết đàn anh “bé cái lăm” Lâm Chín ngón vẫn không dám cười, cố tìm cách giải thích cho Đại Cathay hiểu, rằng không phải là “ông” mà là bà Sagan (!) - nhà văn ưa viết về đề tài bụi đời của Pháp, từng đoạt giải Nobel văn học. Nghe xong, Đại Cathay lấp liếm:

– Ông hay bà gì cũng xong, miễn chịu chơi là được. Phải có bả ở đây, tao kêu bà đi nhảy đầm. Viết được về giang hồ, muốn giải gì tao cũng chiều!

Tất nhiên, bà Sagan thì chẳng muốn nhưng Duyên Anh thì có. Sau một thời gian nằm hút chung với Đại Cathay, nhà văn khoái chuyện đập lộn này đã cho ra đời tiểu thuyết “Điều ru nước mắt” với nhân vật chính lấy từ nguyên mẫu con người và tên Đại. Đọc xong cuốn sách, Đại Cathay bỗng dưng nổi cáu, hấn gầm lên:

– Thằng cha nhà văn này cà chớn, muốn chơi xỏ tao, viết bậy viết bạ. Tao làm đếch gì mà phải lụy đàn bà đến nỗi chết khô cả xác.

Mặc cho đám quân sư có học tồn công giải thích, rằng nhà văn họ có quyền hư cấu, Đại Cathay vẫn hăm hăm ra lệnh cho đàn em tìm Duyên Anh để “luộc”. Mỗi bang giao không ngờ kết thúc quá bi đát, Duyên Anh sợ và mờ hôi vội cao chạy xa bay, giông tuốt lên Đà Lạt trốn hơn nửa năm liền. Rất may cho ông ta, cuối năm 1966, Đại Cathay bị cảnh sát tổng ra đảo Phú Quốc và mất tích tại đó. Lệnh của hắc đương nhiên bị bãi bỏ. Lúc này, Duyên Anh mới dám quay trở lại Sài Gòn.

Không chỉ Duyên Anh, không ít nhà văn, nhà báo của chế độ cũ sau này cũng cố tình bới móc tìm hiểu cuộc đời, tính cách của Đại Cathay và thổi phồng lên, biến nó thành huyền thoại về một tên du đảng nghĩa hiệp và hào phóng, với những cuộc tình hết sức lâm ly bi ai. Bộ phim và bài hát cùng tên “Vết thù trên lưng ngựa hoang” khá nổi thập niên 1970 là một ví dụ điển hình.

Thực tế, sự “hào phóng”, “chịu chơi”, “nghĩa hiệp”, chỉ là thứ trang sức lòe loẹt mà Đại Cathay cố khoác lên, đánh bóng cho mình. Tại khu Da Heo, Đại thường tỏ ra hào phóng với người nghèo, hay móc tiền quăng cho đám trẻ con đánh giày, bán báo để lấy tiếng. Bù lại, hắc đã dựng nên cả một hệ thống bảo kê, trấn lột đòi “thuế” của rất nhiều hàng quán khắp vùng quận Nhất, quận Nhì, quận Ba Sài Gòn; đã chỉ huy đàn em gây ra hàng chục, cả trăm vụ loạn đả, phá phách đánh chém nhau vô tội vạ mà hậu quả thường chỉ trút lên đầu những người dân thấp cổ, bé họng không hề có thù oán gì với hắc. Và, số tiền “từ thiện” mà Đại Cathay ném cho những đứa trẻ bụi đời trong những cơn cao hứng xem ra chỉ là hạt cát so với hàng núi tiền mà hắc đã quăng ra cùng đàn em hút xách, ăn nhậu, đập phá và bao gái trong những đêm nhất dạ đế vương thác loạn.

5 || Giang hồ không có vua

Mỗi lần ra đường, Đại Cathay và băng du đảng lại một phen khiến người đi đường khiếp vía. Như một gã con trời thứ thiệt, Đại Cathay chễm chệ

trên băng trước chiếc Mustang mui trần do Năm Công lái, có cả chục tên đàn em phóng xe máy theo sau hộ tống. Xe chạy xả ga, hú còi vô tội vạ khiến mọi người hốt hoảng chạy giạt sang hai bên đường, trong khi đám lưu manh tha hồ vỗ tay cười hô hố. Có lúc cao hứng, Đại Cathay còn thượng cả hai chân ra trước kính xe hoặc thò ra bên cửa hông gõ thùng xe loạn xạ...

Sự ngang ngược coi thường luật pháp của Đại Cathay khiến những kẻ tai to mặt lớn và cảnh sát ngục hết sức tức tối, nhiều lần tổng cổ Đại vào khám. Nhưng bắt cóc bỏ đĩa, chẳng lần nào cảnh sát đủ bằng chứng để giam giữ hẳn lâu, đành phải thả. Dùng luật không xong, nhiều quan chức ngục tìm cách mua chuộc hẳn.

Biết Đại Cathay đang tuổi quân dịch, viên tướng cao bồi Nguyễn Cao Kỳ - có lẽ do muốn chơi trội - bèn cho gọi tên du đảng đến. Kỳ phủ dụ:

– Tôi biết anh là người có chí, nhưng luật là luật, anh không thể trốn mãi được đâu. Về làm vệ sĩ cho tôi, anh vừa khỏi đăng lính, lại vẫn có quyền hành, muốn đi đâu làm gì mặc sức mà khỏi bị ai thù oán. Anh cứ suy nghĩ cho kỹ, ba ngày nữa trả lời tôi cũng được.

Tên du đảng ít học đời nào chịu suy nghĩ những ba ngày. Kỳ chưa dứt Đại Cathay đã trả lời luôn:

– Dạ, cảm ơn thiếu tướng đã có thịnh tình chiêu cố. Phiền nổi tôi đi đâu cũng có cả chục gạc-đờ-co hộ tống, giờ tôi lại làm gạc-đờ-co cho người khác, không lẽ để cho tụi nó thất nghiệp?

Tướng râu kẽm bầm mặt nhưng vẫn ngọt nhạt:

– Làm vệ sĩ của tôi, anh là nhân viên công lực của quốc gia, danh giá đâu kém cạnh gì ai? Là quý anh tôi mới bảo thế, chứ nếu cần vệ sĩ tôi đâu thiếu người giỏi.

Đại Cathay vẫn ngổ ngáo:

– Dạ, xin lỗi, tôi không hầu thiếu tướng được...

Sau Nguyễn Cao Kỳ đến lượt tướng Sáu Lèo Nguyễn Ngọc Loan, giám đốc Nha cảnh sát Đô thành. Tuyên bố “Đặt giang hồ ra ngoài vòng pháp

luật”, tướng Sáu Lèo cho mở “Trung tâm bài trừ du đảng” đặt ở bên kia cầu Bình Triệu (quận 9) và lập “Biệt đội hình cảnh” nhằm tiêu diệt giang hồ do đại úy Trần Kim Chi làm đội trưởng. Theo lệnh Sáu Lèo, “Biệt đội hình cảnh” được bắn bỏ bất cứ tên giang hồ nào trên đường phố nếu chúng gây án và chống lại cảnh sát. Sau một thời gian hoạt động, “Biệt đội hình cảnh” vẫn chỉ tóm được một số tên du đảng “tép riu”, tướng Sáu Lèo bèn quay sang tìm cách mua chuộc Đại Cathay hồng “dĩ độc trị độc”. Dích thân Mã Sâm Nhơn, phụ tá của tướng Sáu Lèo đến gặp, đưa giấy mời của “ngài” chuẩn tướng Nguyễn Ngọc Loan cho Đại Cathay. Cùng một đàn em, Đại Cathay có mặt y hên. Nguyễn Ngọc Loan ra giá:

– Tôi sẽ nhận anh vào chức vụ đại úy Phó ty cảnh sát quận 7. Anh được toàn quyền hành động, nhưng phải giúp tôi tiêu diệt hết đám lưu manh du đảng.

Đại Cathay từ chối:

– Tôi xuất thân du đảng, làm sao có thể quay lưng diệt du đảng được? Nếu tôi nhận lời, du đảng không chém, tôi cũng chết vì thân bại danh liệt.

Nguyễn Ngọc Loan hạ giá:

– Anh không muốn nhận, tôi không ép, nhưng anh phải giải tán băng nhóm, không được lộng hành.

Đại Cathay đồng ý với điều kiện để cho y và đàn em toàn quyền làm ăn và cai quản khu cảng Sài Gòn, Khánh Hội, khu vực chợ vừa Cầu Muối, và hai bên bờ Kinh Tế. Thấy tên giang hồ cứng đầu, Nguyễn Ngọc Loan nổi đóa:

– Tôi lệnh cho anh giải tán hết, nếu không giang hồ, du đảng sẽ không còn đất sống!

Đại Cathay trả lời:

– Giang hồ không có vua, tôi đâu có ra lệnh cho các băng khác được?

Cuộc mặc cả kết thúc. Tiếng tăm Đại Cathay nổi như cồn trong giới giang hồ vì “dám vượt râu kẽm” tướng Nguyễn Cao Kỳ và từ chối chức tước của Nguyễn Ngọc Loan ban cho. Đại Cathay càng vênh váo hơn.

Nhưng, chính bằng sự nổi tiếng ấy, Đại Cathay đã tự ký cho mình bản án tử hình.

• • •

Quá ngạo mạn, lại đang là giai đoạn cực thịnh của băng Cathay, Đại vẫn không hề biết điều đó, tiếp tục lộng hành. Không chỉ ngổ ngáo với tướng Sáu Lèo trong công việc, Đại Cathay còn công khai qua mặt và thách thức viên tướng này trong cả khoản ăn chơi, chẳng thềm lưu tâm gì đến sức nặng của cái lon chuẩn tướng và trọng trách “Chief” ngành cảnh sát mà Nguyễn Ngọc Loan đang nắm giữ.

Vào thời điểm đó, Sài Gòn ngập trong không khí sống gấp và hưởng thụ, không cần biết đến tương lai. Một trong những một thời thượng của các nhà buôn giàu có, các sĩ quan cộng hòa hào hoa, các công tử con nhà gia thế là công khai có nhân tình nhân ngãi hoặc cặp bồ với cave, nghệ sĩ trẻ đẹp. Đường đường là một vị tướng, Nguyễn Ngọc Loan đâu thềm để mắt tới các cô cave, ca sĩ phòng trà bình thường. Người ta thấy “ông tướng độc nhơn” thường xuyên có mặt tại vũ trường Olympic trên đường Lê Lợi vào mỗi tối thứ 7. Tại đó, Nguyễn Ngọc Loan là chủ nhân của một vươ vật: ca sĩ Phương Dung nổi tiếng xinh đẹp và quý phái, người được mệnh danh là “con nặn trắng Gò Công”, lấy vũ trường này làm đất biểu diễn. Mỗi lần đến thăm tình nhân, viên tướng xách theo cả chục tên vệ sĩ thuộc hàng thiện xạ, cũng nổi tiếng ngổ ngáo và chịu chơi, phóng xe Jeep bạt mạng với những đường cua cong lề bạt phố, đập phanh cháy cả mặt đường.

Olympic cũng là chốn mà băng Đại Cathay thường xuyên lui tới. Hơn thế nữa, Thủy Tầu - tài phán vũ trường Olympic còn là một “mối” rất khoái Đại Cathay. Khác với viên tướng và đám lâu la bụi bặm, Đại Cathay thường lướt trên một chiếc Chevrolet có gắn điều hòa không khí, choáng lộn và êm ru nhẹ nhàng bơi đến cửa vũ trường. Loại xe đó, cả Sài Gòn chỉ có dăm ba chiếc.

So với đám vệ sĩ với lương lính cơm côi, Đại và băng Cathay luôn sẵn sàng “xài lớn”, rút tiền chẳng bao giờ đếm, người ngợm cũng “kềng” hơn,

dĩ nhiên là được các em cave ở đây sẵn đón nồng nhiệt hơn nhiều. Bị “gác kèo”, đám vệ sĩ tức lắm, nhiều lần hăm hực, nhưng Đại Cathay và đám đàn em vẫn phớt ăng lê, coi như “chuyện tép”.

Một tối, Đại và khoảng chục đàn em, trong đó có Lâm Chín ngón và Lành Cầu Muối - một tay cảnh sát ăn “rơ” với giang hồ kéo đến Olympic từ khá sớm. Thấy các đàn anh, đám cave ríu rít túa ra vây lấy bá cổ níu tay, chí chóa cả gian bar trên lầu 2. Cả đám “vui vẻ” mới chừng nửa tiếng, cánh cửa lại xịch mở. Đám vệ sĩ của Sáu Lèo - không có chủ tướng đi cùng - xộc vào, cũng cỡ chục tên. Ngồi chờ cả 15 phút, đám vệ sĩ vẫn không thấy cô cave nào đến sẵn sóc. Trong khi đó, ở mấy bàn bên vẫn liên tục vọng sang tiếng cầu véo giỡn hớt rúc rích của băng Cathay với đám cave như thể trêu người. Nổi cáu, cả đám vệ sĩ đưa mắt nhìn nhau và đứng bật dậy. Thiếu úy Hải, một tay nổi tiếng thiện xạ tiến sang, đứng đối diện với Hải Súng của băng Cathay, hất hàm:

– Vui vẻ quá, hả? Sang bớt mấy em chứ, để bên này ngồi không, coi sao đặng?

Vẫn không buông vai cô “đào nhí”, Hải Súng hất mặt:

– Đâu có được, đến trước có phần trước, trâu chậm phải uống nước đục, trách gì?

Viên thiếu úy gườm gườm, đưa tay vào bụng đặt lên báng súng:

– Đừng chơi quê tụi này chứ!

– Thì đã sao? - Hải Súng hếch mặt lên. Lúc này băng Cathay và đám cave cũng đã ngưng đùa giỡn, ngẩng lên thủ thế. Được khích lệ, Hải Súng tiếp: - Thịt người tanh không ăn được, đừng dọa nhau, tụi này không thích!

Bị khiêu khích, mắt thiếu úy Hải vẫn lên. Hắn xắn xỏ chụp lấy tay cô đào nhí kéo về phía mình, tuyên bố:

– Không thích cũng bắt!

Sợ hãi, cô cave thét lên. Không nói không rằng, Hải Súng vớ ngay chai Black and White trên bàn giáng thẳng xuống đầu đối thủ. Phản xạ nhanh, thiếu úy Hải vội buông cô cave nhảy vọt sang một bên và móc súng. Hai

băng xông vào nhau. Bàn ghế ly tách bay tứ tán. Đột nhiên, Đại Cathay hét lên:

– Tụi nó chơi súng, rút, tụi bay.

Pằng! Pằng! Pằng! ầm!

Đại chưa dứt câu, dàn đèn pha lê đã rơi ụp xuống sàn, vỡ tung tóe, đồng thời một viên đạn cũng nhắm đầu gối Đại găm tới, xô y gục xuống. Hải Súng vội xô tới xô Đại lên bỏ chạy. Trong băng chỉ có Hải và Lâm Chín ngón giắt súng theo. Cả hai cũng vội móc ra bắn loạn xạ. Lâm Chín ngón gào lên:

– Anh em rút đi, để tôi lo!

Lúc này, đám cave, bồi bàn đã hoảng hồn bỏ chạy hết. Thủy Tàu khá nhanh trí, vội chạy bổ vào trong sập cầu dao điện. Bóng tối chụp lấy vũ trường đã hỗ trợ cho băng Cathay bỏ chạy. Bị thương, Đại Cathay khó khăn lắm mới được Hải Súng và Ngân Pôcôn dìu được xuống lầu và kéo thẳng ra đường. Lúc này, Lành Cầu Muối cũng vừa vặn trờ chiếc Mustang tới, hốt cả bọn lên xe chạy thẳng. Lâm Chín ngón chạy sau cùng. Sau khi nhả hết đạn, y cũng vội đu cửa sổ phóng xuống đường Tạ Thu Thâu cắm đầu chạy luôn một mạch. Sau lưng, đám vệ sĩ Sáu Lèo vẫn nã đạn theo chiu chiu.

• • •

Không thu phục được Đại Cathay, tướng Sáu Lèo đã ra lệnh cho “Biệt đội hình cảnh” bắt, bỏ tù hàng loạt đàn em nhằm cô lập hẳn. Núng thế, Đại Cathay đành tìm cách hoãn binh. Một buổi tối, hẳn mua nguyên nhà hàng Paramouth mời đại úy Trần Kim Chi đến dự tiệc. Khi rượu đã chênh choáng, Đại Cathay mới ngỏ ý:

– Nếu đại úy chịu tha một số anh em của tôi vừa bị bắt, chúng tôi sẽ không quên ơn anh...

Viên đội trưởng “Biệt đội hình cảnh” cũng thuộc loại ngang tàng không kém gì Đại Cathay, từ chối thẳng thừng:

– Ăn nhậu là ăn nhậu, bắt là bắt. Nếu anh mời tôi đến đây là để mặc cả thì coi như tàn tiệc, tôi xin kiếu.

Nếu là trước đó mười hôm, máu côn đồ của Đại Cathay sẽ nổi lên ngay. Nhưng đang yếu thế nên Đại vẫn nhẫn nại:

–Ồ, không, không! Nếu đại úy không ưng thuận thì thôi, còn hôm nay mời đại úy đến là để anh em vui vẻ. Mời đại úy cứ tự nhiên, đêm nay toàn bộ nhà hàng này là chỉ để phục vụ chúng ta, đại úy đừng bận tâm làm gì.

Viên đại úy không vui vẻ được lâu, cũng chẳng còn thời gian để bận tâm lâu hơn nơi côi thế. Sau buổi tiệc chỉ nửa tháng, một chiếc xe “be” chở gỗ không rõ xuất xứ đã “bò” ngang qua chiếc xe hơi CV2 của Trần Kim Chi khi viên đại úy này đang đi công vụ trên xa lộ. Đại úy Chi và viên lái xe chết tại chỗ, chiếc xe gây tai nạn bỏ chạy mất tăm, “không nhận dạng được biển số”. Giới giang hồ đều cho rằng chính Đại Cathay đã sát hại Trần Kim Chi để trả thù.

6 || Trại “Cửu Sừng” và vụ mất tích bí ẩn

Cái chết của đại úy Trần Kim Chi đã đánh dấu chấm than cuối cùng cho cuộc đời du đảng của Đại Cathay. Tháng 8.1966, với tội danh “Du đảng đặc biệt”, Đại Cathay lại bị tóm cổ. Cùng với một loạt du đảng khác, ngày 28.11.1966, Đại Cathay bị tổng lên máy bay vận tải C47 đưa ra giam giữ tại đảo Phú Quốc.

Gọi là “Trung tâm hướng nghiệp” nhưng chính xác, đây là nơi lưu đầy những tên lưu manh ngoại hạng dày thành tích bất hảo nhưng không có chứng cứ để bắt quả tang, do chính Nguyễn Ngọc Loan đề nghị thành lập nhằm “bài trừ du đảng, chấn hưng đạo đức, thượng tôn luật pháp”. Nó chính là một dấu ấn chứng tỏ sự bất lực của luật pháp ngụy quyền.

Trại là những dãy nhà dã chiến thấp lè tè nằm trong vòng rào kẽm gai bịt bùng đặt cạnh sân bay Phú Quốc ngay tại thị trấn Dương Đông. Gọi “hướng nghiệp” cho oai, kỳ thực đám tù suốt ngày chỉ ngồi ngáp vặt, đánh

mặt chược mà không hện ngày về chứ chẳng có việc gì để làm. Một hôm, đang đánh mặt chược, Đại Cathay bảo:

– Gọi “hương nghiệp” nghe chán thấy mẹ, tụi mình đặt lại tên cho nó đi.

Cả bọn đồng ý. Bác sĩ Nghiệp, một tên du đãng có học đề xuất:

– Bốc đại một con mặt chược, trúng con gì, đặt tên đó.

Đại Cathay quơ được con Cửu Sừng, vậy là “Trung tâm hương nghiệp Phú Quốc” nghiêm nhiên trở thành “Trại Cửu Sừng”.

Không giống như dự định của tướng Sáu Lèo và cảnh sát ngục, Trại “Cửu Sừng” chẳng những không “hương” được chút “nghiệp” nào cho đám đầu trâu mặt ngựa mà ngược lại hoàn toàn. Toàn bộ đám du đãng bị bắt vào đây như Đại Cathay, Hải Súng, Hòa áo thun, Lâm Chín ngón, Bảy Si, Hối Phòng Kin, Thanh tưa, Quấy Thầu Hao... sau này đều là những tên giang hồ cộm cán nhất của Sài Gòn - Chợ Lớn, càng ngày càng hung hãn hơn. “Trại Cửu Sừng” như một con dấu chất lượng để đánh giá giang hồ. Tên nào từng ngồi ở “Trại Cửu Sừng” sau này đều trở thành đàn anh, được quyền ăn trên ngồi trốc trên chốn giang hồ.

• • •

Ngoài những huyền thoại về nghề đâm chém, Đại Cathay còn nổi tiếng nhờ khoản bồ bịch. Khi mới nổi danh, Đại cưới một cave nổi tiếng của vũ trường La Sarel tên là Thúy, được một đứa con gái. Sau Thúy, Đại lấy Hằng, cashier (thu ngân) của một vũ trường nổi tiếng khác ở Đà Lạt. Được ít lâu, Đại Cathay lại cặp kè với Lệ Hải, một nữ quái kiệt trong giới giang hồ.

Đám dân chơi có thời đồn ầm ĩ lên rằng, Lệ Hải si mê Đại Cathay đến nỗi một ngày chi cho “ông anh” hàng chục lượng vàng để ăn chơi đập phá, nhằm độc chiếm trái tim của tên du đãng ngoại hạng. Thực tế không phải như vậy. Lệ Hải là một cô gái khá ngổ ngáo, một đàn em của Đại Cathay trong nghề bảo kê đâm chém. Quan hệ của Đại Cathay với Lệ Hải chỉ là đàn anh, đàn em, hoàn toàn không có chuyện bồ bịch. Chuyện Lệ Hải chi

cho Đại một ngày hàng chục lượng vàng lại càng không có nốt! Nguyên nhân của lời đồn chỉ là do một lần, đang nằm ở tiệm hút Đông Kinh, Đại Cathay ngẫu hứng muốn khoản đãi đám dân chơi một chuyến du hí Đà Lạt. Không mang tiền theo, Đại sai đàn em chạy đi kiếm Lệ Hải, nhà ở gần đó để mượn đỡ. Lệ Hải có mặt ngay tức khắc và đưa cho Đại Cathay mấy chục lượng vàng như yêu cầu. Tất nhiên, được phục vụ đàn anh với Lệ Hải đã là điều diễm phúc, cho nên công đoạn làm giấy ghi nợ hoàn toàn không xảy ra. Vậy là thành lời đồn đại.

Người vợ cuối cùng, cũng là cuộc tình sâu nặng nhất của Đại Cathay là cô Nhân, con gái chủ tiệm đồ gỗ Đồng Nhân nổi tiếng nằm trên đường Hồng Thập Tự (nay là Nguyễn Thị Minh Khai), đối diện với vũ trường Olympic. Tân, anh trai cô Nhân là một bạn bàn đèn với Đại Cathay ở tiệm hút Đông Kinh. Sau nhiều lần cùng “nằm bẹp” tâm sự, Tân mời Đại Cathay về nhà chơi. Thấy Đại Cathay khen em gái mình đẹp, tỏ ra khá “mết”, Tân tuyên bố sẵn sàng gả em gái cho bạn. Cô Nhân thuộc loại tiểu thư con nhà giàu, cũng tỏ ra khoái phong cách giang hồ ngổ ngáo của Đại Cathay nên gật đầu. Vậy là nên vợ thành chồng. Đại và Nhân có với nhau một đứa con gái, nhưng rất ít khi Đại sống với vợ con. Lấy câu “bốn bể là nhà”, Đại Cathay suốt ngày lăn lộn ở các vũ trường, tiệm hút và mãi mê đam chém nhau ngoài đường, chẳng mấy đoái hoài tới vợ con. Là một dân chơi thứ thiệt, Nhân cũng mặc kệ, chẳng hề lấy thế làm buồn.

Đại và cả đám đàn em bị tổng ra đảo Phú Quốc, Nhân ở lại Sài Gòn, biết chắc rằng loại tù không án như chồng mình e khó có ngày về. Cô cùng anh trai vùng tiền ra tìm cách cứu Đại Cathay.

Đầu tháng 1.1967, Nhân có mặt trong đoàn thân nhân ra thăm nuôi đám du đảng bị nhốt ở Trại “Cửu Sừng”. Gặp Đại Cathay cô báo cho chồng biết, đã lo cho xong việc tổ chức cho Đại Cathay vượt ngục. Đám lính gác sẽ làm nơ cho Đại Cathay và một số đàn em trốn ra khỏi trại. Một xuồng máy chờ sẵn sẽ đưa đám tù ra khơi, có tàu hải quân do Nhân bố trí sẵn rước về đất liền. Để mua chuộc đám lính gác, Nhân đưa cho Đại Cathay một chiếc áo bluson và dận dò kỹ lưỡng. Nhìn bề ngoài, nó chỉ là một chiếc áo

lạnh rẻ tiền, sau lưng có một con rồng ấp quanh bản đồ Việt Nam thêu hai màu, nửa miền Bắc màu đỏ, nửa miền Nam màu vàng. Loại áo này bán nhan nhản dọc các tiệm đường Lê Thánh Tôn, trong chợ Dân Sinh... chủ yếu để đám lính Mỹ sắp hồi hương mua về làm kỷ niệm.

Khi chuyển áo cho Đại Cathay, tên lính canh của trại hướng nghiệp Phú Quốc thấy nó nặng hàng ký nên đâm nghi ngờ. Lăn theo lưng áo hần sờ thấy giữa hai lần vải có hàng chục miếng kim loại mỏng được khâu đầy trong đó. Đoán là vàng, tên lính canh định lôi ra khám xét. Lập tức cái liếc xéo của tên sĩ quan đứng cạnh đã ngăn hẳn lại. Tên lính đành trả lại áo cho Đại Cathay mang về phòng.

Theo lời đồn đại của giới giang hồ thì khi về phòng, Đại Cathay đã xé chiếc áo lấy ra đúng 62 lá vàng loại 1 lượng khâu trong đó. Với số vàng này, Đại đã mua chuộc đám cai ngục để chúng bố trí cho lính gác làm ngơ khi Đại bỏ trốn.

Đi theo Đại Cathay có khoảng một chục đàn em trong đó có Xì kíp, Lắm Mổ bụng, Hùng Mổ chuột, Hải Súng và Lâm Chín ngón... Đến phút cuối, Đại Cathay nghe theo lời Hải Súng tham mưu, quyết định để Lâm Chín ngón - gã đệ tử thân nhất - ở lại. Đại nói với cả đám:

– Thăng Lâm lóc chóc, dễ làm bể chuyện lắm. Vả lại, chuyến đi này lành ít dữ nhiều, nó còn trẻ, tội lắm. Chi bằng để nó lại, mình thoát rồi lo cho nó về sau an toàn hơn.

Trước giờ khởi sự, Đại Cathay gọi Lâm Chín ngón đến và bảo:

– Mày phải bỏ xì ke đi, hại lắm. Tao chích cho mày một lần cuối cùng, sau đó là phải chừa hẳn, nếu không đừng trách.

Đại đã tự tay chích cho Lâm một mũi gấp đôi đô bình thường do chính tay Hải Súng pha chế, có độn thêm một ít tân dược để tăng nồng độ. Phê thuốc, Lâm Chín ngón quay ra ngủ say như chết. 12 giờ đêm ngày 7.1.1967, Đại Cathay dẫn đàn em đào thoát ra ngoài.

Theo sự phân công của Đại Cathay, đám tù trốn trại chia làm hai tốp. Tốp thứ nhất gồm năm tên đi trước để nghi binh. Tốp thứ hai, có Đại

Cathay và Hải Súng chạy theo hướng bờ biển. Bất ngờ, khi cả hai tốp vừa vọt ra khỏi vòng rào thì phía trại báo động inh ỏi. Đạn vãi như mưa, hỏa châu bắn sáng trời. Tốp thứ nhất, gồm Xì kíp, Hùng Mỏ chuột... bị tóm cổ lại ngay. Đại Cathay và Hải Súng (tức Võ Văn Hải) vội đổi kế hoạch, chạy lên phía Bắc đảo, lẫn vào khu núi Tượng, nơi có Quân giải phóng hoạt động. Đến đây, không ai còn tận mắt gặp lại Đại Cathay và Hải Súng. Và hàng loạt giai thoại giải thích sự mất tích của hai tên du đảng đầu sỏ bắt đầu xuất hiện.

Giai thoại thứ nhất kể rằng: Đại Cathay đã trốn thoát khỏi đảo, cùng Hải Súng bơi ra tàu Hải quân chờ sẵn. Tàu về đến Cà Mau, bị Quân giải phóng tấn công khi đang tấp vào bãi bí mật. Sau trận đụng độ, Đại Cathay bị Cách mạng bắt sống. Được cảm hóa, anh ta trở thành một Giải phóng quân. Tết Mậu Thân năm 1968, Đại dẫn đầu một tiểu đội Quân giải phóng tấn công vào nội đô Sài Gòn từ hướng Tây và bị bắn ngã trước trại lính dù Hoàng Hoa Thám, gần Ngã tư Bảy Hiền. Một vài tờ báo chuyên săn tin giết gân ở Sài Gòn hồi đó còn chưa thêm: “Tìm thấy trong tử thi một hộp quẹt Zippo khắc tên Trần Đại (Đại chuyên dùng loại quẹt Zippo trang bị cho lính Mỹ), một cuốn nhật ký mang tên Đại Cathay, trong đó anh ta kể lại đầy đủ chi tiết về đời du đảng của mình và tự nhận mình là nhân vật chính trong cuốn “Điều ru nước mắt” của Duyên Anh từng nổi tiếng một thời.”

Tuy nhiên, những chi tiết mà báo chí nêu trên không hề được bất kỳ ai kể cả phía Cách mạng lẫn phía ngụy quân đứng ra xác nhận.

Giai thoại thứ hai nói rằng Đại Cathay đã trốn sang Thái Lan, sống mai danh ẩn tích ở Băng Cốc, đoạn tuyệt hoàn toàn với quá khứ.

Giai thoại thứ ba do Hòa áo thun - cùng ngòi Trại “Cửu Sừng” với Đại Cathay kể lại, có vẻ hợp lý hơn cả. Sau chuyến vượt trại của Đại Cathay ít lâu, Hòa áo thun cũng tìm cách trốn trại khi được ra ngoài lao động. Trong thời gian lẫn trốn ở núi Tượng, Hòa áo thun đã bắt gặp hai ngôi mộ còn khá mới có bia mộ đẽo bằng gỗ mang tên Lê Văn Đại và Võ Văn Hải. Theo lời Hòa, hắn đã hỏi và được một số người ở núi Tượng cho biết: Đại Cathay và

Hải Súng vì đói đã xông vào cướp bóc một số nhà xung quanh núi. Vì vậy, chúng bị du kích đang hoạt động ở đây bắn chết.

Chi tiết này được đại đa số giang hồ đã rửa tay gác kiếm xác nhận. Một số còn khẳng định rằng hai ngôi mộ mang tên Đại và Hải là có thật, họ đã từng đến thăm khi có dịp ghé ra Phú Quốc sau ngày giải phóng. Tuy nhiên, hồ sơ về cái chết của hai tên du đảng mà chúng tôi có được lại mang một nguyên nhân khác hẳn.

Biết không trị nổi Đại Cathay, lại nhiều lần bị tên du đảng làm bẽ mặt, chuẩn tướng Sáu Lèo Nguyễn Ngọc Loan rất hận, tìm cách loại trừ vĩnh viễn Đại Cathay. Khi biết cô Nhân - vợ Đại - đang tìm cách lo lót tổ chức cho Đại Cathay vượt ngục... Nguyễn Ngọc Loan đã chỉ đạo cứ để cho Đại Cathay thực hiện kế hoạch. Đến giờ chót, theo lệnh Loan, toàn bộ toán lính gác của trại hướng nghiệp bất ngờ bị đổi. Toán lính gác mới ráo riết truy kích đám tốp riu, còn Đại và Hải, chúng cố ý để cho đào thoát vào núi Tượng. Sau đó, Loan cho một tiểu đội biệt kích do thiếu úy Trần Tử Thanh chỉ huy, được trực thăng chở từ Sài Gòn ra truy kích Đại và Hải, bắn hạ chúng. Khi đi, toán biệt kích dù phải thay quần áo bà ba, đội mũ tai bèo, mang dép râu và sử dụng súng AK.47, giả trang làm Quân giải phóng để đổ vấy cho việc giết Đại Cathay và Hải Súng cho phía Cách mạng. Diệt xong, toán biệt kích dù phải đắp mộ, đề bia tử tế để dễ bề nhận diện và gây dư luận. Chính thiếu úy Trần Tử Thanh sau này đã từng huênh hoang khoe với nhiều phóng viên của một số tờ báo ở Sài Gòn trước 1975 rằng chính tay y đã nổ súng hạ gục Đại Cathay. Khá nhiều người cũng biết rõ ngọn nguồn vụ việc, song trước khi ngụy quyền sụp đổ, không một tờ báo nào dám viết về âm mưu hại địch thủ của tướng Nguyễn Ngọc Loan. Vì vậy, lời đồn đại, đoán non đoán già vẫn cứ loang ra mãi, đắp thêm chất huyền thoại vào cuộc đời và cái chết của Đại Cathay - tên du đảng ngoại hạng.

Tháng 8.1998

Thời hai tay ba đao

Thời gian gần đây, báo chí đã không ít lần cảnh báo về cơn sốt tệ nạn vũ trường, ma túy, đặc biệt là thuốc lắc... Tự gán cho mình cái “mác” “dân chơi sành điệu”, một bộ phận thanh thiếu niên đang hằng đêm ngụp lặn trong những cơn say bất tận của rượu, gái và ma túy, hoàn toàn không đếm xỉa đến một nguy cơ, rằng họ đang bước những bước đầu tiên trên con đường dẫn đến tội lỗi và sự tự hủy hoại bản thân. Trước sự lo lắng của dư luận, công luận và toàn xã hội, nhiều con “thieu thân” đã nhún vai bất cần:

– Dân chơi mà! Đã bước chân vào giang hồ là chấp nhận hết, ngày mai ra sao rồi hăng hay!

Đáng thương cho những cái đầu sa đọa, con đường của các “dân chơi” làm gì còn dài đến “ngày mai”, cũng làm gì có cái được gọi một cách mỹ miều là “giới giang hồ”. Khi ma túy tràn lan và luật pháp tỏ ra bất lực thì quyền lực chỉ đồng nghĩa với bạo lực và tội ác. Thực chất bức tranh “dân chơi” ngày nay chỉ là phiên bản của bức tranh Sài Gòn giai đoạn 1968-1975, giai đoạn lắm “dân chơi”, nhiều “giang hồ” nhất, ma túy dễ mua và tội ác dễ gặp nhất. Có khác chăng thì đó chỉ là một sự thay đổi nhỏ trong âm nhạc. Ngày nay, dưới ánh đèn màu của các bar rượu, sàn nhảy - đã trở nên loạn sắc và chói gắt hơn - điệu Pasodobles cuồng nhiệt đã được thay thế bằng những Hard Rock, Metal Rock chói lọi, giậm giật hoặc những Rap điên cuồng, rất nghèo chất nhạc nhưng kích động hơn bội phần.

Không tham vọng trình bày hết, bài viết này chỉ dừng lại ở một vài khuôn mặt “cộm cán” nhất trong làng “dân chơi” thời kỳ đó. Không nhằm

mục đích mô tả tội ác, người viết chỉ mong vẽ lại một “ngày mai” đầy đen tối và tất yếu - đoạn cuối con đường của các “dân chơi”. Câu chuyện bắt đầu từ một dân chơi có số của giới giang hồ Sài Gòn trước 1975 còn may mắn sống sót đến hôm nay trong cảnh thân tàn ma dại sau hơn 20 năm trả giá trong tù tội. Anh ta tên là Lê Ngọc Lâm, nổi tiếng trên giang hồ với biệt danh Lâm Chín ngón.

1 || Mọi con đường đều dẫn đến... nhà tù

Lê Ngọc Lâm sinh năm 1945, tại Hà Tây, trong một gia đình Thiên Chúa giáo rất ngoan đạo. Năm 1954, dòng thác di cư đã cuốn gia đình Lâm vào Sài Gòn. Ba năm sau, những biến cố thời cuộc đã khiến gia đình tan nát, rút cậu học trò 12 tuổi Lê Ngọc Lâm ra khỏi vòng tay chăm sóc của người thân, ném cậu vào làng cô nhi Thủ Đức. Những đứa trẻ ở làng cô nhi được nuôi ăn học khá chu đáo nhưng không được cho tiền tiêu vặt. Để “kiếm thêm”, Lâm và những đứa trẻ hiếu động khác đã nhào ra lề phố nhập vào đám quân bụi đời, bán báo... Làng cô nhi dạy cho Lâm biết chữ - gã đã hoàn tất chương trình tú tài - và lề phố dạy cho Lâm biết... đập lộn để giành mỗi, để cạnh tranh. Những trận đụng độ xảy ra như cơm bữa đã biến Lâm từ một cậu bé sùng đạo, hiền lành thành một kẻ ngang tàng, bất chấp và rất lì đòn.

Năm 1963, Lâm thi hỏng tú tài I và bị bắt quân dịch. Không chịu nổi cuộc sống quân trường khắc nghiệt, buồn tẻ và vô vọng, gã trốn về Sài Gòn sống lang thang, sau đó nhập vào đám tiểu yêu mới ngoi lên ở khu Da Heo đường Nguyễn Công Trứ, quận 1, do Đại Cathay cầm đầu. Vốn liều lĩnh và to khỏe, Lâm Chín ngón nhanh chóng trở thành một trợ thủ đắc lực của Đại Cathay trong các trận thư hùng nhằm tranh giành lãnh địa.

Đầu năm 1964, Đại Cathay liều lĩnh kéo quân tập kích vào khu vực rạp Hào Huê, quận 5 - “giang sơn” của giới Hắc Đạo người Hoa do Tín Mã Nàm làm thủ lĩnh. Không may cho băng Cathay, quá say máu nên bị giới

Hắc Đạo dụ chạy sâu vào trong các con hẻm, sau đó hạ cửa sắt bít đường rút đầu các hẻm lại và túa ra phản công. Phe Đại Cathay chỉ có 10 người, không chống nổi hàng chục tên Hắc Đạo với dao búa hung hãn nên tên nào cũng thương tích đầy mình. Trong lúc nguy cấp, Lâm Chín ngón đã liều chết xông ra chém đứt dây xích cột cửa, mở đường máu cho Đại Cathay và cả bọn chạy tháo thân. Trong lúc tả xung hữu đột, ngón cái tay phải của Lâm đã bị đối phương chém đứt lìa. Biệt danh Lâm Chín ngón bắt đầu từ đó, do chính Đại Cathay đặt.

Sau trận này, Lâm Chín ngón còn cứu Đại Cathay thoát chết một lần nữa. Khoảng giữa năm 1966, vì tranh giành gái tại nhà hàng Olympic, băng Cathay đã bị đám vệ sĩ của tướng cảnh sát Sáu Lèo Nguyễn Ngọc Loan dùng súng “dạy cho biết thế nào là lễ độ”. Khi Đại Cathay ăn đạn vỡ đầu gối, Lâm Chín ngón đã một mình một súng bắn chặn hậu cho Ngân Pôcôn và Lành Cầu Muối dìu Đại Cathay ra khỏi vùng tử địa. Hết đạn, Lâm vứt súng, đu cửa sổ phóng xuống đường Tạ Thu Thâu chạy trốn. May cho Lâm, khi trận độ súng nổ ra, tài phán của vũ trường là Thủy Tàu đã nhanh trí cắt cầu dao điện. Bóng tối ập xuống đã giúp Lâm Chín ngón thoát thân an toàn.

Cuối năm đó, Tướng Nguyễn Ngọc Loan, Tổng giám đốc Nha Cảnh sát Đô thành mở chiến dịch bài trừ du đảng. Cùng với Đại Cathay và nhiều tên khác trong băng, Lâm Chín ngón bị bắt. Ngày 28.11.1966, cả bọn bị lừa lên máy bay C47 đầy ra Trung tâm cải huấn tại thị trấn Dương Đông thuộc đảo Phú Quốc, nơi được giới tội phạm gọi bằng cái tên nôm na là Trại Cừ Sùng (một quân trong bộ bài mạt chược). Chỉ hơn hai tháng, Đại tổ chức vượt ngục. Không muốn cho Lâm theo, Đại Cathay đã gọi Lâm Chín ngón tới, bắt gã thề bỏ ma túy, đồng thời tự tay chích cho Lâm Chín ngón “một lần cuối cùng”. Đã có chủ ý trước nên Đại Cathay đã chích cho đàn em một liều gấp đôi đô bình thường khiến Lâm say ngủ như chết và bị bỏ lại trại. Trong thâm tâm, Đại Cathay thừa biết chuyển vượt ngục lành ít dữ nhiều, Lâm Chín ngón lại đã hai lần cứu y thoát chết nên Đại cảm kích không muốn cho Lâm mạo hiểm. Mặt khác, Đại có ý phòng xa, y biết Lâm là tên

du đảng có học nên muốn mở ngõ cho đàn em một con đường sống để còn có cơ hội trở lại tiếp quản “giang sơn” của mình ở Sài Gòn. Dự đoán của Đại Cathay khá chính xác. Sau chuyến vượt thoát, Đại Cathay và gần một chục tên đàn em đã bị Nguyễn Ngọc Loan gửi lính ra đảo truy đuổi và hạ sát. Còn Lâm Chín ngón, thuộc loại “tù không án”, chỉ phải ngồi tù thêm nửa năm, sau đó được thả về đất liền.

Đại Cathay đã mất tích, băng nhóm cũng không còn, Lâm Chín ngón không đủ sức xưng hùng, xưng bá để thu thuế, lấy xâu như trước nữa. Để có tiền tiếp tục ăn chơi trác táng, Lâm chuyển sang nghề “ăn bay” (cướp bằng xe máy) và nhanh chóng trở thành một “quái bay” lì lợm thượng thừa. Sử dụng xe Honda 67 - loại xe tốt nhất thời bấy giờ - Lâm Chín ngón đã gây ra hàng chục vụ cướp của những người vừa lĩnh tiền từ ngân hàng ra. Đi đêm lắm có ngày gặp ma, trong một vụ “ăn bay” cuối năm 1970, Lâm đã bị cảnh sát ngụy bắt tại trận và bị tống vào trại giam Chí Hòa. Tại đó, Lâm đã được “hội ngộ” với hầu hết những “tay chơi cộm cán” nhất của Sài Gòn trong đó có Cường Võ sĩ (em ruột trùm bạch phiến Sơn Đảo), Chương khùng, Đức Không quân, Tuấn đả, Y Càlết v.v.

• • •

Vào thời gian đó, bộ máy cảnh sát, nhà tù của chế độ Việt Nam Cộng hòa gần như bó tay trước nạn lộng hành của đám lưu manh du đảng hung hãn được hỗ trợ bởi ma túy bán đầy rẫy và rẻ như bèo. Vì thế, khối bê tông hình bát giác của trại giam Chí Hòa chỉ là nổi ám ảnh ghê rợn đối với những tên lưu manh hạng “tép riu” và tứ cố vô thân, không băng không nhóm. Còn với Lâm Chín ngón và những tên tội phạm sừng sỏ, cảnh sống trong tù và ngoài đời hầu như chẳng khác gì nhau, ngoài chuyện bước chân bị giới hạn trong mấy vòng tường trại. Cửa sắt hành lang các dãy nhà giam không bao giờ khóa, chúng tha hồ đi lại khắp nơi trong trại, tha hồ sục vào các buồng giam để “thăm hỏi”, bài bạc và đập lộn với nhau tranh giành ngôi vị. Giám thị, cai tù biết cũng làm ngơ. Ở ngoài, đàn em, băng đảng của đám du đảng còn đầy rẫy. Chúng sẽ không ngần ngại bắt cóc con cái, ném

lựu đạn vào nhà họ để trả thù, nếu trong tù, đám đàn anh bị đối xử nặng tay. Mặc khác, làm ngơ cho bọn tội phạm còn là cách để các “nhân viên công lực quốc gia” kiếm thêm tí chút. Tuy là nhà tù nhưng trong trại Chí Hòa gần như không thiếu thứ gì. Muốn ăn ngon, những tên tù hình sự cứ việc xin phép “đàn anh” ra căngtin ở cạnh hồ nước là có tất, miễn là có tiền. Muốn chơi ngông, nhiều tên còn đặt tiền trước cho “nhà hàng”, hôm sau những sơn hào hải vị như yến xào, hải sâm, vi cá, bào ngư... sẽ được đưa vào tận nhà tù phục vụ, bảo đảm vẫn còn nóng sốt.

Trong sân trại Chí Hòa có một chiếc xe tải hư bỏ trống được đám tù che chắn lại biến nó thành nơi “hành lạc” có đủ nệm trải drap, quạt máy và có đàn em canh gác. Chỉ việc giúi vào tay cai tù một xấp tiền là họ sẽ quay mặt đi, sau đó điện thoại cho các “động” quen, tối thứ bảy, chủ nhật hằng tuần sẽ có vài ba cô gái má phấn môi son được điều vào trại, “phục kích” sẵn trong chiếc xe tải chờ tiếp các “đàn anh” rừng mỡ.

Để “kiếm thêm” bù vào số lương công chức còm cõi, đám cai tù - vừa hèn nhát vừa tham lam - đã tiếp tay cho đám tù hình sự trong mọi hình thức. Thậm chí, chúng còn bán cả cái gọi là “giấy đi phép”. Một ngày phải trả 120.000 đồng, cả ngày lẫn đêm 240.000 đồng. Chỉ có những tên tù thuộc hàng “đại ca” mới được quyền “đi phép”. Sau khi nộp đủ tiền, chúng sẽ được xe jeep của cai tù chở ra ngoài, đến địa chỉ chúng yêu cầu và thả xuống. Hết giờ, chiếc xe jeep ấy sẽ quay lại chỗ cũ đón “đàn anh” vừa hết phép quay lại nhà tù. Có tên đã từng liên lạc trước với đàn em bên ngoài, để chúng chuẩn bị xe cộ, sau đó mua một giấy phép 12 tiếng, lọt ra ngoài, tiến hành một vụ “ăn bay” trót lọt xong lại vào tù nằm “dưỡng sức” và hưởng “chiến lợi phẩm”. Bên ngoài, cảnh sát có tài thánh cũng không hề nghĩ đến chuyện thủ phạm của vụ cướp lại là một tên lưu manh đang nằm khểnh trong tù. Tất nhiên, sau những chuyến “ăn hàng” ngoạn mục ấy, đám “anh chị” chẳng bao giờ quên dúi thêm cho các “bác” cai tù ăn rơ năm chục, một trăm ngàn, gọi là tiền “mua nước hoa cho bà xã”. Món lợi quá lớn, càng về cuối giai đoạn năm 1972, những vụ “bán giấy phép” càng diễn ra dày đặc. Mãi đến lúc Biệt đội hình cảnh ngục bắn hạ được một vài tên tù “đi phép”

ngay trên xa lộ Đại Hàn khi chúng đang “ăn hàng” PX (hàng quân tiếp vụ do Mỹ viện trợ), chuyện “bán giấy phép” mới bị đổ bể và chấm dứt.

Tuy nhiên, việc mua “giấy phép” để đi cướp chỉ là chuyện cho vui nhằm đỡ ngứa nghề, còn kỳ thực nguồn lợi chính của các “đại ca” trong trại “bát giác” lại là buôn ma túy. Vào lúc cao điểm, trại Chí Hòa có khoảng 2.000 tên tù hình sự thì cũng gần như có gần ấy con nghiện. Hầu như tên tù nào cũng là một dân “ken” (nghiện côcain), dân “ke” (chích thuốc phiện nước) hoặc khoái “ném lựu đạn” (nuốt thuốc phiện sống vo viên). Vì vậy bán thuốc phiện, ma túy trong tù đem lại cho các “ông trùm” một nguồn lợi cực lớn, có khi lên đến bốn năm trăm ngàn đồng một ngày (khoảng 20-25 lượng vàng). Nguồn lợi quá khổng lồ khiến chúng không ngần ngại vây bè kết cánh để hùng cứ quyền bán ma túy ở các buồng giam và tranh giành lãnh địa hoặc hạ bệ nhau, nhằm ngoi lên làm “ông trùm” để độc quyền thu lợi. Do đó, chiến tranh trong tù vẫn nổ ra thường xuyên. Bản chất tội ác của cái danh xưng mỹ miều “giới giang hồ” được thể hiện ngay trong phương châm xử thế, được những tên tội phạm chích máu ngón tay viết lên cánh cửa, bức tường của các buồng giam: “Nhân đạo là tự sát, gian ác mới huy hoàng”. Tuy hành lang các dãy buồng giam luôn mở toang hoác nhưng những tên “âm binh mất ma”, “tép riu” ở dãy AB đồ bao giờ dám bén mảng xuống dãy BC nằm kế bên, bọn ở dãy DE cũng đừng bao giờ mò xuống khu FG mà mang họa. Là “đàn anh”, như Lâm Chín ngón ở dãy FG chẳng hạn, có thể tha hồ đi lại giữa các dãy, nhưng mỗi lần di chuyển gã và các tên đàn anh khác đều phải có vài ba “vệ sĩ” tháp tùng, nếu không ăn dao là cái chắc. Mỗi khi lâm trận, những tên du đãng có số này đều hai tay nắm chắc hai con dao. Con thứ ba giắt ngang bụng, phòng khi dao trên tay bị đánh rơi hay bị đối phương tước mất. Hồn danh “thời hai tay ba đao” bắt nguồn từ đó - để chỉ giai đoạn 1970-1974 trong trại Chí Hòa.

Là cánh tay phải của Đại Cathay, lại từng ngồi trại Cửu Sừng ở Phú Quốc, khi bị chuyển sang quân lao Gia Định y lại dám đâm trầy mặt và hạ bệ “tướng cướp cô đơn” Điền Khắc Kim để giành địa vị ông trùm, sau đó lại cầm đầu đám tù phạm ở đây vượt ngục, Lâm Chín ngón trở thành một

“cao thủ”, được độc quyền bán thuốc phiện ở khu FG, đồng thời trở thành “đại lý” cung cấp “hàng đen” (thuốc phiện) cho toàn trại Chí Hòa. Quyền khai thác “hàng trắng” trong dãy này thuộc về Chương khùng, một tên giang hồ có số khác, kẻ đã từng dẫn đầu hàng chục tội phạm người Việt xông vào khu AB cướp thùng đựng tiền của đám tù nhân người Hoa gốc Hồng Công, Ma Cao, Singapore, Đài Loan... và bị chém trọng thương. Đúng định kỳ, “hàng đen” từ bên ngoài được đàn em đóng thành bánh đẹp, chất vào trong thùng gỗ hai đáy đựng đồ thăm nuôi gửi cho Lâm. Cai tù biết nhưng làm ngơ để được chia phần (30% lợi nhuận). Vào tù, Lâm bừa ngán đáy ra, lấy thuốc phiện cắt thành miếng nhỏ phân phối cho các buồng giam thu lãi.

Là một ông trùm kiêm đại lý độc quyền thuốc phiện, tiền lãi mà Lâm thu được hàng ngày rất khổng lồ. Do vậy, y trở thành con mồi “bự” khiến hàng chục “đại ca” khác dòm ngó thêm thường và rấp ranh hạ bệ, dù ngoài mặt vẫn thơn thớt nói cười chuyện “tình nghĩa giang hồ”.

Tai họa đến với Lâm bắt đầu từ một ông trùm cùng ngành nhưng khác món chung dãy FG. Đó là Chương khùng - kẻ được phân độc quyền “hàng trắng”.

• • •

Không thể chịu đựng nổi nạn lộng hành của đám giang hồ, cuối năm 1972, ngục quyền Sài Gòn đã gom hết tất cả những tên đầu sỏ đang tác oai tác quái trên khắp các nhà tù miền Nam, từ Quân lao Nha Trang, Trại giam Qui Nhơn, quân lao Gia Định... về trại Chí Hòa để thanh lọc. Sau đợt này, những tên thường phạm đã thành án từ 5 năm đến chung thân, nếu không dính líu đến một vụ án, một tội danh nào khác sẽ được lùa xuống Tân Cảng, từ đó sẽ được tàu Hải Quân chở ra Côn Đảo để đi đày. Bọn giang hồ tìm đủ mọi cách để tránh đi đày. Thậm chí như ở Quân lao Nha Trang, tên tướng cướp Năm Vĩnh - kẻ được mệnh danh là “hùm xám miền Trung” đã không ngần ngại tra tấn một bạn tù cho đến chết để được ở lại đất liền chờ ra tòa với tội danh mới là cố sát, tránh bị đưa ra đảo. Tại trại Chí Hòa, đám tù

phạm - con nghiện càng ngày càng trở nên hung hãn hơn. Nhiều tên tép riu cũng ngoi lên thách thức đàn anh nhằm tiếm quyền để có điều kiện sống gấp và chết... khẩn cấp. Nhiều tên đàn anh bị đàn em lòn mặt đã không chịu nổi, xuống đòn trừng trị rất nặng tay, khiến trại giam ngày càng trở nên hỗn loạn hơn bao giờ hết.

Trong số những đàn anh đang mất dần thanh thế có Chương khùng - trùm cocain của dãy FG. Sau hiệp định Paris (ký ngày 27.1.1973), lính Mỹ nổi đuôi nhau xếp hàng lên máy bay về nước hết. Theo chân các chú lính Hoa Kỳ, “hàng trắng” (cocain, heroin) cũng vắng dần trên đất miền Nam. Hàng hiếm nên giá rất đắt, dân chơi “hàng trắng” lục tục rủ nhau quay về với mặt hàng truyền thống là thuốc phiện. Đám con nghiện ở dãy FG, nhà tù Chí Hòa cũng bị cuốn theo trào lưu ở ngoài đời, đâm ra “khoái” thuốc phiện hơn thích ma túy, đâm đầu sang làm khách hàng của Lâm Chín ngón hết, khiến thu nhập của Chương khùng tụt xuống thảm hại. Đàn anh đã nghèo thì đàn em cũng không thèm ngó, quân tướng rụng dần đi. Chương tức tối chửi bới om sòm, dọa “cho biết tay” những kẻ bỏ mình phò Lâm Chín ngón. Nghe Chương khùng chửi bới, một tên ngang cơ khác là Năm Lương đổ thêm dầu vô lửa:

– Mày chỉ giỏi võ mồm. Thừa biết thằng nào hạ bệ rồi, mày có giỏi thử đụng đến nó coi?

Một tên khác khích thêm:

– Cũng là đàn anh mà thằng thì chiều nào cũng đếm bạc trăm gửi nhà băng, thằng suốt ngày chỉ lo chửi bậy!

Bị kích, Chương khùng nổi cơn khùng. Hắn lấy bộ đồ võ vận vào người rồi thả vô hòng ba viên renoval để thêm dũng khí, hăm hăm tuyên bố:

– Tao sẽ tìm thằng Lâm Chín ngón nói chuyện phải quấy.

Đang chơi bóng chuyền ở sân trại, nghe đàn em cấp báo, Lâm Chín ngón bỏ ngay để đợi. Gặp nhau, Lâm Chín ngón hỏi trước:

– Chương! Nghe nói mày đòi dẹp không cho tao bán thuốc trong khu FG nữa, phải vậy không?

Chương hùng hùng hổ hổ:

– Đúng, tao bảo đẹp. Mà bánh thì chơi lại tao coi?

Đang uống nước, sẵn ly cầm trong tay, Lâm Chín ngón không nói không rằng ném ngay cái ly uống dở vào mặt Chương hùng và nhào tới. Quá bất ngờ vì không nghĩ đến chuyện Lâm phản ứng quá mạnh, lại thấy đàn em của Lâm kéo tới khá đông, Chương hùng hoảng quá vội né người tránh bị ly nước đập vô mặt rồi... bỏ chạy, mặt mũi hằm hằm.

Lúc này nhiều tên đàn anh trong đó có Cường Võ sĩ đang tụ tập nhau trong dãy BC. Cường võ sĩ, tức Vũ Đình Cường vốn là một võ sĩ quyền Anh có đẳng cấp, từng nhiều lần thượng đài khắp miền Trung, miền Nam và Campuchia, nếu đấu tay đôi sòng phẳng, cỡ Lâm Chín ngón cũng hoàn toàn không phải là đối thủ. Năm 1970, Cường bị bắt vì tội buôn ma túy. Là một “cao thủ”, lại là em ruột của Sơn Đảo, tức Vũ Đình Khánh, trùm ma túy ở Sài Gòn thời bấy giờ nên uy thế của Cường rất lớn được đám giang hồ phong làm “đại ca của các đại ca”, toàn quyền cắt đặt, sai phái toàn bộ giang hồ trong trại Chí Hòa. Khi các băng nhóm trong trại có xích mích, chỉ cần Cường đứng ra nói một lời là tất cả đều răm rắp tuân theo, đổ tên nào dám cãi. Tuy nhiên, Cường ít chường mặt, cho nên y mới được gán cho biệt danh “Hiệp sĩ trong bóng tối”.

Thấy Chương hùng vừa chạy qua vừa khóc, Cường bèn ngăn lại hỏi chuyện. Không lẽ lại thú nhận rằng mình không dám chơi tay đôi với Lâm Chín ngón, Chương hùng bèn vừa khóc vừa “tổ láo”:

– Thằng Lâm ý đông, nó kéo đàn em đến đòi xử tôi, cấm không cho tôi bán ma túy nữa!

Nghe đến đó, máu yêng hùng nổi lên, Cường Võ sĩ chửi thề:

– Mẹ nó! ở đây tao là đàn anh hay thằng Lâm là đàn anh? Nó muốn qua mặt tao xử anh em, để tao cho nó một bài học.

Nói rồi, Cường bèn dẫn một tốp nửa tá anh chị gồm Tuấn đả, Năm Lương, Khương Đại, Lễ, Hải Méo... sang khu FG để “hỏi tội thằng Lâm”. Thấy cả bọn kéo sang, một số “dân chơi” khác trong dãy lầu 3F bèn kéo ra

cản lại, khuyên Cường “bình tĩnh, chuyện đâu có đó”. Tỏ mặt đàn anh, Cường Võ sĩ gạt đám lâu la qua một bên:

– Mấy em không hiểu chuyện, tránh sang một bên cho qua xử đàn em.

Phần Lâm Chín ngón, dù đã đuổi được Chương khùng nhưng cơn giận bùng bùng vẫn chưa tan. Lúc Lâm đang dấn thình thình vào tường buồng giam 3F4, dọa “luộc thẳng Chương” thì một tên đàn em chạy vào cấp báo:

– Anh Lâm cẩn thận. Anh Cường đang dẫn người qua tìm anh đó.

Vừa nói, tên này vừa dúi vào tay Lâm mấy con dao lá lúa, dặn:

– Anh cầm theo để phòng thân.

Lâm bảo:

– Một dao đủ rồi.

Và hăn lập tức chạy ra nghênh tiếp. Khi hai bên đã đứng đối diện nhau, Cường Võ sĩ dừng lại, hỏi:

– Lâm! ở đây mà với tao ai là đàn anh(?).

Lâm chưa kịp trả lời đã bị Cường tung ngay một cú thôi sơn vào mặt. Khá nhanh, Lâm né đầu tránh được. Cú đâm quá mạnh nhưng không trúng mục tiêu khiến Cường Võ sĩ hụt đà chúi thấp đầu về phía trước. Trong gang hồ, bị một cái tát xem như không còn ngoi đầu lên được, huống hồ ăn nguyên cú đâm. Máu bốc lên, lợi dụng lúc Cường Võ sĩ mất đà, Lâm Chín ngón nắm ngay cổ áo địch thủ lật lên và quơ tay ra sau lưng rút dao... Tất cả diễn ra quá nhanh nên không ai kịp can. Cường chỉ kịp hự lên một tiếng rồi ôm ngực đổ vật ra sàn khi Lâm vừa buông tay. Nghe ai đó kêu lên “Anh Lâm, dừng đâm nữa”, Lâm mới sức tỉnh, vội buông dao đánh cạch xuống sàn. Nhát dao đâm trúng tim, Cường Võ sĩ chết ngay tại chỗ. Lâm Chín ngón mặt tái mét, vội thanh minh trước khi bị dẫn đi:

– Tôi không cố ý, tại anh Cường... Thôi, anh em thả cho anh mấy nén nhang giùm tôi.

Rõ ràng Cường Võ sĩ không chết vì kém võ nghệ, cũng không chết vì nhà tù. Y chết vì... sĩ diện hão muốn võ ngực xưng tên. Ấu đó cũng là kết

cục bị thảm chung trên chốn giang hồ.

2 || Fami Sơn Đảo

Giống như tên em ruột, Vũ Đình Khánh - tức Sơn Đảo cũng xuất thân là một võ sĩ có hạng, thuộc võ đường Hồ Bạch An - Tân Bình. Hầu hết võ sư và võ sinh của võ đường này đều xuất thân hoặc gia nhập lính dù - lực lượng con cưng của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Nhà Sơn ở gần chợ Ông Tạ, chuyên làm giò chả. Khi lớn lên, Sơn rủ rê và chỉ đạo những đứa em ruột là Cường Võ sĩ, Hoàng bệu, Tiềm, bán ma túy, phát lên khá nhanh. Y bèn bỏ tiền ra bảo trợ cho lò võ Hồ Bạch An, đồng thời xây dựng luôn một phòng tập cho đám chiến hữu ngay trong trại lính dù Hoàng Hoa Thám. Cử chỉ hào phóng này đã được đám sĩ quan binh lính thuộc binh chủng dù đáp lại bằng cách sẵn sàng hậu thuẫn cho Vũ Đình Khánh trong các cuộc làm ăn trong bóng tối. Trong số những kẻ “đỡ lưng” cho Khánh có trung tá Lê Quang Lương, trung tá Be (Ban 2 dù), thiếu tá Đường (Sư đoàn 3 dù), trung úy Nguyễn con đỡ đầu của tướng Cao Văn Viên... Được hậu thuẫn mạnh, chẳng bao lâu Vũ Đình Khánh đã trở thành kẻ cung cấp ma túy cho một khu vực rộng lớn dọc hai trục đường chính là Trương Minh Giản (nay là Lê Văn Sĩ) và Lê Văn Duyệt (nay là Cách Mạng Tháng Tám). Ngoài ra, trên hai trục đường đó còn có cả chục tiệm hút, sòng bài thuộc quyền quản lý của Fami (gia đình) Vũ Đình Khánh.

Năm 1965, Vũ Đình Khánh bị bắt lĩnh án 5 năm tù, bị đày ra Côn Đảo. Bắt chước tay nhà văn giang hồ đầu thế kỷ Trương Văn Thoại, khi ngồi tù Côn Đảo đã tự giải thích bút danh Sơn Vương của mình có nghĩa là “vua của đảo Côn Sơn”, Vũ Đình Khánh cũng nhân cơ hội này tự gọi mình là Sơn Đảo và tự nhận “học trò ruột” của Sơn Vương. Với “chiến tích” nửa thực, nửa bịa mang về từ Côn Sơn, thế lực của Sơn Đảo càng ngày càng mạnh lên trong làng giang hồ Sài Gòn.

Nghe tin em ruột bị giết trong tù, Sơn Đảo lồng lộn lên. Y càng tức hơn, khi từ Chí Hòa, dân chơi đồn thổi ra:

– Cương Võ sĩ không chết vì nhà tù, cũng không chết vì Lâm Chín ngón mà chết vì bệnh... sĩ.

Không chịu nổi, Sơn Đảo tìm vào tận Chí Hòa tuyên bố:

– Sẽ lấy mạng thằng Lâm bằng bất cứ giá nào.

Quá giận, Sơn Đảo không thềm đếm xỉa gì đến những lời thanh minh xin lỗi của tay đàn em trót dại. Xem như mạng sống đã bị mua đứt, Lâm Chín ngón hết sức lo lắng, tìm cách phòng thủ.

Khổ nỗi, Sơn Đảo có muốn cũng không thể bỏ mặc “fa-mi” buôn lậu ma túy đang ăn nên làm ra, tự mình gây án để vào tù kiếm địch thủ trả thù. Gửi sát thủ từ bên ngoài vào cũng không ổn, vì muốn tiếp cận tìm cơ hội giết được Lâm Chín ngón, sát thủ phải ngồi tù chung buồng với Lâm, nghĩa là phải chịu án dài, án nặng nên chẳng tên nào chịu nhận. Cuối cùng, Sơn đành phải tính cách nhờ một tay chơi nào đó trong trại Chí Hòa khử Lâm Chín ngón.

Kẻ được chọn đầu tiên là Tuấn đả, quê ở xã Hộ Hải, quận Ninh Hải, Ninh Thuận. Khi bị bắt giam tại quân lao Nha Trang, Tuấn đả là kẻ từng đâm lòi ruột Sơn Trắng - xếp sòng quân lao này để tiếm quyền. Máu liều, Tuấn đả có thừa, nhưng y nhỏ con, khó chơi tay đôi mà thắng được Lâm Chín ngón. Sơn Đảo chỉ có nước tuồn “chó lửa” từ ngoài vào tù để Tuấn đả hạ Lâm. Nhưng, hai lần khẩu súng được ngục trang gửi vào, Tuấn đả đều trả lại không nhận. Khi từ quân lao Nha Trang chuyển vào trại Chí Hòa, Tuấn đả đã từng bị toàn thể đám đàn anh ở đây cô lập và suýt đánh đòn hội đồng bởi e ngại “truyền thống” lật đổ của y. Lúc đó, chính Lâm Chín ngón đã chủ động đứng ra bảo lãnh. Cảm kích, Tuấn đả đã từ chối “hợp đồng” mà Sơn Đảo nhờ, kèm lời giải thích:

– Anh Đại (Đại Cathay) gọi nó là Lâm điên, tao là Tuấn khùng. Hồng lẽ thằng khùng đi bắn thằng điên(?!).

Mất gần cả năm trời, Sơn Đảo mới tìm được người thay Tuấn đá. Gã này tên là Nguyễn Văn Hoàng, tự Hoàng Đầu lâu (theo hình xăm trên bả vai). Nói về võ nghệ, cả trại Chí Hòa không ai sánh kịp Hoàng Đầu lâu. Hoàng mang đai đen tứ đẳng Taekwondo, đã từng hạ hàng chục cao thủ cả Việt lẫn Miên trên sàn đấu.

Đầu tiên, biết vợ con Hoàng đang sống khó khăn trong thời gian chồng ở tù, Sơn Đảo bèn bỏ tiền mua một căn nhà mặt phố nhỏ đem tặng, sau đó lại sang một sạp vải ở chợ cho vợ Hoàng đứng bán, làm kế sinh nhai. Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn, Hoàng Đầu lâu tối mắt gật đầu bán mình cho Sơn Đảo.

Khổ nổi, trong giới giang hồ, Hoàng chỉ thuộc hàng chiếu dưới, án tù cũng nhẹ, không thể ngồi cùng mâm với Lâm Chín ngón để có cơ hội tiếp cận và hạ sát địch thủ. Để tạo cơ hội cho Hoàng, Sơn Đảo đã tốn công vạch ra một kế hoạch chi tiết nhằm giúp Hoàng Đầu lâu tăng án, “được” ngồi biệt giam đồng thời nâng uy tín trong làng dân chơi chứ không vì tăng án mà gây thù hằn, xích mích với một kẻ nào khác.

• • •

Trong trại Chí Hòa có một cai ngục là trung sĩ Cách, cháu ruột gọi phó giám thị trại bằng cậu. Ý thế, tên này rất “bố láo”, luôn tìm cách ăn chặn, phá phách đồ thăm nuôi của tù nhân. Đám tù rất ghét nhưng không tên nào dám ra tay. Một hôm, sau khi nghe các “đàn anh” ta thán, Hoàng Đầu lâu xung phong:

– Để em mần thịt nó cho!

Kỳ thăm nuôi đến. Khi trung sĩ Cách đang sẫm soi hũ thịt rim, bẻ đôi từng cái bánh để khám xét thì một tên tù tự giác đến rót vào tai hắn:

– Trung sĩ, có người muốn gặp riêng trung sĩ.

Cách hống hách quát:

– Thằng nào muốn thì ra đây mà gặp! Bộ nó là ông nội tao hay sao mà gọi là tao phải ra?

Tên cô mời đệm thêm:

– Có chuyện làm ăn, cần gặp riêng trung sĩ.

Tường sắp được hồi lộ, trung sĩ Cách bỏ ngay việc khám xét theo tên cô mời đi vào phía trong. Cánh cửa vừa đóng lại, Hoàng Đầu lâu bước ra ngay. Hôm đó, y giặt một thanh “hàng” (mã tấu) sau lưng, mặc một chiếc áo jean rộng thùng thình che kín. Thấy mặt Hoàng đằng đằng sát khí, trung sĩ Cách hoảng quá vội vã ngoắt người định tháo lui. Nhanh như chớp, Hoàng Đầu lâu chặn ngay cửa ra vào và rút mã tấu nhắm mặt trung sĩ Cách vọt ngược lên. Lát chém quá chính xác, lỗ mũi của tên trung sĩ bị lưỡi dao bén ngọt cắt bay. Máu xối ra, trung sĩ Cách ôm mặt quần quai...

Với “chiến tích” này, Hoàng Đầu lâu nghiễm nhiên trở thành “dân chơi thứ thiệt”, được giang hồ kiêng nể. Trong khi đó, tội nặng thêm, y bị tổng xuống khu biệt giam. Ở ngoài, Sơn Đảo lại bung tiền lo lót với giám thị, cai tù. Kết quả là hai tháng sau, Hoàng Đầu lâu đã ôm giỏ đồ của mình chuyển sang ở cùng một buồng giam với Lâm Chín ngón.

Ngoài Lâm Chín ngón, trong buồng giam còn có một chú bé 15 tuổi tên là Phạm Văn Lý, thường gọi là Lý lặc được Lâm xin cho ở cùng phòng để phục dịch trà nước và đấm bóp cho “đàn anh” trước giờ đi ngủ. Chỉ sau hôm ở cùng phòng ít lâu, Hoàng Đầu lâu đã khiến Lý lặc sợ chết khiếp. Suốt ngày, Hoàng cời trần trụi phơi chiếc đầu lâu nhe nanh, hết gồng đến tăn lại đấm bình bịch vào tường, rồi sau đó là đá loạn xạ ngẫu các kiểu, như thể đang tập dượt chuẩn bị thi Olympic. Bị khủng bố tinh thần, Lý lặc thất kinh, hỏi Lâm Chín ngón:

– Bộ anh Hoàng sắp giết ai sao?

Lâm không trả lời. Kinh nghiệm sống và những lời thì thào to nhỏ trong đám giang hồ đã giúp Lâm thừa biết Hoàng sắp giết ai. Muốn tránh cũng không thể, Lâm thờ dài và âm thầm chuẩn bị.

Bắn tin ra ngoài, Lâm nhờ đàn em kiếm một chiếc quai đeo ba lô hình chữ X bằng inox, bẻ ra, ấn vào trái bí đỏ chuyển vào tù cho Lâm. Chờ lúc Hoàng Đầu lâu ra khỏi phòng, Lâm đập vỡ trái bí, lấy thanh inox ra, mài

mỏng xuống sàn xi măng thành một lưỡi dao nhọn hoắt và sắc như dao cạo. Sau đó, Lâm nhờ một người có vai vế là tướng Lam Sơn, nguyên giám đốc Trung tâm huấn luyện tân binh Thủ Đức, vì tội bắn chết người quản gia nên phải ngồi Chí Hòa mua cho mình một chai rượu Remy Martin. Trong tù, được đàn anh chiếu cố, lại có rượu Tây uống, còn gì bằng, Hoàng Đầu lâu được Lâm mời cứ thế nốc rượu tì tì. Đã có chủ ý, Lâm chỉ nhắm nháp đôi chút, chủ yếu rót tràn cho Hoàng. Nửa đêm, chai rượu cạn đáy, Hoàng Đầu lâu say mềm lăn ra ngáy pho pho. Lâm Chín ngón bèn bảo đệ tử Lý lắc:

– Mày nấu cho anh nồi nước, tắm cái cho mát.

Khi nước sôi sùng sục, Lâm bê nguyên cả nồi đổ ụp xuống mặt Hoàng Đầu lâu. Hoàng thét lên chói lói, quần quai, muốn đứng dậy bỏ chạy nhưng không thấy đường, tay chân quơ loạn xạ. Rút dao đã chuẩn bị sẵn, Lâm Chín ngón đâm liên hồi vào người Hoàng Đầu lâu. Lưỡi dao mỏng dính nên máu chỉ ra rịn rịn. Hoàng Đầu lâu van xin:

– Anh tha cho em, em có làm gì anh đâu?

Lâm Chín ngón cười gằn:

– Nếu để mày “làm gì” thì giờ tao đâu còn có thể đứng đây!

Giữa giữa một lúc, Hoàng Đầu lâu chợt cong người lên, ngáp ngáp mấy cái rồi chết thẳng cẳng. Đến lúc đó, Lâm mới ngừng tay. Tất cả 37 nhát. Lý lắc kinh hoàng đứng nép vào góc tường bùng mặt so vai nhưng không dám khóc.

Cuộc giăng co xảy ra khá nhanh, khá bất ngờ. Hoàng Đầu lâu hầu như không kịp phản ứng nên tiếng động gây ra không lớn. Khi Lâm đập ầm ầm vào cửa sắt báo mình đã giết người, viên cai ngục đang ngủ gà ngủ gật vẫn không tin. Đến khi chạy vào, nhìn xác Hoàng hoen máu nằm thẳng đơ trên nền gạch, ông ta mới thất kinh hỏi Lâm Chín ngón:

– Sao mày lại giết nó?

Vứt dao, Lâm đứng thờ người:

– Tôi không đâm nó, nó cũng giết tôi!

Lâm nói đúng, chốn giang hồ nếu không chết vì cái ác thì cũng phải tự mình nhúng tay vào cái ác, hoàn toàn không có đường thứ ba để chọn lựa.

Lâm Chín ngón lại bị tổng vào biệt giam. Ở ngoài, Sơn Đảo vẫn lờ mờ tìm cách tiếp tục giết Lâm. Nhưng chưa kịp nghĩ ra cách, chính Sơn Đảo lại bị giết chết. Cũng như em ruột là Cương vô sĩ, Sơn Đảo cũng bị hạ vì sĩ diện và bỏ mạng bởi một kẻ thuộc hàng đàn em: Phạm Bá Y, tức Y Càlết!

• • •

Bị thọt một chân, lại có bệnh kinh phong, mỗi lần lên cơn là toàn thân co giật liên hồi, Phạm Bá Y được giang hồ gán cho biệt danh “Y Càlết”. Sau nhiều năm ở tù, hắc ngoi lên được địa vị trùm ma túy của dãy AH thuộc trại Chí Hòa. Năm 1972, Y ra tù bắt đầu dựng lại cơ đồ. Lúc này, Sơn Đảo đang ở giai đoạn cực thịnh. Biết mình chỉ thuộc hàng đàn em của Sơn Đảo, Y Càlết không dám nhảy vào địa hạt “hàng trắng” mà Sơn Đảo đang nắm độc quyền, chỉ dám chỉ đạo đàn em buôn bán thuốc phiện, “giang sơn” không rộng hơn khu vực hẻm Cháo Lòng, Xóm Đạo cạnh Bệnh viện Từ Dũ nơi Y cư trú.

Nhưng chỉ ít lâu, Mỹ rút, đám “dân chơi” đột nhiên bỏ “hàng trắng” quay lại với “hàng đen” đã tạo cơ hội cho Y Càlết phát lên rất nhanh, cả về tiền bạc lẫn thế lực. Chưa dám mạo hiểm mở rộng đất kinh doanh ra hướng Tân Bình nhưng Y đã liều lĩnh bắt tay với hai tên dưới trướng của Sơn Đảo là Châu Gối và Hồng Toét thâm tóm dần dần quyền cung cấp “hàng đen”. Y Càlết lên nhanh như điều gặp gió. Trong khi đó, Sơn Đảo sau cái chết của em tính tình ngày càng hung bạo hơn. Quyền lực càng cao, thái độ của hắc càng hống hách càng mục hạ vô nhân. Mỗi lần không vừa ý, hắc thường không tiếc tay đánh đập, chửi mắng đàn em. Không chịu được sự ngược đãi vô lý, nhiều giang hồ đã rục rịch bỏ Sơn Đảo chạy về dưới trướng Y Càlết.

Quyền lực bị xâm phạm, Sơn Đảo điên hết cả ruột, bắt đầu tìm cơ diệt Y càlết. Trong giới giang hồ, việc “đảo chính”, hạ bệ lẫn nhau xảy ra như cơm bữa. Nhưng muốn diệt nhau thì phải có cớ, nếu không giang hồ không phục, có diệt được đối thủ cũng không thể đạt được mục đích. Vì vậy, dù

điên đến mấy, Sơn Đảo vẫn phải kiên nhẫn chờ thời. Lần này, giọt nước làm tràn ly là một cô vũ nữ xinh đẹp.

Ở Sài Gòn trước 1975, vũ trường Barcarat nổi tiếng nhờ màn vũ thoát y. Hằng đêm, đến đoạn cao trào một cô gái bốc lửa sẽ bước lên sàn pist nhảy múa cuồng loạn theo điệu nhạc. Lần lượt theo từng bước nhảy, từng mảnh xiêm y trên mình cô gái sẽ rơi ra. Khi trên mình cô chỉ còn độc một chiếc “lá nho” che chỗ kín, đám thực khách sẽ bốc thăm... Kẻ “may mắn” được bịt mắt sẽ lên sân khấu cùng nhảy với cô, trong khi nhảy, nếu khách dùng... răng gỡ được chiếc “lá nho”, cô vũ nữ sẽ thuộc về gã trong đêm thác loạn. Nhân vật chính của những đêm điên loạn ấy là Trang, cô gái có thân hình bốc lửa. Biệt danh Trang Barcarat ra đời từ đó. Khi đã nổi danh, Trang Barcarat bỏ nghề vũ nữ trở thành một người chuyên tổ chức các buổi party cho các nhân vật tai to mặt lớn trong quân đội. Nhờ đó, Trang thường xuyên được một vài ông lớn ủng hộ và che chở hết mình. Từ Trang Barcarat, cô được giới ăn chơi phong lên thành Trang Bà Bà - tên nhân vật tú bà trong tiểu thuyết Kim Bình Mai - cuốn “đệ nhất dâm thư” của đời Thanh (Trung Quốc).

Xem ra chưa chắc ăn, để công việc làm ăn tránh được sự sách nhiễu của những tên đầu bò, đầu bấu, Trang Barcarat còn chủ động cặp bồ với một số tay anh chị đang lên. Thời gian đầu Trang cặp bồ với Lộc điên, một tên cướp khét tiếng lì lợm và hung bạo. Lộc điên từng nổi danh giang hồ vì biệt tài trốn tù, vượt ngục kèm câu tuyên bố ngạo ngược trước tòa:

– Tòa xử thì tòa ở, Lộc tôi không rảnh đâu mà ngồi tù!

Lộc điên bị bắt lãnh án chung thân đúng vào hồi cực thịnh của Sơn Đảo và fami của hắn, Trang lập tức quên ngay gã tình nhân vừa sa cơ thất thế, tự nguyện ngã vào vòng tay Sơn Đảo. Khi Y Càlết đã trở nên hùng mạnh, cô quay sang bá vai bá cổ ve vuốt tên anh chị mới nổi này.

Một hôm, Sơn Đảo đến thăm Trang Bà Bà, đúng vào lúc Trang và Y Càlết đang ngồi với nhau trong phòng khách. Thấy Sơn vào, Y Càlết chỉ khẽ gật đầu chào mà không thèm đứng lên, thái độ tự tin như một chủ nhân

ông thực thụ đang ngồi tại phòng khách nhà mình. Bề mặt, đồng thời cũng muốn thị oai trước mặt tình nhân, Sơn Đảo hất hàm:

– Ai cho mày ở đây?

Câu hỏi trích thượng của Sơn khiến Y Càlết đâm ra lúng túng. Cho dù việc “đảo chính” chỉ còn là ngày một ngày hai nhưng vì chưa đến lúc cho nên ngoài mặt Y Càlết vẫn phải xếp mình dưới cơ Sơn Đảo. Tật nói lấp của hắn bắt đầu lòi ra:

– Dạ... thì tôi đến... chơi... thăm Trang...

Thấy đối thủ mặt đã đỏ chàm, gã đàn anh càng lấn tới. Thẳng tay giáng cho Y Càlết một tát tai, Sơn Đảo gầm lên:

– Không chơi bởi thăm viếng gì ráo trọi, nếu không đừng trách.

Không đề phòng, Y Càlết lĩnh nguyên năm dấu ngón tay trên mặt. Mắt vẫn lên, nhưng biết mình không phải là đối thủ tay đôi của Sơn Đảo, hắn không dám đánh lại, chỉ lấp bắp:

– Tôi... làm gì... mà... mà... anh... đánh tôi?

Thẳng được người mặt đỏ như vang, Sơn Đảo hất mặt:

– Ưng đánh là tao đánh. Thấy mặt mày tao ghét quá nên đập cho mày chừa. Có sao không?

– Anh là... đàn anh... mà chơi... chơi vậy... là không ngon. Tôi... tôi... nói thiệt... anh đừng... ý... ý... lớn.

Vừa nói Y Càlết vừa lùi dần ra cửa. Sơn Đảo đắc thắng:

– Đã biết tao là đàn anh thì rút mẹ mày đi. Đừng sợ rở thấy ghét, tao lại táng thêm vài cái bây giờ.

Bị hạ nhục, Y Càlết lên cơn giật kinh phong ngay tại chỗ và vội vàng lùi ngay như chó ăn vụng bột.

Hả hê vì trường trị được kẻ rắc ranh “lấy số” mình, đi đâu Sơn Đảo cũng đem chuyện bạt tai Y Càlết ra khoe, tất nhiên không quên thêm mắm dặm muối cho thêm phần hấp dẫn. Chẳng bao lâu, thông tin về vụ đụng độ đã lan khắp giang hồ Sài Gòn. Tin chắc Y Càlết đang nung nấu dự định trả

thù, một số dân chơi rục rịch kiếm Y ngỏ ý sẵn lòng hiệp sức để luộc Sơn Đảo. Lần nào, với ai, Y Càlết cũng tìm cơ thoái thác:

– Chỉ là chuyện hiểu lầm, nhỏ thôi mà. Bỏ đi, anh là đàn anh, tao chơi anh làm sao được?

Để Sơn Đảo khỏi nghi ngờ, Y Càlết ngoài mặt tỏ ra nhẫn nhục chịu đựng nhưng bên trong, y lại ngầm sai tên em ruột có cái tên khá ngộ nghĩnh là Xã Xệ (tên thật là Phạm Bá Tiến), một tên giang hồ khá đẹp trai mới 17 tuổi điều tra đường đi nước bước, thói quen giờ giấc của Sơn Đảo để trả thù. Mang nhục mà không rửa, đổ còn có thể ngẩng mặt lên nổi trên chốn giang hồ, Y Càlết chẳng bao giờ quên điều đó.

Trận trả thù diễn ra vào đầu năm 1975. 11 giờ đêm, Sơn Đảo và gã đàn em tên là Ba Tiến cùng một đám sĩ quan dù rời vũ trường Crystal trong trạng thái chệnh choáng. Vừa trèo lên chiếc mô tô 125 phân khối định lao theo đám sĩ quan dù đã phóng đi trên mấy chiếc xe Jeep, Sơn Đảo phát hiện ra cả hai bánh xe đều xẹp lép. Cầm cẩu, y lệnh cho Ba Tiến - tên đàn em đi chung làm gác-đờ-co - dắt xe ra dưới ánh đèn cao áp xem thử. Đúng lúc đó, một Honda 67 do Tiến Mụn cầm lái chở Xã Xệ trở tới. Vừa áp sát, khẩu Colt 45 trong tay Xã Xệ đã xả nguyên băng đạn vào lưng Sơn Đảo hất y úp mặt xuống đường. Chiếc Honda 67 phóng vút đi. Ba Tiến chưa kịp phản ứng đã vội đứng im. Từ yên sau một chiếc xe Honda 67 khác vừa phóng đến, Y Càlết tay súng lăm lăm nhảy xuống, vừa khống chế Ba Tiến vừa kiểm tra kết quả cuộc hành quyết. Khi tin chắc mạng sống của Sơn Đảo - tên giang hồ cộm cán nhất thời ấy - đã chấm dứt vĩnh viễn, Y mới trèo lên xe do tên Chánh cầm lái phóng vụt đi.

Sau đó, một đám tang rình rang, kinh dị, sặc mùi xã hội đen đã diễn ra. Hàng chục xe Jeep chở đầy lính dù với súng tuốt lê trần đã hộ tống xe chở quan tài Sơn Đảo chạy lòng vòng khắp khu trung tâm Sài Gòn. Khi chạy đến khu vực Xóm Đạo của anh em Y Càlết, bọn lính dù chìa súng lên trời bắn rền hàng chục loạt, thề sẽ lấy máu Y Càlết, Xã Xệ... để trả thù.

Nhưng chúng chưa kịp tìm ra được tung tích anh em Y Càlết, miền Nam đã hoàn toàn giải phóng. Những cuộc tranh giành đẫm máu và thời kỳ tác

oai tác quái của giới tội phạm đã bị chính quyền cách mạng chặn đứng.

3 || Nghiệp chương của một ông trùm

Quay lại với nhân vật Lâm Chín ngón.

Sau 1975, với những tội lỗi đã gây ra, Lâm Chín ngón đã phải sống một thời gian dài trong nhà tù của chế độ mới, chuyển qua nhiều trại giam từ Chí Hòa, đi Côn Đảo, về trại cải tạo Cà Mau (1977), sang Trại Z30D Hàm Tân, Bình Thuận (1982), lại chuyển qua trại Phú Sơn, Phú Khánh. Năm 1988, sau hơn 20 năm trả giá trong tù tội, Lâm được trả tự do, trở về thành phố Hồ Chí Minh, làm đủ nghề để kiếm sống. Năm 1993, Lâm cưới vợ và sinh con. Cùng với vợ, Lâm mở một quán thịt chó bình dân ở số 297, đường 3-2, quận 10, lo chí thú làm ăn, mong muốn đoạn tuyệt hẳn với giới giang hồ.

Nhưng, nghiệp chương đã trót đeo đẳng chưa chịu buông tha cho Lâm rửa tay gác kiếm, an phận với cuộc hoàn lương. Một ngày cuối năm 1994, có 3 tên giang hồ mới nổi là Trúc lùn, Khải neho, Tùng nhĩ vào quán thịt chó của Lâm ăn nhậu. Cả ba đều hành nghề bốc vác tại bãi xe Kỳ Hòa cạnh quán nên Lâm biết tên biết mặt. Rượu vào, lời ra, Trúc lùn đã kể lại cho Lâm nghe một “hợp đồng giang hồ” mà chúng vừa thực hiện.

Vợ chồng Minh Samasa - Phụng trắng ở Vũng Tàu muốn độc quyền bảo kê các cảng cá Vũng Tàu, Long Hải và Phước Tỉnh để thu lời. Chúng đã nhờ vợ chồng Đức Năm Nghệ - Sương L'Amour, trùm “sát thủ” khu vực cầu Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh giúp sức để đuổi các đối thủ cạnh tranh khác trong giang hồ ở các cảng này đi với giá hàng chục triệu đồng. Nhận lời, Đức Năm Nghệ - Sương L'Amour đã điều khoảng 50 tên đàn em, trong đó có Trúc lùn, Khải neho, Tùng nhĩ, vác mã tấu xuống Vũng Tàu, tràn vào địa bàn của các tên Phước Đầu lâu, Hải lộ. Sau trận hỗn chiến, chúng bắt được tên Thiêng, một đàn em trong băng của đối phương, chặt đứt ngón tay của tên này gói vào khăn tay đem về nộp cho vợ chồng Minh

Samasa. Giữ lời, Minh Samasa đã thanh toán “hợp đồng” đầy đủ. Có tiền, đêm đó Trúc lùn và một số tên ở lại Vũng Tàu phá phách. Bị cản không cho dắt gái vào phòng, chúng đã bao vây đánh bảo vệ khách sạn, bị công an tạm giam và tịch thu xe máy...

Nghe chuyện, Lâm Chín ngón thở dài khuyên đám tiểu yêu hãy từ bỏ con đường tội lỗi, nhưng lại nhận lời xuống Vũng Tàu đòi Minh Samasa phải tìm cách lấy lại xe máy cho đám đàn em.

Ngày 26 Tết năm 1994, Lâm cùng ba tên xuống Vũng Tàu. Là một giang hồ mới nổi, biết khách là một giang hồ cộm cán, một đàn anh có máu mặt, Minh Samasa đã tiếp đón Lâm Chín ngón khá niềm nở. Minh hứa:

– Nếu không xin lại được xe, tôi sẽ mua xe mới trả cho anh em. Anh Lâm đã có lời, tôi đâu dám không làm.

Tiếp đó, Minh Samasa, Dũng Ba lém đã tổ chức nhiều chuyến ăn chơi, du hí mời mọc đãi đằng đồng thời “mời anh Lâm xuống Vũng Tàu hợp tác làm ăn”.

Thấy nguồn lợi quá lớn, đám Dũng Ba lém, Minh Samasa tên nào cũng giàu sụ, lại quá tha thiết trọng vọng mình, Lâm Chín ngón đồng ý. Ở Vũng Tàu, sự có mặt của Lâm Chín ngón đã khiến các băng nhóm lưu manh khác khiếp vía, dạt ra hết, tạo điều kiện cho Minh Samasa và Dũng Ba lém tha hồ độc chiếm cảng cá, tha hồ nâng hạ giá, bán mua tùy ý để làm giàu. Đổi lại, Lâm Chín ngón chỉ việc chường mặt ra cảng cá nhưng không phải mó tay vào bất cứ việc gì, mọi chi phí ăn uống chơi bời đều được “bao cấp”, kèm số lương 5 triệu đồng một tháng. Minh Samasa, Dũng Ba lém còn sắm cả xe máy cho Lâm để “đàn anh tiện đi lại làm việc”.

Thấy đất Vũng Tàu làm giàu quá dễ, Lâm Chín ngón nảy ra ý đồ làm ăn riêng, quyết không để đám tài phiệt cảng cá “lợi dụng tên tuổi mình mãi”. Tháng 4-1995, trong một buổi nhậu tại nhà hàng Thùy Dương (Vũng Tàu), Lâm tuyên bố dự định “ra riêng” với đồng bọn. Nếu ý đồ của Lâm được thực hiện, đám Minh Samasa, Dũng Ba lém xem như sẽ tự rước phải một

đổi thủ giang hồ quá mạnh. Chúng tức tốc gọi vợ chồng Đức Năm Nghệ - Sương L'Amour xuống Vũng Tàu, gây áp lực để đuổi Lâm Chín ngón.

Tuy “có số có má” nhưng cô thân cô thế, Lâm Chín ngón không đương đầu nổi với liên minh giang hồ - tài phiệt giữa Đức Năm Nghệ - Sương L'Amour với Dũng Ba lém, Minh Samasa. Sau vài tháng “chiến tranh”, Lâm Chín ngón đành ngậm ngùi chạy trốn khỏi Vũng Tàu để giữ mạng sống và “giữ tiếng trên giang hồ”.

Hai năm sau, Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ra quân xóa sổ nạn bảo kê lậu hành trên các cảng cá. Minh Samasa và nhiều tên trong đám tài phiệt cùng nhau vào tù trả giá cho những tội lỗi mà chúng đã gây ra. Ở ngoài, thấy địch thủ đã yếu hèn, Lâm Chín ngón lại rắp ranh quay lại độc chiếm cảng cá Vũng Tàu.

Nhưng, vợ chồng Đức Năm Nghệ, Sương L'Amour vẫn chưa bị pháp luật sờ gáy. Được đám tài phiệt cảng cá đánh động và cầu cứu, Đức Năm Nghệ bắt tin:

– Nếu Lâm Chín ngón mò xuống Vũng Tàu, mạng sống của y và gia đình sẽ không được bảo đảm!

Thấy trước không chơi lại “đám dữ” mới “sủi tăm” nhưng đầy hung hãn và không hề biết nể nang, Lâm Chín ngón đành tạm bằng lòng với vị trí ông chủ quán thịt chó. Lâm không hề hé môi với bất kỳ ai về chuyện còn định quay lại nắm cảng cá hay không.

• • •

Mọi chuyện tưởng chừng đã yên, bất ngờ tai vạ bỗng chụp lên đầu Lâm Chín ngón. Khoảng 8 giờ tối ngày 14.7.1999, Lâm chở vợ và đứa con trai 6 tuổi đi ăn tối tại quán Lỗi ở cư xá Bắc Hải, quận 10. Khi anh ta vừa dựng xe cho vợ con bước xuống thì bất ngờ, một tên thanh niên không rõ mặt nhảy xổ ra tạt thẳng vào mặt Lâm một ca đầy acid sunfuric đậm đặc sau đó vứt chiếc ca nhựa, tót ngay lên yên sau một xe máy chờ sẵn bên kia đường chạy mất. Hét lên một tiếng, Lâm ngã xuống mặt đường quẫn quai.

Trận đòn thù không rõ lai lịch quá hiểm ác. Tay giang hồ một thời tác oai tác quái bị cháy và biến dạng toàn bộ khuôn mặt, hai tai rụng, mũi rụng, cằm chảy ra dính chặt vào ngực. Hai mí mắt cũng chảy ra dính vào nhau, bịt kín con mắt. Sau nhiều tháng chạy chữa với nhiều lần phẫu thuật, lột toàn bộ da mông, da đùi đắp lên mặt, Lâm Chín ngón mới tạm hồi phục nhưng khuôn mặt vẫn bị biến dạng khủng khiếp. Hai mắt Lâm gần như lòa hẳn. Nhiều lần phẫu thuật, các bác sĩ bệnh viện Chợ Rẫy mới tạm mở được cho Lâm hai hốc mắt nhỏ xíu. Mỗi lần lấy ngón tay ấn lên từ hai hốc mắt đã lòa, những giọt nước đục như nước gạo lại ứa ra.

Dù vậy, Lâm Chín ngón vẫn không cho vợ con, gia đình thừa, báo công an. Chúng tôi đã nhiều lần gắng hỏi, Lâm Chín ngón vẫn lắc đầu quầy quậy, không hé một lời về việc ai đã xuống tay hạ gục mình, cũng một mực không cho biết anh ta có nghi hay không nghi ai là thủ phạm, dù theo suy đoán của chúng tôi, có vẻ như Lâm biết rất rõ kẻ đã ra lệnh xuống tay. Trước sau, Lâm chỉ một mực cho rằng, tai vạ hôm nay chính là nghiệp chướng mà anh ta đã vay thì phải trả. Thậm chí, anh ta cho rằng kẻ hại mình còn “nhân đạo”, không hề đụng đến vợ con Lâm, để cho họ rời khỏi xe một khoảng rồi mới ra tay nên chỉ mỗi một mình Lâm bị hại.

• • •

Thật ra, Lâm Chín ngón biết rất rõ ai là kẻ đã tổ chức tạt acid hủy hoại anh ta nhưng vì lo sợ và vì thiếu chứng cứ nên Lâm không dám đứng ra tố cáo, chỉ cần rằng chịu đựng. Ngày 12.12.2001, Năm Cam bị tóm cổ. Hai ngày sau, khi thông tin về vụ bắt giữ Năm Cam đã được khẳng định rộng rãi trên báo chí, Lâm Chín ngón đã lập tức tìm đến cơ quan công an và một số tờ báo để tố cáo: chính Năm Cam là kẻ chủ mưu vụ tạt acid. Đến lúc đó, toàn bộ sự thật mới được phơi bày.

Năm 1988, Lâm Chín ngón được trả tự do sau hơn 20 năm bị trói buộc trong vòng lao lý. Biết Lâm là kẻ nhiều lần vào tù ra tội, chiến tích, uy tín giang hồ khá lẫy lừng, Năm Cam đã tìm tới tận nhà thăm hỏi, cho tiền, mục

đích là để lấy lòng và dựa dẫm, lợi dụng uy thế của Lâm để dẫn dắt các băng nhóm, đồng thời để tránh rước thêm một địch thủ thuộc loại dữ dằn.

Tiếp đó, Lâm lấy vợ, sinh con, cuộc sống không mấy dư dả. Để mua chuộc Lâm, Năm Cam đã ra lệnh cho Mười Đen, một tay dưới trướng hiện đang có một cửa hàng điện tử trên đường Huỳnh Thúc Kháng, quận 1, phải nhường cho Lâm một phần hùn trị giá hai lượng vàng tại cửa hàng này. Gọi là hùn, kỳ thực Lâm Chín ngón không phải góp vốn lấy một xu, nhưng hàng tháng Mười đen vẫn phải chia lời cho Lâm đúng theo tỉ lệ của người có hai lượng vàng góp vốn. Trên danh nghĩa, Năm Cam là người chịu trách nhiệm góp vốn cho phần hùn này để giúp Lâm. Nhưng, với “anh Năm” thì “bố bảo” Mười đen cũng không dám từ chối hay đòi hỏi phần góp.

Được vài tháng, Lâm Chín ngón nẩy máu tham, không xì tiền ra nhưng vẫn đòi hỏi Mười đen phải... nâng tỉ lệ phần hùn cho anh ta. Đòi hỏi quá quắt của Lâm Chín ngón đã khiến mâu thuẫn nảy sinh. Năm Cam phải đứng ra can thiệp, bắt Mười đen phải... trả lại cho Lâm Chín ngón hai lượng vàng đã “góp vốn”. Cầm số vàng này, Lâm Chín ngón về quận 10 mua bán thuốc Tây, kỳ thực là bảo kê khu chợ tân được đường Lý Thường Kiệt.

Trong khi đó, Năm Cam lại tiếp tục hùn vốn với Mười đen, Tư râu và Chín Cam - một cán bộ thoái hóa, biến chất - thuê mặt bằng tại số 49 Huỳnh Thúc Kháng, mở lại một cửa hàng điện tử khác. Cửa hàng này làm ăn khá phát đạt, lại khiến máu sân si của Lâm Chín ngón nổi lên. Lâm lại mò đến, bảo Mười đen:

– Tao muốn hùn vốn vô tiệm này, mày tính sao thì tính!

Không cam chịu thiệt hai lần, Mười đen nổi đóa:

– Anh đừng quá quắt. Chỗ tôi làm ăn, đâu phải cái chợ đâu mà hể anh nói vô là vô, ra thì ra?

Bị từ chối, Lâm Chín ngón nổi khùng đập vỡ bảng hiệu của Mười đen. Điên tiết, Nghĩa, con trai Mười đen vác dao xông ra, định ăn thua đủ với

“thằng già bố lão”. Nghe tin, Năm Cam vội vã lao tới dàn hoà, tránh xảy ra một cuộc đối đầu toé lửa với tay anh chị hết thời nhưng còn số má.

Sự xuất hiện của Năm Cam đã lên dây cót tinh thần cho Mười đen. Tay này không kiêng dè gì nữa, chỉ mặt Lâm Chín ngón cảnh cáo:

– Tiệm này là của anh Năm, muốn hùn hạp gì thì anh cứ nói với anh. Anh Năm đồng ý thì cho anh hùn, không đồng ý thì anh biến, đừng đến đây gây sự nữa.

Bị từ chối và dẫn mặt, Lâm Chín ngón nổi điên. Nhưng nhắm đánh nhau với cả đám không lại. Lâm chỉ còn nước réo Năm Cam chửi đồng cho bỏ ghét:

– Năm Cam là cái chó gì. Nó là thằng cờ bạc, tù tội, oai đếch gì mà tụi mày tôn sùng, dựa hơi. Coi chừng, cà chớn thì có ngày tao đập tiệm, Năm, Bầy gì có ngon ra mà chơi.

Bị xúc phạm, nhưng là con cáo già, Năm Cam không phản ứng lại nửa câu, chỉ găm mỗi hận Lâm Chín ngón lại trong lòng.

Nghề bảo kê, buôn bán thuốc Tây ở chợ Trời quận 10 bùng phát được ít lâu thì xẹp, Lâm Chín ngón nghe lời rủ rê, mời mọc của đám Minh Samasa - Dũng Ba lém xuống Vũng Tàu bảo kê các cảng cá. Trong số các đầu nậu bị Lâm Chín ngón, Minh Samasa dẫn mặt tranh mua ép bán có Ba Thế, tức Nguyễn Hữu Thế Trạch, chủ vừa cá chợ Cầu Ông Lãnh, quận 1, xuất thân là một kiện tướng bơi lội. Trạch chuyên mua cá từ nguồn của các tàu Kiên Giang. Dưới áp lực của đám xã hội đen do Lâm Chín ngón chỉ huy, Trạch liên tục phải đóng “hụi chết”, mỗi chuyến tàu phải mất năm đến bảy triệu, thậm chí ba mươi triệu mới đưa được xe đông lạnh ra khỏi cảng. Đã vậy, lần lúc Lâm Chín ngón, theo yêu cầu của Dũng Ba lém, Minh Samasa còn tự ý nâng giá mua, khiến nhiều chuyến Trạch thiệt hại nặng, có khi tới hai, ba ngàn đồng một kilôgam cá. Để thoát khỏi tình trạng này, Trạch đã bàn bạc với mẹ vợ là bà Nguyễn Thị Mai tìm cách thương lượng với Lâm Chín ngón để điều đình. Biết Lâm Chín ngón có nhà ở quận 10, là một giang hồ thứ dữ của đất Sài Gòn, mẹ con Nguyễn Hữu Thế Trạch đã đem lễ đến nhờ

Năm Cam nói chuyện với Lâm Chín ngón giúp và được “ông trùm” nể mặt nhận lời.

“Tiên lễ hậu binh”, một mặt kích động, chia rẽ Lâm Chín ngón với đám Minh Samasa - Dững Ba lém, lại xúi giục vợ chồng sát thủ Đức Năm Nghê - Sương L’Amour xuống Vũng Tàu gây sự với Lâm Chín ngón, mặt khác Năm Cam lại xách rượu tìm đến nhà Lâm Chín ngón tại quận 10 để nói chuyện thiệt hơn. Vào nhà, Năm Cam bảo Lâm Chín ngón:

– Nguồn cá của thằng Ba Thế là nguồn cung cấp cho vừa Cầu Ông Lãnh. Ở đó, anh em giang hồ đông lắm. Anh ép thằng Trạch tức là đá bể nồi cơm của anh em, lỡ lớn chuyện ra thì phiền lắm đó.

Cả hai đều xuất thân từ khu Cầu Ông Lãnh (Chợ Cầu Muối), Lâm Chín ngón là đàn em cật ruột của Đại Cathay, xếp sòng từ thuở xa xưa của nguyên khu chợ vừa, trong khi Năm Cam là em rể Bảy Si, ông trùm sòng bạc khu Da Heo, từng hùn hạp nhận Đại Cathay làm bảo kê, cho nên Lâm Chín ngón biết Năm Cam nói thật. Một mình đối đầu với toàn bộ giang hồ chợ Cầu Muối là điều hoàn toàn dại dột không nên. Dù không ưa Năm Cam, nhưng thấy “ông trùm” đã nhún mình xuống nước tìm đến tận nhà nên Lâm Chín ngón cũng tỏ ra nể mặt. Lâm nói với Năm Cam:

– Thôi được, chuyện đó Năm để tôi bàn với chú Trạch sau.

Một tuần sau cuộc nói chuyện này, một cuộc nhậu tương bừng đã được tổ chức tại nhà hàng Thùy Dương ở Vũng Tàu. Chủ tiệc là Nguyễn Hữu Thế Trạch và bà Mai, người mời là Lâm Chín Ngón, trong khi khách là đầy đủ bộ sậu giang hồ của thành phố cảng, có thêm cả cặp vợ chồng sát thủ Đức Năm Nghê - Sương L’Amour từ thành phố Hồ Chí Minh xuống. Vào tiệc, Lâm Chín ngón chuyển lại cho giang hồ đất cảng nguyên văn lời cảnh báo của Năm Cam:

– Cá của Ba Thế là nguồn cung cấp cho chợ Cầu Muối. Ở đó có nhiều giang hồ sống lắm...

Dĩ nhiên đã là yêu cầu của Năm Cam thì đám giang hồ Vũng Tàu không thể làm ngơ. Chúng chấp nhận buông tha, giải phóng nguồn hàng cho

Nguyễn Hữu Thế Trạch.

Chỉ sau đó vài tháng, thân cô thế lụi, Lâm Chín ngón đã bị đám giang hồ mới đánh bật khỏi Vũng Tàu khi có ý định tách khỏi Minh Samasa - Dũng Ba lém để ra riêng. Chạy trốn chết vì chơi không lại, Lâm Chín ngón lại đâm ra hậm hực, nghi có bàn tay Năm Cam thò vào trong chuyện Lâm bị truất ngôi. Về thành phố Hồ Chí Minh, đi đâu Lâm cũng rêu rao thoá mạ, công khai chửi bới, coi thường uy thế của Năm Cam.

Có lần, vào năm 1998, Lâm chủ động mời Năm Cam đến một nhà hàng trên đường Trần Hưng Đạo, quận 5. Khi thấy Năm Cam bước vào, những tên thuộc hàng đàn em của Lâm Chín ngón đang ngồi trong bàn đều nhất loạt đứng lên chào và cầm ly đến gặp “anh Năm” mời mọc, quên khuấy mất “chủ nhân ông” của cuộc ăn nhậu là Lâm Chín Ngón. Không nhịn được, Lâm Chín ngón gầm lên:

– Thăng Năm Cam là cái đích gì mà tụi bay phải bợ đỡ. Tao coi nó là cái đinh. Đ.M, thằng nào quỵ lụy Năm Cam thì đừng coi tao là đàn anh nữa!

Vô cớ bị Lâm Chín ngón chửi bới, hạ nhục, mặt Năm Cam tái dại đi. Nhưng, cái đầu cáo già vẫn lạnh, Năm Cam đứng lên:

– Anh Lâm say rồi! Tôi cũng hơi mệt, thôi anh em ngồi chơi, tôi về trước.

Nói xong Năm Cam bỏ về ngay. Máu yêng hùng lấp mất trí khôn, Lâm Chín ngón không hề biết rằng bằng những lời nhục mạ Năm Cam, anh ta đã tự biến mình thành cái gai cần nhổ trong mắt tay gá bạc ồm yếu ho hen nhưng đầy quyền lực, máu lạnh và đầy nham hiểm.

• • •

Ngoài mặt vẫn thơn thớt nói cười, nhưng trong bụng, Năm Cam đã bầm gan tím ruột, bắt đầu tìm kế trừng trị Lâm Chín ngón.

Thế nhưng, làm được điều đó không dễ. Lâu la dưới trướng, Năm Cam không thiếu. Đám Cu Nhứt, Bình Kiếm, Nghĩa Mười đen... đều thuộc loại dữ dằn và sẵn sàng “phục vụ anh Năm”. Lâm Chín ngón tuy to khỏe nhưng

dù sao cũng chỉ là “hồ dữ về già”, chơi tay đôi chưa chắc những thằng sát thủ mới nổi phải kiêng dè. Ngặt một nỗi, Lâm Chín ngón dù sao cũng đã có thời lừng lẫy, thuộc hàng đàn anh có số, dám sát thủ mới nổi ít nhiều cũng nể mặt, chưa chắc đã chịu động thủ. Bề hội đồng, trải đệm cũng không ăn thua, vì nếu có diệt được một Lâm Chín ngón, Năm Cam cũng mang tiếng đắc thời hiếp kẻ thất thời, không khéo lại chọc giận hàng loạt “sói già” khác để chúng quay lại “bề hội đồng” thì khó ăn khó nói và cũng khó đỡ.

Suy đi tính lại, Năm Cam quyết định chơi trò “ném đá giấu tay”. Kẻ được ủy thác thực hiện là Vũ Hoàng Dung, tức Dung “Hà”, quái nữ đất cảng Hải Phòng. Ít nhiều, Dung Hà cũng đã nhiều lần được Năm Cam cứu mang, giúp đỡ tiền bạc trong những ngày hàn vi, vừa ra tù, công ty cờ bạc Kiến An (Hải Phòng) đã vỡ, thằng bồ Hùng cốm đã bị bắn và đàn anh, đàn em thì tan tác mỗi đứa một phương. Sử dụng Dung Hà, Năm Cam đắc lợi nhiều mặt. Thứ nhất, giang hồ Bắc là những sát thủ máu lạnh, dám chơi tới cùng và sẵn sàng xài “hàng nóng” (súng). Về mặt này, Dung Hà vốn đã khét tiếng. Trước khi vào tù, chính y thị là kẻ đứng ra tổ chức một cuộc tấn công qui mô, kéo rốc hàng chục sát thủ từ Hải Phòng đổ bộ lên Hà Nội chém toir tả một loạt đàn em của cả Phúc Bồ lẫn Khánh Trắng, đúng vào giai đoạn cực thịnh của hai trùm này. Thứ hai, vì là giang hồ Bắc nên Dung Hà cóc thèm biết đến tiếng tăm của Lâm Chín ngón, bảo chơi là chơi sát ván. Lỡ có đổ bể, đàn em của y thị sẵn sàng cao chạy xa bay, Lâm Chín ngón khó mà lần ra manh mối để trả thù.

Tính toán đâu vào đó xong xuôi, ngày 11.7.1999, Năm Cam cho gọi Dung Hà đến nhà riêng. Nghe Năm Cam gọi, Dung Hà đã sai một tên đàn em là Quân “béo”, tức Nguyễn Duy Quân chở mình đến ngay. Tại nhà riêng số 107/38 Trương Định, quận 3, Năm Cam kể cho Dung Hà nghe chi tiết toàn bộ những mâu thuẫn giữa ông trùm với Lâm Chín ngón và đưa ra đề nghị:

– Cô xía cho nó vài dao, làm sao cho nó thân bại danh liệt không ngồi dậy nổi nữa.

Dung Hà cười lạt:

– Muốn dẫn mặt, cần gì làm vậy. Để em cho nó một ca acid, khủng khiếp hơn nhiều. Mình diệt một thằng nhưng cả trăm đứa khác phải ớn, đó mới là thượng sách.

Năm Cam đồng ý. Y gọi ngay đứa cháu là Nguyễn Văn Thọ (Thọ Đại úy) đến, bắt Thọ đi mua acid về cho Dung Hà thử và đưa đường cho Quân béo, Dung Hà lên quận 10 để nhận mặt Lâm Chín ngón. Lần thứ nhất, acid Thọ mua về bị nữ quái chê loãng. Thọ lại phải chạy thêm lần nữa, đem về một can acid đậm đặc, Dung Hà mới đồng ý, sai Quân béo đem về nhà ở đường Bùi Thị Xuân cất.

Ba ngày sau, đêm 14.7.1999, Lâm Chín ngón vĩnh viễn trở thành người tàn phế.

Hơn một năm sau, 0 giờ 25 phút ngày 2.10.2000, đến lượt Dung Hà bị bắn chết trong khi thủ phạm vụ tạt acid Lâm Chín ngón vẫn chưa bị phát giác.

Không ai khác, bật đèn xanh hạ thủ Vũ Hoàng Dung lại vẫn chính là Năm Cam. Trò ném đá giấu tay, Năm Cam thực hiện khá hoàn hảo. Tất cả chỉ bị phanh phui vào hơn một năm sau nữa, khi Năm Cam và hàng chục con, cháu, rể, đàn em lần lượt dắt nhau vào trại giam.

Sau tai nạn, Lâm Chín ngón trở thành một con người khác hẳn: không nói, không cười, suốt nhiều năm qua chỉ ở lì trong một căn nhà nhỏ mà ngoài vợ con, Lâm không hề cho ai biết địa chỉ (trừ tôi - người viết bài này). Khi chúng tôi đến thăm, anh ta chỉ một mực bảo rằng, cuộc đời Lâm Chín ngón coi như đã hết, chỉ “nhờ ơn trên phù hộ cho vợ con được lành lặn và yên ổn”. Kể từ nay, Lâm Chín ngón không còn tồn tại nữa, đúng hơn, trên giang hồ không còn hiện hữu cái tên Lâm Chín ngón. Lâm không hề có ý định sẽ trả thù theo kiểu ân oán giang hồ.

Tôi biết, lần này Lâm Chín ngón nói thật, bởi có muốn khác đi, anh ta cũng không còn đủ sức. Con đường giang hồ là thế, một con đường trải đầy tội ác, bước vào thì dễ nhưng không hề có đường ra. Tiếc thay, Lâm Chín ngón chỉ nhận ra điều đó khi đã quá muộn, đã trở thành một kẻ tàn phế mù

lòa. Trong khi đó, hiện vẫn còn không ít kẻ - đặc biệt là trong giới thanh thiếu niên vẫn đang tấp tễnh làm dân chơi, đang lăm le nhảy vào cuộc sống giang hồ đầy tội ác. Với bài viết này, chúng tôi muốn vẽ lại bộ mặt thật ghê tởm của thế giới tàn bạo và đầy tội ác đó, một thế giới đang có nguy cơ phình ra theo sự mọc lên như nấm của quán bar, vũ trường, rượu, gái và ma túy. Hy vọng những kẻ đang rắp ranh ấy, khi đọc bài viết này sẽ tự rút được cho mình bài học quý, để tránh xa con đường từ dân chơi đến giang hồ, con đường đầy tội ác cần phải ngăn chặn và loại trừ.

Hùm xám miền Trung

Sau Đại Cathay, Tín Mã Nàm, cùng thời với những Sơn Đảo, Lâm Chín ngón, Điền Khắc Kim... ở Sài Gòn, mảnh đất miền Trung và Cao Nguyên cũng xuất hiện một loạt tên tuổi đen trong làng dao búa. Nổi bật trong số đó là tên cướp Năm Vĩnh, kẻ được giới giang hồ mệnh danh là “hùm xám miền Trung”. Với những người lương thiện đang sống một cuộc sống an bình, cái danh xưng mỹ miều ấy vô nghĩa và vô cảm. Nhưng, đối với người dân lao động nhiều địa phương khoảng những năm đầu thập niên 70, danh xưng ấy đích thị là một nỗi ám ảnh kinh hoàng. Với “xã hội đen”, Năm Vĩnh còn nổi tiếng ở một khía cạnh khác: Hắn chính là kẻ tạo tiền lệ cho vòng xoay tội lỗi sau này sẽ thành một phong trào: đăng lính để trốn tù tội, sau đó trốn lính để làm du đăng, đồng thời sử dụng uy lực của “quân đội Việt Nam Cộng hòa” để tác oai tác quái và ăn cướp. Bằng cách đó, Năm Vĩnh và những tên giang hồ mặc áo lính đã biến sư đoàn 23 ngụy thành “sư đoàn du đăng”, Vùng II chiến thuật thành “vùng của giang hồ”.

• • •

Không giống như những tên du đăng cộm cán khác thường xuất thân đá cá lặn dưa, trường học đầu đời là lễ phổ hoặc cô nhi viện, Năm Vĩnh có một tuổi thơ khá êm đềm. Vĩnh sinh năm 1947 tại Quảng Ngãi, được ăn học đến nơi đến chốn, từng mài đũng quần trên ghế trường Trung học Bồ Đề, Quảng Ngãi - một ngôi trường nổi tiếng, đào tạo không ít nhân tài cho rẻo đất miền Trung.

Học không tẻ nhưng tính tình hiếu động, có phần hung bạo, tên học trò cà chớn này đã không ngần ngại bẻ vế thứ nhất của câu cách ngôn “Tiên học lễ, hậu học văn” thành “tiên học... võ”. Sống đúng như câu cách ngôn của riêng mình, Vĩnh thường xuyên trốn lớp để tìm thầy học võ. Vĩnh học qua rất nhiều lò. Ở lò nào, hắn cũng bị đuổi vì thường xuyên đòi thách đấu với các sư huynh để phân chia cao thấp. Tuy thế, đến 18 tuổi, trình độ võ thuật của tên học trò Năm Vĩnh cũng đã khá thượng thừa. Để khẳng định trình độ, thay vì thượng đài, Vĩnh chọn cách “dân dã” hơn: gây sự đánh nhau, một mình đánh đôi, đánh ba ngay trên đường phố, sân trường. Lần nào hắn cũng toàn thắng, trong khi nạn nhân của hắn toàn là... bạn học. Vì thế ông Dương Ngô Thống (thường gọi là ông Dương), thầy giáo chủ nhiệm lớp hắn ở trường Bồ Đề đã nổi giận tắng cho Vĩnh một bạt tai và gọi giám thị đuổi tên học trò bất trị ra khỏi lớp. Ông giáo mô phạm tuyên bố:

– Dạy dỗ anh chỉ tốn công, loại như anh sau này chỉ có thể làm kẻ cướp!

Ngớ người ra một lúc, Năm Vĩnh chợt cảm thấy ông thầy mình nói... chí phải. Không muốn kéo dài sự lo lắng của thầy và bạn, hắn bỏ học. Chẳng bao lâu, thị xã Quảng Ngãi bé nhỏ lại có thêm một hung thần. Sự liều lĩnh, hung bạo và đẳng cấp võ nghệ của Năm Vĩnh đã khiến đám du thủ du thực tỉnh lẻ bạt vía, đành chấp tay qui phục, suy tôn Vĩnh làm đại ca.

Cuối những năm 1960, theo chân của 500.000 lính Mỹ, chiến tranh tràn khắp, cả miền Nam là một bãi chiến trường. Sự tuyệt vọng của tâm hồn người dân trong hỗn mang cuộc chiến chính là mảnh đất màu mỡ cho các loại tư tưởng triết học du nhập và bén rễ. Sinh viên học sinh miền Nam bơi giữa vô số dòng chảy tư tưởng từ phương Tây ồ ạt tuôn vào Việt Nam. Hiền lành như Kali Gibran, Kan, hoài nghi, đập phá như Nietzsche, chán chường như Camus, hiện sinh như J.Sartre... loại nào cũng có. Sinh viên, học sinh, tầng lớp năng động nhưng tâm hồn sớm tổn thương vì cuộc chiến nhất, dễ trở nên bi quan tuyệt vọng, nhanh chóng vồ vập với chủ nghĩa hiện sinh và suy tôn những F.Nietzsche, J.Paul Sartre làm ông tổ tinh thần. Hậu quả của nó là những kẻ đua đòi, thích ăn chơi đập phá, “ghét Mỹ nhưng thích bắt chước Mỹ”, đã chìm hắn giữa dòng xoáy của phong trào hippie với tóc để

dài, ăn mặc chim cò, nốc rượu và nhảy disco giậm dẹt. Loại có học hơn mơ màng biến mình thành người hùng với trước tác của Sartre kẻ kẻ bên nách; một bộ phận trong số họ - tích cực hơn - dù chưa thật sự ý thức đầy đủ về chủ nghĩa cộng sản, về kháng chiến cũng không ngần ngại xé áo thư sinh lên rừng, quyết sống tận cùng theo chủ nghĩa dẫn thân...

Không mấy chuyên chú cùng sách vở, nhưng tâm hồn nổi loạn của Năm Vĩnh cũng ít nhiều bị ảnh hưởng của học thuyết hiện sinh và chủ nghĩa dẫn thân. Ước mơ của Năm Vĩnh là một sự pha trộn lệch lạc giữa sở thích thụ hưởng, ăn chơi và hình ảnh người hùng đơn độc, lấy nguyên mẫu từ hình ảnh gã sát thủ ba Tầu trong “Thân phận con người” của André Malraux - cuốn sách gần như duy nhất được Năm Vĩnh đọc trọn từ đầu đến cuối. Rất nhanh, gã cảm thấy thị xã Quảng Ngãi nhỏ bé luôn co rúm mình vì lo sợ bom pháo cả hai bên trở nên ngột ngạt và tù túng không chịu nổi. Đầu năm 1970, Vĩnh quyết định dẫn thân, hành phương Nam theo tiếng gọi giang hồ.

Mảnh đất đầu tiên tên “hắc đạo” trẻ tuổi chọn lựa để lấy số lấy má là thị trấn Mỹ Ca nằm bên quốc lộ 1, cạnh Quân cảng Cam Ranh - căn cứ quân sự khổng lồ lúc nhúc lính Mỹ và các sắc lính đồng minh. Ở đâu có các chú lính mắt xanh mũi lõ, ở đó các loại tệ nạn cứ tha hồ mọc như nấm. Ở cây số 9 Mỹ Ca, văn hóa lười về thời tiền sử, nhường chỗ cho văn minh hưởng thụ, sống gấp trước khi chết gấp, sắc mùi lính tráng thời chiến. Với một cây dao chặt đá cây lưỡi răng cửa lờm chờm nặng trĩu, Năm Vĩnh nhanh chóng đánh bật bọn ma cô, đầu gấu xứ này, giành quyền bảo kê thu thuế giết các phòng trà, tiệm nhảy, nhà thổ của toàn bộ khu vực phục vụ các sắc lính trên toàn thị trấn. Tiền bạc bất lương thu vào như nước biển Vĩnh thành “vua con” của vùng quân cảng. Ngạo mạn và sa đà, Năm Vĩnh còn ngang nhiên chống lại cả cảnh sát bài trừ du đảng, cuối cùng “lỡ tay” chém chết một trung úy quân cảnh nguy. Do đó, hắn bị tầm nã ráo riết ngay khi tên tuổi mới lừng lên trên chốn giang hồ.

• • •

Để tránh rơi vào vòng lao lý với một cái án cầm chắc sẽ rất nặng, Năm Vĩnh chọn cho mình giải pháp duy nhất: đăng lính. Với kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh, người Mỹ bắt đầu rút dần quân đội về nước, để lại cho quân đội Việt Nam Cộng hòa một lỗ hổng lớn, đầu tiên là về mặt tinh thần. Sự tấn công mạnh mẽ của quân giải phóng trên khắp các chiến trường đã khiến cho quân số của ngụy quân, đang rệu rã tinh thần, hao hụt liên tục. Để bù đắp, ngụy quân ráo riết bắt lính. Bất cứ một thanh niên lành lặn tuổi từ 18 đến 37 nào cũng có thể nộp đơn xin vào quân ngũ ngay mà không hề bị xét hỏi lời thôi. Đặc biệt, đăng lính vào khoảng từ ngày mùng 10 - 20 hàng tháng thì càng chắc chắn được các nhân viên tuyển quân dịch gặt đầu ngay. Lý do đơn giản: 10 hoặc 20 ngày lương đầu tháng của chú tân binh sẽ nghiêm nhiên chảy vào túi các “thầy” tuyển quân dịch, đó là chưa kể thêm khoản định mức 400đ/tân binh được quân đội cho hưởng, thành thử việc thẩm tra, thẩm vấn đại gì phải làm căng!

Lúc này, quân chủ lực của vùng II chiến thuật ngụy (gồm khu vực miền Trung và Tây Nguyên) là sư đoàn 23 bộ binh với các đơn vị: Trung đoàn 44 đóng ở Sông Mao (Bình Thuận), trung đoàn 53 ở Bảo Lộc và trung đoàn 45 đóng ở Buôn Ma Thuột. Trong số đó, Trung đoàn 44 là đơn vị thiện chiến nhất, anh cả của sư 23. Nguyên thủy, nó là sư đoàn Nùng khét tiếng tàn bạo và thiện chiến đóng ở Quảng Ninh, thời còn thuộc quân đội Liên hiệp Pháp, do Đại tá Voòng A Sáng chỉ huy. Những tên lính Nùng này giỏi trận mạc bao nhiêu thì cũng rùng rú, hoang dã và bất trị bất nhiều. Ngoài chỉ huy trực tiếp, những tên lính Nùng tuyệt đối không thần phục và nghe lệnh bất kỳ ai khác. Thậm chí khi nổi nóng, chúng (có thể) còn dám cắt tai cả Tổng thống! Lo sợ đám kiêu binh làm loạn, Ngô Đình Diệm đã chia nhỏ quân số Sư đoàn 5 (tên gọi của Sư đoàn Nùng thời Đệ nhất Cộng hòa), lấy từng bộ phận của chúng để hình thành nên các lực lượng mới như Lực lượng liên binh phòng vệ phủ Tổng thống, Liên đoàn Biệt động quân, Lữ đoàn dù... sau đó tuyển tân binh cho đủ quân số, lập lại Sư đoàn 5, giao cho Nguyễn Văn Thiệu - đang mang lon Đại tá - làm sư trưởng, đưa chúng lên tận Đà Lạt trú quân để đề phòng hậu họa. Sau nhiều thăng trầm dâu bể, một phần

của Sư đoàn Nùng xưa kia lại tiếp tục tuyển quân, trở thành Trung đoàn 44 thuộc sư 23 bộ binh ngụy.

Năm 1970, dù là tên tội đồ đang bị truy nã, máu yêng hùng của Năm Vĩnh vẫn chưa tan. Với tờ khai mang tên giả là Nguyễn Văn Biên, quê ở Phú Yên, hắn quyết định chọn trung đoàn 44 nổi tiếng “đầu gấu” để tòng quân. Lúc này, Trung đoàn 44 đang thuộc quyền chỉ huy của Trung tá Lầu Cẩm Bảo tức Lưu Kim Bảo - một đệ tử của Voòng A Sáng chỉ huy. Nhưng, chỉ chưa đầy một năm sau, khi “Chiến dịch Lam Sơn 719” đánh Hạ Lào của quân đội ngụy vừa mở màn thì gã người hùng đã tái mặt... đào ngũ ngay.

Đối với quân đội Việt Nam Cộng hòa, chiến dịch Lam Sơn 719 thật sự là một thảm kịch. Sau hai năm theo đuổi chương trình Việt Nam hóa chiến tranh, quân đội Việt Nam Cộng hòa cần có một chiến dịch qui mô để thử nghiệm thực lực của mình. Dưới sự hối thúc của người Mỹ, Nguyễn Văn Thiệu đã đồng ý tiến hành một chiến dịch “tìm và diệt” tấn công vào Tchepone, một tỉnh nằm ở Đông Lào. Mục đích của cuộc hành quân qui mô này là tấn công vào các căn cứ tiếp tế của miền Bắc trên đất Lào và tiêu diệt các đơn vị quân đồn trú chủ lực, nhằm cắt đứt tuyến tiếp tế đường mòn Hồ Chí Minh, ngăn chặn từ xa một cách triệt để sự tiến quân về Nam của bộ đội miền Bắc. Kịch bản chiến tranh và bản đồ chiến lược do người Mỹ đưa ra, nhưng Nguyễn Văn Thiệu - kẻ thực hiện, vẫn gắn vào nó đầy những tham vọng. Thiệu muốn thông qua cuộc hành quân, bà đỡ Mỹ sẽ thấy rằng quân đội Việt Nam Cộng hòa đã thật sự trưởng thành, có thể đủ sức giành thắng lợi trong những chiến dịch tấn công qui mô, điều mà từ trước đến giờ hầu như vẫn do các lực lượng quân đội Mỹ đảm nhiệm. Đó cũng là nước cờ tuyệt nhất để Thiệu có thể bảo đảm phần thắng cho mình trong cuộc chạy đua giành ghế tổng thống sẽ diễn ra trong năm 1971.

Để tìm kiếm một chiến thắng trọn vẹn, tháng 3.1971 Nguyễn Văn Thiệu đã cắt 2 sư đoàn thiện chiến nhất gồm một sư thủy quân lục chiến và một sư bộ binh giao cho tướng Hoàng Xuân Lãm chỉ huy để ném vào canh bạc. Từ các căn cứ tập kết tại Kon Tum, 25.000 binh sĩ ngụy đã được trực thăng

Mỹ chở sang Lào và bất ngờ ném xuống các tọa độ đã định trước thuộc tỉnh Tchepone. Không may cho Thiệu, chiến sự đã diễn ra hoàn toàn không giống như kịch bản. Những đợt tấn công ồ ạt của quân đội Việt Nam Cộng hòa đã vấp phải một sự chống trả quyết liệt, dũng mãnh, được chuẩn bị chu đáo của “Cộng sản Bắc Việt”. Chỉ sau 4 ngày giao tranh, 3.000 binh sĩ Việt Nam Cộng hòa đã nhanh chóng bị loại khỏi cuộc chiến. Ảo vọng “tốc thắng” của các chú lính Việt Nam Cộng hòa sụp đổ hoàn toàn khi lần đầu tiên, những chiếc xe tăng T54 của bộ đội chủ lực miền Bắc xuất hiện, áp đảo hoàn toàn tinh thần chiến đấu của đối phương. Đòn phủ đầu trở thành thất bại thảm hại đã khiến viên Tư lệnh chiến dịch Hoàng Xuân Lãm không dám liều lĩnh, sợ bị sa lầy như một Điện Biên Phủ thứ hai trên đất Tchepone, các đơn vị tiền đồn trên đất Lào sẽ bị bao vây không thể chống giữ, cũng không có khả năng tiếp viện kịp thời. Cay đắng, Thiệu đành chấp nhận thay đổi chiến thuật, như Lãm đề xuất, chỉ đánh Tchepone rồi rút ngay, không đề cập tới chuyện giữ.

Thảm kịch thật sự xảy ra ngay trên đường rút lui, con số binh sĩ chết và thương vong tăng quá nhanh, nhanh đến mức không đủ trực thăng để sơ tán họ về tuyến sau. Đã thế, “sự quan liêu tai hại của Lầu Năm Góc” - như lời chỉ trích của Thiệu sau đó - đã khiến cho sự chỉ đạo và yểm trợ (bằng pháo binh và không quân) của Mỹ diễn ra không đầy đủ. Hậu quả là một cuộc hành quân đại bại đã chấm dứt sau 44 ngày, tước mất của Thiệu hơn 8.000 lính, buộc số còn lại phải giày xéo lên nhau mà chạy, mong toàn mạng thoát khỏi “tử địa” Tchepone.

Thất bại thảm hại của chiến dịch Lam Sơn 719 đã phá nát phần nhuệ khí của cả quân đội Việt Nam Cộng hòa lẫn máu yêng hùng của Năm Vĩnh. Những trận đụng độ đầu tiên, nhìn thấy xác bạn đồng ngũ được trực thăng bốc về tuyến sau nhiều la liệt, tên du đảng sợ mất mật đành chọn giải pháp mang trên lưng thêm một lệnh truy nã về tội đào ngũ nữa để mong được bảo toàn mạng sống.

Sau hai tháng trời sống chui rúc cạnh sân bay Nha Trang nhờ vào sự bao bọc của đám ma cô, du đảng thành phố biển, Năm Vĩnh nhận ra rằng không

thể xưng hùng xưng bá bằng con đường đơn thương độc mã, chỉ cậy vào võ nghệ và sự liều lĩnh. Hẳn cũng nhận ra rằng, khác với vùng Mỹ Ca nhỏ bé, ở một thành phố đủ lớn, đủ ô hợp như Nha Trang thì chẳng ma nào thèm chú ý đến mình, nghĩa là khó bị luật pháp sờ gáy hơn. Yên tâm với những gì vừa nhìn thấy, hẳn lại tự khai tên là Nguyễn Văn Vĩnh - một cái tên rất học giả - và chọn trung đoàn 53 để quay lại làm lính. Tại quân trường Dục Mỹ (Ninh Hòa, Khánh Hòa), Năm Vĩnh nhanh chóng kết giao với Năm Cao, trùm mặt rô ở Nha Trang, cũng vào lính để trốn truy nã. Không biết bàn bạc kiểu gì, nhưng 3 tháng quân trường vừa hoàn tất, hai thằng Năm lại đào ngũ. Chỉ ít lâu sau, du đảng Nha Trang đã có một “nội các tam đầu chế” giữ vị trí ông trùm, thường được giang hồ gọi xách quế là “băng ba năm mười lăm” gồm Năm Vĩnh, Năm Cao và Năm Càri, đóng đại bản doanh tại một căn lầu ở cư xá Sân Bay do Năm Cao mua tặng.

Sau hơn một năm hùng cứ thành phố biển, tên tuổi nổi cộm như những hung thần, băng “ba năm mười lăm” tan rã. Đúng hồi đang ăn nên làm ra, băng “ba năm mười lăm” đột nhiên có khách đến thăm: một thằng “ngó qua là biết cô hồn”, tóc dài trùm gáy, người đen đúa, áo thun đen phủ cầu thả trên chiếc quần rằn ri nâu của lính Biệt động quân. Gã xưng tên là Hiệp ruồi, tức Hiệp Súng sáu, một tên anh chị đứng bến có cỡ của bến xe An Đông (Chợ Lớn), nhưng lại giấu biệt cái quá khứ bị “lố ố”, phải bỏ của chạy lấy người, mò ra Nha Trang tìm đất sống.

Hôm đó, Năm Vĩnh không có mặt, tại căn phòng ở cư xá sân bay chỉ có Năm Cao và Năm Càri tiếp Hiệp ruồi. Chào hỏi, xưng danh với nhau đúng lễ giang hồ, xong Năm Cao mới hỏi Hiệp ruồi:

– Bạn ghé thăm anh em chúng tôi chắc không phải để nói dóc chơi. Có gì, bạn cứ nói thẳng.

Hiệp ruồi không giấu giếm bản chất cô hồn:

– Ai rảnh đâu mà khi không mò ra đây nói chuyện chơi. Là tôi nghe anh em đang sống khỏe nên muốn tới hùn vốn làm ăn. Có vậy thôi!

Câu trả lời xác xược của Hiệp ruồi khiến hai thằng Năm bất giác chột dạ đưa mắt nhìn nhau. Sau vài phút im lặng, Năm Càri đăng hăng:

– Chỗ giang hồ, bạn đã có lời, tụi này đâu có chối. Nhưng xin hỏi thằng bạn định góp vốn bằng gì?

– Tiền không, vàng không - khách bắt đầu giở giọng chối tai - thằng Hiệp này xưa nay chỉ có năm đấm và con dao coi như là vốn. Chịu nhận hùn hay không, anh em cứ nói đại đi một tiếng, khỏi lằng nhằng!

– Mà nói cái gì?

Hộc lên một tiếng, Năm Càri nhồm người vọt dậy, định lao ngay vào Hiệp ruồi. Nhưng Năm Cao khá nhanh tay, vội chụp lấy vai hấn giật lại, khiến Năm Càri gần như bổ chửng xuống ghế. Nếu là ở ngoài đường, chắc chắn Năm Cao sẽ không cản đồng bọn mà sẽ làm ngay cái việc là nhảy bổ vào Hiệp ruồi bằm kẻ khiêu khích ra trăm mảnh. Ngặt một nỗi đang ở ngay tại nhà, hấn không dại gì “đem máu tưới vườn nhà”, vừa mất tiếng giang hồ, vừa rước thêm rắc rối với cảnh sát. Chờ một chút cho máu nóng trên mặt tan bớt, Năm Cao mới ngọt nhạt:

– Tứ hải giai huynh đệ, bạn đã định hùn, tụi này hết sức hoan nghinh. Chuyện làm ăn tính sau đi, giờ anh em mình nhậu cái chơi, coi như tiệc sơ giao vậy.

Thấy địch thủ nhún mình, Hiệp ruồi không nghi ngờ gì cả, gật đầu ngay. Cuộc nhậu kéo dài đến quá nửa đêm, đầy những chuyện gái trai dĩ vãng nhưng tuyệt nhiên không ai đề cập đến chuyện làm ăn hùn hạp. Tiệc tàn, chủ và khách đều say bí tỉ, ngủ lãnh như chết. Còn mỗi Năm Cao là tỉnh. Vào khoảng 9 giờ đêm, viện cố nhức đầu, muốn “đi tắm cái cho già rượu”, Năm Cao lĩnh đi đâu mất.

Sáng hôm sau, không ai trên đời còn nhìn thấy Hiệp ruồi đâu nữa. Nhưng cũng trong sáng hôm ấy, cảnh sát đã tìm thấy trên bờ biển dưới chân núi một chiếc bao bố đẫm máu, bên trong có một xác chết bị cắt ra nhiều khúc. Hồ sơ cảnh sát ghi nhận: trước khi bị phanh thây, nạn nhân say rượu đã bị đâm nhiều nhát bằng lưỡi lê cho đến chết. Những vết máu còn tươi, chứng

tổ nạn nhân mới bị giết vào khoảng 2 - 3 giờ sáng. Quay trở về, nghe chuyện, Năm Vĩnh chỉ còn biết la trời.

Sau khi tổ chức “luộc” Hiệp ruồi tức Hiệp Súng sáu, Năm Cao trở nên ngạo mạn và coi thường các băng du đảng khác. Một lần, hắn đã ngang nhiên xé sòng bầu cua tôm cá của một đám du đảng mũ nồi nâu (Biệt động quân). Điên tiết, Năm Cao vừa quay lưng, một tên Biệt động quân đã rút vào lưng hắn trợn vện một băng M.16. Mất thổ địa, lại bị hàng loạt tên du đảng khác vừa từ mặt trận trở về dọa “làm thịt”, Năm Vĩnh và Năm Cao lại vội bỏ Nha Trang lên Cao Nguyên tìm nơi ẩn nấp. Cái “hang” mà chúng chọn là Liên đoàn 21 Biệt động quân.

Trở lại quân đội với trang phục rằn ri nâu, mũ nồi nâu, vị trí của Năm Vĩnh và đồng bọn đã thay đổi hẳn. Lính tráng toàn Cao nguyên không tên nào không từng nghe qua danh xưng “đại ca Năm Vĩnh”, “hùm xám miền Trung”. Vì thế, chỉ huy các đơn vị của Vĩnh - hắn thuyên chuyển đơn vị liên tục - cũng vị nể, chẳng bao giờ bắt Vĩnh và đàn em của hắn phải ra trận. Bù lại, phần ăn nhậu, hút xách của các “thầy, các “chú” tự nguyện chung chi đủ, cộng thêm khoản lương lính của chúng “chẳng đáng là bao”, đến tháng các sĩ quan cứ việc giở sổ lương mà lấy. Dĩ nhiên Năm Vĩnh nổi tiếng đến thế thì tung tích hắn không cần tìm cũng thấy, quân cảnh ngục không khó gì mà không tìm ra để tóm cổ tên tội đồ từng giết người và đào ngũ như cơm bữa này. Nhưng mỗi lần có công văn tầm nã, sĩ quan các đơn vị lại sẵn sàng báo cáo láo là “không hề có tên đương sự trong danh sách”, lờ đi, tiếp tục che chở cho Năm Vĩnh để ăn của đút bằng cách chuyển hắn sang một bộ phận khác! Cảnh sát cũng chẳng đại gì mò lên tận tiền đồn để truy nã một thằng đầu trâu mặt ngựa, lơ mơ ăn đạn của cả hai bên chưa biết chừng. Thậm chí, một tiểu đoàn trưởng nổi tiếng, đại úy Tôn Thất Trực, bạn học của tướng Lê Minh Đảo, còn xúi Năm Vĩnh:

– Mỗi tháng mày nên về Nha Trang chơi bởi ít bữa cho nó... khỏe, nhớ rủ tao đi với!

Lợi dụng thế tự do, tên du đảng mặc áo lính đồn hết thì giờ để tổ chức hai việc: bán ma túy và mở sòng bài phục vụ cho những tên lính Vùng II

sầu đời vừa trở về sau các cuộc hành quân. Sau Vùng I (từ Đà Nẵng đến Quảng Trị), Vùng II chiến thuật, đặc biệt là khu vực Cao Nguyên là chiến trường thường xuyên xảy ra đụng độ, lính tráng thường xuyên bị ném vào các chiến dịch qui mô. Để quên cái chết luôn cặp kè bên nách, lính tráng vùng chiến thuật này đều bạt mạng, hết sức vô kỷ luật và nhanh chóng ngã vào vòng tay mê mẩn của ma túy. Nghề bán thuốc phiện nhanh chóng giúp Năm Vĩnh giàu nứt đổ vỡ vách. Có tiền, Vĩnh vãi ra mua chuộc đàn em trong các sắc lính không hề tiếc. Dĩ nhiên, ai trả lương cao, người đó được quyền sai bảo. Những tên du đãng mặc áo lính nhanh chóng trở nên ngoan ngoãn nghe lời Năm Vĩnh hơn nghe lệnh chỉ huy - những kẻ chỉ có thể cho chúng chưa đầy một phần mười số lương “anh Năm” quăng ra, lại còn hay cố tình bớt xén.

• • •

Giống như cây số 9 Mỹ Ca, khu vực ngã ba Diệp Kính dưới chân căn cứ Hàm Rồng những năm 1970-1972 cũng là địa điểm tập trung ăn chơi của các sắc lính đóng cạnh thị xã Pleiku. Ở đó có một rạp chiếu phim, một dãy quán xá và hơn chục nhà thổ, lúc nào cũng đầy nhóc những tên lính người Việt giày trận đứt tung dây, áo quần đầy bụi đất đỏ, kéo lê những khẩu AR15, M16. Thay vì nói chuyện, chúng văng tục. Thay vì vỗ tay tán thưởng giọng ca, chúng chĩa nòng súng lên trời và quạt nguyên băng... ở đó, lính tráng tên nào cũng rượu bia say bí tỉ mà không cần phải đụng đến ly... Ngoài những bộ quân phục, không một người dân nào dám bén mảng đến khu ngã ba Diệp Kính vào buổi tối nếu họ không thuộc một trong hai loại: ma cô hoặc gái điếm phục vụ tại các quán xá.

Dù hung tợn, các sắc lính ở đây vẫn cứ phải dè chừng một cái tên: Năm Vĩnh - “Hùm xám miền Trung”. Băng của hắn thuộc loại “đụng là chạm, chạm là nổ”. Vào quán, ăn nhậu xong, thay vì trả tiền, hắn ngoắt chủ quán tới và đưa cho họ một cái ly cối, trong ly là... một quả lựu đạn đã rút chốt, loại “chấm đỏ” M26 hoặc M67, rút chốt ném là nổ ngay. Sau cái ám hiệu ấy, cả đám cứ việc bỏ đi ung dung, không một chủ quán nào dám hó hé nửa

tiếng. Lần sau, thấy mặt hăn quay lại là chủ quán hiểu liền, vội xòe ra mấy chục ngàn để “anh Năm tiêu vật”, may ra mới được yên thân.

Đa phần lính tráng Vùng II đều xuất thân từ các tỉnh miền Trung. Đời lính buồn và... mau chết, những tên lính cứ bưng luôn câu ngạn ngữ gốc ruộng “muốn đỡ chuồng heo thì phải dám seo cột nhà” vào quân ngũ làm lẽ sống. Rảnh rỗi, rượu còn có người chê chữ bài bạc sát phạt nhau thì tên lính nào cũng “máu”. Một chiều mùa Đông năm 1972, khi sông bạc ở ngã ba Diệp Kính đang đến hồi cao trào thì cửa phòng bị đập tung. Trên ngưỡng cửa xuất hiện hai bộ đồ răn ri, áo bỏ ngoài quần, tóc râu tua tủa và nét mặt rất cô hồn. Giật phắt chốt quả M26 ném keng xuống sàn, một tên tuyên bố:

– Bỏ hết tiền, đồng hồ, tư trang xuống bàn!

Dù cùng là lính tráng, nhưng trái lựu đạn cũng đủ chặn mọi bàn tay mạnh động, những tên lính đành ngưng cuộc sát phạt, líu ríu nghe lệnh gã cô hồn. Khi mọi cái túi đã được lột trái, tên kẻ cướp điềm nhiên hô “biển!”, đồng thời thả trái lựu đạn xuống mặt bàn và hốt tiền, vàng vào ba lô lột. Lựu đạn phun khói xì xì khiến đám con bạc xéo nhau chạy trốn chết. Hốt đầy ba lô, ngẩng lên sông bạc đã vắng ngắt, thằng cô hồn ung dung bước ra cửa gọi tên bạn đang lăm lăm súng đứng cạnh:

– Dọt mày!

Đúng lúc đó, gáy bỗng dưng lạnh buốt khiến hăn phải ngoái đầu lại. Dưới bóng điện mờ mờ, trên một tấm phản kê tít trong góc phòng có một tên biệt động quân đang chống tay trái nằm ngھn cổ duỗi dài thân nhìn xoáy vào mặt hăn. Một tấm áo palto lính trải rộng che nửa thân trên và cánh tay phải của kẻ đang nằm. Quá đỗi ngạc nhiên, tên kẻ cướp bước lại gần hỏi:

– Mày là bảo kê sông này?

Tên kia không thềm ngồi dậy, trả lời nhát gừng:

– Nhìn là biết, hỏi chi?

Thằng kẻ cướp ngạc nhiên lắm:

– Lựu đạn phun khói ừ xèo sao mà không bỏ chạy. Bộ không sợ chết hả?

Câu trả lời của thằng kia còn cô hồn và lộn lỏi hơn:

– Ngu như bò! Lựu đạn mà nổ, mà đứng gần chết trước chứ không phải tao. Nó không nổ mà mới đứng đó được chứ nổ thì trời xúi, ông già mà cũng không dám, đừng nói chi mà. Trò con nít của tụi bay cũng đòi hù ông nội bay sao?

Túi vàng, tiền trên vai trở nên nặng như đá tảng, tên cướp cạn chửi thề:

– Mà ngon, mà tin là tụi tao sắp giết mà không?

Thằng kia nhếch mép:

– Tin cái mồm, trước đó tao đã bắn nát sọ mà rồi!

Vừa nói, hắn vừa hất chiếc áo paltô để lộ một khẩu colt “đui” đang ghếch nòng trên tay phải... Mặt xanh như đất nhái, tên cướp cạn líu ríu thả túi hàng xuống đất:

– Đại ca cho em biết quý danh?

Thằng kia hất mặt:

– Năm Vĩnh. Bộ mà thôi tai hay sao mà không nghe?

Ngôi thứ được đổi ngay sau đó. Hai tên lính chấp tay lạy như tể sao:

– Anh Năm tha tội. Tụi em mới hành quân trên Plei-cần về. Đang nhậu mà vớ quá, không đủ tiền trả nên mới liều mạng.

Năm Vĩnh gạt đi:

– Đây là đất của tao, không thằng nào được phá đám. Để tiền, vàng lại hết. Còn ăn nhậu, chơi bời tối nay, ngày mai, tụi bây có bi nhiêu thằng, tao lo tất!

Kiểu hành xử vừa lì lợm, bạt mạng, vừa tỏ ra đàn anh kèm theo tiền bạc tuôn ra bao bè như suối đã giúp Năm Vĩnh lấy lòng, thần phục được không ít tên đầu trâu mặt ngựa trong các sắc lính miền Trung và Cao Nguyên. Giống như Vĩnh, tất cả những tên này đều mang hai, ba án truy nã nên đứa nào cũng hung hãn, sẵn sàng lao vào chỗ chết, miễn có tiền. Một lần, đang

nằm ở một trong những hang ổ của du đảng gốc lính tại suối Đốc Học, ngoại ô Buôn Ma Thuột, Năm Vĩnh nhận được hung tin: một số đàn em của y bị quân cảnh tóm cổ vì một lý do hết sức vô duyên. Số là vừa trở về sau một cuộc hành quân sát biên giới Moldulkiri, thuộc địa phận Đak Song, Đak Lak, Năm Càri, Mầm Điền và một số tên khác thuộc lực lượng Biệt động quân đã xả xui, tổ chức nhậu với Thắng, tay anh chị bên Chiến đoàn Lôi Hổ. Cuộc nhậu được bày ra hoang dã ngay tại gốc đa Cây số 5, bên rìa thị xã Buôn Mê. Thấy lính tráng tác phong bê tha, lôi thôi lếch thếch, một toán quân cảnh đi qua đã tạt vào yêu cầu đám này bỏ áo vào quần, gom ống quần vào giày và buộc dây đai hàng hoàng để giữ tác phong quân kỷ. Câu trả lời là một tiếng lựu đạn nổ “đoành”, rơi ra từ tay Thắng “Lôi Hổ”, lúc này đang say lử đừ. Thế là không nói gì thêm, toán quân cảnh xông vào tước vũ khí, còng tay luôn cả bọn.

Nhận tin, Năm Vĩnh tức khắc gặp viên trung úy đồn trưởng, bảo:

– Sáng mai, tại Năm Càri không về thì cứ thấy thằng quân cảnh nào trên đường, coi như thằng đó đồ ruột.

Bỏ về, Vĩnh sai đàn em đi báo tin cho đám tay chân trong các đơn vị đồn trú lân cận để chuẩn bị. Quả nhiên, 4 giờ sáng hôm sau, đang ngủ vùi sau cơn say, Năm Vĩnh đã bất ngờ bị quân cảnh ập vào còng tay đưa đi. 7 giờ sáng, đồn quân cảnh bị nhiều loại quần áo rằn ri vây chặt, có cả đại liên M60 tham gia “cuộc chiến tranh”. 7 giờ 15 phút, một trái M79 nổ tung ngay giữa cột cờ trong sân đoàn quân cảnh. Không còn cách nào khác, viên trung úy đành phải thả Năm Vĩnh và đến 16 giờ thì Năm Càri, Mầm Điền, Thắng “Lôi Hổ” cũng vừa cười, vừa tự do kéo nhau ra khỏi trại!

Tuy tha hồ huyênh hoang, khoác lác nhưng sau vụ đó, Năm Vĩnh cũng biết là sự lộng hành của y đã vượt quá giới hạn. Bỏ cuộc hành quân của đơn vị, hẩn chuồn lên suối Đốc Học nằm khan, sau đó đông tuốt về Nha Trang sống phè phỡn bằng nghề tuần thuốc phiện vào quân lao Khánh Hòa bán cho đám quân phạm đang “nằm ắp”. Cuối năm 1973, bị lòng sục, hẩn lại “lỡ tay”, một lần nữa giết chết một tay quân cảnh và bị tóm cổ.

• • •

Vác theo một balô vàng - chiến tích còn lại của mấy năm ngang dọc - Năm Vĩnh được dẫn vào quân lao Khánh Hòa làm bạn với những gương mặt mốc cộm cán của Vùng II chiến thuật như Phi Vân, Sơn Trắng, Tuấn Đả, Lực búa, Cù Đình... những kẻ trước đó không lâu còn là “khách hàng truyền thống” trong nghề buôn thuốc phiện của Vĩnh. Trong tù, cảnh gây bè, kết đảng đâm chém thanh toán nhau lại tiếp diễn, cuối cùng Năm Vĩnh được thừa nhận là một “đại ca trong các đại ca” của cái quân lao khét tiếng vô kỷ luật và lăm đầu trâu mặt ngựa này.

Sau Tết nguyên đán năm 1975, quân lao Khánh Hòa nhận thêm một tù nhân đáng dấp mô phạm, bị tổng giam vì tội “tình nghi Việt cộng”. Đó chính là ông Dương Ngô Thống, thầy giáo dạy trường Bồ Đề, Quảng Ngãi, năm nào. Chuyển lên dạy học ở Đà Lạt, thầy giáo Dương bị hàm oan. Nguyên trung úy Tình - một sĩ quan Phụng Hoàng - say mê cô hoa khôi phố núi Xuân Lan nên đã hỏi cưới và có con với cô gái này, trong khi y đã có vợ có con. Sợ bị loại ngũ vì tội có vợ bé, Tình đã ép Xuân Lan phải bỏ con. Là bạn của bà Phụng, cô ruột Xuân Lan, ông Dương động lòng đã nhận lời giúp bà Phụng, cùng vợ mình đem đứa bé trốn đi, tránh cho nó bị cảnh cha ruột hắt hủi. Để trả đũa, trung úy Tình đã vu vạ và dẫn cảnh sát đến bắt ông vào mừng 8 Tết. Nhờ quen biết với thiếu tá Nguyễn Văn Hiến, quản đốc quân lao Khánh Hòa, Tình đã tìm cách tổng được ông Dương vào địa ngục này cho bồ tức. Để dẫn mặt người tù mới, theo yêu cầu của tên trung úy bất lương, thiếu tá Hiến đã đẩy ông giáo vào chung buồng giam với tên hùm xám Năm Vĩnh, dự định mượn tay tên hung thần để hành hạ người tù.

Đã từng nghe tiếng tên hung thần, ông Dương co rúm mình và suýt ngất xỉu khi những tên tù tàn bạo dựng ông ngồi thẳng lưng, bắt phải chứng kiến từ đầu chí cuối cảnh Năm Vĩnh và một tên đàn em cời trần trùng trục tra tấn cho đến chết một quân phạm chung buồng. Xong việc, Năm Vĩnh đến trước mặt ông cúi người lễ phép:

– Thầy nhớ con không? Con là Năm Vĩnh, thằng học trò bị thầy tát tai gọi là đồ kẻ cướp ở Bồ Đề đây mà!

Suýt nữa, ông thầy giáo đã ngắt xiu vì tin chắc trận đòn thù sẽ sắp được tên học trò xưa trút xuống đầu mình. Quá sợ hãi, ông lắp bắp:

– Anh... thông cảm, khi xưa tôi chỉ...

Năm Vĩnh cắt ngang:

– Dạ không, không. Con cảm ơn thầy vì lời thầy quá đúng. Đời con chẳng có thể làm được trò trống gì hơn ngoài một thằng tướng cướp.

Như một cảnh phim quái gở điên rồ, hùm xám miền Trung thét đàn em kê nệm, trải drap và đón ông thầy mình lên “chiếu trên” nằm nghỉ, cơm bưng nước rót hầu hạ đến tận chỗ nằm. Khi đã trấn tĩnh, ông Dương mới dám hỏi Vĩnh:

– Anh là người còn biết giữ chút lễ nghĩa, sao hôm trước vô cớ lại đánh người ta đến chết?

Triết lý tàn bạo của lối sống giang hồ được gã học trò quý dữ trả lời sau một giọng cười buồn:

– Con đã giết hai người, chẳng bao lâu sẽ bị đày ra Côn Đảo lãnh án chung thân cấm cố. Ra đó coi như là chết, con phải “mua vé” bằng án mới để tiếp tục bị điều tra, còn có cơ hội được ở lại đất liền. Giang hồ hiểm ác, người này sống thì kẻ kia phải chết, tại số thẳng đó... xui thầy ạ!

• • •

Nhưng, Năm Vĩnh đã không còn cơ hội để sống tiếp với cái triết lý thú vật của đám giang hồ. Gần giữa tháng 3.1975, xe tăng quân Giải phóng âm thầm tiến vào làm chủ Nha Trang. Lợi dụng thời cơ, đám quân phạm đã bạo động giết lính canh, phá quân lao trốn chạy. Bị Năm Vĩnh ép, ông Dương phải theo chân những tên tù sống khám chạy về hướng Phan Rang. Nhưng, cầu Du Long đã sập, những tên lính mặc áo tù lại lôi ông chạy ngược trở lại quân cảng Cam Ranh. Trên đường đi, ông giáo mô phạm đã đau đớn và bất lực chứng kiến cảnh tên học trò khốn nạn và đám đàn em của hắn mặc sức

cướp, hành hạ những người chạy loạn khốn khổ mà không cách nào ngăn lại được.

Đến Cam Ranh, Vĩnh và đám đàn em lại dùng súng, lựu đạn uy hiếp và cướp được một chiếc tàu, kè theo ông Dương tiến thẳng ra khơi. Trên tàu, chúng lại tiếp tục giết người cướp của, dồn vàng, đôla vào 2 balô chặt cứng. Trên tàu toàn kẻ cướp nên tàu bị từ chối không cho cập cảng Vũng Tàu. Năm Vĩnh lại ra lệnh đưa tàu ra khơi. Đến đảo Phú Quốc, hắn sai đàn em kết ván và dây thừng thành một chiếc thang dây bảo ông Dương:

– Trong kia là thị trấn Dương Đông, thầy vào đó chắc sẽ có cách về được đất liền, tìm vợ con. Còn tụi con, tội lỗi quá dày, không dám theo thầy cùng về được.

Từ chối số tiền, vàng Vĩnh cho, ông Dương đu theo thang dây nhảy xuống nước bơi vào bờ. Đến chiều, ông bất ngờ gặp lại gã học trò trên đảo. Quá lộ liễu hành, đám cướp làm loạn đã bị dàn quân cảnh đảo Phú Quốc khống chế, và tóm cổ đưa vào thị trấn Dương Đông, trong đó có cả ông trùm Năm Vĩnh. Phiên tòa được tổ chức ngay và chỉ kéo dài dăm phút với án tử hình dành cho cả đám. Trước lúc xuống tàu về lại đất liền, ông Dương đã tận mắt chứng kiến cảnh Năm Vĩnh bị bắn ngay sau khi kết thúc phiên tòa. Hắn được chôn lại dưới chân núi Tượng ở thị trấn Dương Đông. Không mộ chí, năm mồ bị cỏ quên dần dần vùi lấp. Ấu đó cũng là đoạn kết tất yếu của con đường giang hồ, con đường tội ác.

Tướng cướp cô đơn

Trong “bảng phong thần” của giang hồ Sài Gòn trước 1975, tên tuổi Điền Khắc Kim cũng lừng danh không kém gì Đại Cathay, Sơn Đảo, Lâm Chín ngón, Y Càlett... những hung thần lề phố. Nhưng trước sau gì hắn vẫn là một tên tướng cướp không giống ai, một “tướng không quân”. Con đường leo lên vị trí đàn anh của hắn hoàn toàn nằm ngoài qui luật chung của giới giang hồ: không hề gây bè kết đảng, không xưng hùng xưng bá, không hề tổ chức những cuộc thanh trừng đẫm máu để tranh giành lãnh địa.

Điền Khắc Kim nổi tiếng vì là tác giả của hàng chục vụ cướp kinh thiên động địa với giá trị tài sản rất lớn mà nạn nhân tất tật đều là người Mỹ. Cứ cướp xong là hắn hiếp các nữ nạn nhân, sau đó không quên ghim lại một mảnh giấy ghi ba chữ: “Điền Khắc Kim”. Đã là tướng cướp thì chuyện vương vong lao lý là lẽ tất nhiên, nhưng với Điền Khắc Kim, nhà tù chỉ là chốn “vui thì ở, buồn là đi”, bắt hắn chỉ như bắt cóc bỏ đĩa. Tất cả những phi vụ kinh hoàng ấy, Điền Khắc Kim cũng chỉ đơn thương độc mã thực hiện, không hề có trợ thủ. Vì lý do này, báo chí Sài Gòn trước năm 1975 mới gán cho hắn biệt danh “Tướng cướp cô đơn” hoặc “Tướng cướp sô lô”. Ít ai biết rằng, bức chân dung kinh khủng ấy lại được vẽ nên từ những nét cọ đầu tiên là một chuyện tình buồn trên một nền khung nghèo khó.

Điền Khắc Kim tên thật là Lê Văn Minh, con trai thứ hai trong một gia đình nheo nhóc có bốn anh chị em ở làng Hạnh Thông Tây, Gò Vấp. Tuổi thơ không êm đềm của hắn trôi qua dưới một mái nhà rách nát, lợp bằng những tấm tôn cũ thủng lỗ chỗ, vách là một hỗn hợp gồm ván ép, mảnh bìa carton, vỏ thùng phuy cũ và vô số mảnh tôn, thiếc đầu thừa đuôi theo khác.

Mùa nắng, ngôi nhà nóng hầm hập. Mùa mưa, nóc dột tứ tung, nền thấp nên nước mưa từ các đường hẻm, rãnh cứ thi nhau cuốn rác rều ồng ộc tuôn vào nhà. Bốn chị em hăn tha hồ gọi nhau lội tứ tung, nhặt nhanh lại những đôi dép đứt, giấy vụn, bao nilon đang nổi lều bều giữa nhà đã thành một bể nước bẩn và thi nhau chống mông lên trời khua xô, thùng tát nước.

Cha mất sớm, toàn bộ gánh nặng mưu sinh đè trĩu lên đôi vai mẹ hăn. Cứ sáng tinh sương, thằng bé con đen đúa, mắt đầy ghèn lại bị lôi cổ dậy để ra lò bánh mì lấy những mẻ bánh đầu tiên đi bán bánh mì “chạy”. 8 giờ sáng, quảng cái giò cần xé đã hết nhẵn, hăn lại lo chạy về phụ giúp mẹ bán bánh mì “nằm”. Tuổi thơ vất vả và thiếu thốn nên Minh không lớn nổi, người cứ loắt choắt, gầy và đem nhem, có phần nhút nhát vì mặc cảm. Việc học hành của hăn vì thế cũng chẳng bằng ai, chữ vào tai này lại ra tai kia rồi rụng mất.

Con nít nhà nghèo thế kỷ trước đói ăn nhưng lại dễ no đòn. Mỗi lần Minh bị đánh, có một con bé hàng xóm lại cạy vách nhìn vào trề môi trêu chọc. Con bé tên là Diễm, Nguyễn Thị Diễm, nhưng dân trong xóm cứ nôm na hình hài mà gọi nó là Diễm đèo, cũng như gọi Minh là Minh con bởi cả hai đều gầy quắt như quả dưa chuột đẹt trồng trên đất cằn bị ong chích. Bị trêu, Minh con tức lắm, rắp tâm tìm cách trả đũa. Làng Hạnh Thông Tây có nghề làm pháo gia truyền, hầu như nhà nào cũng có mâm quần pháo nên quanh năm làng cứ đầy những tiếng di đùng. Không có tiền mua, thằng oắt Minh con cứ lặn xả vào dưới những bánh pháo đang tóe lửa của các đám giỗ chạp, cưới hỏi, xô nhau giành giật với trẻ con hàng xóm để nhặt pháo lép cất dành, chờ Diễm đèo đi ngang qua đốt ném để “khủng bố”. Ban đầu, Diễm sợ khóc thét lên. Sau, nó lại ton ton chạy theo Minh nhặt pháo, miệng cười ròn rảng trong khi mắt nhắm tịt và hai ngón tay thì bịt chặt hai tai. Lâu dần thành quen, hai quả dưa chuột đẹt bị ong chích phải lòng nhau lúc nào không biết.

Con gái thường mau lớn hơn con trai. 16 tuổi, Diễm đèo trông phổng phao hăn lên, mái tóc đỏ quạch đã mượt ra, nước da cũng trở nên mịn màng chứ không đen đúa, sần sùi như trước nữa. Đúng thời điểm đó, Mỹ ò ạt đổ

quân vào miền Nam. Khu vực Hạnh Thông Tây, trại lính, sở Mỹ mọc lên nhan nhản. Trên các trục đường lộ quanh cái xóm nghèo của Minh con, Diễm đào, quán rượu, nhà chứa, snack-bar cũng thi nhau mọc lên để hứng những tháng lương lính và bán đi tất tật những gì có thể bán. Dù chưa phải thiên nga, Diễm đào cũng không còn là con vịt trời xấu xí nữa. Chưa kịp ngỏ lời, Minh con đã phải cay đắng nhìn mỗi tình đầu của mình lột xác thành một H  len Di  m, c   tiếp vi  n xinh đẹp với v  y ng  n c  n c  n hằng đêm nằm lọt thỏm trong vòng tay lông l   của những t  n lính Mỹ to con gấp đôi n   trong snack-bar. Minh cũng không kh   g  i hơn, n   bỏ học, trở thành một thằng ma c   d  t m  i cho g  i đi  m. Tháng ng  y của h  n đ  c nối nhau bằng những trận đập l  n t  e lửa với đủ loại s  c lính, từ biệt động qu  n, thủy qu  n lục chiến, lính d   đến lính bộ binh - những kẻ thường kéo cả đ  n m   vào xóm Hạnh Thông Tây tìm g  i chơi b  i rồi gi  r tr   ăn qu  t. Đ  nh nhau tay không cũng c   mà bằng g  y g  c, gạch đ  , dao phay cũng c  ... Th  ng b   hi  n l  nh ng  y xưa biến mất, thay vào đ   là một thằng Minh con ma c   l  m l  , bất chấp với một vết sẹo dài c   hai l  ng tay v  t qua m   tr  i, một tay đ  ng b  n đ  c cả v  ng Hạnh Thông Tây - ng   ba Ch     a - v  nh đ  i s  n bay Tân Sơn Nhất nh  r mặt biết t  n.

L   l  m là th   nhưng với Di  m đào, đ  ng hơn là với H  len Di  m, Minh con vẫn không th   can đảm hơn đ   nói đ  c một c  u t   tình đ  ng ho  ng thành th  t. Chỉ duy nhất một lần, tức qu   kh  ng ch  u nổi, Minh con đ   chặn H  len Di  m khi c   đ  ng cặp k   với một t  n lính Mỹ, hỏi d  m d  n:

– M  y thằng lông kh  i n  y c   g  i hay? Sao c   cứ...

C  n ghen của n   bị Di  m tàn nh  n cắt đ  t nửa chừng:

– Hỏi dz   duyên. H  ng c   g  i hay, nhưng t  i n   c   tiền!

R  i c   kéo t  n Mỹ tr   m  ng đ  ng đ  ng tr   mắt đi một n  c, bỏ lại Minh con đ  ng tr   như ph  ng, ng  r ng  c gi  ra đ  ng.

Kho  ng cuối năm 1967, một biến cố nho nh   đã x   Minh con ra kh  i ngh   d  t g  i ở Hạnh Thông Tây: m   h  n lấy chồng. B   d  ng của h  n là một hạ sĩ quan lái xe ng  ời g  c Campuchia nhưng nói tiếng Vi  t nh  y  n

như ăn cháo, tên là Kalon Rim. Bố dượng cũng cục tính, lắm lì y như thằng con, được cái cũng không tệ bạc gì với mấy đứa con riêng của vợ nên Minh con chẳng có lý do gì mà ghét lão. Nhưng chính vì tử tế nên lão đã nhất quyết bắt bốn anh em Minh cải họ theo mình để mang những cái tên rất Miên mà nó không hề thích, cũng chẳng hiểu nghĩa là gì. Minh con trở thành Kalon Theo, con Hòa em nó trở thành Kalon Hòa. Những cái tên có vẻ “cà chớn” khiến thằng ma cô bất mãn. Không nói không rằng, nó bỏ nhà, bỏ miệt Gò Vấp mò lên sống bụi đời ở trước khu chợ Dân Sinh, quận 1. Làm đủ thứ nghề, ngày bán báo, đánh giày, đêm ra lề đường Nguyễn Công Trứ thuê ghế bố ngủ. Không có tiền thì lót báo cũ nằm vạ vật. Chưa hề sung sướng bao giờ nên kiếp bụi đời, với Minh cũng chẳng có gì là khổ sở.

Trước lúc ra đi, thu hết can đảm, nó mò đến cái snack-bar nơi Hélien Diễm làm tiếp viên, trong túi là một bánh pháo dài cả thước. Diễm chưa kịp ngạc nhiên trước sự xuất hiện bất ngờ, Minh con đã lôi bánh pháo ra, cầm trên tay trần, giơ cao và rút điều thuốc trên miệng châm vào ngòi pháo. Pháo nổ tung tóe khiến gái bán bar và khách làng chơi cả Mỹ lẫn Việt được một phen nhốn nháo. Nhưng Diễm thì không. Không nhắm mắt, không bịt tai cũng không bỏ chạy, cô cứ đứng ngó trân trân dây pháo nổ điếc màng nhĩ trên tay tên bạn bụi đời. Viên pháo cuối cùng, Minh con bóp đít búng tung lên trời đúng khi nó vừa phát ra tiếng nổ. Xong, nó quay lưng đi thẳng, đi một mạch, không hề nói câu nào, bỏ lại một Hélien Diễm phía sau đang ngây người, nước mắt rùng rùng trước lời tỏ tình có một không hai của thằng con trai hàng xóm.

Khoảng nửa tháng sau, tháng 4.1968, tình cờ trên mục “đua xe cán chó” của một vài tờ báo, Minh con đọc được mẫu tin: “Một cô gái diễm cỡ 18 tuổi bị một toán lính Mỹ thay nhau hãm hiếp rồi lột truồng vứt xác ngoài bãi rác ở Gò Vấp”. Lòng điên dại, hấn vút xấp báo chạy ngay về Hạnh Thông Tây. Nhưng đã quá muộn: cỗ quan tài có Hélien Diễm nằm trong đó đã vùi sâu vào đất lạnh! Mỗi tình đầu cam lạng kết thúc quá sớm trong bi

thảm, hắn nhờ một cô bạn bán bar cùng với Diễm mua giúp khẩu Colt 45 với mấy kẹp đạn giắt vào bụng rồi lặng lẽ bỏ đi.

Ba năm liền sau đó, báo chí Sài Gòn thỉnh thoảng lại bị khuấy động bởi những vụ cướp hết sức kinh hoàng, nghi phạm tỏ ra cực kỳ liều lĩnh, hung hăng như thể đi cướp để mong được chết, như thể chỉ ngày mai là tận thế. Nạn nhân của những vụ cướp này đều là người Mỹ. Kẻ cướp, không ai khác chính là Lê Văn Minh, hắn đi cướp để trả thù.

Giữa tháng 2.1968, cùng một tên du thủ du thực khác là Lê Văn Hùng, Minh con đột nhập vào nhà một kỹ sư công chánh Mỹ trên đường Trần Quang Khải, dùng khẩu Colt 45 khống chế bà vợ ông ta cướp đi 5.000 USD và một số nhẫn, dây chuyền vàng, kim cương trị giá 17 triệu đồng. Đó là một số tài sản ketch xù, bởi vào thời điểm đó, giá vàng chỉ có 25.000đồng/lượng và 1 USD thì trị giá bằng 10 USD theo giá ngày nay. Nhưng vẫn chưa thỏa mãn, sau khi dồn hết số tài sản của viên kỹ sư vào bao tải, Minh con còn bắt tên Hùng cảnh giới để hắn lôi bà vợ Mỹ của ông kỹ sư ra hãm hiếp.

Bảy tháng sau, kịch bản lặp lại nhưng hung thủ chỉ một mình Minh con. Lần này, tại một cư xá Mỹ trên đường Trần Cao Vân, quận 1, gần hồ Con Rùa, Minh con lần lượt “viếng thăm” và dọn sạch 3 căn hộ, cướp đi một số tư trang tiền bạc trị giá 11 triệu đồng. Cả 3 bà vợ Mỹ đều bị hắn giở trò thú vật.

Bảy tháng sau nữa, tháng 5.1969, đến lượt vợ của tay Giám đốc hãng sản xuất băng đĩa Columbia, nhà riêng ở Xóm Chùa, Bình Thạnh trở thành nạn nhân của Minh con. Lần này, hắn cướp được khoảng 8 triệu đồng và hơn 2 kg magne dùng để sản xuất đĩa nhạc.

Cả Sài Gòn nhốn nháo, thất kinh nhưng cảnh sát thì chịu chết, không tài nào mò nổi tung tích hung thủ, bởi hãn hành động cực kỳ xuất quỷ nhập thần. Dù không bị nhận diện danh tánh, bóng ma Minh con cũng trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng của các bà mệnh phụ giàu có có chồng là người Mỹ. An ninh tại nhà riêng và các cư xá Mỹ được tăng cường tối đa, nhưng nỗi khiếp đảm thì vẫn đeo đẳng. Đúng lúc đó, tháng 11.1969, Minh con lại đột

nhập nhà một gái bán bar hạng sang lấy chồng Mỹ ở cư xá Đô Thành cướp 6 triệu đồng. Lần này, cô vợ là người Việt nên Minh con chỉ “đùa bỡn” một chốc rồi bỏ đi, không cưỡng đoạt.

Quá ngạc nhiên trước sự may mắn của mình, nàng kiều “me Mỹ” đã buột mồm hỏi thẳng cướp vừa quay lưng bỏ ra đến cửa:

– Anh tên gì vậy?

Đến lượt thẳng cướp ngạc nhiên. Không lẽ xưng tên thật, hăn bèn xưng đại một cái tên vừa chợt hiện trong đầu:

– Điền Khắc Kim!

Rồi còn cẩn thận viết cái tên này ra giấy ném lại cho cô gái. Trước khi rút lui, không hiểu sao hăn còn giải thích:

– Cô may mắn đấy. Tôi chỉ trả thù mấy thằng Mỹ chứ không trả thù người Việt.

Ngay tức khắc, báo chí Sài Gòn lại tranh nhau chạy những hàng tít giật gân về vụ “cướp nhà người Mỹ”, với đích danh thủ phạm là Điền Khắc Kim, dù chẳng ai có thể xác định được ai là Điền Khắc Kim giữa thành phố 4 triệu dân này. Chưa hết, nhiều tờ báo còn nhanh nhẩu tự “điều tra”, gán thêm rất nhiều nguyên nhân ly kỳ rùng rợn, biện minh cho hành động làm nhục nạn nhân của Điền Khắc Kim ở các vụ trước đó là để “trả thù dân tộc (!)”.

Sau vụ cướp này, để tránh bị tóm, Điền Khắc Kim đăng ký đi quân dịch. Với cái tên giả là Lê Minh Hùng, hăn trở thành một binh nhì mang số quân 71/116964 của Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 48 bộ binh (ngụy). Ba tháng quân trường vừa kết thúc, máu giang hồ trời dậy, hăn lại đào ngũ về Sài Gòn tiếp tục đi ăn cướp.

Tháng 5.1970, Điền Khắc Kim đột nhập vào nhà một người Mỹ là Giám đốc Hội cha mẹ nuôi quốc tế trên đường Trần Quý Cáp (nay là Võ Văn Tần). Đi đêm lắm có ngày gặp ma, trong khi hăn sắp sửa giờ trò đồi bại với bà vợ ở phòng ngủ thì trong phòng tắm, ông giám đốc đã cởi được dây trói chạy thoát ra ngoài gọi cảnh sát. Hoảng quá, hăn vội bắt cóc bà vợ làm con

tin và tẩu thoát xuống quận 8. Sau khi hành hạ bà đầm chán chê, Điền Khắc Kim đã gọi taxi đưa trả bà về với ông chồng Mỹ. Vì sự liều lĩnh bốn cợt này, hắn đã bị cặp vợ chồng Mỹ kia nhận diện và bị bắt, phải ra tòa lãnh án 20 năm tù.

Vào trại Chí Hòa, họp mặt với toàn những tay anh chị đầu trâu mặt ngựa, Điền Khắc Kim dù không băng đảng, người không một hình xăm vẫn nghiễm nhiên được đấm tù hình sự xếp vào “chiếu trên”. Sự táo tợn, liều lĩnh và những cú “trả thù dân tộc” được các báo lá cải khai thác tối đa đã vô tình tạo cho Điền Khắc Kim một lai lịch đầy ánh hào quang, khiến những tên du thủ du thực phục lẫn phục lóc. Nhờ có sự hỗ trợ của những tên đại bàng cộm cán ở Chí Hòa, Điền Khắc Kim có đủ tiền để mua được một tờ “giấy đi phép”, tức được phép tự do ra ngoài 12 hoặc 24 giờ, sau đó về trình diện. Lợi dụng “giấy đi phép”, hắn trốn luôn. Vừa ra khỏi nhà giam, hắn đã mò vào nhà một tên thiếu tá CIA Mỹ để cướp. Là một quân nhân quen hoạt động trong bóng tối, tên “xị” không dễ gì để bị Điền Khắc Kim bắt nạt, đã kịp thời móc súng chống trả. Đang loay hoay trèo qua ban công, tính nhảy từ lầu hai xuống đất, Điền Khắc Kim đã bị tên thiếu tá CIA quất trúng một viên vào bụng, sụm ngay tại chỗ và bị cảnh sát ngụy tóm cổ, đưa vào Tổng Y viện Cộng Hòa (nay là Quân Y viện 175) chữa trị.

Vết thương vừa tạm bình phục, người còn xanh rớt như tàu lá, Điền Khắc Kim lại cựa còng trốn thoát. Sau mấy tháng nằm dưỡng thương, hắn lại lên kế hoạch tấn công một nhà buôn Mỹ trên đường Công Lý (nay là Nguyễn Văn Trỗi), cướp được 5.000 USD và 20 triệu đồng. Đúng lúc hắn đang hành hạ nữ nạn nhân người Mỹ xinh đẹp thì ông chồng bà ta trở về. Một cuộc đọ súng đã nổ ra. Trước khi ngã quỵ vì đạn khẩu Colt 45 của tên tướng cướp, tay nhà buôn Mỹ cũng đã kịp bấm cò tặng cho tên tướng cướp một viên vào ổ bụng.

Vết thương quá nặng, Điền Khắc Kim đã không còn cơ hội để trốn tù. Lần này, vì là một quân nhân, phạm tội khi đang đào ngũ, Điền Khắc Kim đã bị tổng vào quân lao Gia Định, nơi giam giữ toàn những tên du đảng xuất thân từ lính tráng.

Vào tù, để “giật le” với đám du đảng đa phần thất học, Điền Khắc Kim tự khai đã học hết đệ nhị (lớp 11), dù kỳ thực hẳn chưa hề học hết trung học đệ nhất cấp (cấp 2), kiến thức bị gió giang hồ thổi bay gần hết nên chữ xấu như gà bới. Lờ tịt sự khai man này, chỉ nhằm lợi dụng uy thế của tên cướp lừng danh để trị bọn tiểu yêu trong quân lao, đám cai ngục ở đây đã phong cho hẳn cái chức “thư ký quân lao”. Dù là tên cướp đang ở tù, hẳn vẫn ăn mặc tử tế như một sinh viên với áo sơmi đóng thùng cẩn thận, trên nắp túi còn giặt thêm một cây viết paker cho thêm phần trí thức.

Có một điều kỳ quái là, trong giới giang hồ, ngôi vị cao thấp thật sự chỉ được phân định rạch ròi khi ở... trong tù. Là “thư ký đề lao”, nghiêm nhiên Điền Khắc Kim trở thành vua một cõi. Đó chính là lúc bản chất lưu manh mặt hạng của tên tướng cướp bộc lộ đầy đủ nhất. Không có gì để nghi ngờ, việc Điền Khắc Kim trở thành hung thần, chuyên cướp, hiếp những người Mỹ giàu có khởi nguồn từ cái chết bi thảm của Hélien Diem, mục đích chính là để trả thù. Nhưng, đó chỉ là những vụ đầu tiên, còn sau này, hẳn đi cướp chỉ vì một mục đích duy nhất: kiếm tiền ăn chơi phè phỡn. Diem đeo chỉ là kỷ niệm thoáng qua, một màn sương mờ cay nồng khói pháo, một gam màu lạ để Điền Khắc Kim tô vào bức tranh đầy hào quang ảo cho thêm phần mê thiêu. Đích thực, hẳn là một tên bệnh hoạn. Mỗi lần cướp về, hẳn thường xố tung tiền, vàng cho chúng bay vung vãi khắp nhà rồi nằm lăn lộn trên đó để tìm khoái cảm. Trong tù, bao nhiêu tiền làm luật hoặc do đàn em cống nộp, Điền Khắc Kim trải đầy ra dưới tấm drapp để “nằm cần lưng nghe kêu rột rột đã tai chơi”. Đồng tiền được phong thánh thì nhân cách hóa tên đồ tể. Điền Khắc Kim không tiếc tay đánh đập đàn em, những tên tù hạng tép riu tứ cố vô thân, để thị oai và tiêu khiển. Và, khi gặp đúng đối thủ, hẳn sẽ phải trả giá cho điều đó.

Sự buông lơi kỷ luật đã khiến khối hình sự trại giam Chí Hòa ngày càng trở nên hỗn loạn; đâm chém, thanh trừng nhau diễn ra liên miên. Không chịu nổi, cuối năm 1974, nhà tù Chí Hòa đã tiến hành một đợt thanh lọc, tống những tên đầu bò đầu bấu nhất của trại này sang quân lao Gia Định để tiện bề quản lý, tất cả có 32 tên. Vừa đến nơi ngồi tù mới, những tên

cộm cán này đã la ó vang trời tính chuyện “làm reo”. Là “thư ký đề lao”, Điền Khắc Kim cũng có mặt trong buổi tiếp nhận những thành viên mới. Muốn thị oai, hăn xông ra quát:

– Muốn làm loạn hả? Không biết ông nội bay đang ở đây sao?

Nổi nóng, Lâm Chín ngón nhảy xổ ra:

– Mà là thằng chó nào?

Điền Khắc Kim tức lắm bảo:

– Đừng lộn xộn, ông nội mày là Điền Khắc Kim đây.

Lời hăn chưa dứt, Lâm Chín ngón đã nhảy xổ tới, một tay kẹp ngang cổ họng, một tay rút luôn cây paker trên túi áo hăn đâm thẳng xuống đầu kẻ mạnh mẽ. Hung hăng nhưng nhỏ con, Điền Khắc Kim không chọi lại gã hộ pháp Lâm Chín ngón, cứ quấy đập lung tung nhưng vẫn không thoát, lãnh nguyên nhất đâm vào giữa trán. May cho hăn, đầu bút chọc trúng vết theo cũ do đạn của Biệt đội hình cảnh trước đây tặng. Theo trơn, vết đâm chệch đi nên Điền Khắc Kim không chết nhưng máu cứ tuôn xối xả, đỏ lôm khôn mặt. Đến lúc đó, Lâm Chín ngón mới chịu buông tay, vứt “thằng oắt” sang một bên mặc cho hăn kêu la chói lói.

Sau trận đó, Điền Khắc Kim mới hết ngổ ngáo, tỏ ra biết điều hơn. Tháng 4.1975, sau khi phân loại, Điền Khắc Kim và một loạt tù trọng án tại quân lao Gia Định bị đổ xuống tàu, tống ra Côn Đảo. Tàu cập bến ngày 22.4.1975 thì 8 ngày sau, Côn Đảo giải phóng. Lợi dụng tình hình lộn xộn, Điền Khắc Kim và nhiều tên tù hình sự khác đã đánh lính gác, cướp súng chạy thoát ra ngoài.

Vừa được hít thở khí trời, hăn đã lập tức xông vào khu gia binh, gây liên hai vụ cướp tại nhà hai cảnh sát chế độ cũ. Côn Đảo đã giải phóng, “thù dân tộc” không còn nhưng trò đòi bại thì vẫn tồn tại, tên súc sinh đã không quên cưỡng đoạt hai bà vợ lính rồi rút lên núi trốn. Nhưng chỉ ba hôm sau, hăn đã bị lực lượng quân quản của đảo tóm cổ.

Sau một thời gian thụ hình tại Côn Đảo, Điền Khắc Kim được chuyển về trại giam Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Tại đây, giữa tháng 5.1978, cùng với

tên Nguyễn Ngọc á - một trí thức ngồi tù vì tội... buôn heo lậu - Điền Khắc Kim đã cạy vách tôn nhà xí phòng giam trốn trại, sau đó trốn về Sài Gòn, lén lút trốn tại nhà vợ bé ở đường Hưng Phú, quận 8.

Trước khi trở thành tên cướp lừng danh (1968), Minh con đã lấy vợ - một phụ nữ bình thường nhà ở đường Tôn Đản, quận 4. Khi vợ sinh con đầu lòng, gió giang hồ đã cuốn Minh con đi mất, vợ con hầu như chẳng mấy lúc đoái hoài. Tiền bạc cướp được, hăn chỉ ăn chơi, đập phá cho kỳ hết, chẳng giúp được gì vợ con. Đã thế, hăn lại còn đeo thối trắng hoa. Năm 1969, trong một lần trốn sự truy lùng của Biệt đội hình cảnh (ngụy) tại khu vực Bến Tàu, quận 8, hăn tình cờ gặp chị Phạm Thị Dung. Khuôn mặt ưa nhìn của cô gái bán sương sâm đã khiến tên cướp sa cơ thoáng chạnh lòng. Ngoắt chị Dung lại, tướng cướp Điền Khắc Kim gọi một lúc 10 ly sương sâm, ngồi tì tì húp. Xong xuôi, hăn chùi mép, bảo:

– Đói quá, tôi ăn sương sâm trừ cơm. Bữa nay không có tiền, em cho tôi thiếu, mai mốt muốn bao nhiêu tôi trả bấy nhiêu.

Khuôn mặt hiền lành, khắc khổ, giọng nói có vẻ thành thật khiến cô gái bán sương sâm nghèo không nỡ làm dữ, chỉ im lặng thờ dài và quảy gánh đi. Độ một tuần sau, khi quay trở lại chỗ cũ chị đã thấy Minh con đứng từ xa toét miệng cười. Đưa cho chị một xấp tiền dày cộm, hăn bảo:

– Khởi thối, để đó tôi ăn sương sâm trừ dần.

Rồi hăn lại bắt chị ngồi mức từ từ đủ 10 ly để hăn ngồi nhẩn nha ăn, vừa ăn vừa nói đủ chuyện huyền thuyên chi địa.

Khi số sương sâm đã đủ với số tiền Minh con đưa thì cũng đủ thì giờ để cô chủ buồng đòn gánh nằm vào lòng hăn. Hăn bảo:

– Anh làm công nhân, nghèo, không có tiền đám cưới, em chịu không?

Thờ dài, chị lại gật đầu. Đã thương rồi thì không đám cưới với ăn sương sâm thiếu nào có khác gì nhau.

...ở với nhau được một mặt con, chị Dung mới biết Minh con đã có vợ có con, nhưng ván đã đóng thuyền, cũng đành ngậm bồ hòn làm ngọt. Lâu lâu, hăn tạt về, đưa cho chị một số tiền lớn (vừa cướp được) bảo là mới

“trúng áp phe”, để chị sửa lại cái nhà, sắm thêm cho mẹ, cho con vài ba tấm áo mới, thế là đủ mãn nguyện để khoe với xóm giềng. Không ngờ, cuối năm đó, sau nhiều tháng hắt đi biên biệt, Dung mới ngó ra: Minh con - anh chồng hiền lành tử tế - lại là Điền Khắc Kim, “tướng cướp cô đơn” khét tiếng. Chị khóc, khóc rất nhiều. Sau ba bốn bận thăm nuôi, chị đành xem như Minh con đã chết, chỉ câm nín bán sương sâm nuôi mẹ già và ba đứa con thơ.

Đùng một cái, thằng chồng đối trá quay trở lại. Hung thần với ai, tướng cướp với ai, chứ với chị, hắt mãi mãi là một “anh Minh”, cha của ba đứa nhỏ. Khuyên không được, chị cũng không nỡ tố giác chồng, đành nhẫn nhục cưu mang che giấu Điền Khắc Kim, dù chị biết rất rõ chồng mình là tên tù vượt ngục. Với Điền Khắc Kim, tấm lòng người vợ chính là nơi trú ẩn cuối cùng. Vợ lớn của hắt ở đường Tôn Đản, ngay sau khi hắt bị đày ra Côn Đảo đã bán nhà, ôm con đi biệt xứ, không còn trông mong gì nữa...

Ở nhà một thời gian, Điền Khắc Kim mò ra đường Hồ Văn Ngà, tìm một người bạn gái cũ đang sống lắt lay bằng nghề bán hàng lạc-xoong (đồ cũ) tính cạy nhờ để tìm sinh kế. Vừa ra đến nơi, hắt đã bị công an phát hiện và bắt giữ, sau đó bị đưa lên cải tạo tại trại Tổng Lê Chân (Sông Bé). Ngồi trại đến tháng 7.1983, hắt lại trốn. Con thú dữ sống chuồng ngày càng liều lĩnh và hung bạo hơn. Vừa đặt chân trở lại Sài Gòn, hắt đã một mình gây hàng loạt vụ cướp mới. Lần này, đa số nạn nhân của tên cướp hết thời đều là đàn bà, con nít, những kẻ yếu ớt, cô đơn.

Một lần, vừa cướp được một chiếc xe đạp trên đường Nguyễn Thị Minh Khai (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa) thì hắt bị công an vây bắt. Cùng đường, hắt kê súng vào bụng anh công an bóp cò nhưng đạn lép, không nổ nên bị tóm tại trận.

Trở vào trại giam, cố hết sức, Điền Khắc Kim vận công, gồng bụng làm bực vết thương Mỹ bắn ngày nào. Được công an đưa vào Bệnh viện Bình Dân cấp cứu. 3 giờ sáng, lợi dụng lúc anh công an gác cửa ngủ gục, hắt lại bẻ còng trốn thoát. Vì vụ đào tẩu này, dư luận Sài Gòn lại có dịp ồn lên.

Trong khi Điền Khắc Kim đang bị truy nã ráo riết thì tại những quầy sách ở đường Đặng Thị Nhu, quận 1 lại có kẻ táo gan xuất hiện xưng danh hăn. Ông ta đi tất cả quầy sách, gom hết những cuốn “Bố già” của Mario Puzzo mà không hề trả tiền. Nghe xưng Điền Khắc Kim, các chủ quầy sách thất kinh, vội đi báo công an. Bị bắt, gã điên này sừng cồ:

– Để xem Điền Khắc Kim với bố già Victor Don Carléon ai bảnh hơn ai. Nó ngon, tôi thách nó đấu súng.

Không thể nhốt một gã điên, công an đành phải cho xe chở hăn về chỗ cũ. Được thả, hăn phản đối quyết liệt:

– Sao không bắt tôi?

Người ta bảo:

– Ông có tội gì mà bắt?

Hăn tỉnh queo:

– Sao không? Điền Khắc Kim là tôi, kẻ cướp, hiếp, bắn lòi ruột cả chục thằng Mỹ, sao không có tội?

Tiếng tăm đen đúa lầy lùnh là thế nhưng đoạn cuối cuộc đời ngang dọc, Điền Khắc Kim đã tự biến mình thành một tên lưu manh mạt hạng. Không còn những vụ đột nhập xuất quỷ nhập thần, không còn các phi vụ rượt đuổi và đấu súng dữ dội, cũng không vẩn vương mùi thuốc pháo đốn đau hay vị ngọt mát lãng mạn của ly sương sâm bên bến tàu vất vả, cái còn lại của hăn chỉ là những vụ trộm cắp, cướp giật vặt vãnh của một tên hạ lưu bần tiện. Lần cuối cùng, hăn bị dân phòng phường 12, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh tóm cổ trong đêm khi đang tẩu tán một chiếc xe đạp và mớ quần áo cũ do một đàn em là Lê Văn Thanh trộm được ở một căn nhà bên cầu Rạch Ông, quận 8. Lúc đó là tháng 4.1985. Khi chị Dung dẫn ba đứa con, đứa lớn 15 tuổi, đứa nhỏ mới lên 3 vào trại giam thăm nuôi, Điền Khắc Kim đã ngượng ngùng cúi mặt. Và khóc. Hăn biết thời làm gió làm mưa đã hết. Cái tên Điền Khắc Kim đã vĩnh viễn không còn ám ảnh hay khuấy động được ai nữa.

Nhị ca mất số

Trong quá trình ngoi lên trở thành ông trùm của giới tội phạm Sài Gòn, Năm Cam đã lần lượt thực hiện các bước núp bóng, lợi dụng rồi hạ bệ hàng loạt đàn anh lớn nhỏ. Giang hồ sợ nhất Năm Cam ở điểm y không từ bất cứ ai và sẵn sàng xuống tay cực kỳ tàn bạo để tiêu diệt tất cả những kẻ cản đường hắn, cho dù người đó từng là chiến hữu, đàn anh hay có tình đệ tử lâu năm ân nghĩa với y. Ngoài Lâm Chí ngón trở thành tàn phế vì acid, Dung Hà bỏ mạng vì ăn đạn, trong danh sách giang hồ cộm cán bị Năm Cam “lấy số” còn phải kể thêm Huỳnh Tỳ - kẻ có thời được giang hồ Sài Gòn xem như nhân vật số 2 chỉ đứng sau Đại Cathay trong nhóm “Tứ đại giang hồ”.

Lai lịch một danh xưng

Huỳnh Tỳ tên thật là Nguyễn Thuận Lai, sinh năm 1944, hơn Năm Cam 3 tuổi. Có lẽ anh ta là tay giang hồ “có số má” duy nhất từ nhỏ chí lớn vẫn không thay đổi chỗ ở, hàng chục năm nay vẫn sống tại nhà số 4/1 Nguyễn Văn Tráng, quận 1. Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 1960, học hết đệ tam (lớp 10) ở trường Nguyễn Bá Tòng, chú nhóc Nguyễn Thuận Lai nghỉ ngang, theo cha làm lơ xe đồ tuyến Sài Gòn - Nha Trang - Pleiku. Chính nghề lơ xe đường dài đã khiến tên học trò hiền lành nhanh chóng tiêm nhiễm đủ mọi thói hư tật xấu của đàn ông con trai thời chiến. Đến tuổi quân dịch, để tránh bị bắt lính, Nguyễn Thuận Lai đổi tên thành Huỳnh Tỳ - một cái tên gắn chết cả đời với nghiệp chướng giang hồ.

Góc đường Lê Lai, quận 1 có một rạp hát khá nổi tiếng là rạp Aristo. Năm 1954, gánh hát Kim Chung của ông bầu Long di cư vào Nam, lấy rạp Aristo làm đại bản doanh. Ăn theo gánh hát, những trục đường như Lê Lai, Gia Long (nay là Lý Tự Trọng), Nguyễn Văn Tráng... quán ăn, hàng giải khát nổi lên khá náo nhiệt, đồng thời cũng kéo theo không ít dân trộm cắp, móc túi, trẻ bán báo, đánh giày qui tụ. Khu vực này lại gần chợ Bến Thành và ga Sài Gòn. Mỗi lần “móc đồng” (giật đồng hồ), “ăn kẹ” (móc túi) ngoài chợ xong, đám lưu manh thường chạy ngay về khu Lê Lai để trốn tránh. Tam giác Lê Lai - Nguyễn Văn Tráng - Gia Long nhanh chóng trở thành một mảnh đất màu mỡ để hứng hàng ăn cắp, móc túi bán giá rẻ và tổ chức các loại dịch vụ như sòng bài, động chích, tiệm hút, gái... cho đám cô hồn các đảng này ăn khao bằng tiền trộm cướp. Cùng với hai tay anh chị khác là Ngô Văn Cái và Nguyễn Kế Thế, Huỳnh Tỳ với kinh nghiệm “du thủ du thực” học được trên những chuyến xe đò đường trường đã đứng ra nhận bảo kê toàn bộ các dịch vụ nhám nhúa này. Thằng lơ xe cục tính nhanh chóng ngoi lên vị trí ông trùm, sau hàng loạt những vụ chém lộn từng bưng với các băng đảng khác. Ngoài Ngô Văn Cái và Ba Thế, dưới trướng Huỳnh Tỳ còn có thêm một loạt đàn em khác như Cu Ba đen, Tâm vồ, Hùng phốc, Luân sún... Trong gánh hát, bầu Long cũng thu dụng một loạt tay đao búa từng nổi tiếng một thời tại Hà Nội để làm chân bảo vệ. Đám này gồm Sinh càn, Phúc đen, Tâm Ba tai... Ngoài giờ bảo vệ, bọn chúng thường tụ tập tại quán Kiều Chánh cạnh rạp Aristo. Ngứa mắt, Huỳnh Tỳ và đàn em đã gây nhiều trận đập lộn tóe lửa với đám bảo vệ này. Để yên thân, bầu Long đã khôn khéo dãi tiệc dàn hòa hai bên, thu dụng luôn cả băng của Huỳnh Tỳ, chấp nhận đặt các ông tướng gốc Hà Nội vào dưới trướng của y, đồng thời để cho Huỳnh Tỳ và đàn em ra vào rạp Aristo tùy thích.

Khi quân đã hùng, tướng đã mạnh, nội các tam đầu chế gồm Tỳ, Cái, Thế thường tụ nhau bia rượu, bài bạc suốt ngày tại rạp hát Aristo cho nên được giang hồ gọi luôn là băng Aristo để phân biệt với băng Cathay do Lê

Văn Đại cầm đầu có khu vực hoạt động là chợ Cầu Ông Lãnh, cách đó chỉ hơn nửa cây số.

Khoảng năm 1964, nhờ sự liều lĩnh của Đại Cathay, băng Cathay bắt đầu mạnh lên. Sau khi diệt băng Bé Bún, quận 4, đâm tên này đổ ruột, Đại dần dần thôn tính được toàn bộ khu Da Heo (đường Nguyễn Công Trứ) của tay anh chị Tám Lâu, thò tay gom luôn cả sòng bạc hẻm 100 của Bảy Sy (anh rể Năm Cam) rồi vươn ra thâu tóm luôn cả sòng bạc của Đực Bà Tiều tại Chợ Cầu Muối... trở thành đại ca có máu mặt nhất của khu vực quận Nhất, quận Nhì và quận Tư. Lo sợ thế lực của băng Cathay sẽ “nuốt” mất cả khu Lê Lai, Huỳnh Tỳ bàn với hai phó tướng Ngô Văn Cái và Thế Aristo tìm cách diệt Đại. Rủ thêm Hùng phốc và Luân, hai giang hồ cộm cán khác, cả băng Aristo bày tiệc trên lầu rạp hát mời Đại Cathay tới giao lưu. Không may nghĩ ngờ, Đại Cathay tới ngay. Chưa lên hết cầu thang, Đại Cathay đã chốt dạ: nụ cười đón khách của Thế Aristo đột nhiên thay đổi. Chưa kịp hỏi, Đại Cathay đã bị Thế đá lộn cổ xuống thang lầu. Cùng một lúc, Tỳ, Cái, Luân, Hùng bốn kẻ phục kích nhất tề rút dao xông vào chém tới tấp. Vừa đỡ đòn, vừa tìm đường thoát thân, Đại Cathay lết được ra khỏi tử địa, mình mẩy đầy thương tích nhưng may mắn thoát chết. Khi những vết thương vừa bắt đầu kéo da non, Đại Cathay đã giắt dao, đơn thân độc mã đi tìm từng tên một để trị tội. Huỳnh Tỳ và bốn tên giang hồ đồng mưu lần lượt bị Đại Cathay chém trọng thương trong cùng một hoàn cảnh, là khi chúng đang ngồi nhậu tại quán Kiều Chánh. Nhắm thế không chơi lại Lê Văn Đại, cũng không thể “trả đũa” tên này, vì băng Cathay quá mạnh, Huỳnh Tỳ đành thay mặt cả băng bắn tiếng cầu hòa. Đang say máu, Đại Cathay không nghe, vẫn tiếp tục tìm cả 5 tên để chém. Hoảng quá, cả 5 tên phải mời bầu Long đứng ra tìm Tám Lâu, đàn anh cũ của Đại Cathay nhờ nói giúp. Biết tính Đại Cathay, Tám Lâu lại phải cạy cục nhờ hai tay anh chị lừng danh là Ba Hội và Cảnh Tượng (đều lớn hơn Đại Cathay vài mươi tuổi), bày tiệc tại quán Biên Thùy ở chợ Cầu Muối mời thẳng em đến khuyên giải. Nể tình và nể tuổi tác, Đại mới nguôi ngoai, chấp nhận cho Huỳnh Tỳ và 4 tên cùng băng đến dập đầu xin lỗi, để rồi sau đó băng Aristo

vĩnh viễn bị xóa sổ, quân tướng đều qui về dưới quyền sai phái của một đại ca duy nhất là Lê Văn Đại. Cuộc hợp nhất giang hồ giữa thập kỷ 1960 đã đẻ ra danh xưng “Tứ đại giang hồ” Đại-Tỳ-Cái-Thế, với Đại Cathay, kẻ không đối thủ đứng đầu và xếp phía sau là ba đối thủ của kẻ... không đối thủ.

Huỳnh Tỳ bị Năm Cam “lấy sổ”

Mất ngôi đầu lĩnh, Huỳnh Tỳ tự an ủi mình với danh hảo là nhị ca trong “tứ đại giang hồ” hay mỹ miều hơn, gọi là “tứ đại Thiên Vương”, cung cúc phò tá Đại Cathay trong các cuộc thanh trừng theo kiểu xã hội đen. Đáp lại, y được Đại Cathay giao quyền trông coi một loạt các sòng bài, tiệm hút không chỉ trong địa bàn khu Lê Lai mà cả địa bàn khu Cầu Muối. Cứ độ 10 giờ sáng, Huỳnh Tỳ lại có mặt tại các sòng bạc của Đực Bà Tiêu và Bảy Sy để thu xâu nộp cho Đại Cathay nuôi quân. Còn buổi tối, hăn lại diện đồ “kềng” theo đàn anh vào các vũ trường tha hồ đập phá. Thời hoàng kim của băng Đại Cathay kéo dài đến tháng 6.1966 thì chấm dứt, khi Đại Cathay bị bắt, băng Cathay tan rã. Vào thời điểm đó, Năm Cam vẫn chỉ là một tên phá gia chi tử, thường trộm tiền của Bảy Sy ăn xài vung vít, chưa có tên tuổi, sổ má gì trên chốn giang hồ.

Sau giải phóng, cả Tỳ, Cái, Thế lẫn Năm Cam và nhiều tên xã hội đen vẫn vện khác đều thay nhau vào tù ra khám. Ra tù, Năm Cam dần dần củng cố thế lực, ngày một phát lên, đến đầu những năm 1990 đã nghiêm nhiên trở thành ông trùm của thế giới ngầm. Trong khi đó, hầu hết các “đàn anh” cũ của Năm Cam đều vì ma túy mà trở thành dật dẹo. Ngô Văn Cái quyết cai ma túy bằng cách uống rượu, cuối cùng chết bất đắc kỳ tử vì ung thư gan. Nguyễn Kế Thế không chịu nổi mỗi giày vò vì lỡ thời phải ăn bám vợ (vốn là chủ một động tiêm chích), khoảng năm 1985 đã lạng lẽ bỏ lại toàn bộ tư trang, tài sản và ra miền Trung nương nhờ cửa Phật, đến nay vẫn không tầm tích. Một cao thủ giang hồ khác là Đức Raymond không chịu nổi cảnh đối thuốc phải ngửa tay xin tiền bạn bè, chịu sự khinh miệt, đã tự xử đời mình bằng thuốc độc.

Huỳnh Tỳ vốn cũng nghiện nặng. Sau giải phóng, giang hồ không còn đất sống, Huỳnh Tỳ thường xuyên đói thuốc và mờ mờ. Gánh nặng kinh tế gia đình càng chồng chất thêm khi vợ anh ta mất vào năm 1978, để lại cho Tỳ hai đứa con nhỏ dại, trai mới 4 tuổi, gái mới 2 tuổi. Không băng nhóm, không nghề ngỗng, không đủ dũng khí để tự xử như Đức Raymond hay tiếp tục xưng hùng xưng bá như Lâm Chín ngón, Huỳnh Tỳ phải xoay sang mảnh mung cò con, từ xóc bầu cua, tổ chức đánh chắn - lẻ đầu hèm đến bán lẻ, chích dạo ma túy để nuôi con và nuôi thân, chỉ mong được no cả dạ dày lẫn no óc. Hậu quả là trong vòng 20 năm (1975-1995), Huỳnh Tỳ phải ra vào trại cải tạo, nhà giam hơn chục bận.

Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã, khoảng đầu năm 1992, Huỳnh Tỳ đã liên kết được với một số tên giang hồ hết thời như Minh ba giá (Lương Văn Lâm), Trần Thị Ngân, Minh bu, Lý Đồi, Thành đôla tổ chức được một sòng bạc tại hẻm 98F Lê Lai, gồm cả đánh tài xỉu, chắn lẻ và xóc đĩa. Chuyện đến tai Năm Cam. Không kiêng nể xót thương gì các đàn anh thất thế, Năm Cam ra lệnh dẹp ngay. Huỳnh Tỳ không nghe, vẫn tiếp tục chơi. Ngay lập tức, sòng bạc này liên tục bị Cảnh sát Hình sự khám xét và giám sát, không con bạc nào dám bén mảng. Biết là Năm Cam ra tay triệt hạ, Huỳnh Tỳ phải mang lễ vật đến ngọt nhạt năn nỉ, mời Năm Cam hùn vốn và được ông trùm đồng ý.

Vốn mà Năm Cam góp vào là Thành Chân, tay giang hồ trẻ tuổi nhưng lão luyện, có đầu óc, được Năm Cam phái đến giám sát, tổ chức sòng. Tên thứ hai là Lê Thị Diệu, vợ Thọ đại úy, được Năm Cam đặc trách cho phép hành nghề cầm đồ và cho vay nặng lãi tại sòng. Ngoài phần ăn chia theo tỉ lệ hùn hạp, mỗi tuần Huỳnh Tỳ phải mang đến nộp cho ông trùm 5 triệu đồng tiền xâu. Kể từ đó, công việc làm ăn trở nên hanh thông, không bị băng nhóm khác hay công an đến hỏi thăm nữa. Tự đánh giá cao vai trò của mình, Năm Cam lại bắt Huỳnh Tỳ nộp thêm mỗi tuần từ 3 - 5 triệu đồng nữa, gọi là “phí ngoại giao”, để ông trùm “hương hoa” cho “người nhà nước”. Dù biết tổng đây là trò ăn chặn, tiền đưa ra chỉ chảy vào túi tham của Năm Cam, Huỳnh Tỳ vẫn phải cay đắng mở rộng hầu bao, không dám

hó hé. Mỗi quan hệ hùn hạp này kéo dài từ đầu tháng 7 đến tháng 12.1992 thì chấm dứt. Thời điểm này, tên tuổi của Năm Cam bị khai ra trên một tờ báo. Cho rằng ông trùm sắp bị bắt, nghĩa là sẽ quay về vị trí thẳng nhãi, chẳng việc quái gì phải sợ, Huỳnh Tỳ bèn ngưng không cúng nộp tiền xâu và chuẩn bị trực xuất đám đàn em Năm Cam. Sự “dại dột” lập tức được trả giá: Ngày 6.1.1993, sông bạc hẻm 98F bị công an bắt quả tang, hơn 10 “nhân viên” của sông phải tra tay vào còng, xô khám.

Vụ bố ráp này Huỳnh Tỳ may mắn cùng với Minh ba giá thoát được, nhưng anh ta hiểu ngay đó là đòn trừng phạt của Năm Cam. Rất dễ hiểu, những kẻ bị bắt đều là chiến hữu của Huỳnh Tỳ, còn những đàn em của Năm Cam phải đến hoặc tin cậy như Thành Chân, Minh bu, Lý Đồi, thị Diệu thì không một ai bị tóm.

Bị truy nã, Huỳnh Tỳ không còn con đường nào khác, lại phải đi “bằng đầu gối” đến tạ tội và cầu cạnh Năm Cam. “Ông trùm” lại gia ân, phái đàn anh đi tổ chức các sông bạc khác ở quận 4, quận 8 và Biên Hòa. Để tỏ lòng trung thành, Huỳnh Tỳ đã “đau xót” tiếp tay cho Năm Cam trừng phạt dân mặt một “giang hồ cầm bút” thường ký tên T.

Trước giải phóng, T. Là một cây bút phóng sự có hạng, chuyên khai thác đề tài xã hội đen. Giang hồ Sài Gòn rất kiêng ký giả này vì anh ta rất giỏi võ, từng là một đai đen nhị đẳng Taekwondo, sau giải phóng lại trở thành đệ tử chân truyền đời thứ 7 của võ phái Vịnh Xuân nổi tiếng. Tật xấu của anh ta là nghiện thuốc phiện, cho nên không tờ báo nào nhận T., ngay cả đại sư Nam Anh - Chương môn phái Vịnh Xuân - cũng phải trực xuất võ sĩ tài năng này ra khỏi võ đường. Để kiếm sống T. Phải cộng tác với khá nhiều tờ báo, với sở trường là những phóng sự nóng bỏng về cuộc sống và mảnh lối giang hồ. Anh ta là nhà báo đầu tiên ném tên tuổi Năm Cam lên mặt báo. Găm hận vào lòng, Năm Cam rắc tâm dẫn mặt T. Để trả đũa. Giữa năm 1995, khi ký giả T. Đang phê thuốc phiện tại một động hút của Huỳnh Tỳ ở đường Lê Lai thì công an ập vào. Bị bắt quả tang, T. Đành khăn gói vào trại, bị cai nghiện bắt buộc. Khi nồng độ ma túy trong máu anh ta đã loãng thì Năm Cam bất ngờ ghé thăm. “Trời đất, chỗ anh em không, sao lại

ra nông nổi này. Để tôi nói với mấy ảnh một tiếng”. Chả biết Năm Cam nói với ai, nói kiểu gì, nhưng chỉ vài giờ sau chuyển thăm viếng bất thường, T. Đã được phóng thích. Biết mình không phải đối thủ của Năm Cam, lại xấu hổ với đồng nghiệp nghề báo, ký giả T. Sau chuyến ấy đã vĩnh viễn gác bút, chấm dứt một cái tên khá lừng lẫy cả trên mặt báo lẫn chốn giang hồ.

Sau vụ giúp Năm Cam dẫn mặt ký giả, Huỳnh Tỳ còn tiếp tục phò tá con cáo già một thời gian, được Năm Cam trả công nên không bị bắt, dù đang có lệnh truy nã. Tháng 9.1995, tội lỗi của Năm Cam lại bị báo chí phanh phui, Huỳnh Tỳ lại trở mặt không nộp xác nữa. Không lâu sau đó, Năm Cam bị bắt đi cải tạo. Không còn ai bảo kê, ngày 31.10.1995, Huỳnh Tỳ cũng bị tóm cổ và ra tòa lãnh án.

Sau này, khi cả Năm Cam lẫn Huỳnh Tỳ đều đã được trả tự do, Năm Cam đã “cạch” không cho tên đàn anh này bén mảng đến sòng bài của y nữa. Bị thất sủng, song với “nhị ca mất số”, đó lại là điều may, bởi chính vì “mất số” nên anh ta mới không trở thành bị cáo một lần nữa trong chuyên án “Năm Cam và đồng bọn”. Đó là điều an ủi cuối cùng của Huỳnh Tỳ, kẻ đã từng là một nhị ca lầy lừng trở thành một giang hồ dặt dẹo bị chính giang hồ coi rẻ.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 3.2002

Tự truyện của một tướng cướp

Bây giờ, hắn là ông chủ nhỏ của một gia đình, có một vợ một con, một ngôi nhà nhỏ mọc giữa khoảng vườn thưa đầy lá rụng. Từ sáng đến tối, hắn cần mẫn úp mặt xuống đáy sông Tiên (xã Tiên Lộc, Tiên Phước, Quảng Nam) đãi sỏi bán cho dân thầu xây dựng, kiếm từng 10 ngàn đồng một để nuôi vợ nuôi con. Những người quen trong xóm đi qua, nhìn cái dáng lúi cuội, vất vả và cam chịu của hắn chỉ lặng lẽ thở dài. Đám trai tráng rìa mép chưa kịp cứng thì tròn mắt ngạc nhiên. Không hiểu nổi có thật là hắn - đại ca Lê Văn Tuệ khét tiếng, kẻ từng dám tiêu hoang cho đến hết một lúc hàng trăm cây vàng, kẻ đã từng là nỗi khiếp hãi của cư dân bất hợp pháp vùng vàng Phước Sơn - đấy không? Ai tròn mắt, ai ngạc nhiên... cứ việc. Với Tuệ, tất cả đã thành quá vãng. Cái thời “thò tay vào túi là đụng phải vàng” ấy đã qua rồi, qua mà không có gì đáng để nuối tiếc, bởi đó là đoạn đường đầy những máu hận thù và nước mắt tủi nhục...

Hơn 18 năm trước, Lê Văn Tuệ chỉ là một thằng bé con nhà nghèo, đến lớp với hai chân hai chiếc dép khác màu. Năm 1986, học hết lớp 12, chán cái cảnh đến lớp với cái bụng lúc nào cũng óc a óc ách vì... đói, Tuệ xếp sách vào bao tải treo lên xà nhà, theo bạn bè đi đãi vàng sa khoáng ở Trà Giốc, Trà My, le lói trong lòng một khát vọng đổi đời. Nhưng vàng đâu không thấy, chỉ thấy vàng hai con mắt. Sốt rét rừng quật ngã gục giấc mơ hiền lành của thằng trai 16 tuổi. Tỉnh cơn nóng lạnh, Tuệ cùng đám bạn lại lo... chạy, vì bị công an truy quét liên tục. Túng quá hóa liều, nhóm của Tuệ bàn nhau đi “chấn”. Tháng 2.1992, Tuệ tham gia phi vụ “ăn bay” đầu tiên, chấn được 2,6 cây vàng bồi. Số tiền này, cả bọn không thằng nào dám

tiêu, chúng đầu tư hết vào mua máy, máng xay vàng tại bãi Tiên Hiệp, Tiên Phước. Không chút kinh nghiệm, chỉ ít ngày sau, số vàng cướp được đã bốc hơi theo khói máy dầu. Chán nản, cả bọn dàn cảnh đánh nhau để có cơ rã đám. 12 triệu đồng bán máy được chia đều cho 7 thằng, mỗi thằng lặn lưng một ít và chia tay nhau. Từ đó, Tuệ bắt đầu một đoạn đời kinh khủng mà đầu có muốn cũng không quên được.

• • •

Ngày 18.3.1992, Tuệ ném mình vào giữa bãi đá Saphre Trường Xuân (Đắc Nông - Đắc Lắc). Bãi vàng hay bãi đá quý thì cũng như nhau, đều là nơi bạo lực đồng nghĩa với quyền lực. Đúng hôm Tuệ mò lên thì máng đãi của sáu thằng oắt con cùng quê Nông Cống, Thanh Hóa vào cầu, nhặt được dăm bảy viên đá “lốt” (deluxe). Lập tức, chiến tranh hầm hố xảy ra. Sáu thằng bé con bị một đám dân anh chị trong bãi tấn công, đòi giao nộp chiến lợi phẩm. “Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã”, Tuệ tự động xắn tay áo xông vào trợ chiến. Thấy có người giúp, bọn nhóc trở nên can đảm hẳn lên, lăn xả vào trận, đánh cho đám gây hấn tan tác. Để trả nghĩa, chúng năng nặc mời cao thủ Lê Văn Tuệ “ở lại với anh em”. Chưa biết đi đâu, tiền mang theo cũng đã cạn kiệt, Tuệ gật đầu ở lại làm “đăng chặn dắt” đám trẻ con thừa máu liều nhưng thiếu kinh nghiệm và cô thân cô thế. Việc của Tuệ không phải là nai lưng ra đào đãi mà là “bảo kê”, đứng ra dàn xếp những mối bất hòa, thậm chí sẵn sàng động chân động tay khi có kẻ mò đến đòi tiền bãi hay cướp phá. Nghề này Tuệ khá thạo, nhờ vào chút vốn “võ vườn” học được từ những năm còn bé. Buổi tối, bọn trẻ lại vây tròn quanh Tuệ để đại ca chỉ vẽ cho vài thế võ phòng thân.

Rừng không hai cọp, đám anh chị trong bãi Saphre cay lắm, quyết tâm phục kích nhổ bỏ cái gai trong mắt. Biết nguy hiểm đang rình rập, một hôm Tuệ bảo đám em út đưa cho mình ít tiền và mò vào thị trấn Gia Nghĩa (Đắc Nông). Ở đó, Tuệ không mua sắm gì, chỉ ghé vào một tiệm tạp hóa và một tiệm hàn, ăn một tô phở rồi về. Trong túi áo Tuệ có thêm một thứ “đồ chơi” lạ mắt: một sợi dây mì đàn ghi ta, một đầu có gắn một cục chì nặng, đầu kia

buộc chết vào một chiếc vòng sắt, nắm vừa lọt tay, được ông chủ tiệm hàn chế theo thiết kế của chính Tuệ.

Biết chắc trận địa phục kích đang đợi mình, Lê Văn Tuệ nấn ná mãi đến 2 giờ sáng mới quay vào bãi. Vừa qua khỏi cầu ván thứ nhất, hơn chục thằng cô hồn đã bu lấy Tuệ với đủ thứ đồ chơi, từ cuốc, xà beng đến côn nhị khúc. Nắm chắc chiếc vòng sắt, Tuệ múa tít sợi dây đàn. Đêm đen như mực, “địch quân” không hề phát hiện được “đồ chơi” của Tuệ là thứ gì, chỉ nghe tiếng gió rít vù vù, nhanh như chớp, và tiếng cục chì quật vào đầu, vào lưng lộp bộp. Trận phục kích chỉ kéo dài chừng dăm phút, hơn chục tên lót ổ đã thất kinh bỏ chạy, sau khi đã lãnh hàng chục vết thương. Tuệ không đuổi theo, đúng hơn là không dám đuổi theo, chỉ vội vã thu sợi dây đàn vào tay và bỏ chạy về lán, giấu kín nó vào người.

“Vũ khí bí mật” của Tuệ đã nhanh chóng tạo nên nỗi khiếp hãi cho đám dân anh chị vùng bãi đá. Chưa phát hiện được đích thực loại vũ khí mới, đám cô hồn không dám mạo hiểm tấn công, chỉ lặng lẽ lui đi, tránh không để Tuệ gặp mặt. Nghiễm nhiên, Lê Văn Tuệ trở thành một đại ca đáng kiêng dè trong mỏ đá, thỉnh thoảng lại được những lán vào cầu đem lễ vật đến biểu xén, cống nộp để mong “được che chở”.

Được yên ổn, sự kính trọng của đám trẻ con Nông Cống dành cho Tuệ đã trở thành nỗi tôn sùng. Gom hết 13 cây vàng bán đá, chúng giao hết cho Tuệ, nằng nặc yêu cầu Tuệ đi “tầm sư học đạo” để về lãnh đạo chúng lập băng, nói trắng ra là đi học nghề... ăn cướp. Những thắng lợi đầu tiên nhờ máu liều và chút khôn vặt đã đun sôi máu phiêu lưu trong huyết quản Lê Văn Tuệ. Dù không biết sẽ phải đi đâu, học cái gì, Tuệ vẫn không thể phụ lòng đám trẻ con, đành im lặng gật đầu và cất gói vàng vào túi. Sau gần một tháng lang thang khắp Tp. Hồ Chí Minh, rồi Sông Bé, Tây Ninh dò hỏi qua đủ loại xe ôm, dân anh chị bến bãi, cả bọn cô hồn đủ mọi xó xỉnh, cuối cùng Tuệ cũng tìm được một chốn có một không hai trên trái đất này, nôm na gọi là “Trường dạy nghề ăn cướp”. Từ nhà máy đường Cu Ba (Tây Ninh) đi thêm khoảng 250 mét có một con đường nhỏ (nay đã là một xa lộ rộng thênh thang dài gần 50 km) dẫn vào xứ Cà Tum, sát với biên giới Việt

Nam - Campuchia, một vùng đất trồng nhiều cây ăn trái và hoa cảnh. Ở đó, có một tướng cướp đã “về hưu” tên là Mai Sơn Lộc.

• • •

Trước giải phóng, Mai Sơn Lộc là một tướng cướp chuyên “ăn bay” hàng PX (hàng quân tiếp vụ của Mỹ) trên xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa. Cưỡi trên Honda đời 67 hoặc 72 xoay nòng, Mai Sơn Lộc và đồng bọn thường lao theo những chiếc GMC chở hàng quân tiếp vụ, sau đó nghiêng xe, tăng tốc chui tọt qua gầm xe GMC, bất ngờ mọc lên trước mũi xe hàng, rút súng, khống chế tài xế và cướp hàng. Sự táo tợn, trình độ đi xe máy thượng thừa của các “quái bay” này đã trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng trên xa lộ một thời của các chú lính hậu cần cả ngụy lẫn Mỹ... Sau giải phóng, nghề “quái bay” không còn đất sống, Mai Sơn Lộc “đề đầu qui cổ hương” và chẳng hiểu ma nào dẫn lối, đã tự biến cái tháo vát náo của mình thành một trường đào tạo quái nhất thế gian. Khi Tuệ đến “bái sư nhập môn”, trường học quái đản này đã nhận trước một học trò tên là Hoàng Quốc Anh, quê ở Tam Kỳ, Quảng Nam.

Sau sáu tháng miệt mài, “lão hắc đạo” xuất thân là lính Liên đoàn 6 Biệt động quân (đóng tại Tam Hiệp, Đồng Nai) đã dạy cho hai tên học trò đủ mọi cao chiêu của nghề cường đạo. Về lý thuyết, bài học sâu sắc nhất Tuệ thọ giáo được là “tuyệt đối không dùng súng xã hội chủ nghĩa. Lý do, mọi khẩu súng xã hội chủ nghĩa đều có số, chỉ cần giám định vỏ đạn, tông tích khẩu súng có thể bị lần ra ngay”. Về thực hành, Mai Sơn Lộc truyền cho hai tên đồ đệ đủ thứ tuyệt kỹ, từ cận chiến tay không đến cách sử dụng đủ loại hung khí. Thêm vào đó, vì đặc trưng của nghề ăn cướp là luôn luôn phải chạy trốn vì bị săn đuổi nên Mai Sơn Lộc đã bỏ rất nhiều thời gian bắt hai thằng học trò học làu làu hai thứ: kỹ thuật tự cứu thương (dao đâm, đạn bắn) và kỹ thuật đi xe máy trên mọi địa hình. Giáo cụ cho môn học thứ hai là 200 mét đường ray được lắp sẵn trong vườn và chiếc Honda 67 cũ mèm ông thầy dựng bên vách chòi rầy.

Ngày “hạ sơn”, mọi môn học Lê Văn Tuệ đều xuất sắc hơn hẳn Quốc Anh nhưng đành chào thua bạn đồng môn cái món đi xe 67 một lèo với tốc độ cao hết 200 mét đường ray mà không hề trật bánh. Khoản này, Tuệ không làm nổi.

Kết quả là 13 cây vàng mà Tuệ mang theo đã chuyển sang túi ông thầy. Sau đó, hai trò một thầy, đường ai nấy đi. Giang hồ là thế, quan hệ duy nhất chỉ một chữ tiền, mọi khái niệm lễ nghĩa, tình cảm chỉ là mơ hồ và xa xỉ.

Trở lại bãi đá Saphre, lang thang tìm đồ con mắt suốt một tuần vẫn không lần ra tông tích sáu “thằng em” Nông Cống là Phúc, Hiền, Ngọc, Thảo, Thắng, Hùng, Lê Văn Tuệ đành “dặt dẹo” (xin đều) ít tiền rồi tìm đường về quê. Trong thâm tâm, thời điểm đó Tuệ cũng không mong gì chuyện gắn bó với kiếp giang hồ.

Ba năm sau đó, những kiến thức giang hồ tưởng chừng như rơi rụng hết khi Lê Văn Tuệ cứ suốt ngày rì mọ với nghề khoan giếng để kiếm cơm. Lúc này, nghề khoan giếng đang vào cầu, tay nghề cũng khá nên từ Lăng Cô vào đến tận Chu Lai rồi lên Quế Sơn, ở đâu Tuệ cũng có mối mang sẵn đón. Ngoài cơm rượu đãi đằng, một ngày lao động cật lực cũng giúp Tuệ dứt túi vài ba chỉ vàng không mấy khó.

• • •

Tình cờ, trong một lần nghỉ lại tại khách sạn Tam Kỳ, Tuệ gặp lại Quốc Anh. Kéo bạn vào quán, gọi rượu Tây uống say túy lúy, Quốc Anh mở samsonite và khoe với bạn những bó tiền đô. Hắn bảo:

– Nếu theo tao, chỉ cần ba tháng, mày thừa sức kiếm gấp đôi số này.

Tuệ hỏi:

– Làm gì?

Quốc Anh đáp:

– Sang K (Campuchia), đi cướp đá quý dọc đường biên giới Thái Lan - Campuchia ở Pailin.

Lần đó, Tuệ lắc đầu.

Không lâu sau đó, nghề khoan giếng bắt đầu tụt dốc thê thảm vì có quá nhiều kẻ cạnh tranh. Đang lúc chán nản thì Quyền Đê, một tay anh chị bãi vàng quê gốc Kim Sơn, Ninh Bình gặp và rủ rê. Lẽ ra, Tuệ đã không đi, Quyền gãi tai than thở:

– Mấy thằng em trên bãi bị ức hiếp quá!

Nghe thế, hăn bắt đầu nóng lỗ tai, gật đầu ngay. Vậy là, ngày 5.5.1994, Tuệ lại lóc cóc tìm đường lần lên bãi vàng Phước Sơn, hành lý mang theo là một bình xịt hơi cay năm tác dụng do Quyền Đê trang bị. Chiếc bình xịt này, trên thị trường có giá 8,3 cây vàng.

Ngay trong đêm đầu tiên có mặt tại bãi vàng Phước Thành (Phước Sơn), Tuệ đã cầm đầu mười tên thợ gốc Bắc xông vào tấn công một số lán trại của bọn anh chị hiềm khích, vừa đánh vừa cướp lại tất cả những gì bọn chúng bị tước mất. Công an xã xuất hiện, Tuệ tấn công luôn cả công an rồi rút lui, sau khi nhận từ đám này một mớ tiền công trị giá gần chục cây vàng. Rút lên bãi Trà Ven (Trà My) đúng lúc bãi này đang ăn nên làm ra, Tuệ kiếm vàng dễ như bỡn. 11 ngày chặn đường, đặt dọ của các lán vào cầu, khi đem ra chia, phần Tuệ được 63 cây vàng.

Có tiền cũng là lúc con thú hoang trong lòng Tuệ nổi lên. Hăn lao vào ăn chơi, đập phá, hút chích. Ngày đi chẵn, tối đánh bạc và hút thuốc phiện, hăn không hề lo lắng đến tương lai. Tình cờ, một đại ca ở bãi tên là Chung bị đánh lén, Tuệ nhảy vào giải thoát, từ đó thành quen. Hai tên giang hồ kết nhau, hùn lại hơn 100 cây vàng rủ nhau về Hà Nội, quê Chung, ăn chơi đập phá cho đến đồng bạc cuối cùng.

Khi tiền sắp cạn, Chung bảo:

– Tao đã từng đi phụ hồ nhiều năm ở K biết nhiều nhà giàu lắm. Hay tao với mày sang K, đi cướp cho... vui?

Không cần suy nghĩ, Tuệ gật đầu ngay, định bụng sang Campuchia sẽ tìm lại Quốc Anh, lập băng nhóm hoành hành bá đạo. Nhưng, lang thang mãi vùng đường biên Pailin cả tháng trời vẫn không gặp được Quốc Anh,

Tuệ và Chung đành lộn xuống Pursat cướp hàng lậu. Dặt dẹo nghề này không khá, phải mang vác nặng, đựng độ nhiều mà chẳng kiếm được bao nhiêu, hai tên đâm nản. Chúng quay về Nam Vang, nhờ một tên giang hồ gốc Kiên Giang tiến cử vào làm bảo kê cho một nhà hàng của người Việt ở khu cầu hai tầng. Làm được 1 tháng 17 ngày, Tuệ thấy nhọc quá, vì thực chất, chúng đang tự biến mình thành những tên ma cô mạt hạng, ăn chặn, bớt xén mớ tiền còm cõi của các cô gái làm tiền. Hắn gọi chủ quán đến, bảo:

– Ăn tiền của gái chướng lắm, tôi có ăn thì phải ăn tiền của chủ. Đưa đây một mớ để tôi về quê!

Khi nói câu này, mặt Tuệ đờ đờ sát khí, như thể sắp sửa đốt nhà. Hoảng quá, chủ quán đành lòi ra một cục tiền để tống tiền Tuệ đi. Chung không chịu về, bằng lòng ở lại Nam Vang làm nghề chặn gái.

Ngày 2.9.1995, Tuệ về đến Đà Nẵng. Lẽ ra, đoạn giang hồ đã chấm dứt nhưng vì trong túi chẳng còn một đồng nên Tuệ không thể. Năn nỉ thế nào, tên lơ xe đồ cũng không chịu cho Tuệ đi nhờ xe về Tiên Phước, tiền trả sau. Tuệ thấy nhọc quá bèn thề độc:

– Phải kiếm đủ 100 cây vàng, sau đó quay lại tìm tên lơ xe, đái nó một trận và đánh nó một trận, rồi rửa tay gác kiếm.

Nói là làm, Tuệ gọi xe ôm tiến thẳng lên bãi Trà Văn. Như con thú hoang, hắn lao vào cướp lán, bãi như điên để nhanh chóng kiếm cho đủ 100 cây vàng. Gặp máng cướp máng, gặp bãi bắt bãi, máng bãi không ăn thua thì cướp của dân buôn. Khi kiệt quá, hắn cướp luôn cả đồ nghề của thợ, làm vàng giả và... bán.

Trong túi hắn, đã có lúc rủng rinh một lúc mấy trăm cây vàng.

Không gì đáng ngờ bằng lời thề của thằng nghiện. Có tiền, Tuệ lại ăn, lại hút, lại quên mất ý niệm hoàn lương.

Chẳng bao lâu sau, hắn nổi tiếng như cồn, ăn oán đầy rẫy khắp vùng vàng rộng lớn và liên tục bị cả công an lẫn giang hồ truy đuổi.

• • •

Vừa cướp, vừa chạy trốn, đến tết năm 1996, Tuệ cùng đường. Khi lọt vào bãi thôn 3 xã Phước Thành thì mụn độc phát lan ăn loét bàn chân, Tuệ không đi nổi nữa. Đúng lúc đó, hăn gặp cố nhân: Bùi Đình Chuẩn. Trước đây, bị Tuệ cướp lán nhiều lần, Hiệp, quê người Nghệ An đã từng thuê Chuẩn thanh toán Tuệ. Với vũ khí lợi hại là sợi dây contermette đúc chì, Tuệ đã đánh cho tám tên đàn em của Chuẩn chạy tan tác, sau đó vào phá tan hoang lán của Hiệp, bắt cả Hiệp và Chuẩn quỳ gối liếm... gót giày xin tha.

Lẽ ra, khi Tuệ đã thân tàn ma dại, Chuẩn đã có thể tính sổ lại món nợ ân oán cũ. Khổ nỗi, lúc này Chuẩn còn tệ mạt hơn, nghiện oạt xà lai gần như không đi đứng nổi. Do đó, thay vì tấn công rửa nhục, Chuẩn lại nhìn thấy cơ hội mượn Tuệ để lợi dụng, nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Vậy là, Chuẩn đem hết những chiến tích thư hùng của Tuệ ra kể cho đám Đỗ Duy Lệ, Hòa lai... nghe. Biết Lê Văn Tuệ là tay hung thần, Lệ đổi ngay nét mặt khinh bỉ ra thái độ niềm nở mời chào. Hàng ngày, Lệ sai đàn em công Tuệ đi chơi khắp đầu non cuối bãi, tối về hết lòng lo phục dịch rượu bia và chạy chữa vết thương. Thật ra, Lệ chẳng tốt lành gì (sau này Đỗ Duy Lệ bị bắt, tử hình vì tội tổ chức giết người, cướp máu), hăn chỉ cốt lấy lòng, nuôi Tuệ khỏe để nhờ Tuệ đứng ra làm đầu lĩnh tiến công hạ đối thủ truyền kiếp là tên Điều “tóc lai”, quê ở Đền Hùng, Phú Thọ. Tuệ biết hết. Khi bệnh tình khỏi hăn, hăn gọi Đỗ Duy Lệ lại bảo:

– Tao từ nhỏ cho tới lớn có ăn cướp cũng cướp một mình, không quen băng nhóm. Tội mày định mượn tay tao giết thằng Điều, tao sẽ không làm vì với nó, tao không thù oán. Nhưng công phục vụ của bọn mày, tao cũng không quít. Để trả, tao sẽ đi dặt dẹo ba ngày, được bao nhiêu tội mày lấy bấy nhiêu, sau đó đường ai nấy đi.

Nói là làm, Tuệ ở lại đến hết Tết, cướp thêm một mớ rồi quyết tâm về Đà Nẵng cai nghiện. Hăn đã quá ngán ngấm kiếp giang hồ phù hoa, tiền tiêu như nước nhưng đầy điểm nhục.

Nhưng trời ả, chốn giang hồ đầy gió tanh mưa máu, bước vào thì dễ nhưng làm gì có đường lui. Đã quá nổi tiếng, dù trốn góc nào, Tuệ cũng bị những tên em út lần ra và chèo kéo. Tuệ tự huỷ hoại mình bằng hình ảnh một tay nghĩa hiệp, chưa thể buông đao thờ Phật vì bọn đàn em còn bị ức hiếp ở bãi vàng. Vậy là, vừa cắt cơn nghiện, hấn lại mò vào bãi, lại đánh người cướp của, lại nghiện oặt xà lai và lại đi cai. Một lần, hai lần, rồi... mười lần. Nghiệp chướng giang hồ không buông tha Tuệ mà Tuệ thì cũng không đủ dũng khí để đoạn tuyệt hoàn toàn. Nếu chịu dừng đúng lúc, hấn Tuệ đã giàu lắm. Đầu năm 1998, trong khi tọ mọ một hầm vàng của dân Đại Lộc bỏ hoang, cả nhóm của Tuệ đã vơ được 2,3 kg vàng 9999, chỉ sau hai ngày ba đêm làm cật lực. Ngày 14.1.1998, mang theo số vàng, Tuệ dẫn cả bọn về Đà Nẵng ăn chơi đập phá và đánh bạc. Chỉ sau bốn ngày, toàn bộ số vàng này đã tan thành mây khói. Một mình Tuệ quay lại bãi làm tiếp, mót được 21 triệu đồng. Số tiền này cũng chỉ đủ để hấn trả tiền xe ôm và tiền một đĩa cơm, còn bao nhiêu lại dốc cạn vào một đêm cá độ bóng đá. Như con thiêu thân lao vào chỗ chết cháy, Tuệ tự đề ra khẩu hiệu cho cả bọn:

– Đã chơi là phải dốc cạn đồng bạc cuối cùng. Tiêu không được tiếc.

Giai đoạn hoàng kim nhất của nghề dặt dẹo bãi vàng là nguyên cả mùa khô năm 1998. Năm ấy, bãi vàng Phước Sơn trúng lớn và trúng rộng khắp cho nên những tay đại ca danh tiếng như Lê Văn Tuệ không cần làm gì cũng dư giả tiền tiêu. Vừa vào lại bãi thôn 3, Tuệ đã chạm trán ngay với Điều, kẻ được Tuệ từ chối tấn công đánh cướp ngày nào. Đang lúc trúng quả nặng đồng cân, Điều cảm nghĩa xưa, nằng nặc mời Tuệ ở lại lán để anh ta có cơ hội đãi đằng. Tuệ đồng ý. Việc duy nhất mà Tuệ phải làm để giết thì giờ là mua các loại thuốc phiện, heroin về mày mò bào chế để tìm ra liều chích... phê nhất, bất kể tốn kém, tiền bạc đã có các chủ lán lo. Với heroin thì đơn giản, chỉ việc bơm nước cất vào là chích (nghiện quá nặng, đốt giấy bạc hút không phê). Nhưng, chơi heroin không phải là sành điệu. Tuệ “lên hương” đến nỗi đã có thể sắm riêng cho mình một “lái xe” - tay chuyên nghiệp tiêm thuốc phiện - loại thượng thừa mà không thèm hỏi tên

nó là gì. Khi rảnh rỗi, tên này đã dạy lại cho Tuệ toàn bộ cao chiêu của nghề “lái xe”.

Đơn giản nhất là gấy “cống” - thuốc phiện tinh chất - vào thìa hoặc nắp bìa nấu sôi lên, lọc qua ba đợt thuốc lá sạch, cứ thế trộn vào nước cất chích vào ven. Cách này sang nhưng với những con nghiện đã đạt đến “cảnh giới thượng thừa” thì không mấy phê. Muốn cho đã, chúng bày ra cách trộn thêm tân dược và phụ gia vào thuốc. Công thức đặc biệt nhất là: “cống” + xái 1 + thuốc cảm ABC hoặc Aspirin hoặc Paracetamon + mì chính (bột ngọt) tán nhuyễn thành bột đem nấu, sau đó lăn, đánh miếng, cán mỏng để dành hút dần bằng đèn dầu đậu phộng hoặc nấu, lọc lại đem chích. Cách này rất kỳ công. Hễ “lái xe” non tay hoặc nấu ẩu là cầm chắc chích vào sẽ sốt khặc khừ và ói ra mật xanh mật vàng nên Tuệ cũng không khoái. Để “lên thiên đàng”, hẳn tự sáng tạo cho mình một công thức bí mật gồm Dolagan + morphin + sedusel tán nhuyễn + nước cất, chích phê lâu và mạnh hơn cả. Nhưng, dùng liều này rất đắt, giá mỗi mũi chích đúng đơ trong bãi phải tốn 350.000 đồng. Để thỏa mãn cơn ghiền, lúc hoàng kim, Tuệ chích mỗi ngày gần 15 cỡ, tốn sơ sơ chừng 5 triệu đồng.

Không phải cướp bóc, dặt dẹo, nằm lán hút chích mãi cũng nhàm, Tuệ lân la học nghề “đánh hóa”(cách dùng hóa chất lọc quặng lấy vàng) và nghề tắm vĩa. Đang rộ mùa thu hoạch, tiền vào như nước nên các chủ lán, chủ hầm không tiếc, tha hồ cho Tuệ thử. Gần một năm “nghiên cứu” Tuệ lại danh nổi như cồn, nổi tiếng như tay “đánh hóa” thuộc hàng cao thủ nhất, “tắm vĩa” (thăm dò mạch đá có chứa vàng) cũng được liệt vào loại “cụ”, uy tín cùng mình. Thế là, gần như không cần phải mó tay vào chuyện động dao động thớt, Tuệ tha hồ được các lán mời mọc sẵn đón và trả công hậu hĩnh với mức lương của một đại chuyên gia.

Giả sử có máu làm giàu, thời kỳ này thừa sức đưa Tuệ lên hàng ông chủ tầm cỡ. Khổ nỗi, xưa nay người ta chỉ bàn chuyện giang hồ chơi, có ai nhắc chuyện giang hồ làm giàu bao giờ. Tiền kiếm được, Tuệ đổ hết vào những cuộc chơi theo cách riêng của hắn là ngao du sơn thủy. Lâu lâu, trong bãi có một tốp thợ vàng quê ở miền Bắc “về phép”, Tuệ lại đút túi vài ba chục

cây vàng và đòi đi theo để “tham quan cho biết đất Việt Nam núi rộng sông dài”. Lời đề nghị lẳng mạn của kẻ có tiền chẳng bao giờ làm ai phật ý. Vậy là Tuệ có dịp rong ruổi khắp nơi, nếm đủ mọi của ngon vật lạ và cảnh đẹp trên đời. Hầu như không có một thị trấn nào của vùng trung du Bắc Bộ, một thị xã nào của vùng núi non Tây Bắc mà Tuệ chưa từng thăm viếng. Hắn đi nhiều đến nỗi thuộc lòng tên hiệu, bảng giá và món độc chiêu của từng khách sạn ở nhiều tỉnh miền Bắc, dù đó là những khách sạn heo hút ở vùng sáu tỉnh Cao-Bắc-Lạng-Thái-Hà-Tuyên... Chẳng có gì ràng buộc, Tuệ chỉ chịu quay về khi túi áo túi quần đã lộn trái. Dăm bữa nửa tháng, dặt dẹo được vài chục cây vàng, hắn lại ra đi. Tính ra, riêng trong mùa khô năm 1998, số tiền Tuệ tiêu hết chắc cũng đủ nuôi vài ba chục người... suốt cả đời. Chính vì máu ham chơi, Tuệ đã trở nên đặc biệt thân thiết với đám lẳng tử dân Bắc trong bãi vàng, được chúng đặt cho một biệt danh khá mỹ miều: “Gã trai xứ Quảng trong lòng anh em đất Bắc”. Trời ạ, giang hồ cũng có lúc “sến” phải biết!

• • •

Thuở huy hoàng không kéo dài vĩnh cửu. Đến mùa mưa năm 1998, thì Lê Văn Tuệ bắt đầu lâm vào cảnh khốn khó. Đầu tiên, tình hình khai thác vàng bỗng cạn kiệt hẳn. Hàng loạt hầm máy đào mãi vẫn chẳng tìm ra vàng, chủ hầm chủ máy nợ chồng chất và lâm vào phá sản (trung bình mỗi máy + 10 người chi một ngày hết 2 cây vàng), thợ đào thuê đói hoa cả mắt. Vì thế, nghề dặt dẹo may mắn cũng chỉ đủ no dạ dày, không đủ no óc (thỏa mãn cơn nghiện). Đói thuốc, Tuệ và cả chục tên em út vật vã điên cuồng, cuối cùng làm mỗi ngon cho sốt rét rừng, ghẻ lở và đủ loại bệnh tật vốn tiềm ẩn đầy rẫy ở chốn ma thiêng nước độc, môi trường mất vệ sinh. Để cường lại cơn tù quẫn, Tuệ gia tăng xin dấu, cướp, chấn. Đang lúc thất bát chẳng có chủ hầm, chủ lán nào chịu nổi cảnh bị sách nhiễu nên hè nhau chống lại, khiến cả Tuệ lẫn đàn em đều nhiều lần bị trọng thương. Đã vậy, về Đà Nẵng điều trị thì sợ công an bắt, lại không đủ tiền nên chúng đành liều chết trụ lại chốn rừng sâu nước độc. Mùa mưa năm ấy, số mờ vô danh

mọc lên trên những lối mòn bạt núi dẫn vào bãi vàng Phước Sơn hình như tăng lên rất nhanh. Đã thế, đề phòng nạn sập hầm, lở đất sụt bãi gây chết người như mùa mưa năm 1997, công an tỉnh, huyện lại ráo riết truy quét khiến Tuệ và đàn em cứ phải bỏ bãi chạy trốn liên tục, vết thương này chưa kịp kéo da non, vết thương khác lại xuất hiện. Các băng nhóm khác cũng không nể nang, đùm bọc gì được vì tình trạng tự thân của chúng thậm chí còn thê thảm hơn. Băng Thanh sứ, Bắc phò, Hiễn bụi khét tiếng vì đông, mạnh nhất vùng vàng cũng rã đám rồi quay sang đâm chém nhau. Bị chém 14 nhát trên lưng, Hiễn bụi sai đàn em dùng chỉ may đồ khâu dúi lưng mình lại hàng trăm mũi. Năm ba ngày, “vã” quá, tên tướng cướp bị thương lại mò dậy, vác nguyên tấm lưng rách như tấm chiếu thuốc phiện tiếp tục đi cướp. Kết quả là sau đó, hàng chục tên thi nhau vào tù...

Lê Văn Tuệ cũng đành ngậm ngùi tan đàn xẻ ghé với bọn đàn em để tự cứu mình. May cho Tuệ, đúng lúc khốn quẫn nhất thì hăn gặp được một tay giang hồ thứ thiệt: Mông cận.

Mông lớn hơn Tuệ gần một con giáp, quê ở Võ Nhai, Thái Nguyên. Vợ Mông là một cán bộ ở huyện Phước Sơn. Bản thân Mông là một thầy giáo, kính cận dày cộp luôn đeo trên sống mũi. Nhưng tiếng gọi hoang dã và sự hấp dẫn của vùng vàng đã kéo Mông ra khỏi bục giảng, trở thành một chủ hầm vàng. Hầm của Mông toàn là thợ “chiến đấu” đất Thái Nguyên, tay nghề khai thác rất cao nên anh ta cũng nhiều lần trúng đậm. Vào bãi, song xuất thân là thầy giáo nên Mông cận sống rất nguyên tắc. Lán của “thầy” Mông cận tuyệt đối không có thuốc phiện, bài bạc, gái... hay bất kỳ thứ tệ nạn nào bén mảng. Thợ khá đông nhưng kỷ luật của Mông là dứt khoát không ỷ chúng hiếp cô, không tham gia bất cứ một trò chèn ép, giành giật nào với các hầm, bãi khác. Ít nhiều, nguyên tắc sống của Mông cũng khiến cho các cư dân bãi vàng vì nể. Vả lại, võ nghệ Mông cận cũng khá cao, muốn “sờ” vào cũng không phải dễ.

Nhờ tổ chức tốt, đầu tư kỹ nên trong khi toàn bộ vùng vàng lao đao vì đào đãi không đủ chi tiêu thì lán của Mông vẫn bình chân như vại, không giàu có lắm song đời sống thợ thuyền vẫn bảo đảm, khai thác có lãi. Chính

vì thế, Mông cận trở thành mục tiêu của lòng tham, gọi lên trong lòng bọn đao búa vùng vàng ý định cướp hãm. Kẻ ra tay là nhóm Việt Long, quê Đồng Hỷ, Thái Nguyên. Lừa lúc Mông một mình từ bãi vàng về nhà ở thị trấn Khâm Đức, Việt Long đã tổ chức “trả đũa” định thịt Mông. Đúng lúc đó, Lê Văn Tuệ đi qua. “Dọc đường thấy chuyện bất bằng chẳng tha”, Tuệ dù không biết Mông cận là ai nhưng cũng múa sợi dây buộc chì xông vào cứu Mông, đánh cho đám Việt Long tan tác. Cảm nghĩa, lại biết Tuệ tuy khét tiếng vì chấn, dặt dẹo song chưa hề gây nợ máu, lại càng không phải hạng kẻ cướp tiểu nhân, Mông cận đã vui vẻ mời Tuệ về đứng lán cho mình. Đứng lán thực chất là giữ chức đốc công, vừa coi sóc thợ làm việc, vừa... bảo kê ngăn chặn những kẻ tính cướp phá. Nghề này Tuệ khá thạo, lại đang cơn bã cực nên gã nhận lời ngay. Từ 23.10.1998 đến 4.4.1999 là khoảng thời gian thanh thản nhất của Tuệ ở bãi vàng. Đó là khoảng thời gian không có giành giệt, đâm đá, chỉ có lao động thật sự. Hàng ngày, Tuệ cũng đánh trần đào đất, đãi đá, vừa làm vừa trông coi thợ, hùng hục và chu đáo như một bác thợ cả thực thụ.

Trong thời gian đó, Tuệ không hề về quê thăm nhà, thăm mẹ. Nhưng Mông cận thì có. Anh đã nhiều lần đem tiền, quà, thuốc men về Tiên Lộc, Tiên Thọ thay Tuệ thăm hỏi, biếu mẹ của gã. Không những thế, Mông còn bỏ nhiều thời gian tìm hiểu gia cảnh, ước mong của bà mẹ có đứa con hư phiêu bạt giang hồ. Tuệ không hề hay biết rằng, sau nhiều lần thăm hỏi ấy, giữa mẹ gã và Mông cận đã thỏa thuận một giải pháp: cưới vợ cho Tuệ. Đó là cách duy nhất để buộc chân con ngựa bất kham. Khi hiểu ra mọi chuyện, Tuệ đã khóc nhiều đêm. Lần đầu tiên, không hề có một vết thương, không hề có một tiếng chửi nhưng Lê Văn Tuệ đã rơi nước mắt. Gã khóc vì tình người, vì hàm ơn Mông cận và vì lần đầu tiên trong đời chột đắng cay nát lòng vì thương mẹ. Khi nghe lời Mông cận - giờ đây thực sự trong lòng Tuệ đã coi Mông là một người anh - về thăm mẹ, Tuệ đã khóc thêm lần nữa. Mẹ gã, 75 tuổi, tóc bạc lưng còng bệch bệch:

– Vàng bạc mà làm gì con ời, trên đời chỉ nghĩa tình, gia đình là đáng trọng!

Và bà cũng khóc, cũng hết lời khuyên hăn đoạn tuyệt giang hồ. Bà chỉ mong ngày nhắm mắt - không xa nữa - được thấy Tuệ cùng con dâu và cháu nội túc trực bên mình. Nước mắt bà mẹ khiến thằng con hoang dã tình ngộ. Hăn quyết tâm hoàn lương.

Nói thì dễ, nhưng làm thì không dễ, bởi những cơn nghiện vẫn còn đeo đẳng. Ngày 4.4.1998, Mông cận đột ngột gọi Tuệ lại bảo:

– Tao đã hứa là không bao giờ để cho ma túy chui vào lán. Tao biết, mày vẫn hút chích thường xuyên. Giờ có hai cách để chọn: hoặc là cầm tiền về quê cai rồi ở lại hăn, không vàng bạc, thuốc men gì cả, hoặc là mày ở tao đi.

Giá là lúc khác, chắc chắn Tuệ sẽ cười vào mặt kẻ mới dạy khôn gã. Nhưng với Mông, gã không thể. Về quê cũng không. Sau 13 năm lưu lạc, Tuệ không chịu nổi cái cảnh tay trắng quay đầu trong bộ dạng tiều tụy vì đói thuốc.

Nói là làm, Mông cận không so đo, bỏ lại toàn bộ hầm, máng, máy móc cho Tuệ rồi dẫn thợ vào sâu trong bãi 45 (xã Phước Hiệp) tìm hầm khác. Bãi 45 là nơi duy nhất trong toàn vùng vàng Phước Sơn không có ma túy. Tuệ sợ, gã không dám theo Mông, đành bằng lòng ở lại. Mông vừa đi khỏi, đám em út cũ của Tuệ từ Thái Nguyên mới vào đói quá lại tìm đến xin đầu quân. Vừa thương chúng, lại đang thiếu quân, Tuệ lại gật đầu.

• • •

Tốp thợ cả thầy lẫn tớ đều là con nghiện, kinh nghiệm quản lý không có, vốn liếng cũng không, đã không moi được thêm một vảy vàng nào từ lòng đất. Một tuần sau, Tuệ gọi người bán hết toàn bộ hầm máy của Mông để lại. Tiền thu được chỉ đủ trả nợ và giúp cả đám sống thêm mấy ngày. Trong khi đó, mùa mưa lại sầm sập kéo về. Cả tốp đói rã họng, đành đi tọ mọ những hầm lán bỏ hoang sống qua ngày. Và, điều kinh khủng nhất đã đến: sập hầm, một thằng bé trong bọn bị đá đè giập ống quyển.

Không đồng xu dính túi, trời lại mưa dữ dội, đưa thằng bé đi bệnh viện là điều không thể vì chưa ra đến nơi thằng bé đã chết vì đói thuốc và vì vết thương đang hoại tử. Không còn cách nào khác, Tuệ đành cắn răng đóng vai trò bác sĩ (dù mới học chừng hết lớp 9), tự tay... tháo khớp cho thằng bé. Một đồng lửa to được cả đám trẻ con phiêu bạt đốt lên. Không rửa, không lột vỏ, một đồng củ mì (sắn) vừa xin được trong rẫy của người M'ông được cả lũ vừa luộc, vừa nướng lên và tranh nhau ăn cho đỡ đói. Ăn xong, sáu, bảy đứa, kẻ say, người tỉnh thao láo mắt nhìn Tuệ vừa khóc vừa làm bác sĩ. Không thuốc tê, không thuốc mê, Tuệ dùng dây dù trói chặt hết tay chân thằng bé bị thương xuống sạp tre. Thêm một sợi dây dù to bản khác thít ngang qua trán cột chặt xuống sạp để giữ cho nó không ngóc lên hay giãy giụa. Nhặt một thanh tre, nhét chặt vào giữa hai hàm răng nó, bắt hai đứa khác đè chặt hai bên, Tuệ bắt đầu rạch ống quần rách tướp đầy bùn đất của nó. Dụng cụ mỗ duy nhất là một con dao đã mài sẵn từ chiều, được tẩy trùng bằng cách hơ trên đồng lửa. Kiến thức giải phẫu duy nhất là kinh nghiệm... mổ gà. Cứ thế, Tuệ rạch ngang đầu gối kẻ bị thương. 5 phút, 10 phút... Nước mắt rùng rùng, những tiếng kêu bị chặn không vọt ra khỏi cổ, thằng bé bị trói cứ giật đùng đùng, mồ hôi túa ra, mắt trợn ngược rồi ngất đi... Sau 30 phút thì mọi việc hoàn tất, chân thằng bé được cắt cụt đến đầu gối và được may lại bằng chỉ khâu đồ.

Những ngày sau đó, Tuệ và những đứa khỏe mạnh hầu như không ngủ, cứ hùng hục đi đánh hóa thuê cho các chủ hầm khác. Toàn bộ tiền kiếm được chỉ để mua hai thứ: thức ăn và heroin. Thứ thuốc men duy nhất mà kẻ bị thương được hưởng trong giai đoạn hậu phẫu là heroin. Chính ma túy đã giúp nó sống sót. Khi nào nó đau quá, Tuệ lại chích cho nó một liều, phần còn lại đem rắc vào vết thương. Lạ lùng thay, sau đúng 14 ngày thì vết thương lành hẳn. Bù lại, đô nghiện của thằng oắt con tăng gấp đôi, gấp ba, suốt ngày nó vật vã sùi bọt mép vì đói thuốc.

Ca mổ kinh hoàng đó đã khiến tâm trí Tuệ thay đổi hẳn. Hắn đâm ra ghê sợ mọi thứ. Ghê sợ kiếp sống giang hồ và ghê sợ cả bản thân mình. Những ngày đó, những giọt nước mắt và lời nguyện cầu của người mẹ lại ủa vào

óc, giày xéo tâm can hấn. Sau nửa tháng mất ngủ, Tuệ quyết định cai nghiện và hoàn lương. Dự định của hấn được những tên em út tán đồng, bởi chúng cũng đã hoàn toàn rệu rã. Cả đám thống nhất: sẽ chia tay nhau vào ngày 30.5.1999. Kể từ đó, chúng thi nhau làm hùng hục và cố tiết chế cơn nghiện để dành dụm tiền cho cuộc hoàn lương.

Nhưng dù tiết kiệm mấy, tiền kiếm được cũng bị đốt hết vào ma túy nên ngày hẹn đến, cả đám vẫn phải ở yên tại bãi sau đó tan tác mỗi đứa một phương. Bí thế, Tuệ đành bấm bụng - lần đầu tiên - ngửa tay xin (chứ không cướp) của một cố nhân. Dù tử tế đến mấy, Lê Văn Tuệ vẫn là một hung thần đầy đe dọa nên ý định rời vùng vàng của hấn dĩ nhiên là rất đáng được hoan nghênh. Vì vậy, Điều - kẻ tao ngộ năm nào - đã hào phóng cho Tuệ nguyên cả một mẻ máng, tổng cộng được 9,3 lượng vàng. Sau một châu nhậu túy lúy để chia tay và tuyên bố rửa tay gác kiếm, Tuệ cầm số vàng này ra thẳng Hà Nội, vào nhà một chiến hữu tên Cường cạnh bệnh viện Bạch Mai thuê bác sĩ đến để điều trị cai nghiện. 11 ngày sau, cắt cơn, Tuệ gửi hết số vàng cho bác sĩ và “lai hồi cố thổ”. Từ tay trắng ra đi, đứa con hoang lại trở về nơi hai bàn tay trắng.

• • •

Cuộc sống bình thường, vất vả nhưng thanh thản đã đồng hành với Tuệ được bốn năm. Hấn đã lấy vợ và đã có được một cô con gái gần ba tuổi. Mẹ hấn đã rời bể khổ ra đi. Ngày mất, bà đã nở nụ cười, bởi đã toại thành tâm nguyện: có con trai, con dâu và cháu nội quì cạnh bên giường.

Với Tuệ, những năm qua cuộc sống đã gặp không ít khó khăn, khi nghề đãi cát, sạn trên sông chỉ vừa đủ để lo cơm áo cho gia đình nhỏ. May mà gã đã đoạn tuyệt với ma túy. Nhờ đó, dù khó khăn, Tuệ vẫn cương quyết không một lần quay lại bãi vàng trong suốt nhiều năm qua, dù có rất nhiều lời mời chào, chèo kéo, dù gã biết chắc chỉ cần một chuyến đi mười ngày, nửa tháng thôi, lúc trở lại túi gã đã có thể có thêm cả chục lượng vàng. Số vàng đó, bây giờ với Tuệ là cực lớn, lớn hơn cả giấc mơ, nhưng đơn giản, nó không phải là do mồ hôi đổ ra, Tuệ sẽ cương quyết không màng tới.

Hơn nữa, dù không phải là mười mà cả trăm, cả ngàn cây vàng đi nữa cũng không quý bằng mảnh vườn nhỏ, giấc mơ con và tiếng bi bô con trẻ - hạnh phúc đơn sơ nhưng rất thật mà Tuệ đang cầm giữ trong tay. Tuệ không thể và không dám nghĩ tới chuyện mò lên vùng vàng dù chỉ một lần, bởi “một bước chân sai nghìn thuở hận”, rất có thể bước chân xứ đó sẽ sơ sẩy khiến kẻ đã buông đao thờ Phật có nguy cơ rời xa tổ ấm vô giá của mình.

Mười ba năm lăn lộn trong kiếp giang hồ, giữa cơ man vàng, máu, ma túy và nước mắt, Lê Văn Tuệ đã quá đủ kinh nghiệm để hiểu cái giá phải trả cho hạnh phúc, dù đó chỉ là một hạnh phúc nhỏ nhoi thường gặp giữa đời thường.

Quảng Nam, tháng 10.2002

Hai lần thâm nhập Việt Nam bất thành của Trúc Liên Bang

Nhắc đến mafia “Made in Asia” (sản phẩm á Châu), trước hết người ta phải kể đến ba hắc bang hùng mạnh khét tiếng là Tam Hoàng Hội, Thanh Y Bang và Trúc Liên Bang. Tam Hoàng nổi tiếng nhờ tuổi thọ cao nhất, hội viên đông nhất, tổ chức chặt chẽ nhất, trong suốt 200 năm qua đã từng can dự vào không ít biến cố lịch sử của Trung Hoa đại lục và các khu vực khác trên toàn thế giới có người Hoa sinh sống. Thanh Y Bang, ngược lại, khiến người Hoa ở khắp nơi kinh khiếp vì tính chất hoạt động bí mật, “lai vô ảnh, khứ vô hình” của nó, kèm theo là sự tàn độc vô biên. Cả hai tổ chức tội phạm trên đều bắt nguồn từ Bến Thượng Hải và Hồng Công, nghĩa là đều bắt đầu nhóm họp và bành trướng thế lực từ Trung Hoa đại lục. Còn Trúc Liên Bang, nhắc đến nó, người hiểu biết sẽ nghĩ ngay đến hòn đảo Đài Loan nhỏ bé.

Tuy nhiên, vào hai thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, nghĩa là từ khoảng năm 1985 lại đây, Trúc Liên Bang đang có xu hướng nuốt dần thanh thế tội ác của hai tổ chức đàn anh, bởi sự hoạt động táo tợn, liều lĩnh và bởi những vụ thanh trừng đối thủ gần như đều được báo trước và bao giờ kẻ thủ ác cũng cố tình để lại “chữ ký” chứng tỏ chính Trúc Liên Bang là kẻ đã ra tay.

Tại Hoa Kỳ và Canada, xé bỏ nguyên tắc kín đáo - một đặc tính cố hữu của người Hoa - từ khoảng 1985 - 1989, đám thành viên “Nhicôlai” (trẻ tuổi) của Trúc Liên Bang đã tự tách bầy, cười trên những mô-tô cao phân

khối, đeo thêm những khẩu Colt, Uzi vào cạnh con dao trên thắt lưng để cho ra đời một băng đảng mới khét tiếng hung thần có tên là “Born to kill”, tức “Sinh ra để giết” hay “Thiên sanh sát thủ” trong cách gọi của người Hoa, với lẽ sống là bạo lực, nhãn hiệu là sự tàn ác và lạm sát.

Tại Châu á, sự bành trướng của Trúc Liên Bang đồng hành với giai đoạn mở cửa, cửa mình “hóa rồng” của các quốc gia trong khu vực. Nói chính xác, từ Đài Loan, Trúc Liên Bang phát tán như nấm độc sang Singapore, Mã Lai, Indonesia, Thái Lan, Campuchia... và cả Việt Nam bắt đầu từ bộ cánh sạch sẽ của các doanh nhân, với “vốn đầu tư” (chủ yếu vào công nghệ giải trí) là chiêu bài để rửa tiền bẩn. Mãnh lực cạnh tranh của các doanh nhân có dính líu đến Trúc Liên Bang không hề thay đổi, luôn gắn chặt với lưỡi dao và viên đạn; chúng sẵn sàng xuống tay tước bỏ ngay mạng sống của đối thủ kinh doanh mà không cần suy nghĩ hay thương xót.

Lần thứ nhất: Nhà đầu tư và kẻ lưu vong

Đầu thập niên 90, một số thành viên Trúc Liên Bang, lần đầu tiên đã tìm được cơ hội trà trộn vào đám doanh nhân tìm cách thò chân vào Việt Nam. Trong số ít ỏi những tên tội phạm mặc complet này có Hou Ming Chin. Trong bốn năm 1993-1997, Hou đã xuất nhập cảnh vào thành phố Hồ Chí Minh 10 lần cả thảy. Với số “vốn đầu tư” ban đầu là 120.000 USD, Hou đã góp cổ phần và trở thành Phó Tổng giám đốc bộ phận sản xuất sàn gỗ thanh của Công ty Bochang (Đồng Nai). Chỉ sau một năm (1994), thấy đầu tư ngành này lãi thấp, Hou rút hết vốn và trả lại chức vụ nhưng vẫn ở lại Việt Nam. Những năm tiếp đó, Hou đã “thử thời vận” trên nhiều nghề khác nhưng không trụ lâu dài ở nghề nào cả.

Đầu tháng 6-1997, để giải sầu, Hou dắt bạn gái là Yang Smu Mei sang Quảng Đông, Trung Quốc chơi, nghỉ lại tại khách sạn Đông Hoàn. Gọi là đi chơi, kỳ thực, đó chính là cuộc hẹn hò giữa Hou với Wang, một tên bạc bịp nổi tiếng của Trúc Liên Bang. Gặp nhau, Wang giới thiệu với Hou hai tay anh chị của hắc bang này là Chang và Chien. Trong lúc ăn nhậu và bài bạc, Wang nói rõ cho Hou biết mục đích của gặp gỡ, đó là bàn cách thanh trừng hai tên bạc bịp đồng bang là Chang Po Wen và Wu Wen Yu. Cùng với

Wang, hai tên này đã giở nghề gian lận và thắng 14.000 USD, nhưng chỉ chi cho Wang 1.400 USD rồi ôm tiền chạy sang Việt Nam trốn. Wang muốn nhờ hai tên anh chị Chang và Chien sang đòi nợ, yêu cầu Hou giúp sức vì y ở thành phố Hồ Chí Minh lâu, thông đường thuộc lối. Wang nói với hai tên là:

– Nếu chúng không trả, tao muốn chúng bị xử!

Nửa tháng sau, ngày 22.6.1997, Hou gặp lại ba tên tại khách sạn Chợ Lớn (174 Sư Vạn Hạnh, quận 5). Thái độ muốn rút lui của Hou đã bị Chang dẫn dắt:

– Bọn tao sang Việt Nam để xử hai thằng kia. Người ngoài chỉ có mình mày là rõ chuyện nên mày phải tham gia, cấm chối.

Biết quá rõ “kỷ luật” của Trúc Liên Bang, Hou chỉ im lặng gật đầu.

Lúc này, tại thành phố Hồ Chí Minh, hai tên đào tẩu Chang Po Wen và Wu Wen Yu đã thuê nhà C5, đường Nguyễn Hồng Đào, Tân Bình để sống chung với cô Huỳnh Lệ Hằng, bạn gái của Chang. Không khó khăn gì lắm, Hou Ming Chin đã tìm ra được địa chỉ của hai tên này và mời chúng đi theo cả bọn để “nói chuyện phải quấy”. Dưới áp lực của bốn tên Trúc Liên thạo nghề đao búa, Chang và Wu đành phải cúi đầu đi theo chúng.

Lạc lối trong nghề phạm tội, bốn tên Trúc Liên đã vạch một lộ trình cực kỳ lắt léo chạy khắp nội thành rồi ra Thủ Đức, đi Biên Hòa, trở lại Bình Chánh và lần lượt ra tay. 0 giờ 30 phút sáng ngày 24.6.1997, tại bãi phế liệu của Nhà máy cán thép VICASA (Biên Hòa, Đồng Nai), Wu Wen Yu bị tên Chang bắn chết, sau đó rước xăng đốt xác. Ngồi trên xe taxi, thấy ánh lửa, Hou Ming Chin mở cửa chạy xuống. Chưa kịp thốt ra lời nào, Hou đã bị tên Chang chĩa súng vào ngực cảnh cáo:

– Tao xử nó đúng luật giang hồ, đừng ý kiến. Bây giờ đưa tụi tao đi xử thằng Chang Po Wen.

Lại thêm hàng loạt đoạn đường theo một lộ trình lắt léo, 3 giờ sáng hôm đó, chúng lại dẫn tên Chang Po Wen đến một mương nước nhỏ nằm khuất bên quốc lộ 13 thuộc địa phận xã Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức và bắn chết

tên này rồi hất xác xuống mương. Trước khi rời “pháp trường”, hai tên Chang và Chien đều cẩn thận đặt cạnh xác hai kẻ bị hành quyết hai viên đạn chưa nổ, coi như chữ ký của Trúc Liên Bang trong quyết định tử hình!

Hai vụ thanh toán trong cùng một đêm đã khiến dư luận xôn xao và hoang mang. Hơn một tuần sau, ngày 1.7.1997, Hou Ming Chin bị bắt tại cửa khẩu Tân Sơn Nhất khi đang cùng bạn gái làm thủ tục tính bay sang Campuchia lẩn trốn. Khi hình ảnh cả thủ phạm lẫn nạn nhân được báo chí đăng lên, rất nhiều người mới ngớ ra: họ đã nhắm mặt tất cả những tên xã hội đen này tại các vũ trường lớn ở thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ ít ngày trước khi chết, những kẻ bị bắn còn thường xuyên “ngồi đồng” mỗi tối bên chai rượu và một đám “em út” tại vũ trường Ceasar trong chợ An Đông, quận 5. Cùng bàn với chúng còn có một đám khá đông người Đài Loan khác. Nhưng, chúng vừa bị giết thì những kẻ này bỗng lặn mất tăm, không bao giờ còn thấy xuất hiện. Cả ba tên Wu, Chang, Chien - những kẻ trực tiếp thực hiện “lệnh hành quyết” - cũng đã nhanh chân trốn sang Campuchia trước khi tên Hou bị bắt và biến mất. Theo kết quả xác minh của PC16, Công an thành phố Hồ Chí Minh, vào thời điểm đó, tất cả những nhân vật được đề cập ở trên, kể cả những kẻ lạ mặt từng ngồi chung với chúng tại Ceasar, phía Cảnh sát Đài Loan đều khẳng định chúng là thành viên của Trúc Liên Bang hoặc ít nhiều có dính líu đến bang phái tội ác này.

Sự “dính líu” có lúc đồng nghĩa họ là kẻ bị Trúc Liên Bang khống chế. Theo điều tra của chúng tôi, có một số doanh nhân có máu mặt đang đầu tư, buôn bán ở Việt Nam, nhất là những người làm ăn riêng lẻ, không thuộc các tập đoàn lớn, hàng tháng đều phải “đóng hụi chết” cho bọn Trúc Liên bang. Lý do: Tại Đài Loan, toàn bộ gia đình họ đã bị hắc bang này phong tỏa, khống chế. Nếu người thân của họ ở Việt Nam ngưng đóng tiền hay báo cho cơ quan an ninh, gia đình họ tại cố quốc sẽ “có chuyện” ngay tức khắc. Điểm đóng tiền mua sự an lành thường là các vũ trường đông đúc, ít gây chú ý, trong đó có vũ trường Ceasar.

Gần như đồng thời điểm xảy ra hai vụ thanh toán, ngay tại Ceasar cũng xảy ra một sự cố. Vụ này nhỏ, nhưng rất có ý nghĩa đối với những ai quan

tâm đến hoạt động của Trúc Liên Bang tại Việt Nam.

Số là, với trình độ đai đen tứ đẳng Taekwondo, anh X. (chúng tôi xin không nêu rõ tên), một huấn luyện viên võ thuật đã được Ceasar ký hợp đồng làm đội trưởng đội an ninh của võ trường, có nhiệm vụ ngăn cản sự quấy phá của khách với võ trường hay giữa các nhóm khách chơi với nhau. Trong số các khách quen, có một nhân vật Đài Loan thường xuyên đi một mình, ngồi một bàn, không nhảy, không nói gì, chỉ uống rượu rồi về. Anh ta chẳng bao giờ trả tiền, nhưng đó là việc của bộ phận khác, X. Không bao giờ hỏi. Có điều rất khó chịu: vị khách này luôn xuất hiện với thái độ ngênh ngang, xấc láo. Một hôm, anh ta ngang nhiên tiến đến ngồi vào chiếc ghế giành riêng cho đội trưởng an ninh (được đặt ở vị trí thuận tiện quan sát toàn bộ sàn nhảy). Giải thích bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Hoa mỗi miệng, vị khách vẫn không chịu rời chỗ, còn có thái độ thách thức nên với nhiệm vụ, X. Đành phải cứng rắn lôi anh ta ra. Y với chai Remy Martin trên bàn giáng thẳng vào đầu X. Theo phản ứng, X. Gạt ngay cú đòn và tổng thẳng một đấm vào mặt khiến tên càn quấy gục ngay xuống sàn. Một chút náo loạn đã khiến ông chủ Ceasar phải xuất hiện. Khi nhận rõ mặt kẻ càn quấy thì ông ta tái mặt để rồi sau đó bảo X.:

– Nếu anh cần bao nhiêu, tôi cũng sẽ trả, cho anh đi nơi khác tìm việc!

Không hỏi, song X. Hết sức ngạc nhiên, không hiểu tại sao mình bị mất việc dù đã làm rất đúng chức năng. Sự ngạc nhiên này sẽ không xuất hiện, nếu X. Biết rằng, kẻ bị đo ván chính là một thành viên của Trúc Liên Bang và gia đình một cổ đông của Ceasar tại Đài Loan đang bị đồng bọn của tên này “ngắm nghía”...

Những vụ việc nêu trên không phải là cá biệt. Nhưng, sau hai vụ thanh trừng đêm 24-6-1997, bóng dáng những ông khách Đài Loan đáng ngờ này ở các nhà hàng, võ trường đột nhiên thưa hẳn. Chính những nỗ lực của cơ quan Công an đã chặn đứng âm mưu thâm nhập lần thứ nhất của Trúc Liên bang.

Lần thứ hai: Chiến tranh băng đảng

Không chấp nhận nổi sự lộng hành của Trúc Liên Bang và bọn xã hội đen, năm 1995, chính quyền Đài Loan đã mạnh tay trừng trị, gom hết những tên lưu manh bất hảo ra đảo Xanh - một hòn đảo nhỏ chuyên giam giữ tù hình sự trọng án. Số còn lại đành tạm thời nằm im hoặc cao chạy xa bay sang các nước Đông Nam á khác ẩn náu và gây dựng lại băng nhóm. Cộm nhất trong số này phải kể đến hai tên: Trần Khởi Lễ biệt danh Lễ Vịt, ông trùm Trúc Liên Bang và Dương Quang Nam - Phó bang Tứ Hải. Chạy sang Campuchia năm 1997, núp dưới mác một nhà thầu xây dựng có vốn lớn, Trần Khởi Lễ đã bỏ tiền ra mua hàm Huân tước danh dự và bắt đầu tìm cách lân la kết giao với các nhân vật tai to mặt lớn trong chính quyền thành phố Phnompênh và Chính phủ Hoàng gia. Ô dù đã vững, thoát cái tiền bạc đã biến ông trùm xã hội đen này thành một doanh nhân có máu mặt, đứng đắn và đáng kính, giúp hắn trúng rất nhiều vụ thầu béo bở trên đất Chùa Tháp. Đến lúc đó, Trần Khởi Lễ mới bắt đầu nghĩ cách bành trướng thế lực sang thị trường thành phố Hồ Chí Minh.

Là một lái súng cáo già, Lễ biết rằng không thể đặt chân sang thành phố Hồ Chí Minh ở tư thế đối đầu với giang hồ bản địa, nhất là lúc này Năm Cam đã ra tù, đang tìm cách khuếch trương thanh thế và ôm “mộng bá đồ vương” thống nhất giang hồ Nam Bắc. Do đó, Lễ Vịt quyết định chơi trò “công ty”, bắt tay với giang hồ Sài Gòn.

Quân sư cho chiến dịch ngoại giao này là Nguyễn Chí Thành, tức Thành Chân, tay anh chị Hải Phòng nổi tiếng từng một thời dưới trướng Năm Cam. Năm Cam bị bắt, Thành Chân cũng đào tẩu bằng đường xuất cảnh sang Anh rồi lộn về Đài Loan, gia nhập đội ngũ lái súng, trở nên thân thiết với nhiều nhân vật của Trúc Liên bang.

Dưới sự quân sư của Thành Chân, Lễ Vịt đã quyết định trao ấn tiên phong cho Lee Han Shin, tức A Lý, một kẻ đã chín lần ra vào Việt Nam, khá quen thuộc với những tên tuổi cộm cán của giang hồ Sài Gòn. Khá tháo vát, A Lý đã lần lượt qua lại và mua được một số cổ phần, cơ sở kinh doanh ngành nhà hàng, vũ trường của giang hồ Sài Gòn, trong đó có cả nhà hàng khách sạn Cam ở đường Nguyễn Tất Thành của Năm Cam, biến nó

thành nhà hàng Tân Hải Hà, lập đại bản doanh cho Trúc Liên Bang ngay tại thành phố Hồ Chí Minh mà không hề tốn công sức đặng độ với giang hồ bản xứ.

Để tạo vây cánh làm hậu thuẫn cho A Lý, từ Phnômpenh, Trần Khởi Lễ đã phái sang Việt Nam 7 cao thủ gọi là băng “Thất tinh Bắc đẩu” đi kè kè A Lý nhằm khuếch trương thanh thế. Đã có máu mặt, A Lý đã đi thêm những nước cờ táo bạo: cùng vợ là Diệp Hiếu Vân mua 30% (240.000 USD) cổ phần vũ trường Metropolis đang phất lên, sau đó lại đàm phán mua vũ trường Monaco của Năm Cam với giá 1 triệu USD, thông qua sự môi giới của một cổ đông khác tại Metropolis là Hồ Việt Sử. Vụ mua bán bất thành. Không rõ lý do, song A Lý vẫn cho rằng chính Sử phá đám, nên y găm hận vào lòng chờ cơ trả đũa.

Theo cách lý giải của giang hồ Sài Gòn, vụ mua bán này bất thành là do Năm Cam - đang rất cần bán Monaco để gom tài sản chuẩn bị sẵn sàng đào tẩu khi có biến - quá hoảng trước một vụ làm ăn lãi cao nhưng quá liều lĩnh, dẫm máu và ngu xuẩn mà A Lý bị nghi là tác giả. Vụ này xảy ra vào giữa năm 2001. Lee Ming Shing, một thương gia Đài Loan bị chặt lìa một cánh tay trên đường Nguyễn Hồng Đào, Tân Bình. Khi bảo tặc chặt, khi nói là tai nạn, Lee tuyệt đối không khai báo với công an nguyên nhân và thủ phạm đích thực của vụ “tai nạn”. Nhưng giang hồ thì vẫn có cách giải thích, nghe rất có lý: Biết Lee - cũng là một tên xã hội đen - đóng bảo hiểm nhân mạng rất cao, băng Trúc Liên Bang và A Lý đã dụ Lee mượn 40.000 USD sang Việt Nam mua nhà lấy vợ, tất tậ đều do đại ca A Lý giúp đỡ. Khi mọi thứ đã xong xuôi, A Lý lập tức giở trò phong tỏa, khống chế dọa giết Lee để đòi nợ.

Lee quyết định bán ngôi nhà mới mua để trả nợ nhưng không xong. Hễ có khách đến xem nhà, trả giá, A Lý lại sai ngay vài tên đàn em vằn vện đến chặn họ ngay tại cửa, buông lời cảnh cáo:

– Nhà này đã bán cho giang hồ, đừng tranh mua mà rước họa vào thân.

Để bảo toàn mạng sống, Lee Ming Shing đành chấp nhận cắt một bàn tay, lấy mức bảo hiểm 25% là 75.000 USD sang trả nợ cả vốn lẫn lời cho A

Lý.

Với Năm Cam, cách hành xử quá “tận mạng” của Trúc Liên Bang ẩn quá nhiều khả năng dẫn vào cửa tử, khó lòng qua mặt được cơ quan Công an. Do đó, ông trùm không bán Monaco cho A Lý, tránh dính líu để đề phòng hậu hoạn.

Đang điên tiết vì sẩy cú làm ăn lớn, A Lý lại nhận thêm một hung tin: Thị trưởng Phnômpenh Chaxupaila đã mở cuộc tẩy thanh chống Trúc Liên Bang tại thủ đô, sau khi băng đảng này bị nghi là thủ phạm giết Lý Chí Hâm, Hội trưởng Hiệp hội thương mại Đài Loan tại Campuchia. Đầu tháng 7.2001, với phóng viên kênh truyền hình hữu tuyến Phnômpenh, sau cái chết của Lý Chí Hâm, Trần Khởi Lễ đã ngu ngốc ném ra những câu tuyên bố hết sức hớ hênh và ngạo mạn, rằng:

- Ở Campuchia chỉ cần quăng ra 300 USD là có thể thuê được một tay đao búa sẵn sàng giết người.

Và:

- Để tự bảo vệ, tôi đã tập bắn súng hai tay như một...

Sau đó, y còn khoe trong nhà luôn có sẵn một số... súng đạn đủ trang bị cho cả trung đội. Kết quả là ngày 8.7.2001, cảnh sát ập vào, lôi ra từ nhà Trần Khởi Lễ tại biệt thự 62 đường 592, Tây - Bắc thủ đô Phnômpenh 20 khẩu súng; hơn 2.000 viên đạn, và bắt giữ y.

Đại bản doanh của Trúc Liên Bang ở Campuchia tan nát khiến A Lý mất chỗ dựa. Hắn bắt đầu hoang mang tợn, tính đánh bài chuồn, dẫn đến một sai lầm chết người cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Để thu gom tiền bạc, A Lý đã kiếm chuyện gây sự với Hồ Việt Sử, vô cớ đòi Sử phải trả ngay món nợ 40.000 USD, trong khi trên danh nghĩa, đây là món tiền cầm cố một chiếc xe Mercedes Sử mượn của ông Vương và bà Hoắc Huệ Nghi, hai người này không đòi, nợ cũng chưa đáo hạn. Hành động nôn nóng này đã khiến đám Trúc Liên Bang của A Lý và băng Hồ Việt Sử lao vào đâm chém nhau, dẫn đến cái chết của tên Trần Ngọc Hiền vào rạng sáng ngày 12.8.2001. Dấu tích Trúc Liên Bang lộ ra khá rõ: Trần Ngọc Hiền chết bởi một viên đạn

bắn ra từ một khẩu Flairegun đặc chủng, chuyên dùng bắn pháo hiệu, ở Việt Nam bói cũng không ra, trong khi với Trúc Liên Bang thì lại khá quen thuộc...

Kết quả là Công an Việt Nam lại ráo riết vào cuộc khiến đám Trúc Liên Bang mới manh nha đặt được một chân ở thành phố Hồ Chí Minh phải tháo chạy tan tác. Không còn Trần Khởi Lễ, dù đã trốn sang Campuchia cũng không còn nơi nương tựa, bí đường A Lý lại gây thêm tội ác (bắn chết một cảnh sát Campuchia) rồi “lặn” mất tăm mất tích. Có tin cho rằng, chính Trúc Liên Bang đã “thịt” A Lý, hy sinh tên tướng tiên phong thảm bại để cứu nguy đế chế. Một lần nữa, âm mưu thâm nhập Việt Nam của Trúc Liên Bang lại bị chặn đứng.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 7.2002

Chìa khóa của địa ngục

Vậy là cuối cùng phiên tòa xét xử “Vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn” cũng đã kết thúc. Sau Năm Cam, kẻ đứng thứ hai trong danh sách bị can, cũng là nhân vật số 2 của toàn bộ vụ án lôi kéo được sự chú ý nhiều nhất của dư luận không ai khác chính là Hải Bánh. Ẩn sau bộ áo sọc của phạm nhân là một thân hình chẳng chịt hình xăm - dấu tích vừa “lùng lẩy” vừa khốn nạn của một kiếp giang hồ; ẩn sau khuôn mặt khá điển trai và bình tĩnh là một cái đầu máu lạnh ẩn chứa quá nhiều tội ác... Đó chính là Hải Bánh, kẻ có cái lưỡi vàng đã mở ra toàn bộ chứng cứ để bắt đầu một vụ án hình sự lớn nhất trong lịch sử tư pháp Việt Nam. Với giang hồ thì khác, Hải Bánh chính là chìa khóa mở cửa địa ngục đưa toàn bộ băng tội phạm của Năm Cam xuống đáy mồ. Cầm lặng đi giữa hàng bị cáo bước vào phòng xử, Hải Bánh dư biết hẳn đã trở thành một kỷ lục: kẻ đã và sẽ còn bị truy nã nhiều nhất bởi cả công an lẫn giang hồ, cho dù còn sống hay đã chết.

Tên thật là Nguyễn Tuấn Hải, sinh ngày 7.11.1967, tên giang hồ khét tiếng này có một tuổi thơ êm đềm, giản dị ở nhà số 36, Hàng Cót, Hà Nội. Cha Hải là ông Nguyễn Văn Bánh. Theo thói quen, người miền Bắc thường gắn tên cha vào sau tên con trong cách gọi thân mật cho nên hẳn được gọi là Hải Bánh - một cái tên sau này sẽ trở nên khét tiếng, trong Nam ngoài Bắc đều biết đến.

Sinh ra đã lì lợm nên Hải không màng gì đến sách vở học hành. Năm 1982, đang học lớp 8, Hải nghỉ ngang để đi học nghề thợ hàn và nghề... đâm thuê chém mướn. Làm thợ thì... phọt phẹt, nhưng nghề đao búa thì Hải Bánh chẳng kém cạnh gì ai. Khoảng những năm 1982-1985, dân chợ

trời khu vực các Hàng ở Hà Nội đã nhẵn mặt thẳng cu cò Hải Bánh vì cứ sếnh ra món nào là hăn nằng tay ngay món đó, nhanh như chảo chớp. Nhưng nhỏ to về hăn, người ta chỉ dám nói sau lưng còn đối diện thì cạch. Vô phúc để lọt tai, thẳng cu cò sẽ trở thành hung thần ngay và sẵn sàng nện cho kẻ nhiều chuyện như tử. Đã thế, sau lưng hăn còn có thêm một đám đàn em đầu trâu mặt ngựa, thẳng nào cũng tiền án tiền sự nhiều hơn tiền mặt, sẵn sàng coi việc đụng độ, đâm võ mặt người khác là “cái đỉnh”.

Vì sự lộng hành và những trận loạn đả gây thương tích, ngày 12.5.1985, Hải Bánh bị công an quận Hoàn Kiếm tóm cổ và bị tòa xử 42 tháng tù giam. Trước đó, hăn đã một lần ngồi tù 24 tháng vì tội trộm cắp. Lương dân 36 phố phường thờ phào vì bớt được một hung thần trên lề phố.

Năm 1987, Hải Bánh ra tù. Có vẻ cu cò đã trở nên lương thiện, an phận làm một chú thợ hàn tàng tàng và lấy vợ sinh con đẻ cái. Vợ hăn là Nguyễn Hoàng Hà, sinh năm 1970, con nhà tử tế, chắc cũng sẽ bảo ban được thẳng chồng. Vậy mà không. Năm 1990, khi Hà sinh được đứa con gái thì gã chồng lại trộm cắp, lại vào tù. Hai năm sau, năm 1992, được trả tự do nhưng anh thợ hàn Nguyễn Tuấn Hải coi như không còn nữa, thay vào đó là một Hải Bánh đại ca, tên tuổi khá cộm cán trong đám giang hồ.

Có vợ có con cũng coi bằng không, Hải Bánh biến mất mặt và cặp kè với Thủy bồ, một nữ quái sinh năm 1972, bắt đầu đẩy mạnh việc tác oai tác quái. Vứt chiếc mỏ hàn vớ lấy con dao hoặc cây mã tấu, Hải Bánh trở thành một tay bảo kê văn vận kiêm đại lý thuốc lắc cho dân chơi của nhiều nhà hàng vũ trường ở thủ đô. Có tiền, có quyền Hải Bánh bắt tay và thu phục được khá nhiều chiến binh giang hồ có số ở Hà Nội như Hải lớ, Hải hấp, Phát lợn, Trường xoắn, Hưng chùa... Trong số này, thật ra cũng có một vài thẳng còn bé lắm, như Hưng chùa (Nguyễn Việt Hưng) hay Trường xoắn (Nguyễn Xuân Trường) chẳng hạn. Nhưng mà khổ, đi với ma thì mặc áo giấy, những thẳng bé con mặt búng ra sữa ấy, theo anh Hải chỉ ít lâu cũng thành sát thủ máu lạnh như ai, từ từ thiên hạ sẽ thấy.

Những cuộc thư hùng đâm máu trên lề phố đã nhanh chóng đẩy uy tín Hải Bánh lên hàng “sao” trong giới giang hồ Hà Nội. Hăn lọt vào mắt xanh

của các ông trùm xã hội đen Hà thành lúc bấy giờ như Thăng tài đậu, Sơn bạch tạng, Khánh trắng, và cả bà chị Phúc bồ, một đàn chị theo nghĩa giang hồ của Thủy bồ - nữ quái đang cặp kè với Hải. Đám ông trùm bà trùm vừa nể, vừa ngán ngại dè chừng tên cận vệ của Diêm vương Hải Bánh. Tuy nhiên, cao nhân tất hữu cao nhân trị, đến lượt Hải Bánh lại thăm kinh một kẻ khác, khổ thay lại là một con mẹ tưởng chừng có thể coi là nữ nhi thường tình. Không xa lạ gì, kẻ đó là Vũ Hoàng Dung, (tức Dung Hà), nguyên “giám đốc đen” của công ty cờ bạc Kiến An (Hải Phòng).

Cú chào bàn ngoạn mục của Dung Hà khiến Hải Bánh phải xanh lè mặt là cuộc tập kích táo bạo của băng Hải Phòng do Dung Hà cầm đầu nhằm tiêu diệt băng Khánh trắng, ngay sau khi Dung Hà mới ra tù (cuối năm 1995). Lúc này, Khánh trắng, Phúc bồ... và nhiều ông trùm, bà trùm khác của Hà Nội đang liên minh với nhau khá chặt, đụng một băng là đụng toàn bộ anh chị thủ đô nhưng Dung Hà vẫn không ngán. Vụ tập kích (đổ quân bằng ô tô) đã toàn thắng trước khi rút lui an toàn đã chứng tỏ bản lĩnh giang hồ của Vũ Hoàng Dung và bộc lộ rõ ý đồ “đẹp loạn sứ quân” để thôn tính lãnh địa Hà Nội của nữ quái này. Vì nể, Hải Bánh đã mò ngay xuống Hải Phòng ra mắt Dung Hà và được bà chị (Dung Hà chỉ hơn Hải Bánh một tuổi) tiếp đón nồng hậu. Để chế cờ bạc Hải Phòng, hậu thân của công ty cờ bạc Kiến An có thêm một phó tướng dũng mãnh là Hải Bánh, nắm đầu dây mối nhợ của đường dây cá độ bóng đá xuyên quốc gia. Khi Dung Hà di cư vào thành phố Hồ Chí Minh, năm 1998, tại Hải Phòng công việc của Hải Bánh vẫn tiếp tục, ngay sau khi y hoàn tất thêm một bản án 45 tháng tù.

Tháng 10.1998, bà Trương Thị Sấm, chị ruột của Năm Cam, vợ Bảy Sy mất, giang hồ toàn quốc về viếng khá đông. Cùng với Hải hấp và Hải lớn, Hải Bánh cũng được Dung Hà dẫn đến viếng và giới thiệu với Năm Cam - kẻ đã từng nhận Dung là em kết nghĩa. Đó chính là điểm mốc của một mối giao tình giang hồ đầy bi kịch và máu.

Hai năm sau, Hải Bánh lỗ nặng trong nghề cá độ bóng đá, xù nợ của giang hồ Hải Phòng - Quảng Ninh hơn một tỉ đồng, bị đám anh chị đất Cảng tầm nã ráo riết. Giang hồ Hà Nội cũng không dung kẻ đã bắt tay với

cự thù, tuyên bố không còn đất cho Hải Bánh dung thân. Lốc ố, Hải Bánh phải phiêu bạt về phương Nam, tìm đến Năm Cam cầu cứu mong tìm chỗ náu thân.

Ban đầu, Năm Cam không ưa gì Hải Bánh do đánh giá tên hung thần này rất thấp ở mức độ trung thành. Mặt khác, ông trù cho rằng Hải Bánh chỉ là tên hung thần “hữu dũng vô mưu”, ngại rằng máu liều của Hải Bánh có thể làm rách toạc vỏ bọc an toàn của đế chế họ Trương nên không muốn dây vào. Nhưng, Hải Bánh đang thất thế, nhũn như con chi chi, tỏ ra ngoan ngoãn thần phục nên Năm Cam đổi ý, chìa tay vớt Hải Bánh để tính bề lợi dụng, mục đích là sử dụng Hải làm đối trọng với chính bà chị Vũ Hoàng Dung đang có những biểu hiện lộng hành nhằm tiếm ngôi đoạt vị.

Nguyên do để ông trù đa mưu túc kế và tên hổ tướng ngang ngạnh xích lại gần nhau là một mỹ nhân mang cái tên khá đẹp: Hạ Giang (tên thật là Hà Thị Thu Giang).

Khoảng thời gian 1992 - 1996, đồng thời lúc đang cặp kè Thủy bồ, Hải đã từng yêu và đầu gối tay ấp với Hạ Giang, con thiên nga xinh đẹp của giới giang hồ. Nhưng vì tính nóng nảy, hung hãn, Hải Bánh đã khiến thiên nga khiếp sợ bay về phương Nam trú bão. Vì hàng loạt trận thư hùng tóe lửa, Hải Bánh đã tự gây thù chuốc oán quá nhiều, liên tục bị giang hồ đất Bắc truy đuổi để phục hận. Khiếp quá, Hạ Giang đành im lặng trốn người tình bỏ vào thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ nhan sắc trời cho, Hạ Giang nhanh chóng trở thành vợ của ông R. - một tài phiệt có máu mặt của ngành kinh doanh xe du lịch hơn... bố Hạ Giang chỉ vài tuổi. Nhưng lựa của đời sống tư sản làm muột mà thêm đôi cánh thiên nga, nhan sắc được chăm sóc kỹ lưỡng của Hạ Giang ngày càng thêm lộng lẫy. Nhưng cô vẫn chưa quên được người tình hung bạo khi xưa. Khi Hải Bánh mò vào Sài Gòn, Hạ Giang dù đã có hai mặt con với R. Vẫn tức tốc lao trở lại vào vòng tay của gã. Chưa hết, cả một núi tiền trong két sắt của R. Cũng đã bị Hạ Giang moi ra để cung phụng cho người tình cũ ăn chơi. Quá đau, R. Quyết phục hận, nhiều lần bỏ cả đồng tiền chỉ cốt thuê côn đồ dần cho kẻ đã cướp khỏi tay mình cả vàng lẫn cái ngàn vàng. Khổ nổi, đó chỉ là mối thù vô vọng. Tất cả

những thằng đầu trâu mặt ngựa nhất của đất Tây Cống (Sài Gòn) đều lắc đầu và trả lại tiền cho R. Khi biết rằng, kẻ mà chúng cần thanh toán là Hải Bánh.

Cùng đường, nhà tư sản đành chơi canh bạc chót: nhờ vả ông trùm Năm Cam. Ông trùm thùng thắn:

– Xem như số anh xui tận mạng. Thằng đó (chỉ Hải Bánh) nó có sợ ai. Cả tôi nó cũng còn coi thường mà đành chịu. Thôi, anh lo thu xếp đi, để chuyện nhờ vả này đến tai Hải Bánh thì mạng cũng không còn, nói gì vàng với vợ.

Hết cửa, để bảo toàn mạng sống, nhà tư sản (gốc Hoa) đành lạng lẽ bán tổng bán tháo nhà cửa tài sản, mang theo mỗi hận sâu đau xót bỏ ra ngoài sinh sống. Độc đáo là ở chỗ, toàn bộ thủ tục, giấy tờ cũng như mọi chi phí để R. Ra đi êm thấm, Năm Cam đã hào phóng chi tất, coi như trả nghĩa và không phụ sự tin cậy của ông R. Khi đã tìm đến y cầu cứu.

Trong khi đó, để gây thanh thế, Hải Bánh vẫn cố ý gây ra một số cuộc loạn đả tấn công một số em út nhà hàng, vũ trường của Năm Cam. Không những không xuống tay trừng trị, Năm Cam lại hạ mình gặp riêng Hải Bánh, lấy điều hơn lẽ phải rót mật vào tai gã con trời. Nhắc đến Hạ Giang, ông trùm tỏ ra tử tế khuyên Hải Bánh:

– Con giun xéo mãi cũng phải quắn, đừng xía vô chuyện nhà người ta kéo có ngày giang hồ nó cho ăn đạn. Chỗ anh em có thiếu thốn gì thì qua anh, anh giúp!

Lời khuyên ngọt ngào nặng mùi cảnh cáo khiến Hải Bánh ngộ ra, dần dần tỏ ra biết điều và quy thuận ông trùm. Mỗi lần Hải Bánh nhả túi, ông trùm lại xuất hiện đúng lúc, dúm cho hẵn mười “vé”. Sau đó lại bỏ tiền thuê một căn nhà trên đường Thủ Khoa Huân, quận 1 cho Hải mở tiệm gội đầu Vân’s làm kế sinh nhai. Dù liều mạng nhưng thân cô thế cô, bị giang hồ Bắc truy đuổi gắt gao và lại đang rất cần tiền, Hải Bánh đã nhanh chóng bị sợi xích vàng của Năm Cam trói chặt. Những cuộc tập kích nông cuồng chấm dứt. Thay vào đó, Hải nhận lời làm đại diện cho Năm Cam kiêm bảo

kê của nhà hàng - vũ trường Phi Thuyền, mới mở trên đường Tôn Đức Thắng, quận 1 với mức lương 10 triệu đồng/tháng.

Nguyên vũ trường này do một doanh nhân có máu mặt tên là Tống Việt Hòa, thuê đất đầu tư xây dựng. Không có vốn, Hòa đã mời gọi được một đám tài phiệt từ Đài Loan kéo sang hùn hạp. Biết tiếng tăm Năm Cam, lại quá sành sỏi chuyện kinh doanh về đêm, đám tài phiệt này ra điều kiện với Tống Việt Hòa rằng, họ chỉ chịu rót tiền sang nếu Năm Cam chịu “ăn đèn” tham gia cổ phần. Để dàn xếp, Tống Việt Hòa đã tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi đám tài phiệt tại quán Cánh Buồm, đường Pasteur, quận 3, vốn là điểm kinh doanh chính của Năm Cam rồi nhân thể mời luôn anh Năm chủ quán ngồi luôn cho xôm tụ. Động tác bắc cầu của Hòa đạt kết quả mỹ mãn: Năm Cam nhận lời tham gia với điều kiện Phi Thuyền phải lấy rượu ngoại do Năm Cam cung cấp đồng thời trách nhiệm bảo kê cho vũ trường sẽ do đàn em của Năm Cam đảm nhiệm với giá chính thức mỗi tháng 30 triệu đồng.

Chỉ nửa tháng sau, hơn một triệu USD đã được các cổ đông Đài Loan - trong đó có anh ruột của ngôi sao phim võ hiệp lừng danh Lương Triều Vĩ (Tony Lung) rót sang, dựng nên vũ trường Phi Thuyền (Appolo) xôm tụ nhất thành phố, với mức lãi ròng hơn 100 ngàn USD/tháng. Đến tháng 8 năm 2000, Hải Bánh đã yên phận với chức danh Security Chief (xếp an ninh) của vũ trường này. Oái ăm thay, người giới thiệu Hải vào Phi Thuyền, không ai khác lại là Hạ Giang, lúc này đã sống như vợ chồng với Tống Việt Hòa! Tuy nhiên, dù Hạ Giang có ân sâu nghĩa dày mấy thì đến lúc đó, hình ảnh cô cũng đã không còn tồn tại trong đầu Hải nữa. Thay vào đó, một nhan sắc khác: Nguyễn Thị Anh Thư - cô gái được giang hồ mệnh danh là hoa khôi của những cuộc dạo chơi. Anh Thư sinh năm 1978, tại thành phố Hồ Chí Minh, quen Hải Bánh vào khoảng tháng 6.2000 trong một đêm nhảy nhót tại vũ trường Phương Đông, quận 1. Ngày 8.9.2000, khi khai trương tiệm uốn tóc, gội đầu Vân's, Hải Bánh đã đưa Anh Thư về, giao cho cô quyền quản lý tiệm, trả lương hai triệu rưỡi một tháng. Từ đó, Hải và Thư sống với nhau tại tiệm Vân's như một cặp vợ chồng.

Trong đời sống giang hồ, sự an lành chỉ là một mỹ từ xa lạ và xa xỉ, Hải Bánh khai trương tiệm uốn tóc chưa lâu thì Dung Hà đột nhiên xuất hiện. Là người cứu mạng, che chắn cho Hải khi hắn đang bị tầm nã trên đất Bắc, Dung Hà cho rằng y thị có quyền đòi Hải phải trả ơn. Điều mà Dung Hà muốn là Hải Bánh phải nhường lại toàn bộ tiền lời của tiệm Vân's, sau đó nâng lên là phải bán tiệm cho y thị lấy tiền nuôi quân đang ùn ùn từ đất Cảng kéo vào. Hải Bánh không nghe. Cho rằng tên đàn em phản phúc, vô ơn, Dung Hà đã nhiều lần đưa đàn em đến Phi Thuyền quậy, đập phá đồ đạc, đuổi khách khiến “sếp an ninh” Hải Bánh phải khóc ròng năn nỉ, nhưng thị vẫn không tha. Dã man hơn, Dung Hà còn sai đàn em xách một xô phân tạt thẳng vào tiệm Vân's của Hải Bánh. Tiếp đó, đêm 29.9.2000, Dung Hà đã dẫn 15 tên đàn em đến Phi Thuyền để tổ chức sinh nhật với một ổ bánh toàn... chuột sống, mắt tôm, phân... được thả ra tung tóe, bắn thối khiến khách chơi trong vũ trường phải chạy toán loạn.

Sau cuộc ẩu đả, bảo vệ vũ trường đã bắt giữ một đàn em của Dung Hà. Không thèm rời ghế, Dung Hà đã cho đàn em gọi Hải Bánh đến và ra lệnh: Thả tên đàn em bị bắt ra, đồng thời báo cho chủ vũ trường và Năm Cam biết là Dung Hà muốn góp cổ phần vào Phi Thuyền. Phần hùn của Dung Hà chỉ là... một triệu đồng, nhưng phần chia y thị đòi phải bằng phần hùn của người góp cổ phần cao nhất, nếu không được đáp ứng sẽ quậy tiếp!

Hận nỗ dom đóm, nhưng không dám coi thường Dung Hà, Hải Bánh phải liên tục gọi điện thỉnh ý kiến Năm Cam. Năm Cam điên lắm. Nguyên tháng 8.1998, khi Dung Hà mới chân ướt chân ráo vào Nam, Năm Cam đã nhận Dung Hà làm em kết nghĩa đồng thời đã từng nhiều lần cho Dung Hà tiền để mở quán bar ở số 17 Bùi Thị Xuân, rồi ủng hộ 30 triệu đồng để Dung Hà mở sòng bạc lụ xây tại chỗ. Sau đó, thấy chỉ ngay sau ngày đầu tiên hoạt động, sòng của Dung Hà đã lãi ròng hơn 70 triệu đồng, Năm Cam chóng mặt ra lệnh dẹp ngay. Tiền vô như nước, Dung Hà không nghe, tiếp tục gá bạc. Đã thế, y thị còn ngang nhiên thách thức ông trùm bằng cách nhiều lần dẫn đàn em ra Biên Hòa, Đồng Nai phá tan hoang sòng của Năm Cam do Ba Mậu chỉ huy ở số 180, khu tập thể đoàn 45 phường Long Bình,

cố ý dẫn dắt các đối thủ gây thanh thế để tranh giành lãnh địa cờ bạc và tranh quyền bảo kê.

Không chịu đựng hơn được nữa, Năm Cam ra lệnh cho Hải Bánh:

– Chú gặp Dung Hà, nói với nó là chỗ làm ăn của anh em, đừng quậy phá nữa. Phải điều đình với nó để sống.

Biết rõ sự ương ngạnh của Dung Hà, Hải Bánh hơi ngại:

– Nếu không điều đình được thì sao?

Câu trả lời của ông trùm chính là lệnh hành quyết:

– Việc của chú là phải biết làm sao rồi, điều đình không được thì tự chú tính, nếu xảy ra chuyện gì dính dáng đến pháp luật, chính quyền để anh lo. Anh không muốn thấy mặt Dung Hà nữa.

Không hỏi gì thêm, Hải Bánh lặng lẽ thi hành. Theo lệnh của Hải, đêm 1.10.2000, hai tên sát thủ Nguyễn Việt Hưng, Nguyễn Xuân Trường đã im lặng lên đường, mang theo khẩu rulo với năm viên đạn mượn của Đảng tây, tức Lưu Tấn Nhơn, ông chủ của quán Karaoke Ca Dao trên đường Thi Sách. 0 giờ 25 phút ngày 2.10.2000, một viên đạn duy nhất đã nổ từ trên tay sát thủ Nguyễn Việt Hưng, hạ gục Dung Hà ngay trước cửa sổ nhà 17 Bùi Thị Xuân, quận 1, chấm dứt một cuộc đời đầy tội lỗi của nữ quái Hải Phòng.

Sau vụ hành quyết, Năm Cam và Hải Bánh đều lo sợ bị công an sờ gáy nên tuyệt đối tránh mặt không gặp gỡ nhau. Cẩn thận hơn, ngay sau đó Năm Cam còn đổi số điện thoại di động, để phòng bắt trắc. Mãi hai tháng sau, kệt quá, Hải Bánh đành liều mạng dắt Hưng, Trường đến tận nơi gặp mặt, Năm Cam mới chịu ném ra 10 triệu đồng bố thí, kèm theo những câu nói ồm ồm:

– Đề từ từ rồi anh tính.

Thực tế, điều duy nhất mà Năm Cam tính là tìm cách đưa Hải Bánh vào chỗ chết, mặc kệ Hải Bánh ngày đêm ngay ngáy vì vừa lo bị công an bắt, vừa sợ giang hồ Hải Phòng đang sùng sục đòi lấy máu trả thù. Hẳn biết,

giang hồ đất Cảng đã ra giá một ngôi nhà giá 150 lượng vàng cho bất cứ kẻ nào hạ được Hải Bánh.

Biết Năm Cam đang tìm cách bỏ rơi mình, Hải hận bầm gan nhưng không làm gì được, chỉ còn biết chửi đồng:

– Thăng già chó đẻ!

Đang vỡ mật vì lo thì những tháng sau đó, Hải Bánh lại liên tục phải chống đỡ với hai băng nhóm lạ hoắc liên tục thay nhau đến quây phá vũ trường. Có năm mơ tên giết thuê máu lạnh cũng không thể ngờ những kẻ lạ mặt chính là đàn em của... Năm Cam gửi đến. Mục đích, ông trùm muốn gây căng thẳng, tạo cơ cho Hải Bánh nổi nóng, dẫn đến manh động, sẽ sớm vào tù. Nếu điều đó xảy ra, Hải Bánh vào trước, bàn tay nhám nhúa của ông trùm sẽ thò vào ngay sau đó để điều khiển đám đại bàng trong trại thủ tiêu Hải Bánh, bịt đầu mối.

Hải Bánh quả thật đã không giữ nổi bình tĩnh. Luôn sống trong trạng thái phập phồng lo sợ, đầu óc Hải loạn cả lên. Hẳn dễ dàng nổi khùng vì bất cứ lý do nào. Vì một xích mích rất nhỏ con (cãi nhau vì không cho mượn điện thoại di động), ngày 25.5.2001 tại nhà hàng Tân Hải Vân, Hải Bánh đã dùng nguyên một chõng đĩa giáng xuống đầu một khách ăn khác khiến anh này trọng thương. Vì tội cố ý gây thương tích, Hải bị công an tóm cổ.

Không giống như dự định của Năm Cam, công an đã đưa ngay Hải Bánh xuống trại giam Công an tỉnh Tiền Giang, khiến mưu đồ với tay theo của ông trùm hoàn toàn phá sản. Sau nửa năm ngồi tù, đủ thời gian để suy nghĩ đầy đủ về nghiệp chướng giang hồ, về bộ mặt thật và âm mưu thâm độc của Năm Cam, lại chẳng thấy “anh Năm” lo lắng được chút nào cả, Hải Bánh quyết định khai hết. Ngày 5.12.2001, lần đầu tiên tên giang hồ cộm cán chịu vứt bỏ thái độ lì lợm, khai nhận toàn bộ chi tiết về vụ hạ sát Dung Hà. Cánh cửa bí mật được mở toang, đường xuống địa ngục mở ra thông thoáng, cuốn toàn bộ Năm Cam và băng đảng vào đáy sâu để bắt chúng phải trả giá cho những tội ác mà chúng đã gây ra.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 2.2003

Thiên đường để chết

1 || Du mục

Rất có thể bạn sẽ chẳng tán đồng, nhưng dù sao, tôi vẫn cứ tin rằng đôi khi những biến cố lớn, những sự kiện đáng nhớ trong đời lại có khởi nguồn hoặc đến với chúng ta một cách hết sức ngẫu nhiên. Ngẫu nhiên, tôi đến với nghề báo. Ngẫu nhiên, tôi gắn công việc và thời gian của mình với những chuyến đi... Những lúc một mình với chiếc xe gắn máy cà tàng rong ruổi qua từng miền đất lạ của rẻo đất cong cong hình chữ S, tôi thường cảm thấy lòng dội lên một cảm giác lâng lâng khó tả.

Lâu dần thành quen, công việc đã vô tình biến tôi thành một tín đồ của chủ nghĩa xê dịch, luôn phải đi và muốn đi. Thú vị là ở chỗ, những lúc rong ruổi đường xa, tôi lại có cơ hội để gặp lại tuổi thơ trong những cơn mơ mòng hiệp khách, chủ yếu hình thành từ những trang sách ngẫu nhiên đọc trộm và đam mê khám phá.

Cũng ngẫu nhiên như thế, năm 1997, cái địa danh “bãi vàng Phước Sơn” đã tình cờ lọt vào tai tôi và nằm lại đó như một bí ẩn nhiều sức hút. Năm ấy, mưa lũ không lớn lắm. Nhưng ở một xứ sở mà cơ sở hạ tầng còn yếu kém như đất nước thân yêu của chúng ta thì không cần lớn, thiên tai cũng dư sức gây đại họa. Riêng tại Quảng Nam, với trận lụt “không lớn lắm” năm ấy, toàn tỉnh đã có “97 người chết và mất tích”. Thật ra, “chết” với “mất tích” cần phải được hiểu chẳng qua cũng chỉ là một! Trước cơn rùng

mình, nổi gai ốc của tôi, Thiếu tá Nguyễn Đức Thành, Phó phòng PX15 Công an tỉnh đã cay đắng bổ sung:

– Đó là chưa kể những người đã bỏ mạng tại bãi vàng Phước Sơn đấy. Dân đào vàng toàn người tứ xứ, sợ luật pháp nên không ai trình, ai báo. Dù cố gắng mấy, ngành công an cũng không thể thống kê chính xác được. Chỉ riêng bãi Nguyễn Văn Ngọc đã có 21 người chết. Tỉnh phải đem máy xúc lên đào suốt cả tuần mới lấy được xác các nạn nhân!

Biên độ chênh chuẩn quá lớn giữa các con số của báo cáo quan liêu và thực tiễn sống động đã khiến thói quen phân tích cố hữu của gã nhà báo là tôi mừng tượng ra một đời sống khốc liệt, khốn khổ và đang bị lãng quên ở vùng vàng. Đối với nghề cầm bút, đó là một đề tài có sức hấp dẫn ghê gớm.

Cho đến lúc đó, thông tin mà tôi có được về “miền đất hứa của những kẻ liêu” vẫn không có gì nhiều hơn đôi dòng văn tắt: Phước Sơn là một huyện miền núi phía Tây Quảng Nam, giáp Lào và tỉnh Kon Tum. Cả huyện có 18.000 dân. Thời chống Mỹ, đó là căn cứ của Cách mạng, nhiều trận đánh ác liệt tổn nhiều xương máu đôi bên đã nổ ra, hình thành nên những địa danh huyền thoại đã đi vào văn chương, sách vở: cao điểm E, Sân bay Hiệp Đức, ngầm Phước Mỹ, cầu Đắc Xà Ê... v.v. Nếu chỉ với từng đó thôi, Phước Sơn cũng đã đủ cuốn hút tôi với bao nhiêu nỗi tò mò. Nhưng hơn thế nữa, cho dù khuôn mặt đen đúa, không đáng được gọi là thư sinh, cũng không thuộc vào tuýp người cao quý luôn tin chắc rằng mình có một tâm hồn lãng mạn thì từ hơn 10 năm trước, tôi cũng đã trót phải lòng mấy câu thơ của Trinh Đường:

Sông Phước Mỹ đổ xuống nguồn Vu Gia

Anh biết đổ vào đâu quanh năm nước lũ

Xã Phước Mỹ giáp Gia Lai - Kon Tum

Anh giáp với ai trong mang mang hoàn vũ

Quá xã Phước Thành đến huyện Trà My

*Quá lòng anh đến đâu xa xứ
Núi Xuân Mãi vươn lên thì gặp trời
Anh vươn lên e cháy đầu nắng lửa
Phước Sơn có vàng có quế có trầm hương
Anh chỉ có một bài thơ viết dở...
(Bài thơ nhờ độc giả huyện Phước Sơn đặt đề)*

Hai mươi bảy tuổi, đã qua lâu rồi cái thời sách vở, trong tôi không còn mơ mộng những chuyện phiêu lưu hảo huyền, nhưng niềm đam mê kỳ lạ về những vùng đất xa xôi, những điều lạ lẫm thì vẫn còn nguyên vẹn. Ngay lập tức, cái địa danh Phước Sơn xa lạ kia trở thành nơi mà tôi tự nhủ lòng rằng phải đi, phải đến và phải thấy.

Hùng, một tài xế có “tay lái lụa” ở Công an Quảng Nam bảo tôi:

– Nếu muốn, sắp xếp thời gian lên đây tôi chở ông đi. Vùng đó, tôi rành như lòng bàn tay. Còn tính đi xe máy thì quên đi. Khổ không qua nổi đâu. Tôi cam đoan bãi vàng Phước Sơn không hề giống bất cứ nơi nào mà ông từng biết.

Tôi không trả lời Hùng. Ở cơ quan hoặc đôi lúc ngồi giữa bạn bè thân, loại người như tôi vẫn thường được những người xung quanh xem là điên. Tôi cũng chẳng thấy cần phải thanh minh, bởi thằng điên nào cũng có cái lý riêng của nó. Bạn bè, đồng nghiệp và những người thân của tôi, tất cả đều tử tế, đáng kính và cẩn thận. Họ không tài nào hiểu nổi cái lý giản đơn là những khó khăn, vất vả, thậm chí nguy hiểm nữa, mới chính là ma túy của những kẻ ưa xê dịch. Thiếu nó, cuộc sống của những kẻ mang máu ngẫu hứng, “rồ dại” như tôi xem ra chỉ đáng bỏ đi.

Thế nhưng, cũng phải hai năm sau đó, tôi mới có cơ hội biến dự định của mình thành hiện thực. Lại hoàn toàn là quyết định ngẫu nhiên bởi thật ra, trong kế hoạch ban đầu, nơi tôi sẽ đến không phải là bãi vàng Phước Sơn mà là bãi đá sapphire Trường Xuân ở Đắk Nông, Đắk Lắk, cách thị trấn Gia Nghĩa 29km.

Ngày 14.5.1999, mưa tầm tã, tôi vượt một lèo 250 km từ Sài Gòn lên đến Gia Nghĩa. Thuyết phục, năn nỉ mãi các anh công an huyện Gia Nghĩa vẫn dứt khoát không dẫn đường, cũng không cho phép tôi bén mảng vào bãi đá quý. Lý do đơn giản: nguy hiểm. Bãi đá sapphire Trường Xuân từng được mệnh danh là một “Texas City ở Việt Nam”. Trong bãi tập trung hầu như không thiếu thứ gì các loại tệ nạn xã hội. Cư dân của bãi đá này (khoảng hơn 1.000 người) chỉ gồm hai loại: những tên đầu trộm đuôi cướp trốn lệnh truy nã và những con nghiện oặt xà lai, thiếu sức sống nhưng thừa máu liều... Không còn cách nào khác, tôi quyết định gửi đồ đạc lại công an huyện và bắt xe ôm một mình thâm nhập vào bãi đá. Để tăng cảm giác tự tin, tôi nhét vào trước bụng một khẩu rulo có 5 viên đạn hơi cay và hơi ngạt, thứ công cụ hỗ trợ “làm dáng là chính” được cơ quan cho phép mang theo (có giấy phép) trong những chuyến công tác đường dài.

Không người dẫn đường, không quen biết ai, cũng chưa định... gặp tai nạn, tôi không thể mạo hiểm đột thẳng vào khu vực lán trại của dân đào đãi đá dựng lên xung quanh hai bờ suối Đắk Tol nằm kẹt giữa những ngọn đồi. Để nâng tầm quan sát, tôi quyết định rúc lên rừng le mọc kín quanh ngọn đồi phía Tây Bắc con suối. Chỉ cần có một chút xiu kinh nghiệm đường rừng, bạn đọc cũng đã có thể hình dung ra tôi đã phạm những hai sai lầm một lúc. Thứ nhất: chỉ có những kẻ thiếu hiểu biết mới công không đi rừng vào mùa mưa. Thứ hai, lớp lá mục của rừng le chính là “thiên đường” của các loài vắt, con nào con nấy to nần nần như ngón tay cái. Tiếng bước chân đạp lên cành khô, lá mục của tôi đã khiến lũ vắt đang “ngủ say” thức giấc. Chúng “nhồm” lên và búng đi nghe rào rào...

“Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” hay gọi là “có duyên nghề nghiệp” thì cũng thế. Thiếu kinh nghiệm thậm chí có gọi là dốt nát đi chẳng nữa cũng chưa chắc đã là quá tệ. Khi bò lên hết đỉnh đồi có rừng le, tầm mắt đủ quan sát mọi động tĩnh của vùng bãi đá, tôi chợt phát hiện ra có 4, 5 người mặc quần áo như dân lao động cũng đang lui cui chui rúc trong rừng le như tôi. Lúc này, tôi mới chợt nhớ ra: ở trước đây nhà nát là lán trại của Xí nghiệp đá quý Đắk Lắk dựng gần bãi khai thác, tôi có trông thấy một chiếc

xe Uoát mang biển số trắng 29L..., có lẽ chiếc xe đó là của những người đang lui cui phía cuối đồi le. Theo suy đoán, tôi nghĩ rằng họ đang tìm cách phát rừng, tìm đất để làm rẫy cà phê. Vào thời điểm đó, phá rừng làm rẫy cà phê là phong trào đang rầm rộ ở Đắk Lắk. Nhưng, mất gần trọn buổi chiều bí mật quan sát, tôi vẫn không hề thấy họ hạ một khúc cây, đốt một vạt rừng nào. Bị kích thích bởi sự ngạc nhiên, tôi quyết định mò đến tận nơi. Nếu họ cũng như tôi, đến bãi đá sapphire mà không phải để đào đãi thì chắc là không có gì đe dọa, tôi nghĩ thế.

Nhưng, còn cách tốp người nọ cỡ 100m, tôi đã bị chặn lại bởi một tiếng quát:

– Đứng lại! Ông đi đâu?

Giật bản mình, tôi thò tay vào báng súng và từ từ quay đầu lại. Và trợn mắt ngạc nhiên. Hùng, gã lái xe của công an Quảng Nam đang đứng đó há hốc mồm, y như tôi vậy (!).

– Ông đi đâu đây?

– Vậy anh đi đâu đây?

Thì ra, những người mà tôi ngỡ đi phá rừng trồng cà phê kia, không ai khác, chính là các cán bộ của Phòng Cảnh sát Điều tra Công an Quảng Nam. Họ đang mai phục để truy bắt những tên tội phạm nguy hiểm do tên Nguyễn Văn Thanh, tức Thanh “sứ” cầm đầu. Chúng đã gây hàng chục vụ cướp của hiếp dâm ở bãi vàng Phước Sơn, sau đó tắt rừng vọt sang Kon Tum rồi mò lên bãi sapphire Trường Xuân trốn tránh. Vô tình, máu mao hiểm đã đẩy tôi lọt vào giữa một cuộc truy kích. Cơ hội ngàn vàng, xin thề là có đuổi tôi cũng không đi! Bất đắc dĩ, Trung tá Huỳnh Đức Cường, Phó phòng Cảnh sát Điều tra Công an Quảng Nam, người chỉ huy cuộc truy kích đành phải chấp nhận cho tôi nhập bọn, đơn giản vì không thể để tôi rời ra, dễ lộ khiến đối tượng đánh hơi chạy mất.

Trong hai ngày sau đó, tôi đã theo chân các anh Cường, Trung, Dũng, Nhậm, Hùng... tiến hành đột kích xuống khu Bờ Suối hai lần, bắt giữ bảy kẻ tình nghi. Trong số đó, có bốn tên: Bắc phò, Tiên nghiệm, Lanh và Thanh

Hàng trắng là những tên cướp đào thoát từ bãi vàng, hiện đang bị truy nã. Riêng Thanh sút, tên cầm đầu đã may mắn thoát vòng vây, với một khẩu K54 đầy đạn. Oái ăm ở chỗ, trên đường chạy, Thanh “sút” đã vọt xuống phía dãy lán của xí nghiệp và cuống cuống chui vào chiếc... U oát của những người Công an truy đuổi để... ăn trộm quần áo cải trang trước khi chạy mất. Tên Thanh “hàng trắng” cũng lao qua đầu những người truy kích tính lui vào rừng le. Nhưng không kịp, chỉ thoáng nửa giây, khẩu súng trong tay Trung tá Huỳnh Đức Cường đã kịp vẩy theo. Viên đạn duy nhất thoát nòng găm vào bàng quang đã xô tên tội phạm ngã úp mặt xuống suối, đành phải tra tay vào còng và được đem đi cấp cứu.

Trong hai chuyến đột kích ấy, tôi, vì không phải cảnh sát điều tra, không có chuyên môn, nghiệp vụ nên được phân công “lao động giản đơn”, chỉ phải làm duy nhất một công việc nhẹ nhàng, đó là rút khẩu ru lô của mình ra và đứng canh không cho những tên cướp đã bị còng tay từng hai tên một chạy trốn. Dù vậy, cũng có thể xem như tôi đã “đồng cam cộng khổ”, cho nên cánh điều tra mặc nhiên coi tôi như một “phe ta”, chịu chơi và thân thiết. Dự định vào bãi vàng của tôi được Trung tá Cường và các trinh sát ủng hộ ngay. Cường hẹn:

– Đúng một tuần nữa gặp nhau ở bãi vàng. Chuyên án này (chuyên án CD99) mà xong, ông tha hồ tư liệu mà khai thác.

3 giờ chiều ngày 16.5.1999, tài xế Hùng phóng chiếc Uoát chở tên Thanh về Bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh rồi trở lại ngay. 2 giờ sáng, anh đã có mặt trở lại ở công an huyện Đắc Nông để sáng hôm sau đưa các cán bộ điều tra và những tên bị bắt theo quốc lộ 14, rẽ quốc lộ 26 rồi xuôi quốc lộ 1A về Quảng Nam. Tôi không đi theo họ mà tiếp tục ở lại Đắc Nông thêm một ngày để hoàn tất nốt phần việc của mình. Ngày hôm sau, chiếc xe máy của tôi đã dừng lại ở thị xã Plây Cu. Tôi quyết định nghỉ lại ở phố núi một đêm, kiểm tra xe cộ trước khi “một mình một ngựa” ngược đường 14 để thâm nhập vùng vàng.

Trước khi công trình đường Hồ Chí Minh xuyên Trường Sơn được khởi công, từ Quảng Nam đi lên Kon Tum xem như hoàn toàn không có đường.

Để đến thị trấn Khâm Đức - thủ phủ của vùng vàng, dân đào vàng thường xuất phát từ TP. Đà Nẵng hoặc thị xã Tam Kỳ (Quảng Nam), đi ngược lên. Đoạn này xa hơn - khoảng 200 km - nhưng còn có thể gọi là đường, còn có người qua lại, phòng khi bất trắc. Đoạn từ thị trấn Plei Càn (Ngọc Hồi, Kon Tum) xuống tuy chỉ dài 130 km nhưng hoàn toàn xuyên trong rừng già, lại bị chặn ngang liên tục bởi vô số những ngọn núi có cao độ không dưới 1.400m, hai bên đường hầu như không có dân cư.

Người khai sinh ra con đường độc đạo này không ai khác, chính là Ngô Đình Diệm. Ngô Đình Diệm là Tổng thống Việt Nam Cộng hòa thì đúng rồi, nhưng khổ nỗi ông ta lại là vị Tổng thống có năng lực cai trị của một quan thanh tra tản mạn. Xuất thân từ tầng lớp quan lại quan liêu, khi trở thành Tổng thống của cả một “quốc gia dân chủ”, ông Diệm vẫn mang nặng lối tư duy duy ý chí mà thiếu trầm trọng những năng lực chuyên môn. Để “cải thiện dân sinh”, năm 1957, Diệm đã hô hào dựng lên ở miền Nam hàng loạt khu trù mật, hàng loạt tỉnh tân lập. Năm sau, 1958, trong tham vọng “nối Cao nguyên với Duyên hải miền Trung”, ông ra lệnh cho xây dựng một tuyến đường độc đạo xuyên từ Tây sang Đông Trường Sơn, nối Kon Tum với Quảng Nam, bất chấp con đường đó phải xuyên qua vô số rặng núi đá hiểm trở của vùng Tây Trường Sơn trước khi đâm chéo sang hướng Đông Bắc - cũng hiểm trở không kém - đổ vào địa phận tỉnh Quảng Nam. Vào thời bình, với mục đích phát triển kinh tế, điều kiện thi công thuận lợi, rất có thể đây là một ý tưởng tốt và khả thi. Khổ nỗi, ông Diệm lại là một Tổng thống của thời chiến, chỉ quen cai trị bằng mệnh lệnh nhưng thiếu đầu óc bao quát và khả năng tư duy trừu tượng nên ông bất chấp. Theo lệnh của ông, cuối năm 1958, một đại đội công binh và hai đại đội Bảo an bảo vệ công trường đã được cắt ra, giao cho đại úy Trần Văn Kha chỉ huy kéo lên Kon Tum để xây dựng con đường này. Dù đã hết sức cố gắng đi kèm với hàng loạt phúc trình về điều kiện an ninh không bảo đảm, Trần Văn Kha vẫn không tài nào hoàn tất nổi nhiệm vụ được giao. Công tác thi công gần 200km đường qua một địa bàn toàn rừng rậm, núi cao và hầu như không có dân cư, làng mạc đã khiến cho hai đội Bảo an

không thể bảo vệ nổi con đường trước những cuộc tập kích bất ngờ và liên tục của quân cách mạng. Ngày 21.10.1960, hàng loạt đồn bót, cứ điểm gồm Dakpet, Daksout, Dakse ở Kon Tum bị “Việt cộng tấn công ồ ạt và tràn ngập”, Ngô Đình Diệm phải gửi gấp ba tiểu đoàn dù của Nguyễn Chánh Thi lên cứu viện. Một tuần sau, ngày 28.10.1960, đại đội bảo an và đại đội công binh thi công cùng một loạt đồn bót bảo vệ công trường khác thuộc địa phận Quảng Nam lại bị tấn công, gây thiệt hại nặng nề: quân lực bị tiêu hao, phương tiện cơ giới bị phá hủy, đồn bót bị phá vỡ. Trước đó đúng hai tháng, sân bay Hiệp Đức và căn cứ bố phòng tại cao điểm (thị trấn Khâm Đức) cũng bị tấn công dữ dội, một máy bay bị bắn cháy, cao điểm E bị quân cách mạng chiếm giữ sáu tiếng đồng hồ liền, toàn bộ hệ thống bố phòng bị phá hủy, toàn bộ vũ khí bị tịch thu, trước khi quân tiếp viện kịp tiếp ứng và tái chiếm.

Làm chưa xong đoạn này, đoạn khác đã bị tấn công phá hoại, Trần Văn Kha không còn cách nào khác, đành viết báo cáo xin từ nhiệm. Đến năm 1962, công trình đường 14 “nổi dài” của ông Diệm đành phải bỏ dở khi chưa thể hoàn thành.

15 năm chiến tranh sau đó, đoạn đường 14 này đích thực là một bãi chiến trường, ta và địch giành nhau từng mét một. Đó là cửa ngõ duy nhất tiến vào vùng Bắc Tây Nguyên, là hành lang cho những đoàn xe tăng, pháo binh quân giải phóng tiến đánh hàng loạt căn cứ Plei Me, Plei Cần, sân bay Phụng Hoàng, Đắk Tô, Tân Cảnh... từ đó thọc xuống Kon Tum và Gia Lai. Sau chiến dịch Hạ Lào năm 1971, mặt đường đã bị bom pháo cả hai bên giã nát. Gần 1/4 thế kỷ sau sau ngày giải phóng, đoạn đường độc đạo này hầu như bị lãng quên, không hề được tu sửa, không có ai qua lại, bởi quá nguy hiểm. Bằng máu phiêu lưu cá nhân, sau bốn thập kỷ, tôi đã có dịp dẫm chân lên con đường phiêu lưu chính trị của ông Ngô Đình Diệm!

Với những người giàu kinh nghiệm thì đây là con đường chỉ dành cho hai hạng người: những tên cướp từ bãi vàng tắt đường trốn sang Kon Tum hoặc những anh công an đang truy tìm bọn cướp. Khi quyết định chọn ngả “không thể vượt qua” được này, xuyên từ Tây sang Đông dãy Trường Sơn,

để thâm nhập bãi vàng, tôi đã tự biến mình thành loại thứ ba, loại người thiếu kinh nghiệm trầm trọng. Đi là để biết, tôi không muốn chọn cho mình con đường dễ!

2 || Xuyên Tây Trường Sơn

8 giờ sáng ngày 18.5.1999, từ thị xã Plei Ku còn đúng 24 giờ đồng hồ nữa sẽ chính thức trở thành thành phố, tôi bắt đầu xuất phát. Ngoài chiếc xe Dream lùn làm phương tiện, tôi chỉ có duy nhất một “bạn đồng hành”: một tấm bản đồ đường sá (Nam) Việt Nam do hãng dầu nhớt ESSO ấn hành năm 1968.

Bản đồ có vẽ nghĩa là có đường. Có đường thì phải có người đi. Người ta đi được thì tôi đi được... Cái tam đoạn luận trình độ tiểu học ấy là niềm tin duy nhất để tôi dẫn thân vào cuộc hành trình. Cứ nghĩ đến việc được đạp lên những đoạn đường thời chiến, lửa hăng hái đã cháy lên trong tôi ngàn ngút. Đường vắng, nắng nhẹ, sau hai tiếng rưỡi, tôi đã vượt qua Kon Tum rồi Đắc Tô, Tân Cảnh, sân bay Phượng Hoàng... và có mặt ở thị trấn Plei Càn, cách Plei Cu đúng 150 km. Trước mặt tấm biển chỉ đường đã mờ nhưng vẫn còn đọc được, đề: Ngã ba biên giới - 18km. Đá chân chống xe, tôi nín thở nhìn một người đàn ông đang lùa bò qua đường hỏi một câu rất... oách:

– Bác ơi, sang Lào đi ngã nào?

Hỏi chỉ để mà hỏi, kỳ thực tôi không hề có ý định... vượt biên bằng xe máy.

Bên tay phải, con đường xuyên Tây Trường Sơn cũng đã hiện ra. Mặt đường không khác gì một dòng suối cạn, phủ đầy đá củ đậu, bị nước mưa bào mòn thành vô số hố rãnh khiến xe máy cứ chồm chồm nhảy từng bước vài mét một. Sau gần 20 km, khi tay lái đã mỏi nhừ, tôi gặp trục trặc đầu tiên: xì bánh sau. Nặng như đổ lửa. Hai bên đường là những bản làng dân tộc thưa thớt và heo hút, không hề có chỗ vá, lại không mang theo đồ nghề,

tôi đành lặc lè dắt bộ lên dốc xuống đèo. Điều an ủi duy nhất là cảnh ven đường tuyệt đẹp. Ngay dưới chân tôi là sông Krông Pôcô, một dòng sông hẹp nhưng sâu và trong vắt, chảy cặp bên đường. Giá mà được vớt xe nhảy ùm xuống đó để gột sạch lớp bụi đường và làm dịu cái nắng cao nguyên đang thiêu đốt thì hay biết mấy. Nhưng không thể. Bờ sông là vách đá dựng đứng, sâu cách mặt đường từ 30 - 50 m.

Được hơn cây số, vị cứu tinh xuất hiện. Sau khi hoàn tất một miếng vá với giá 25.000 đồng, gã xe ôm vùng sơn cước tỏ ra áy náy bảo tôi:

– Không có đồ xơ-cua, đi đường rừng nguy hiểm lắm. Nếu anh cần, tôi tính giá hữu nghị: 100 ngàn cả hai thứ. Cái bơm tôi mới xài hai năm. Cái ruột (xe) cũng còn tốt chán, mới vá có... sáu lỗ.

Dĩ nhiên, các loại ruột mới vá có sáu lỗ mà vẫn còn tốt chán không phải là thứ nằm trong ý thích, cho nên tôi chỉ nhã nhặn cảm ơn và chuồn gấp để bảo vệ sự tồn tại cho 100 ngàn.

Hơn một giờ chiều, dừng ăn trưa tại Đak Glei - thị trấn cuối cùng của tỉnh Kon Tum - tôi gặp thêm người tử tế thứ hai. Hưởng, như lời tự giới thiệu, tay bưởng thứ thiệt vừa từ bãi vàng thôn 8, xã Phước Thành mò ra, nhìn tôi bằng ánh mắt thương hại của một kẻ từng trải:

– Quên chuyện vượt đèo Lò Xo bằng xe của ông đi. Thử tưởng tượng: Ông sẽ phải vượt 65km đường rừng với vô số đèo dốc và không hề gặp một bóng người. Chỉ một thân một mình, lữ ra... Cứ nghỉ lại đây một đêm. Nếu muốn vào bãi, mai gửi xe lại, tôi đưa ông vào. Đi một mình như ông đừng hy vọng đến nơi, họa có khùng!

Không nên gọi người chưa quen là “khùng” bởi rất có thể bạn sẽ gặp một tay... khùng thật, lúc đó thì nguy lắm! Tuổi trẻ cao ngạo và dốt nát, tôi ném cho gã một cái nhìn khinh mạn:

– Tôi không có thói quen bỏ cuộc chỉ vì một lời khuyên xa lạ!

Với tôi, mối đe dọa trong trí tưởng tượng bao giờ cũng đáng sợ hơn nhiều so với những đe dọa gặp trong thực tế. Hưởng không tự ái, chỉ trả lại cho tôi nguyên vẹn cái nhếch mép:

– Được, ông cứ đi đi. Cam đoan chiều nay ta lại có dịp cùng ăn tối tại quán này! Nên nhớ, những kẻ ông gặp trên đường, không phải thằng nào cũng tử tế như tôi đâu.

Lại tiếp tục lên đường. Trời đang nắng đột nhiên tối sầm rồi mưa quất chéo mặt. Chỉ vài cây số, con đường đã mất hút giữa rừng già; dốc, cua chóng mặt và không một bóng người. Toàn đá, đá và đá. Được đôi đoạn đường đất thì lại trơn kinh khủng. Khẩu hơi cay giắt trước bụng, cả người lệt thốt trong chiếc áo mưa rộng thùng thình của Báo ANTG, tôi gần như chồm người đè lên guidon để giữ tay lái, mặc kệ cho bánh xe sau cứ tuột quăng quật ra hai bên. Khoảng một giờ sau, khi vòng tránh một bãi lầy khổng lồ tôi mới thở phào: con đường có vẻ như rộng ra, dễ đi hơn. Quá tốt, tôi cứ cắm mặt cho xe vượt dốc. Cho đến khi một đồng hoang tàn phủ rêu bồng nhảy ra trước mặt, tôi mới ngớ ra: lạc đường. Nơi tôi đang đứng là... ngục Kon Tum. Lại lộn xuống dốc. Hóa ra, bãi lầy kinh khủng kia là ngã ba, đi thẳng là Quốc lộ 14 về Khâm Đức, còn rẽ phải là tỉnh lộ dẫn lên ngục Kon Tum!

Mất hơn 15 phút mới vượt hết bãi lầy bất trắc, tôi lại tiếp tục lóc cóc tiến sâu vào rừng già. Cách 10 m đã không nhìn thấy con đường. Rừng già giao tán phủ kín lối đi. Thỉnh thoảng bánh xe lại khựng lại vì vấp một cục đá to, hất tôi ngã nhào xuống mặt đường.

Trời vẫn mưa. Mưa Tây Trường Sơn không lớn lắm nhưng dai dẳng. Sau hơn chục lần té lên té xuống, tôi mới lần lên được đến đỉnh đèo Lò Xo. Mới bốn giờ chiều nhưng rừng đã sập tối. Tịnh không bóng người, chỉ mây núi ken đặc luồn qua chân, phủ vào mặt lạnh lạnh. Khuỷu tay, đầu gối đều trầy trụa và sưng vù, bùn ngập từ chân lên đến đầu khiến tôi cảm thấy cô đơn và chán nản ghê gớm. Nhưng tôi không thể quay lại. Sự lì lợm và cố chấp của tuổi trẻ sẽ khiến tôi điên mất, nếu quay lại để phải nhận nộ cưỡi độ lượng và thương hại của gã đào vàng ở thị trấn Đak Glei. Lúc đó, tôi chỉ có một ao ước hết sức nhỏ nhoi là mình đang có mặt tại Sài Gòn, được mặc một bộ đồ khô ráo, rúc mình vào một quán cà phê ấm áp nào đó với một ly đen không đường và mấy điệu tango dìu dặt...

Những thách thức vẫn chưa giã ra. Mưa xối, đoạn đường bằng duy nhất trên đỉnh dốc bị núi lở chắn ngang bằng một bãi bùn khổng lồ. Vặn hết ga, tôi cho xe liều mạng vút qua. Hực một tiếng, người lao vọt qua guidon xe, tôi bị ném phịch xuống giữa bãi bùn. Bánh trước bị lút sâu trong bùn nên xe vẫn không ngã, bánh sau vẫn quay tít.

Nhắc bánh xe trước ấn xuống bùn để xe khỏi ngã, sau đó lại nhắc bánh xe sau... Thêm gần nửa giờ vật lộn bằng phương pháp “sâu đo” ấy tôi mới vượt qua được bãi lầy dài chừng hơn 100m. Đến lúc đó tôi mới cảm hết nỗi cô đơn, tuyệt vọng và nhỏ nhoi của con người trước thiên nhiên hùng vĩ. Lại lên xe, nhưng đề, đạp cả buổi máy vẫn không nổ. Nổ khùng, tôi đá lung tung vào mây và hét toáng lên những câu tối nghĩa. Không ai trả lời. Chỉ có tiếng núi âm âm vọng lại. Vài con bìm bịp - cũng cô đơn như tôi - giật mình bay vút lên!

Có khóc chắc cũng chẳng ai nghe, tôi bất lực ngồi bệt mông xuống lòng đường nhão nhoét. Vì lẽ gì tôi lại phải ném mình vào bãi bùn trên đỉnh núi này? Can đảm thì chắc là không, vì lúc này lòng tôi chỉ chất đầy cảm giác lo lắng, chán nản. Vậy thì đam mê, liều lĩnh? Tôi không biết, chỉ chắc chắn một điều, tôi sẽ không có mặt ở đây, nếu không trót mang cái chức danh nhà báo. Công việc tạo ra mục đích, và với chức danh trót nhận, tôi tin là mình có thể đi đến tận cùng thế giới.

Nói như thế, rất có thể bạn sẽ cho rằng tôi thiếu khiêm tốn. Quả thật, ngoài một trái tim kiêu ngạo, tôi chẳng còn gì khác. Với những gì đã và sẽ gặp, tôi luôn tin chắc rằng khiêm tốn thật ra chỉ là đức của những kẻ thiếu tự tin! Có thể còn có một lý do khác nữa: Tôi đi vì một ánh mắt. Tại sao gã Don Kihôtê điên rồ của xứ Mantra thì luôn có hình bóng một nàng Dulcinea để mang theo trong những chuyến lang thang mà tôi thì không nhỉ? Có điều, nàng Dulcinea của tôi chắc chắn không ở làng Toboso, cũng chẳng phải là “người muối thịt lợn” ngon nhất xứ. Nàng Dulcinea của tôi là một cô sinh viên đại học. Lần đầu tiên chìa bàn tay nhỏ nhắn và nóng ấm cho tôi nắm lấy, em mới 19 tuổi. Ngày tôi đi, em vẫn 19 tuổi. Năm tháng rồi sẽ trôi đi, nhưng tôi biết, nàng Dulcinea của tôi sẽ vĩnh viễn cứ 19 tuổi.

Nhìn vào đôi mắt trong veo của em, tôi biết mình vẫn chưa đủ phong trần để đến bên em thay hoa làm quà tặng. Thế là tôi cứ đi, đi và đi... Khi ngồi bệt trên đỉnh Lò Xo, tôi chợt nghĩ về em, rất lâu, với một chút hối tiếc: tôi đã không hề nói với em một câu nào về chuyến hành trình sắp tới. Biết sao được. Tôi không muốn vì tôi, mắt em phải nhuộm màu lo lắng.

Có một điều phi lý: trong bản đồ của hãng ESSO, đỉnh Lò Xo cao 1448m. Nhưng sau này, ở một bản đồ khác mới xuất bản mà tôi tìm được ở thị xã Tam Kỳ, cao độ này lại tăng vọt, những 1.600m.

Đúng lúc rơi tõm vào tuyệt vọng, lòng tôi bỗng sáng lên: Trước mặt là một bãi... phân trâu đang bốc hơi nghi ngút trong mưa. Sự sống!... Nước mắt tôi trào ra, lòng tôi dội lên một cảm giác hạnh phúc và thân thiết. Ở đâu đó trong sách vở, có lẽ chẳng ai lại ngốc nghếch để lòng mình thổn thức vì một bãi phân trâu. Cũng phải thôi, các nhà văn đáng kính, họ có thừa trí tưởng tượng để viết, cần gì phải trèo lên đỉnh núi nên làm sao bắt họ cũng phải có cảm giác như tôi?

Và tôi đã đoán không lầm. Cách đỉnh Lò Xo chỉ hơn trăm thước có một bản người dân tộc Giẻ Triêng với hơn một chục nóc nhà heo hắt. Từ trong những túp lều thấp lè tè và tối nhờ nhờ, những người đàn ông đàn bà tóc bù xù, ngồi xõm gối chạm mang tai ngó tôi áo tơi sùm sụp lóc cóc lao xe qua bằng cái nhìn lạ lẫm, dừng lại hỏi gì họ cũng lắc đầu.

Tiếp tục cuộc hành trình, tôi cứ lầm lũi cho xe xuyên rừng, leo dốc. Trên đầu tôi, đường dây 500 KV sừng sững vắt qua điệp trùng rừng núi. Ở bản người Giẻ Triêng duy nhất ấy, không ai biết đường dây kia là gì cả. Người già không biết, người lớn cũng không. Chỉ có trí tưởng tượng của mấy đứa con nít lòi rốn là tỏ ra có hiểu biết! Chúng gọi đó là những... sợi dây buộc trời!

Khi tôi đổ dốc đèo Lò Xo thì buổi chiều sắp qua hết. Trời ngừng mưa và nắng bỗng ửng lên đợt cuối cùng. Những cánh rừng sũng nước thoát trở nên vàng rộm, ngập tràn tiếng vượn hú trượt dài theo những tia nắng xiên khoai đang rưng rưng chực tắt. Cầu Đắc Chè hiện ra, đã vỡ mất hơn một nửa. Mặt cầu không hiểu sao lại nhuộm rực một màu vàng non như hoa cải.

Khi bánh xe tôi lao qua, thảm hoa cải vàng đột ngột tung lên. Sau cú giật mình, tôi ngừng xe ngay người, lần đầu tiên được chiêm ngưỡng một vũ điệu rộn ràng với hàng vạn cánh bướm đang tung bay giữa lòng khe cạn.

Để vượt qua những chân dốc kinh hồn và khúc khuỷu, không còn cách nào hơn, tôi đành cho xe bò toàn số 1 và đạp phanh liên tục. Kết quả: kim đồng hồ xăng tụt rất nhanh, chắc chắn không đủ xăng để đi nốt đoạn đường còn lại. Để tiết kiệm xăng, tôi nảy ra sáng kiến: chỉ nổ máy khi leo dốc, còn lúc xuống sẽ tắt máy, và đạp phanh cho xe tự trôi. Trả giá ngay tức khắc: cả người lẫn xe lộn nhào ngay trong cú trượt dốc đầu tiên. Rừng núi Trường Sơn không dung những trò diều cợt. Tôi nằm lăn giữa dốc, tự nhủ lòng: cùng lắm đành chấp nhận sẽ ngủ qua đêm giữa rừng. Lại lồm cồm bò dậy, lại đi. Khi trời tối hẳn thì giọt xăng cuối cùng bị đốt hết, tôi đành dắt bộ. Rừng tối như hũ nút. Hàng chục cú vấp vào đá khiến những ngón chân tôi tê dại, đau buốt óc. Vứt xe vào ta-luy dương, khóa cẩn thận, tôi quyết định đi bộ để tìm xăng. Nhưng, vừa vượt qua khúc cua, một thung lũng lửa thừa ánh điện đã hiện ra cách chỗ tôi đứng chỉ chừng 5, 6 km. Đoán chắc đó là thị trấn Khâm Đức, tôi bèn quay lại dắt xe đi tiếp. Sau đúng một giờ đồng hồ, cả người lẫn xe mới vượt thêm được đúng 1 km. Dưới chân cầu Đắc Xà Ê, những người dân đầu tiên tôi gặp ở vùng vàng tò mò nhìn gã khách lạ dắt xe vào điểm bán xăng như nhìn một kẻ đến từ hành tinh lạ. Còn tôi, quá mệt mỏi, cả người đau nhừ, đành phớt lờ tất cả, tiếp tục lên xe lết tới thủ phủ vùng vàng, cách đó chừng 4 km.

Tôi đến Khâm Đức lúc gần tám giờ đêm. Tính ra tôi đã vượt qua đoạn đường từ Đak Glei đến Khâm Đức dài 65km mất những hơn 5 giờ hồng hồ.

“Đúng là tốc độ tên lửa”, nhận xét của Thiếu tá Đào Quang - Phó Công an huyện về chuyến hành trình khiến tôi tin chắc ở Phước Sơn, tốc độ tên lửa chậm hơn nhiều so với các nơi khác, chỉ khoảng độ 13km/h!

3 || Đường đến thiên đàng

Thị trấn Khâm Đức chỉ có 7.000 dân nhưng lại có tới hơn 100 hàng quán đủ loại, chủ yếu phục vụ các thương đế vừa mò ra từ bãi vàng. Với một ít hiểu biết sơ khai do công an huyện cung cấp, tôi nhét vào túi một cục tiền và bắt đầu lân la hàng quán bắt chuyện với một số chủ bãi mới mò ra, chìa hăn thẻ nhà báo cho họ xem và bắt đầu chơi bài “xì tố”. Tại quán nhậu kiêm nhà trọ của bác sĩ X., chủ bãi Nguyễn Văn Ngọc là người đầu tiên tôi tiếp xúc.

– Nghe nói bãi anh xài thuốc nổ dữ lắm, từng sập hầm chết hơn hai mươi người một lúc, đúng không?

Câu hỏi của tôi khiến Ngọc - đang chờ ngày ra tòa - giật nảy người:

– Ăn nhằm gì anh ơi, bãi tụi Vinh “tóc dài”, Dũng Lai, Quốc con... còn chơi bạo hơn nhiều...

Cứ thế, Ngọc kể cho tôi vanh vách những thông tin về các vụ phạm pháp của các hầm, bãi khác. Với những thông tin này, tôi lại tiếp tục chặn những chủ bãi kia và... tố tiếp. Dù không ưa gì tôi, các ông chủ của vùng vàng cũng đành nuốt giận bởi không thể tấn công, trừng phạt nhằm bịt miệng tôi khi họ đang ở ngoài thị trấn. Vậy là họ lại cố thanh minh bằng cách lôi tội kẻ khác ra kể cho tôi nghe kèm theo lời nhảm:

– Không tin bữa nào anh dzô trông coi, tụi em chỉ lo làm ăn, hiền khô à.

Dĩ nhiên là tôi chấp nhận lời mời của họ một cách vui vẻ. Đã ngồi chung bàn ở thị trấn thì vào bãi tôi là khách, họ không thể uy hiếp, đe dọa gì tôi được.

Sau hai ngày, đã thu thập được hơn chục lời mời vào bãi làm khách, tôi quyết định bắt đầu cuộc chơi. Mọi con đường vào các bãi đào đều giống nhau: phải đi xe ôm, theo đường mòn vào đến điểm tập kết, sau đó đi bộ cắt núi vào bãi, gần nhất chừng một, hai giờ, xa nhất khoảng ba ngày đường, nếu thạo nghề leo núi.

Đội quân xe ôm ở bãi vàng rất đông đảo - lên đến hàng trăm người - nhưng chỉ độc một loại xe Minsk của Liên Xô cũ. Tất cả chỉ để phục vụ

khách ra vào bãi. Thị trấn bé như lỗ mũi, đi xe ôm chỉ tốn mất công leo lên leo xuống.

Gọi là đường cho oai, kỳ thực tất cả chỉ là những lối mòn được bạt sơ sài ôm quanh vách núi. “Thiết kế” và “xây dựng” những con đường này chính là đồng bào dân tộc Mơ Nông ở địa phương, mục đích để có cơ thu tiền của những kẻ đào vàng hơn là để phục vụ việc đi lại. Do vậy, những con đường thường dốc đứng một cách vô lý, rất dễ khiến cả người lẫn xe bật ngửa ra phía sau. Đã vậy, mặt đường lại hoặc trơn trượt, hoặc nhão nhoét. Nhiều đoạn, xe và người ngập trong “món cốc-tai của Trời”, bùn lút đến đầu gối. Để vượt qua những đoạn đường như thế, tất cả xe ôm đều phải gia cố bánh sau. Hai sợi dây xích nối bằng sên cam xe máy dài đúng bằng chu vi lốp xe, được nối ngang bằng những đoạn sên cam khác tạo thành một cái “rọ” xích ôm lấy bánh xe sau, hai đầu nối với nhau bằng hai đoạn ốc tằm xe đạp. Chỉ với những chiếc rọ này, bánh xe mới có thể bám vào mặt đường để leo dốc, vượt lầy mà không rơi xuống vực, không bị trượt. Ở những đoạn lầy lội, xe sau cứ ngấm thẳng vết bánh xe trước bò qua. Nhiều đoạn, vết bánh xe bị rọ xích cày thành rãnh, sâu tới 30cm. Người ngồi sau phải co hai chân lên mới không bị gạt văng mất cá. Vào mùa mưa, xe ôm bánh xích cũng chỉ chạy được từng đoạn. Qua những đoạn quá lầy hoặc quá dốc, khách được hét xuống lộ bùn hoặc đẩy xe mà không hề được trừ bớt tiền. Đã vậy, các “thượng đế” cũng chẳng được đối xử nhẹ nhàng gì cho lắm. Chưa leo lên xe, tôi đã bị Quảng, 31 tuổi, gã xe ôm mà tôi thuê đe dọa:

– Ngồi sát vào, ôm cho chặt. Coi chừng bung rọ lốp, xích văng đứt chân ráng chịu!

Tiếp đó là:

– Ngồi yên, nói xuống phải xuống, nói lên là lên, nếu không, té ráng chịu...!

Để trả cho hàng loạt sự “ráng chịu” ấy gã lái xe bảo tôi gọn lỏn:

– Năm trăm ngàn.

Tôi trợn mắt:

– Anh có điên không đấy, chỉ có ba mươi tư cây số?

Lần này thì gã xe ôm tỏ ra lễ độ:

– Dạ, không điên. Xe ôm bãi vàng luôn nói đúng giá!

Rồi tỏ ra không cảm, gã tặng cho tôi một lời giải thích miễn phí:

– Ở đây người ta không tính cây số, chỉ tính ngày đường.

Sau đoạn đường này, tôi tin chắc rằng không ở đâu giá xe ôm đắt như ở Phước Sơn, nhưng các bác tài xứ này cũng xứng đáng là các cua rơ giỏi nhất. Nếu được gọi vào đội tuyển quốc gia môn đua xe đạp đội hình, tôi cam đoan mùa SEAGAME tới, Việt Nam cứ gọi là đem rổ mà đựng huy chương vàng!

Hải nhất là đoạn men dọc suối Đắk Mỹ, xe và người cứ len lỏi quanh những đoạn đường hẹp như chiếc thắt lưng, đầy những vòng cua cùi chỏ, những con dốc như lao bổ xuống địa ngục. Một bên đường liên tục thò ra những gốc cây nhọn hoắt, chỉ sơ ý một chút là có thể bị cắm ngay vào người. Tránh cũng không được, vì chỉ chệch chừng vài gang tay là lăn ngay xuống vực. Mặt đường nhão nhoét, thỉnh thoảng lại có một đoạn được chống lầy bằng những đoạn cây dài chừng 1,2 m lót ngang. Xe đi nép một bên, sức nặng khiến đầu kia của khúc cây chốc ngóc lên, có lúc văng hắt lên trời. Vậy nhưng, Quảng vẫn đảo tay lia lịa như múa mà không hề run. Đã vậy, gã còn luôn miệng nói đủ thứ chuyện trên trời dưới biển. Nhưng tôi không trợn mắt nữa. Cho tôi một nửa con số 500.000 đồng kia mỗi ngày chắc là tôi còn huyền thuyên dữ tợn hơn nhiều. Cứ làm xiếc và huyền thuyên như thế, Quảng lần lượt đưa tôi vượt hết dốc cổng trời Phước Đức, lầy Phước Chánh, ngầm Phước Kim và cầu treo Đắk Mỹ được ghép bằng cả trăm chiếc thùng phuy.

Lúc qua dốc Bảy Cua ở xã Phước Chánh, đột nhiên Quảng đánh tay lái cho bánh trước cạ vào vách núi. Gã giải thích:

– Côn không nhả, phải cắt ambrayage thôi.

Nói là làm, gã giờ đồ nghề ra... Chưa hết, lúc đang từ từ đổ dốc, gã bỗng cho xe đổ đèo nhanh như tên bắn không một lần nhấp phanh. Ngồi sau xe,

tôi sợ vã mồ hôi, không dám nhìn chiếc xe vừa lao vừa đảo như làm xiếc trên miệng vực. Xuống hết dốc, gã cho xe lao hẳn xuống lòng suối toàn đá trâu đầm phủ rêu trơn trượt, nước ngập đến thắt lưng. Đồ đạc, máy ảnh, pin, đèn mà tôi mang theo, tất thảy đều bị ngâm vào nước. Xe khựng lại đổ nghiêng và tắt máy. Tôi vọt ngay lên bờ, vứt túi đồ xuống mặt đất, vớ ngay một cục đá và lao đến trước mặt Quảng quát:

– Đồ điên! Định giết bố mày đấy à? Sao không đạp phanh chạy từ từ?

Bác tài tỉnh bơ giải thích:

– Đứt phanh! Anh bảo làm sao tôi chạy chậm được?

Ngán ngấm và lạnh toát sống lưng, tôi quăng cục đá, thả bịch mông xuống phiến đá bên bờ suối. Quảng lúi húi giở đồ nghề. Trong lúc Quảng sửa xe, tôi tranh thủ đảo mắt quan sát khắp vùng. Bên kia suối, có một tay “mục đồng” với ngọn roi trong tay đang lừa cả một đàn gần 30 con heo, mỗi con cỡ một tạ lợi qua suối. Chỉ một mình anh ta, nhưng cả bầy heo vẫn ngoan ngoãn vượt suối rồi chen nhau chạy lon ton dọc con đường mòn. Núi rừng menh mông nhưng đàn heo vẫn tỏ ra hết sức kỷ luật, không còn nào lúi vào bụi hay rẽ sang đường khác. Quảng bù lỗ cú “đứt phanh” khi này bằng lời giải thích:

– Trước khi lừa heo đi, mấy chả lấy lửa đốt hết mi mắt chúng. Tạt ngang ngựa, đụng phải lá cây là xót nên bầy heo cứ thế đi thẳng, không chạy lung tung đâu cả. Nếu không thì còn mệt.

Ra là thế. Đúng là đi một ngày đằng học một sàng khôn. Nhưng tôi biết, đến lượt mình tôi sẽ không làm được thế. Kinh nghiệm sống của con người phần nhiều đồng nghĩa với sự nhẫn tâm, tôi theo không nổi. Có điều, vì được Quảng giải thích, tôi chợt đâm ra có thiện cảm với tên cà chớn.

Khi bầy heo vừa đi khuất, bác tài lại cho xe nổ máy. Vượt thêm chừng hai ngọn đồi, gã lại đột ngột cho xe ngoẹo đầu, dừng lại ngay lưng chừng dốc. Vẫn tỉnh rụi, Quảng thông báo:

– Nghe “cạch” một tiếng là tôi đã nghỉ. Hóa ra cần đạp số... rớt mất tiêu rồi.

Sau 15 phút quay lại tìm vẫn không thấy, gã lại trả lời ánh mắt dò hỏi đầy bức bối của tôi bằng cách ngoắt một xe ôm khác. Tôi tưởng sắp bị giờ trò sang xe, té ra không phải. Dân lái xe ôm xứ này uy tín hơn nhiều. Gã hỏi mượn “đồng nghiệp” một chiếc kim con, kẹp chết vào cốt thay cho cần số và bó chặt lại bằng một đoạn dây thép nhỏ. Cứ thế, lại leo đèo, đổ dốc, quá trưa, chiếc Minsk không côn, không phanh với chiếc cần số có một không hai ấy đã đưa tôi đến trước Trụ sở ủy ban xã Phước Thành.

Lấy tiền trả, tôi có cảm giác rất yên tâm vì cái giá “trên trời” kia là rất “phải chăng”, rất tương xứng với “con đường đau khổ” mà mình vừa trải. Chỉ hơi lo: Liên Xô tan vỡ, xe Minsk không còn được nhập, dân Phước Sơn sẽ đi xe gì để vào bãi vàng? Rất có thể họ xe mua xe... tăng. Dân bãi vàng thiếu gì tiền. Những nòng pháo các loại thì họ không cần thật, nhưng với con đường đầy dốc, đầy bùn này, vòng bánh xích xe tăng chắc là rất hữu dụng!

Nhưng gian nan của đường vào bãi, đó chỉ mới là khúc dạo đầu. Để vào được các bãi Một Nước, Một Khô, Muối, Thôn Hai, Vinh Tóc dài, Đồi Mafia... dân đào vàng còn phải đi bộ qua vô số sườn núi lởm chởm và cao ngất khác. Toàn những con dốc “kinh người”. Mỗi lúc bò lên - có khi bằng cả bốn tay chân - đầu người phía dưới cứ úi thẳng vào... mông người phía trên. Một lần ai đó bước chệch chân, một tảng đá lở ra, lăn lông lốc theo đường mòn, đe dọa đập thẳng vào đầu, vào mặt người đi sau. Muốn tránh cũng không có chỗ. Người đi sau chỉ có duy nhất một chỗ để đặt chân, đó chính là dấu chân của người đi trước, đã ăn lõm vào vách đất, kẻ đá thành những hố sâu hoắm. Leo chừng 5 phút đã bờ hơi tai, nhưng con dốc ngắn nhất, muốn vượt qua cũng mất không dưới 30 phút. Xuống dốc càng khổ hơn vì không biết bám vào đâu. Trong giày sũng nước, ngón chân cứ tõe ra, dọ dẫm lựa thế đặt từng mũi xuống. Chỉ sau một ngày leo núi, xuống dốc, ngón chân Giao Chỉ đã hành tôi khốn khổ. Vì liên tục bị ấn vào mũi giày khi xuống dốc trơn như thoa mỡ, mười đầu ngón chân tôi bị co quắp và tê dại, hai ngón chân cái tụ máu bầm đen, đau buốt óc. Sau chuyến đi này, tôi

bị thối mất hai móng chân cái, các kẽ ngón còn lại đều nứt toác và tróc lở, phải bôi thuốc sáu tháng trời mới ra móng mới và lành hẳn.

Nguy hiểm nhất là đường vào bãi thôn 4, xã Phước Kim, đoạn sau Dốc Gió. Từ trên đỉnh núi đi tắt xuống bãi, chúng tôi phải áp ngực vào vách núi dựng đứng và đi nghiêng. Bàn chân đặt từng bước vào các gờ đá, tay giang rộng để giữ thăng bằng và bám chặt vào các mỏm đá nhô ra từ vách hoặc các túm rễ cây dài 4 - 5 mét rủ từ trên cao xuống lòng thòng. Phải mất hơn 20 phút mới vượt qua nổi một vách núi chỉ dài chừng 150m, chỉ cần sẩy tay là rớt xuống tan xương. Đi hết đoạn đường, nhìn lại tôi bỗng rùng mình. Ở trên vách đá cao chừng cả trăm mét, những người “công chuyển” với bao hàng đê trĩu trên lưng vẫn đang đu người bám vách lần xuống. Tôi chỉ là một kẻ phiêu lưu tìm cảm giác. Còn họ, đó là cuộc vật lộn mưu sinh, là hành trình tìm đến miền đất hứa đầy những bụi vàng. Hóa ra, đường đến thiên đàng gập ghềnh, cheo leo và bất trắc muôn vạn lần hơn so với trí tưởng tượng. Vậy nhưng, con đường đó vẫn chật cứng những người... Thậm chí, vì vàng người ta còn công cả những khối thiết bị máy móc nặng những 70 - 80kg và theo đúng những con đường bất trắc ấy để đặt chúng vào giữa bãi vàng.

Kể cũng đúng thôi, để đến được thiên đàng, làm gì có con đường nào rộng rãi và bằng phẳng!

• • •

Vì đường sá cơ cực và nguy hiểm cho nên giá cả ở các bãi đất khùng khiếp,- vậy nhưng vẫn có người mua. Trong bãi hầu như không thiếu thứ gì, từ bia rượu, nước ngọt cho đến lọ dầu gội, mỹ phẩm. Dân bãi vàng tiêu tiền như rác, xài trước trả sau. Dù vậy, dân buôn bán, người công chuyển vào bãi vẫn chẳng ai trở nên giàu có. Dự, một người công chuyển ở bãi Muối đã tính cho tôi nghe. Công được 40 kg từ thị trấn Khâm Đức vào bãi mất những ba ngày đường. Vừa đi vừa về, ăn uống tiết kiệm lắm cũng mất 150.000đồng. Trong khi đó nhiều lắm cũng chỉ lãi được 400.000 đồng, lại phải tốn hơn 100.000 đồng nữa để vượt qua được các “trạm gác nhân dân”

dựng lên nhan nhản dọc các thôn, bản trên đường. Tính ra, mỗi ngày chỉ lãi được 50.000 đồng. Một cái giá quá bọt bèo so với giá cả vùng vàng để đánh đu giữa sự sống và cái chết. Mà chưa chắc đã thu được tiền: dân bãi vàng có người trúng quả, người thua lỗ, mua thiếu là chuyện bình thường. Đó là chưa kể gặp kẻ cướp - trong bãi vàng Phước Sơn, loại người này nhan nhản - tay chân lành lặn kẻ đã là may mắn lắm.

Ngay cả dân chạy xe ôm, không phải khi nào cũng thu được tiền! Một lần vào khoảng giữa năm 1998, anh lái xe tên H. Được gọi chở hai “thợ mỏ” từ Phước Thành ra Khâm Đức. Dù được xốc nách, một người trong số họ cũng khó khăn lắm mới ngồi được lên xe. “Bệnh!”, người ngồi sau thông báo gọn lỏn và ôm chặt lấy bác tài, trong khi suốt đoạn đường đầy đèo dốc, người ngồi giữa cứ liên tục gật, lắc, vẹo qua vẹo lại bất chấp như vậy sẽ rất nguy hiểm, và không hề nói nửa câu. Đến thị trấn, H. Hỏi tiền xe. Chỉ con bệnh đã được đặt ngồi bệt giữa lòng đường, người kia bảo “nó trả”. H. Tiến lại, nắm tay “chủ chi” lắc lắc. Bàn tay lạnh ngắt. Mũ trên đầu anh ta rớt xuống, để lộ khuôn mặt trắng bợt, mắt trợn trừng. Rú lên một tiếng, H. Lao lên xe vọt thẳng không dám ngoái đầu, quên luôn cả đòi tiền. Hóa ra, người ngồi giữa chỉ là một... xác chết, ít ra cũng hồn lìa khỏi xác đã hai ngày.

Giá cả leo thang đã đẩy cuộc sống của đồng bào dân tộc Mơ Nông các xã có bãi vàng vào chỗ khốn cùng. Nghề “gia truyền” phát nui tria hạt không đủ thu nhập để duy trì cuộc sống, họ tự đứng ra lập barie ở mỗi thôn, chia nhau canh gác thu tiền khách qua lại. Đi bộ công chuyển: 5 ngàn/người; xe ôm có khách: 10 ngàn/chuyến. Mỗi tháng cứ bốn, năm nóc nhà được cắt gác một ngày, coi như lấy đó làm nguồn thu nhập chính để mưu sinh. Để dễ đòi tiền, các bô và mâm (bố, mẹ) cứ ngồi trạm gác với chai rượu và bộ mặt say khướt. Không móc tiền, barie không được nhấc lên. Xe ôm cứ liều vượt qua, các bô, mâm sẵn sàng lăn ngay ra đất, lấy thân chặn trước bánh xe, kêu khóc ầm ĩ. Chỉ khi nào lấy được tiền, họ mới chịu đứng dậy.

Ngoài mãi lộ, người Mơ Nông còn tìm thu nhập bằng cách bán đất, bán nguồn nước. Các bãi vàng vừa lập, khi bắt đầu đến vĩa, lập tức sẽ có một bố

người Mơ Nông vác chà gạc tìm đến bảo:

– Đất của ông nội tao để lại!

Vậy là chủ hầm đành xì tiền ra: ba triệu, năm triệu hoặc bao nhiêu tùy thỏa thuận. Kỷ lục về số tiền đất trả cho các “ông nội”, thuộc về Bùi Vinh (bãi Vinh tóc dài), khai vĩa đầu năm 1997. Để có thể khai thác, anh ta đã phải trả cho các “ông nội” một lúc 200 triệu đồng.

Xay đá, đãi vàng, các chủ hầm phải tìm các nguồn nước chảy ra từ các sườn núi có độ cao tương đối, bắt ống cao su dẫn về bãi của mình. Thường những đường ống này dài từ một đến ba km. Ống bắt xong, đột nhiên ngừng chảy. Một thanh niên người dân tộc nào đó đã chặt nó làm hai khúc, lý do vẫn là “suối của ông nội tao để lại”. Lại phải tự giác chi ra từ hai đến năm triệu cho mỗi ống dẫn nước. Nguồn thu này, có thể nói là khổng lồ, vì chỉ riêng bãi thôn 2, xã Phước Thành, số máy đang hoạt động cũng đã khoảng gần một trăm, mỗi máy nhất thiết phải có một ống nước. Của thiên trả địa, không một chủ hầm nào nghĩ tới chuyện từ chối trả “lệ phí” khai thác đất và nước của các “ông nội tao” để lại cả.

Ngày tôi đến, đồng bào dân tộc ở các xã Phước Đức, Phước Chánh, Phước Hiệp, Phước Kim, Phước Thành đã gần như bỏ hẳn nương rẫy, chỉ suốt ngày ngồi nhà tu rượu, chờ đến dịp thu tiền “chết” của dân vào bãi. Để hợp thức hóa việc thu tiền, thỉnh thoảng họ cũng hè nhau phát thêm một vài đoạn đường vào bãi, hoặc chặt cây lót một số đoạn đường lầy cho người xe ra vào. Thời gian còn lại, cả làng say khướt. Người già say, thanh niên say, cả trẻ con cũng say nốt... Bởi không say, họ không đủ dũng khí để hoành hợ đòi tiền. Xem ra, cái lọc lõi con buôn đem lên từ miền xuôi đang được đáp lễ cẩn thận bằng chất hoang dã rừng rú của dân miền ngược. Vàng vẫn ẩn sâu lòng đất, nhưng văn hóa, phong tục tập quán và những gì tốt đẹp của con người thì đang bị tàn phá và tận diệt dữ dội. Tất cả đang bày ra trước mắt tại Phước Sơn. Đó là một hệ lụy tất yếu và đau lòng đi ngay sau sự xuất hiện và tồn tại của những bãi vàng.

Không thể đóng khung số lượng hầm, bãi ở Phước Sơn trong một “trị tuyệt đối”, bởi lẽ việc bỏ bãi cũ, lập bãi mới liên tục diễn ra mỗi ngày. Toàn huyện có khoảng một trăm bãi vàng, trong đó bãi thôn 2 và bãi thôn 8, xã Phước Thành là lớn nhất, mỗi bãi có từ 100-150 hầm với khoảng từ một đến hai ngàn/người tham gia đào đãi và buôn bán.

Công nghệ đào, đãi vàng ở Phước Sơn đã được chính quy hóa đến cao độ. Đầu tiên là khâu “tăm vĩa”. Hoàn toàn dựa vào kinh nghiệm, những gã đào vàng tìm đến các mạch đá ngầm trồi lên mặt đất, sau đó bắt đầu đục đá đem xay thử. Nếu có vàng, việc dựng lán, khai hầm sẽ diễn ra cấp kỳ. Gặp được các vĩa đá “tầng ong” - xốp và lỗ chỗ như tổ ong dân “xúc, lắc” coi như trúng mánh. Loại này xốp, nhẹ, dễ đào, dễ xay, hàm lượng quặng vàng rất cao, dễ khai thác. Ngược lại, gặp phải vĩa đá Bê-rít (?) coi như công toi, vì vừa cứng, vừa ăn quá sâu, rất khó đào.

Để lấy được quặng, người ta phải đào hầm từ trên đỉnh hoặc lưng chừng núi ăn thông xuống. Hầm cạn nhất cũng phải sâu tới 25 m, còn sâu thì 50, 60 hay 70m vô chừng. Vĩa đá ăn đến đâu, địa đạo được đào đến đấy, có những hầm hệ thống địa đạo chồng lên nhau thành bốn tầng, mỗi tầng thông nhau bởi một miệng giếng sâu chừng 10m.

Để khai hầm, toàn bộ cây cỏ trên miệng, trên lối đi dẫn vào đều bị bóc sạch, đất đá bị lật tung lên, biến cả quả đồi rậm rạp thành vùng đất chết! Hàng trăm địa đạo chằng chịt ăn vào khiến cả ngọn núi bị rỗng chân, có thể đổ ụp xuống bất cứ lúc nào. Đêm 20.7.1997, sau một cơn mưa lớn, bãi thôn 8 xã Phước Thành do Nguyễn Văn Ngọc làm chủ đã ụp xuống bất ngờ, chôn sống một lúc 21 người. Tỉnh, huyện, đã huy động nhân lực đào xới cật lực nhưng cũng phải mất bảy ngày, xác các nạn nhân mới được đưa lên. Ngày 14.5.1999, tại bãi Vàng Nhẹ (xã Phước Đức), một khối đá khoảng 50 m² bị hồng chân đã ầm ầm lao từ trên đỉnh đồi xuống, đè chết một người và làm bị thương bốn người khác. Thịnh, một thợ đánh mìn quê ở Giao Thủy (Nam Định) thoát chết nhờ kịp lao vào hầm, nhưng cánh tay phải bị khối đá “lướt” qua bóc toàn bộ da thịt, lòi xương trắng hếu...

Tai nạn như cơm bữa, nhưng vì vàng, những người thợ vẫn liều mình đánh đu với số phận. Để giải quyết những vĩa đá cứng, phương pháp thông dụng nhất là đánh mìn. Gọi là nhanh, nhưng giỏi lắm một ngày đánh mìn, thợ vàng cũng chỉ đào sâu xuống được thêm một, hai mét đá. Để tiết kiệm, họ thường không ngần ngại cắt ngắn... dây cháy chậm đến mức tối thiểu. Bị thách thức, thần chết đã nổi giận thường xuyên. Đêm 26.5.1999, sau một tiếng nổ “ục” trong lòng núi, bốn thợ mỏ người Phú Thọ ở bãi thôn 2, Phước Thành đã phải đi bệnh viện. Không bị thương, họ chỉ bị ngạt vì khói mìn. Trên đường đi, một người đã chết.

Với các ngọn đồi đã bị đào bới, không một thứ cây cỏ nào có thể tái sinh, bởi tất cả bề mặt đồi núi đều bị hàng vạn m² đá vụn hất lên phủ kín. Sau khi khai thác, không một ai nghĩ đến việc lấp lại hầm hố. Thợ đào vàng không lấp vì việc của họ là tìm vàng chứ không phải là cải tạo môi sinh; dân không lấp vì không có trách nhiệm; nhà nước cũng không lấp - vì không có tiền. Vậy là những ngọn núi trở thành một cái “bẫy người” khổng lồ với hàng trăm miệng hố (nhiều miệng đã bị cỏ dại phủ kín) chỉ cần sẩy chân là sẽ rơi xuống hàng chục mét.

Quặng khai thác xong sẽ được cho vào máy nghiền nát, sau đó, được đem xay nhỏ thành cám và cho theo nước chảy vào máng đãi. Những lá nhôm tráng thủy ngân sẽ giữ vụn vàng lại, còn nước và xái cứ vậy trôi đi.

Khi máng thủy đã “khê”, lớp vàng lấm tấm bám trên thủy ngân đã dày, người ta sẽ dùng một lá cao su dày, một mảnh đế dép “tông” chẳng hạn, gom chúng lại. Dùng “con khò” đốt lên, thủy ngân sẽ bốc hơi, để lại vàng nguyên chất (vàng 9999). Vì công việc quá tốn kém, trung bình cứ xuống sâu một mét tốn một triệu đồng cho nên nếu mỗi ngày một hầm đào được một lượng vàng, coi như hầm đó mới chỉ hòa vốn. Nhưng, một trăm hầm thì may lắm chỉ dăm ba hầm đạt được mức ấy, số còn lại thường chỉ thu được dăm ba chỉ - đủ lo gạo muối hằng ngày. Dù vậy, dân “xúc lắc” vẫn không từ bỏ “giấc mộng vàng” của họ. Thần tượng cho những giấc mơ kia có nơi bầu víu là Bùi Vinh, bãi Vinh Tóc Dài, thôn 5, xã Phước Thành.

Năm 1997, Vinh trúng lớn. Mỗi ngày, hàm của anh ta lồi lên mặt đất được trên dưới 1 kg vàng ngân (khoảng 700 gam vàng ròng)!

Nhưng, lượng vàng lớn nhất vẫn còn nằm trong xái. Vì vậy, sau máng thủy sẽ là công đoạn đánh bể thòng. Xái được gom lại, dồn vào một bể lớn quây bằng nilông, bơm nước vào và khoăng lên. Cyanur, nitơ lỏng, và một số phụ gia khác được thả vào sẽ khiến cả vàng lẫn xái tan thành nước. Nước trong tiếp tục được chắt sang bể nhỏ, thập, sau đó thả các thanh nhôm, thiếc vào cho vàng nguyên chất kết tủa. Sau khi lọc lấy vàng, lượng nước chứa đầy độc chất này đều tự do tuôn xuống các dòng suối, đổ ra sông Vu Gia, sau đó hợp lưu với sông Thu Bồn tuôn xuống đồng bằng. Xem ra, hiện tượng hàng loạt trâu bò ở Quế Sơn, một huyện nằm ngay bên thượng nguồn sông Thu Bồn bỗng dưng lặn ra chết hàng loạt đã tìm ra được nguyên nhân. Đó mới chỉ là trâu bò, vậy còn người? Không ai trả lời, việc “đánh hóa” vẫn cứ diễn ra mỗi ngày. Điều đáng nói là, toàn bộ việc khử quặng này đều được thực hiện bởi những tay thợ vốn có văn hóa vừa đủ... dốt, thậm chí có người không biết chữ. Công thức hóa học của các loại hóa chất, họ mù tịt. Chỉ cần biết gọi tắt “xi” là Cyanur, vậy là đủ. Liều mạng hơn, để đề phòng “bể thòng” bị cướp, thợ “đánh hóa” còn làm lán bắt ngang trên mặt bể để ngủ canh, liên tục 72 giờ cho mỗi mẻ lọc, sắn ngủ chỉ cách mặt bể đúng một mét. Hỏi, họ đáp tình queo:

– Ồi dào, về! Cho muối ăn vào rửa tay chân là nó... trung hòa hết.

Trong khi chỉ 14 mg Cyanur cũng đủ giết chết một mạng người thì ở Phước Sơn, loại hóa chất cực độc này được mua bán công khai mỗi lúc hàng chục kg. Ngày 25.5.1998, tại bãi thôn 2, xã Phước Thành, tôi đã chứng kiến cảnh bắt giữ tên Võ Văn Sơn, quê ở Quế Sơn đang công vào bãi một bao 50 kg Cyanur. Cồng bằng lưng trần, dưới trời mưa như trút. Anh ta khai:

– Không biết của ai, không biết là chất độc, người ta thuê thì công.

Có thể là Sơn không biết thật, bởi ở bãi vàng, chỉ có tiền công mới là điều đáng quan tâm. Tôi chợt rùng mình: rừng núi cheo leo, đường sá cách trở, nếu gã “thợ công” sơ ý đánh rơi khối chất độc kia xuống đầu nguồn

nước, ắt hẳn 18.000 dân của toàn huyện Phước Sơn sẽ không một ai sống sót. Nhưng, đó cũng chưa phải là vụ ghê gớm nhất. Trong đợt truy quét cuối năm 1997 loại hóa chất cực độc này, công an huyện thu được những hơn... một tấn!

5 || Trật tự ở chốn vô trật tự

Quyền lực lớn nhất ở các bãi vàng, tất nhiên là các chủ bãi, chủ hầm. Có lúc, chủ bãi và chủ hầm là một, nhưng cũng có lúc nhiều chủ hầm được đặt dưới tay một chủ bãi. Nổi tiếng nhất ở Phước Sơn, có lẽ là chủ bãi thôn 8, xã Phước Thành Nguyễn Văn Ngọc. Ngọc từng là một đại úy, Đội trưởng Đội hình sự Công an huyện Phước Sơn. Trước khi có chỉ thị 20 của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc cấm đào, đãi vàng, Ngọc đã xin ra khỏi ngành công an và bỏ ra 400 triệu một lúc để mua 350 mét bề rộng của một quả núi ở thôn 8 để đào vàng. Tất cả dân làm vàng đều cho rằng Ngọc phát rồ. Thôn 8 quá heo hút, núi quá dốc, đi bộ từ ủy ban nhân dân xã đến đó phải mất những ba ngày đường, chi phí đào đãi chắc sẽ tăng chóng mặt trong khi chưa chắc đã có vàng.

Chỉ sau đó ít lâu, những “cao thủ” nghề vàng đã phải lác mắt, bái phục Nguyễn Văn Ngọc là kẻ nhìn xa trông rộng. Vùng đất thuộc quyền của anh ta trùng đậm, thiên hạ ùn ùn kéo tới xin sang nhượng. Ngọc cắt ngang 280 mét đất bán lại cho các chủ hầm khác, thu về một lúc đúng... một tỉ đồng. 70 mét còn lại, Ngọc tiếp tục thuê người tự khai thác, có ngày thu được cả ký vàng ngân (vàng trộn lẫn thủy ngân, lượng vàng nguyên chất chiếm khoảng 70%). Vậy là cái tên của anh ta đã được dùng để đặt luôn làm tên bãi của thôn 8, Phước Thành.

Đang lên như điều gặp gió nên khi đã có lệnh cấm, Ngọc vẫn tiếp tục khai thác. Và vụ sập hầm giết chết 21 người một lúc đã xảy ra, không những đe dọa phá sản, mà còn khiến Nguyễn Văn Ngọc đứng trước nguy cơ phải đối diện với luật pháp.

Khác với Ngọc, Dũng lai, Quốc con, Lập Đại liên, các chủ hầm, chủ đất ở bãi thôn 4, xã Phước Kim đều xuất thân là dân anh chị có máu mặt ở Đà Nẵng. Đào vàng với họ chỉ là một cuộc chơi. “Máu” nhất là Dũng lai. Mỗi lần khai vĩa được dăm ba chục triệu, anh ta lại xách tiền, vàng ra Đà Nẵng, bao nguyên một tầng lầu của nhà hàng khách sạn Phương Đông cùng đàn em ăn nhậu phá phách thả dàn, hết tiền mới chịu quay vào bãi. Bãi thôn 4 được Dũng, Lập, Quốc biến thành một vương quốc riêng bất khả xâm phạm với đội bảo vệ hơn mười người, trang bị đồng phục quần áo rằn ri và đầy đủ “đồ chơi”. Bất cứ ai lên bãi vào ban ngày, họ đều bị đội bảo vệ chặn lại xét hỏi. Đầy đủ giấy tờ, lý do thì cho đi, nếu không thì... biến. Ban đêm, bãi thôn 4 “đóng cửa”, tuyệt đối cấm qua lại. Mỗi lúc cần hàng hóa hay vật dụng gì, Dũng, Lập, Quốc chỉ cần xé vỏ bao thuốc viết mấy chữ cho người mang đi, ngay lập tức yêu cầu của họ sẽ được các chủ máy, chủ quán trong khu vực đáp ứng ngay, không một lần từ chối. Được cái cả ba đều là “dân chơi” khá đúng nghĩa, không bao giờ ăn quịt hay o ép ai nên các chủ bãi, chủ lán khác đều vừa sợ vừa nể.

Đầu tháng 5.1999, một đoàn chuyên gia Hàn Quốc đã vượt núi vào Phước Thành khảo sát trữ lượng vàng để lập luận chứng liên doanh, có ghé vào khu vực bãi thôn 4. Dẫn đoàn đi, ngoài phiên dịch người Việt còn có thêm một anh công an huyện đi theo bảo vệ. Đến bữa ăn trưa, đám chuyên gia Hàn Quốc tỏ ra kẻ cả, trịch thượng, đối xử với anh công an trẻ không mấy tế nhị, còn tỏ ra phân biệt. Dù rất giận, nhưng vì nhiệm vụ, anh công an cố nhịn. Biết chuyện, “tự ái dân tộc” nổi lên, Dũng, Lập, Quốc quyết định “chơi” cho các tỉ phú Hàn Quốc “biết lễ độ”. Theo kế hoạch, đoàn Hàn Quốc sẽ được Dũng, Lập, Quốc mời vào lán và đãi một bữa cơm với cá khô, chủ khách cùng ăn. Sau đó, ba thùng “333” sẽ được bưng ra, ba tay giang hồ sẽ lần lượt bật nắp bia và... rửa chân cho anh công an để cho những gã tỉ phú hợm mình chiêm ngưỡng... Nhưng, Dũng lai vì quá nóng nảy nên đã làm hỏng kế hoạch. Đám chuyên gia vừa tự ý chui vào hầm lòi ra một ít quặng mẫu, Dũng đã “nổi giận”, hét đàn em bắt trói họ vì tội “xâm nhập lãnh địa không xin phép”. Hãi quá, đám chuyên gia phải trả ngay toàn

bộ số quặng mẫu, xin lỗi rồi rít và hô nhau... bò (vì xung quanh toàn núi, không thể chạy). Khi bị công an mời lên hỏi vụ này, Dũng “lai” chối biến việc có mã tấu và súng AK tham dự vào vụ uy hiếp, chỉ nhận là “đùa hơi quá trớn”.

Để “lấy le”, hầu hết các chủ bãi loại “play-boy” đều kiếm cho mình một cô bồ. Ở trong bãi, phụ nữ không phải là hiếm, gồm đủ mọi thành phần. Một số có nhan sắc, có vốn vào bãi mở quán bán đủ thứ trên trời dưới biển và buôn vàng. Nương nhờ bóng vía một chủ hầm chủ bãi có máu mặt, đó là cách tốt nhất để tránh bị cướp phá hoặc ăn quịt. Tất nhiên, đã có qua ắt phải có lại... Các cô chủ quán loại này được dân bãi gọi là xe biển số trắng, nghĩa là xe tư nhân, có chủ quyền. Nhìn xe biển trắng có thể đoán được ngay hiện trạng của người “giữ giấy chủ quyền”. Khi hầm hố “vào cầu”, xe được gắn đầy vàng lắc, nhẫn, xuyên, tiền tiêu như nước. Ngược lại, chủ bãi thua lỗ, phải bỏ hầm bỏ bãi, xe cũng bị “sang tên”, bị “gán nợ”. Ở bãi Một Khô (Phước Thành), có một chủ bãi tên là Kỷ “niệm”, nổi danh vì từng “sang tên” và “xiết nợ” xe “biển trắng” không dưới chục lần. Kỷ khoe: riêng tiền “đổ xăng”, mỗi tháng cũng tốn không dưới năm triệu đồng. Đó là lúc bình thường, còn khi trúng mảnh, chạy “xe” bạt mạng, số “tiền xăng” coi như không tính nổi.

Xe biển xanh - tức gái làm tiền - cuộc sống phập phù hơn. Cái “nghề” dưới đáy xã hội này, vào bãi càng khốn khổ. Họ thường dựng lán ở rìa các bãi, biệt lập nhưng không quá xa để hành nghề. Bất cứ kẻ nào trong bãi đều có thể hành hạ hoặc đe dọa họ, nhưng khi có chuyện họ hoàn toàn không được ai bênh vực. Tại bãi Muối, chúng tôi ghé vào “gara” của một “xe biển xanh” tên là Đ.T.H.T, sinh năm 1969, tại Hương Điền, Huế. T. Bắt đầu lăn lóc ở bãi vàng từ năm 1992. Ban đầu, cô dựng “gara” ở Trà My, sau đó chuyển qua huyện Hiên và cuối cùng dừng lại ở bãi Muối - Phước Thành.

Lý do đơn giản: các khách “thuê xe” chuyển bãi, “xe” cũng phải chuyển theo vì chưa thu hết... nợ. Sau nhiều năm hành nghề, nhan sắc đã trở nên tàn tạ. Trước, cô được đánh giá là một “dream”, năm tháng cứ giảm dần “giá trị mẫu mã”, tụt xuống “win”, “81”, “én”, giờ T. Đã bị hạ đến mức chỉ

còn là một... mobillet. Để mưu sinh, cô phải kiêm thêm nghề bán bún nước lèo cho cả hai bãi Muối và Một Nước. Ngày ngày gánh trĩu trên lưng, chịu bao điều miệt khinh tủi nhục. Đêm T. Quây kín nilông chắn lều, ngồi thu lu trong góc lán tối om với một cây chùy - một khúc chày gỗ, 1 đầu cắm đầy đinh - nơm nớp lo một kẻ bất lương nào đó đột ngột xô lán nhảy xổ vào... Dưới áp lực của vàng, cả cái tên người chưa chắc gì giữ được. Ở bãi giá cả mọi thứ đều ngày mỗi tăng, chỉ có giá trị của nhân phẩm là ngày càng giảm.

Ngoài chủ và “xe”, ở bãi vàng còn rất nhiều hạng người khác. Những người không vốn, không đủ sức khỏe làm công thì xin đến các hầm đã khai thác xong, bòn mót chút quặng thừa đem gửi máy xay đãi ăn chia 6:4 với chủ. Họ được gọi là dân “tọ mọ”. Bần cùng già yếu hơn hoặc nghiện ngập, “tọ mọ” cũng không đủ sức thì làm “dặt dẹo” đi xin. Những chủ hầm đang trúng không nỡ để dân “dặt dẹo” chết đói, song nhìn họ bằng nửa con mắt, bởi với các “dặt dẹo” nghiện ngập, xin chỉ đủ no bao tử chứ không đủ để no “óc”, họ thường “nhanh tay lẹ mắt” với những hớ hênh của các máy, hầm và tích cực “cầm nhăm”.

Đổi ngôi là chuyện liên tục xảy ra ở bãi vàng. Trước năm 1996, Vinh tóc dài (Bùi Vinh) chỉ là một “tọ mọ” không tên tuổi. Sau lệnh cấm khai thác năm 1997, một số chủ hầm dỡ lán, bỏ hầm, Vinh mò vào “tọ mọ” và... trúng đậm. Có tiền, anh ta sắm máy, mua nguyên cả một quả đồi với giá 200 triệu và trúng luôn 35 kg vàng ngân (khoảng hơn 20 kg vàng ròng). Cú “vào cầu” của Vinh tóc dài đã kéo các chủ hầm rầm rập quay trở lại. “Chiến tranh” nổ ra, và máu người đã đổ trên bãi Vinh tóc dài khiến anh ta vừa khán tận vừa phải vào tù...

Dù sao, cái tên Vinh tóc dài cũng trở nên một mơ ước cho cả vạn người khác, đọng lại trong họ như một niềm khao khát đổi đời dữ dội để tiếp tục lao theo những hy vọng hão huyền, bất chấp tận thế có xảy ra ngay tức khắc, bất chấp thiên đàng và địa ngục chỉ cách nhau vừa đúng một gang tay.

6 || Sống chung với cướp

Người bình thường chắc hẳn không ai mơ chuyện tự ném mình vào bãi vàng. Lọt thỏm giữa núi rừng Phước Sơn, những số phận mà tôi gặp hầu như đều giống nhau ở điểm bi đát trong hoàn cảnh sống. Đến vùng vàng, cuộc đời họ càng khốn khổ hơn bởi mưa gió, bệnh tật, những thất vọng triền miên cùng số nợ cứ dày lên. Và, một con đường khác lại mở ra trước mắt họ: nghiện ngập và phạm tội. Rừng núi điệp trùng cũng là nơi lý tưởng để bọn tội phạm, trong đó có không ít tên mang hai, ba lệnh truy nã, lấy làm chốn nấu thân và tiếp tục gây tội ác. Khi tôi có mặt, bãi 5A xã Phước Thành tỉnh không bóng người, dù ở góc lán này vẫn còn chén nước bốc khói và góc lán kia, mấy thanh củi vẫn còn cháy dở. Trước mắt tôi, chiếc chiếu giữa lán lỗ chỗ hàng ngàn vết cháy - một lời tố giác không thể chối cãi về sự có mặt của thuốc phiện. Đúng vậy, một trăm phần trăm cư dân của bãi này đều nghiện nặng. Nhác thấy bóng người lạ dưới chân núi, họ vợ vội bàn đèn, ống tiêm đồng loạt lao xuống hầm. Khoảng 15 phút sau, thấy không thành vấn đề, họ lại lục tục trời lên, nhe răng cười với chúng tôi, nụ cười bệnh hoạn, vừa cầu thân lại vừa đầy nghi kỵ nở vội trên những cặp mắt vàng võ bụng beo.

Khi trèo lên đỉnh đồi, tôi biết các cư dân trên đó không hiền lành như vậy. Đỉnh đồi 5A được mệnh danh là đỉnh Mafia, bởi hoàn toàn do các ổ trộm cướp chiếm cứ. Ban ngày chúng trốn vào rừng hút chích, ban đêm tụ nhau lại đi trộm cướp, sau đó mò về các lán chia nhau. Nhưng bãi mafia vẫn chưa sợ bằng bãi Vinh Tóc dài, nơi có mặt nhiều tên cướp lì lợm và hung hãn nhất. Riêng các tên Nguyễn Hữu Cường (Cường con), Nguyễn Văn Hùng (Tây điên), Phan Văn Tư (Tư heo) mỗi tên cũng đã gây ra hàng chục vụ cướp của giết người. Khi dân “xúc, lắc” hoảng sợ bỏ đi, chúng quay sang bắn giết lẫn nhau để đoạt hầm, hố, cướp tài sản ăn cướp và giành quyền hùng cứ khu vực.

Vũ khí trong các trận thư hùng xem như không thiếu thứ gì, từ dao gậy, súng, trái nỏ. Đáng sợ nhất là các trái canonbi. Loại trái nỏ này được lấy ra từ những quả bom bi chứa nỏ do Mỹ thả xuống còn nằm rải rác trong rừng núi. Mỗi quả bom chứa hàng ngàn quả canonbi to như quả ổi, một đầu có hạt nỏ, khi ném tim hạt nỏ luôn hướng về phía trước và nỏ khi chạm bất cứ vật gì, dù đó là lá cây hay mặt nước. Từ trong ruột quả canonbi, hàng ngàn viên bi con sẽ bung ra.

Theo đánh giá của Công an huyện Phước Sơn, có ít nhất một phần mười cư dân của bãi vàng từng là kẻ cướp giật. Trong vòng 2 tháng 4 và 5.1999, chị Nguyễn Thị Hồng, một dân buôn vàng, quê ở Hòa Định, Tuy Hòa, Phú Yên đã bị băng Thanh sát, Hiến bụi cướp những ba lần, lấy đi hơn 100 triệu đồng. Trần Bút, một chủ quán khác ở bãi 45 (xã Phước Sơn) cũng hai lần bị cùng một băng cướp che mặt tấn công chỉ trong nửa tháng 5.1999. Là con nghiện một trăm phần trăm nên khi ra tay, bọn cướp vợ tất không chừa thứ gì, từ tiền, vàng cho đến lon nước, bao thuốc. Oái ăm thay, có lúc người bị hại biết rất rõ ai là kẻ cướp, nhưng đành... ngậm tằm, sợ bị tái cướp, bị trả thù. Sau ba lần bị cướp, để tránh thêm lần thứ tư bị chúng viếng thăm đột xuất trong đêm, chị Hồng đành bỏ ra năm triệu đồng, nhờ một tay “có máu mặt” gây một độ nhậu mời các tay “lục lâm” nghi vấn đến. Khi rượu đã ngà ngà, tay anh chị mới chỉ chị Hồng và bảo:

– Cô em tao đấy, để cho nó sống!

Những thằng cướp tỉnh queo:

– Sao không nói sớm? Ai biết!

Sau đó, thay vì bị cướp, thỉnh thoảng chị Hồng phải rút ra một triệu dúm cho một tên “cô hồn”, còn những vụ cướp vẫn xảy ra trong khu vực, chị đành coi như không nghe, không thấy. Trước khi đút tiền vào túi, thằng “cô hồn” còn khoanh tay lễ phép:

– Em xin chị.

Cướp của không đáng sợ bằng cướp bãi chiếm hầm. Đào mãi vẫn chẳng thấy có vàng, hai anh em Phạm Hữu Cường, Phạm Hữu Cảnh bắt đầu tính

kế đoạt bãi của hai anh em Phan Văn Tư, Phan Văn Phong (thôn 3, Phước Thành) đang ăn nên làm ra. Vốn là những tên cướp sừng sỏ, anh em Tư, Phong phát hiện ngay ý đồ của địch, ngay lập tức chỉ đạo thợ tăng cường phòng thủ. Ngày 21.4.1998, Cường và Cảnh bất ngờ ném hàng chục trái canonbi vào lán của Tư, Phong. Ngay tức khắc, hàng loạt AK từ trong lán được Tư, Phong tuôn ra đáp lễ. Hoảng quá, Cường, Cảnh vội tháo lui. Cường bị sa lún vào bãi chông của anh em Tư, Phong cắm sẵn. Vất vả lắm Cảnh mới vừa chống đỡ với đạn AK, vừa công được Cường thoát hiểm. Thoát chết nhưng máu hung hãn vẫn không mất, khi vết thương lành lại, Cường lại bày binh bố trận. Lần này, chúng tấn công một bãi khác. Chờ khi đám thợ đã chui hết xuống hầm, những tên cướp lập tức xuất hiện và đổ xuống miệng hầm một... can xăng, sau đó ném lựu đạn xuống! ở bãi vàng, quả thật người với người đã thành dã thú, mà không chỉ vì nơi họ đang có mặt là giữa núi rừng.

Tuy bị tấn công liên tục nhưng hầu như không một nạn nhân nào chịu đi trình báo với chính quyền. Đào vàng là phạm pháp, họ rất sợ sự can thiệp của luật pháp nên thường tìm cách tự giải quyết lấy. Sau nhiều lần bị các tên Đỗ Duy Lệ, Lưu Văn Thanh chỉ huy cả chục đàn em đánh chém cướp quặng xái, hàng chục chủ lán trại ở bãi 65, thôn 4, Trà Bui đã họp nhau lại bàn nhau đánh trả. 3 giờ sáng ngày 3.10.1997, theo hiệu lệnh của một chủ hầm là Lê Xuân Thu quê ở Tam Kỳ, Quảng Nam, cả trăm chủ hầm, lán và thợ của bãi 65 đã đồng loạt chia ba cánh tấn công vào lán của đám kẻ cướp. Cuộc chiến diễn ra khá bài bản: đầu tiên là trái nổ, lựu đạn khói ném tới tấp, sau đó là cả trăm dao, gậy ồ ạt xông lên. Cả chục tên trong nhóm cướp bị đánh tơi tả, số còn lại bỏ chạy tán loạn vào rừng, bỏ lại một xác chết và một số tên bị thương quằn quại. Lê Xuân Thu, Phan Văn Vinh, Trần Phong Trắc, Phạm Văn Lợi đã cướp toàn bộ tài sản trong lán của Đỗ Duy Lệ và đồng bọn, sau đó châm lửa đốt rụi. Họ còn bắt tên Chiến, một đàn em của Lệ, đổ nước sôi lên đầu, cạo trọc lóc và bắt viết giấy gọi Đỗ Duy Lệ mang tiền đến chuộc...

Không thể trách lực lượng Công an huyện Phước Sơn và tỉnh Quảng Nam, bởi họ đã dồn hết công sức, song mọi cố gắng vẫn không đem lại kết quả mong muốn. Các bãi đều nằm rải rác trong vùng rừng núi, lại quá nhiều, quá rộng, khó lòng ngăn chặn được dòng người tấp nập băng núi để tìm đến bãi vàng. Hơn 10 đợt truy quét, trục xuất dân đào vàng trái phép ra khỏi bãi đã được tỉnh, huyện tổ chức, song kết quả không mấy khả quan, dù rất tốn kém. Công an, du kích xuất hiện dưới chân núi, những kẻ đào vàng vẫn đủ thời gian tháo máy, dỡ trại đưa xuống địa đạo cất giấu, còn người trốn vào rừng. Lực lượng truy quét rút, họ lại quay trở lại.

Khi có tai nạn hoặc bị trộm cướp, không một người bị nạn, bị hại nào chịu khai báo, rất khó phát hiện. Trong khi đó, cả thủ phạm lẫn nạn nhân đều là dân tứ xứ, phải tốn rất nhiều công sức để điều tra, truy bắt. Bọn tội phạm lại là những tên rất liều lĩnh. Tháng 5.1999, chuyên án CA 889 của Công an Quảng Nam đã phá băng cướp do Thanh sút, Hiễn bại cầm đầu. Các tên Thanh sút, Bắc phò, Tiên nghiệm, Lanh... bỏ trốn lên Đăk Nông, Đăk Lăk. Đúng một tuần lễ thức trắng rúc trong rừng le đầy muỗi, vắt, Công an Quảng Nam mới tóm được chúng. Còn lại một mình, Hiễn bại trốn từ Phước Thành sang bãi vàng nhẹ Phước Đức và lập ngay băng mới chỉ sau đúng ba ngày, tiếp tục thêm bốn vụ cướp. Bị một nạn nhân che mặt chém trọng thương, Hiễn vẫn không đi bệnh viện mà nhờ đồng bọn dùng chỉ may đồ khâu giúp, nằm lại bãi dưỡng thương chuẩn bị cướp tiếp. Rất may, Hiễn và cả băng mới lập đã bị Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh bắt ngay tại bãi chỉ một tuần sau đó. Khi bị bắt, bọn tội phạm vẫn ngoan cố bởi hy vọng rằng rừng núi mênh mông, luật pháp khó tìm ra chứng cứ để buộc tội chúng. Phải mất hàng tháng trời, Phòng Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Nam mới tìm đủ chứng cứ để kết tội tên Nguyễn Hữu Cường. Tên Tư heo (Phan Văn Tư) thậm chí còn cố tình chơi khăm cả công an. Đích thân trung tá Huỳnh Đức Cường và ba cán bộ chiến sĩ của Phòng PC 16 Công an tỉnh đã phải lặn ngụp trọn một buổi sáng mùa đông dưới dòng nước lạnh buốt để tìm vớt khẩu súng gây án mà Tư khai đã quăng xuống

suối. Kết quả chỉ công cốc, khẩu súng này đồng bọn của y vẫn đang giấu và sử dụng để tiếp tục đi cướp.

Dẫn giải tội phạm cũng là điều không đơn giản. Đường núi dốc và trơn, đi một người đã khó, huống hồ phải kèm ba, bốn tên tội phạm. Ngày 21.5.1999, lúc dẫn giải những tên trong băng Hiến bụi về ngang bãi 45, ba trinh sát của chuyên án CA 889 đã đành bất lực để cho một tên chạy thoát. Dù hai tay bị còng, tên cướp vẫn liều lĩnh ôm đầu và lăn từ đỉnh đồi xuống, theo một lối mòn đầy rễ cây, cọc nhọn, trốn thoát mang theo cả còng. Mùa mưa năm 1997, trong khi bị áp giải qua một đoạn vực, cách mặt nước chừng 20 mét, một tên cướp đã để nguyên cả còng lao thẳng xuống dòng suối đang chảy xiết. Không để phạm chạy thoát, càng không thể để hấn chết, thượng úy Nguyễn Văn Thanh của Phòng Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh đành phải lao theo, vừa bơi vừa dìu được tên cướp lên một tảng đá giữa suối, chờ đồng đội quăng dây ra cứu.

Khổ nhất, bọn tội phạm nghiện ngập thường lên cơn vã, nằm giãy đành đạch trên đường bị dẫn giải. Để đề phòng, mỗi lần vào bãi truy bắt tội phạm, các chiến sĩ công an đều phải thủ theo một gói đường. Khi đối tượng lên cơn, anh em lại phải cấp tốc tìm nước pha cho chúng uống vừa để giúp chống vã thuốc, vừa tăng lực để có thể tiếp tục hành trình. Trong chuyến bắt băng Hiến bụi tại bãi Vàng Nhẹ, trời mưa dữ dội, các chiến sĩ Nhậm, Tám, Dũng, Cảnh sát Điều tra tỉnh đã phải cố nhịn thuốc lá để dành cho bọn tội phạm, bởi khi lên cơn, không có thuốc hút liên tục, rất có thể chúng sẽ ngất xỉu và nằm lại giữa đường.

Để phục vụ cho những chuyến công tác gian khổ ấy, chế độ và điều kiện làm việc của lực lượng công an vẫn hết sức thiếu thốn. Trong khi một cuộc xe ôm vào bãi là 500 ngàn đồng thì công tác phí cho một chiến sĩ vẫn chỉ là 20 ngàn đồng một ngày, không hề có một ngoại lệ nào cả...

Chỉ một vài ví dụ, đủ thấy lực lượng công an ở vùng vàng đã cố gắng hết mình. Nhưng để giải quyết triệt để tệ nạn và tình hình phạm tội ở nơi này, không thể chỉ trông chờ vào mỗi sự tận tụy, hy sinh của lực lượng công an. Cái thiếu vẫn là một chính sách toàn diện và kịp thời, nếu không mọi biện

pháp dù tích cực cũng chỉ là giật gấu vá vai. Cấm khai thác, địa phương mất nguồn thu lớn, nhưng dân tứ xứ vẫn không ngừng đổ về, thiên nhiên vẫn bị tàn phá, những mối nguy vẫn đầy ắp mà không thể ngăn chặn nổi. Đại đa số chủ bãi, chủ hầm đều mong muốn nhà nước có một qui chế cụ thể, cho phép họ đăng ký, đóng góp nghĩa vụ và khai thác. Như vậy, người khai thác sẽ yên tâm hơn, nhà nước cũng tăng được nguồn thu cho ngân sách và dễ quản lý hơn. Nhưng theo đúng luật thì việc cấm là tất nhiên, mà luật thì khó lòng thay đổi. Giải pháp cho bãi vàng, vì thế, vẫn đang luẩn quẩn trong một mớ bùng nhùng không lối thoát. Và số phận của những con thiêu thân lao vào bãi vàng vẫn bị treo lơ lửng.

7 || Vàng đổi người

Tự coi mình là một thợ mỏ, ngày 25.5.1999, tôi đã thử lần xuống một miệng giếng ở bãi thôn 5A, xã Phước Thành của ông bà Hoàng Xuân Điền - Lê Thị Gấm, quê ở Giao Thiện, Giao Thủy, Nam Định. Mẫu, người dẫn đường, chui vào trước. Theo chỉ dẫn của anh ta, tôi đeo máy ảnh ra trước ngực và khom người ngồi bệt mông xuống nền đất. Một cú trượt đã đẩy tôi chuôi sâu khoảng 15 mét vào lòng địa đạo tối như hũ nút, nghiêng chừng 150 và cao không hơn 0,8 mét. Xỏ chân vào miệng gàu - một can nhựa 40 lít cửa bỏ phần trên và chắp thêm một cầu ngang bằng gỗ - tôi đu người bám chặt dây tời cho Mẫu thả xuống hầm. Dây tời nhả khá nhanh khiến chiếc gàu đung đưa, liên tục va đập vào hai thành giếng. Tụt khoảng 30 mét, chiếc gàu chạm đất. Tối như địa ngục và nóng hầm hập, hơi ẩm bốc ngùn ngụt khiến tôi ngộp thở. Nhìn lên trên miệng giếng, bóng đèn điện tròn vo và bé tí như hạt đỗ. Có vẻ như tôi sắp rờ phải bờ vai xương xẩu của thần chết. Mà có thể tôi sắp chết thật, vì một tí lý do. Sụp hầm: chết, đá lở, một viên rớt trúng đầu: chết, máy thổi khí (máy hút bụi được chắp ống tizo) ngưng hoạt động: chết, leo lên đứt dây hoặc tuột gàu: cũng chết. Đó là chưa kể một cái chết khác, nếu người trên miệng giếng có âm mưu... Sợ vãi cả linh hồn, tôi giương máy ảnh bấm lia lịa, cái được cái mất để còn rút. Dưới

ánh chớp đèn flash, tôi nhìn thấy một đôi ủng, vài chiếc cốc chim và một chiếc găng tay nằm lẫn lóc.

Vội và vì... sợ, chưa kịp xỏ chân vào gàu, tôi đã giật giật dây tời. Tưởng đúng ám hiệu, chiếc gàu cứ thế được tời cao dần lên, để lại một mình tôi giữa đất đen sâu hun hút với trống ngực nện như búa máy. Rất may, chỉ 3 phút sau - mà tôi ngỡ là 3 thế kỷ - gàu lại được thả xuống. Khi trời lên khỏi mặt đất, bị lóa mắt bởi ánh sáng mặt trời, tôi mới thở phào tin chắc là mình còn sống. Cái màu chàm nhợt nhạt trên mặt Mẫu lúc đó mới loãng ra. Anh bảo:

– Thấy lên gàu không, tôi tưởng anh rớt rồi. Anh mà tiêu thì tôi bỏ mẹ!

Ông Điền cười khà khà, chỉ ông Địa trước miệng hầm:

– Chết sao được, lúc cậu xuống, tôi có thả hương cúng!

Trời ạ, té ra này giờ sinh mạng tôi đã được những người đào vàng gửi tạm vào tay thần thánh. Sau chuyến tham quan địa ngục này, tôi nghĩ đã có thể xem ông Địa như một người bạn có trách nhiệm. Tốt, dù hơi bị... hồi hộp. Nỗi hồi hộp của tôi chỉ kéo dài 5, 10 phút. Còn họ, những người thợ, đó là cuộc sống, là nỗi thắc thỏm triền miên hun hút theo năm rộng tháng dài.

Ông Điền - bà Gấm có 8 người con. Hoàng Xuân Lương là con trai thứ ba, sinh năm 1972. “Nhâm Tý vi vương”, Lương không chịu nổi cuộc sống eo hẹp ở quê, 2 sào ruộng với 26 khoản đóng góp, khoản thu nhập nhỏ nhoi cho 8 miệng ăn không đủ để chắp cánh cho những mơ ước. Vậy là Lương tìm đến bãi vàng. Hơn một năm trời bặt tin con, lại chứng kiến không ít bạn bè cùng lứa với Lương từ bãi vàng mò về với bộ dạng tiều tụy, có đứa chết vì ốm đau tai nạn, có đứa bị đánh chém thành thương, hai ông bà đâm hoảng, vội sai hai người anh của Lương là Biên và Cường vào bãi gọi em về. Những ước vọng đã biến thành cay cú ăn thua, Lương dứt khoát không quay lui khi hai tay còn trắng. Chờ mãi đến hết tiền vẫn không thuyết phục được em, Biên và Cường đành ở lại luôn, trở thành thợ mỏ của vùng vàng. Sốt ruột, bà Gấm lần đường tìm vào. Sau nhiều ngày vất vả, bà tìm được

con. Lương đã tàn tạ vì thuốc phiện, hai chân khẳng khiu xỏ trong hai ống quần người anh mới đem vào cho. Lúc này, nó đã muốn về, nhưng đào mãi vẫn chưa thấy vàng, tiền đâu mà về. Bà Gấm cũng nhẫn túi, đành phải nán chờ con... Một tháng rồi hai tháng... Đầu tháng 5.1999, ông Điền chờ mãi không thấy vợ con, lại tiếp tục lần vào.

Bây giờ, cả gia đình năm người đã “mắc cạn” trên đỉnh núi. Ngày ngày, khi ba đứa con trai đã mất hút trong bụng hầm vàng, hai ông bà lại bó gối ngồi trước miệng hầm, ngay ngáy lo những đứa con sẽ chẳng còn cơ hội để trời lên. Để tự trấn an, ông Điền lại chấp tay vái trước bàn thờ ông Địa lập trước cửa hầm. Bà Gấm cũng chỉ biết xách hương lên đỉnh đồi, quì lạy rất lâu trước mộ phần vô danh của những đứa trẻ cùng tuổi với con bà được bạn bè đào vàng chôn lại ngay tại bãi. Khi giấc mơ đã khánh kiệt, những cuộc đời khốn khổ ấy chỉ còn biết đặt hy vọng vào thần thánh.

Không lớn hơn Hoàng Xuân Lương là mấy, nhưng thâm niên đào vàng của Nguyễn Văn Tân thì dày hơn nhiều. Tân sinh năm 1970, quê ở Ca Đình, Đoan Hùng, Phú Thọ đi đào vàng từ năm 1988. Ban đầu, anh đãi vàng cám ở Bắc Kạn, năm 1998 mới theo một ông bạn là Nguyễn Ngọc Thanh vào bãi Phước Sơn. Thanh quê ở Thái Nguyên, sinh năm 1967, bắt đầu đào vàng từ năm 1991. Đào mãi chẳng thấy vàng đâu, chỉ tuổi trẻ trai là cứ chôn mãi vào lòng đất. Thậm chí khi Thái Nguyên tách tỉnh, Thanh cũng chịu, không hiểu nổi quê nó thuộc về Bắc Kạn hay Bắc Thái. Mùa mưa năm 1998, thấy bảy, tám người bị núi đè chết cùng lúc, Tân và Thanh mới thấm hết nỗi khổ phong trần. Gom được 2 triệu, hai anh em quyết định quay về, không bao giờ lên bãi nữa. Nhưng chưa xuống hết dốc núi, họ lại gặp Nguyễn Văn Lượng và một đám trẻ con cùng quê với Tân lặn lội mò vào. Thương đám con nít 16, 17 tuổi không biết sống chết là gì, Thanh và Tân đành thở dài quay trở lại để chỉ bảo, đỡ dần cho đám trẻ con. Hai triệu đồng kia lại phải chia ra để lo cơm nước, dụng cụ cho đám trẻ, chẳng biết bao giờ mới kiếm đủ để có thể quay về. Được ít hôm, trời lại mưa, lại gió, người chết lại được mang đi, đám trẻ sợ hãi khóc thét lên. Có đứa sợ quá, đêm không ngủ được, lại bị sốt rét quật ngã gục, cứ la hét và chạy bắn ra

giữa mưa khuya. Sợ chúng lọt hầm, lạc rừng thì chết, Tân, Thanh lại đốt đuốc đội mưa đi tìm suốt đêm. Gặp được đứa em, hai thằng anh cũng chỉ biết đội mưa ngó nhau và khóc.

Đêm cuối cùng ở bãi vàng, tôi đã ở lại làm khách tại lán của Tân, Thanh và những cậu bé gốc Phú Thọ, Thái Nguyên. Suốt đêm đó và cả năm, sáu hôm trước, trời vẫn mưa như trút. Cũng may, cảm cảnh phận người, trời cũng thương tình chỉ đổ xuống rú rừng những cơn mưa ẩm. Suốt đêm, tôi cứ nằm trần trọc đếm mưa rơi, không tài nào ngủ được. Thỉnh thoảng, cơn mơ màng của tôi lại bị bắn tung lên trời vì một tiếng mìn. Bãi thôn 2 quá lớn. Gần hai ngàn con người chen chúc nhau giữa âm ỉ tiếng máy phát điện, máy nghiền đá nổ như đại liên suốt ngày đêm. Cả hốc núi hoang vu sáng rực ánh điện và mù mịt khói xăng, dầu. Cứ khoảng 15 phút, tiếng mìn phá đá lại dội ngược lên, hất những cơn mơ chập chờn bắn lên trời. 2 giờ sáng, ngay dưới lưng tôi, sau tiếng nổ âm là những bước chân rậm rịch và tiếng người í ới. Đang chờ thay ca, Tân vội xỏ dép và lật đặt trượt theo dốc núi bò xuống. Lát sau, anh ta bò lên và bảo tôi bằng giọng khô khốc:

– Tưởng gì, mìn nổ, bốn thằng bị ngạt, đưa đi viện rồi. Ngủ đi, ở đây ngày nào không có thằng đi viện.

Nghe lời Tân, tôi cố cuộn mình trong chăn thật kỹ nhưng vẫn không thể nào ngủ được. Lúc đó, tôi mới thấy cảm hết nỗi khổ của những người giàu. Nằm trên đồng vàng, người ta sẽ chẳng bao giờ tìm được một giấc an lành. Đêm chỉ là những cơn mê phập phù và bất trắc. Dưới kia, ánh điện tham vọng vẫn sáng rực núi rừng, nhưng ánh sáng vẫn không đủ để xua đi phần tăm tối trong số phận của những kẻ liều.

Thợ khổ, người làm công cũng khổ. Rồi thì cả chủ hầm, chủ bãi cũng chưa chắc đã sung sướng gì hơn. Để trở thành một ông chủ ở bãi thôn 4, xã Phước Kim, Nguyễn Văn Xuân đã phải vay mượn và thế chấp toàn bộ nhà cửa, tài sản, được gần 200 triệu đồng để khai một hầm vàng. Ròng rã ba tháng vừa đá mơ ước vẫn chưa chịu lộ ra. Hết tiền, Xuân phải nhường bớt một miệng hầm cho người khác. Một tuần sau, ngày 7.5.1999, tai nạn đất rơi đã khiến một người thợ của hầm mới này chết ngay tại chỗ, trong khi

ông chủ hầm kia đã ra Đà Nẵng cách đó mấy hôm. Là chủ đất, Xuân đành phải vay mượn, gom góp được 10 triệu đồng để người bị nạn được bạn bè anh ta đưa về quê an táng. Dù chịu bỏ tiền ra, song cho đến lúc bị công an mời lên, Xuân vẫn ngỡ ra, không hề biết nạn nhân tên gì cả. Bãi vàng là thế, cái đáng quan tâm là vàng, đâu phải là số phận một con người (?!).

Rải rác quanh các lối mòn vào bãi, tôi đã gặp cơ man những phần mộ vô danh như thế. Số lượng mồ mả có tên và không tên được đắp sơ sài cứ ngày một dày lên, nhiều lên, lẫn vào các lùm cây bụi cỏ, lẫn vào mưa nắng và sự khốn khổ của một kiếp tìm vàng. Vượt qua những chân dốc đầy mồ hoang tham vọng ấy, hàng ngàn hàng vạn con người lại tiếp tục bạt núi, xuyên rừng lần đến bãi vàng, không thềm đếm xỉa đến một ngày chính họ cũng sẽ góp thêm cho núi hoang rừng trọc một nấm mồ hoang không hương khói. Đào vàng là phạm pháp, nhưng chưa có sự trừng phạt của luật pháp, những phận người tôi gặp cũng đã đủ cơ cực, khốn khổ lắm rồi. Chia tay, tôi cứ bị ám ảnh bởi tiếng anh thợ Nguyễn Văn Tân nói gần như khóc:

– Anh thông cảm, đừng chê bọn tôi lỗ mãng. Đã mò vào đây, có đứa nào dám nghĩ mình là một con người nữa đâu(!).

Theo yêu cầu của công an huyện, chủ bãi Nguyễn Văn Xuân dành tạm gác công việc đào đãi để về tường trình vụ tai nạn tại hầm của anh. Theo chân Xuân và những người công an, tôi cũng hạ sơn trở lại đồng bằng. Đến trước ủy ban nhân dân xã Phước Thành, chúng tôi ghé lại quán nước của Diễm, cô gái 25 tuổi có đôi mắt buồn và đẹp - người mà tôi đã có dịp làm quen trước đó gần chục hôm. Tôi hỏi em, vì lẽ gì mà lại bỏ đồng bằng tìm đến tận đây, miền sơn cước hoang dã, có tìm đồ mắt cũng không kiếm được một tâm hồn biết trân trọng một đôi mắt đẹp. Em đáp gọn lỏn:

– Mưu sinh!

Chao ôi, đồng tiền ma lực quá. Xin cam đoan, ở Phước Sơn, chính tiền và vàng mới là sức mạnh vô địch để con người bạt núi xẻ rừng chứ hoàn toàn không phải tình yêu. Nhưng khi biết chúng tôi sắp rời bãi vàng, vẻ bất cần của Diễm hầu như biến mất. Rất yếu đuối, em hỏi tôi một câu tối nghĩa:

– Tại sao các anh lại về?

Không đợi tôi trả lời, mà thực ra hỏi chỉ để mà hỏi chứ em đâu cần tôi phải trả lời, giọng Diễm chùng đi trong một câu trách móc:

– Ai cũng rửa, lên rồi lại về, có ai chịu ở lại với ai đâu?

Nhoi nhói trong lòng, tôi đi cúi mặt. Được một quãng xa, ngoái lại tôi vẫn thấy Diễm tần ngần ôm cột quán trông theo. Mắt em hun hút, tiếc rằng đôi mắt ấy không dành cho tôi, không dành cho Xuân, không dành cho bất cứ ai trong đoàn người đang sắp rời khỏi vùng vàng. Ráo hoảnh và xa vắng, tôi biết đôi mắt ấy đang đau đáu dõi theo lắm lùi một kiếp người.

Tự nhiên tôi lại nghĩ đến con số gần một vạn người hiện đang đứng nghiêng ngả giữa lằn ranh mong manh của sự sống và cái chết, của lương thiện và tội lỗi, của sự tàn phá và nghiện ngập. Con số một vạn ấy, tôi nghĩ đã quá đủ để lương tâm buốt nhức, đủ để nghĩ đến việc thay đổi hoặc đề ra một chính sách phù hợp với thực tế vùng vàng.

Trên đường trở lại đồng bằng, tôi bắt gặp một nhóm năm, sáu người ngoại quốc, cả đàn ông lẫn đàn bà đang đi ngược về phía núi. Hỏi ra mới biết, họ là những người Mỹ thuộc tổ chức POW/MIA đang ngược đường lên Trường Sơn tìm kiếm hài cốt những binh sĩ Mỹ chết và mất tích trong chiến tranh. Họ đi mà không nói năng gì, chỉ lầm lũi bước, trên lưng là ba lô hàng to như... quả núi, nặng trĩu. Hiển nhiên thôi, mang cả một quá khứ trên lưng thì nặng phải biết. Rồi 10 năm, 20 năm và lâu hơn thế nữa, sẽ có bao nhiêu người mẹ, người vợ, người con trên đất Việt Nam thân yêu của tôi sẽ phải quay lại chốn này để tìm người thân của họ, cũng đã bỏ mình nhưng là vì một cuộc chiến khác, cuộc chiến vì vàng, cuộc chiến chống lại chính bản thân mình! Tôi không biết, không trả lời được, chỉ nghe trong lồng ngực trái tim nặng trĩu đập nhoi nhói.

Người ta bảo:

Trường Sơn Đông nắng Tây mưa.

Ai chưa đến đó như chưa hiểu mình

Lần theo một câu thơ, một khúc hát, tôi đã đến được đầu nguồn Đắk Mỹ, đã đặt chân đến bãi vàng, đã đến được với Trường Sơn; mà sao suốt dọc đường về, lòng vẫn tấu vô hồi những khúc ca không quen biết. Đây hoang mang tôi cứ tự hỏi: không biết mình có hiểu nổi mình không?

Phước Sơn, tháng 5.1999

Table of Contents

[Đề từ](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)